



VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



TRONG SỐ NÀY

NGUYỄN VY KHANH • TRẦN VĂN TÍCH • NGUYỄN MINH TRIẾT
• NGUYỄN HÒA TRƯỚC • NGÔ NGUYÊN NGHIỆM • HOÀNG
XUÂN SƠN • CHU THỤY NGUYÊN • CHU VƯƠNG MIỆN & M.
LOAN HOA SỬ • NGUYỄN KIẾN THIẾT • NGUYỄN TRUNG GIANG
• HÀ NGUYÊN DU • LÊ MỘNG NGUYÊN • ĐỨC PHỔ • NGUYỄN
MINH NỮ • LÂM HẢO DUNG • HUỲNH LIỄU NGẠN • NGUYỄN
KHÔI VIỆT • NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI • NGUYỄN ĐÌNH TỬ LAM
• TRẦN HẠ VI • SCOTT NGUYEN • SA CHI LỆ • VIÊN DUNG •
LÊ HỮU MINH TOÁN • PHAN HẠ DU • NP PHAN • DƯ ĐĂNG
DUY • TÔN NỮ MỸ HẠNH • NGỰ THUYẾT • NGUYỄN LƯƠNG BA
• PHAN CÔNG QUAN • NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN • THUẬN
TÌNH • HUỲNH VIỆT TỬ • MÃ LAM • TIỂU LỤC THẦN PHONG
• LÊ CHIẾU GIANG • HỒ XOA • TRẦN DANH THỦY • LÊ VĂN
HIẾU • LÊ TUYẾT LAN •

THÁNG 4 • NĂM 2022 • SỐ

17



PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG / SỐ (1 NĂM 6 SỐ) Năm thứ VI

Điều hành: HÀ NGUYỄN DU

**Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Thư ký & Bản thảo : Bạch Xuân Phở
Kỹ thuật NXB Phạm Hồng Thái**

ISSN 2690 - 4276

**Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gửi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)**

To: HA NGUYEN

**10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821**

**vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
<https://vanhocmoi.com>**

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

Toronto: Nguyễn Vy Khanh <nguyenvykhanh@yahoo.com>

Vancouver BC: Nguyễn Đức Tùng <bachnguyen@shaw.ca>

Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>

USA: Georgia: Đức Phổ <dducpho@gmail.com>

Nguyễn Thị Thảo An <thaoan2009@gmail.com>

Massachusetts: Lâm Chương <lamchuong495@gmail.com>

Louisiana: NgT Hồng Hải <nhattannguyen575@yahoo.com>

Dallas: Nguyễn Lương Ba <bal@nguyen.us>

Houston: Nguyễn Minh Triết <lnnt_2000@yahoo.com>

San Jose: Phạm Hồng Thái <thaihpam@gmail.com>

Paris: Trang Thanh Truc <trangthanhtrucparis@yahoo.fr>

Germany Trần Văn Tích

Số ghi danh Quốc Hội Hoa kỳ: ISSN 2690 - 4276



mục lục

VĂN HỌC MỚI SỐ 17

VĂN HỌC MỚI	7	thư tòa soạn
NGUYỄN VY KHANH	10	các nhà văn học sử tiêu biểu
TRẦN VĂN TÍCH	30	ơn nghĩa y khoa
NGUYỄN MINH TRIẾT	36	nhớ cụ Phan Thanh Giản ...
NGUYỄN HÒA TRƯỚC	54	đà- lạt, nơi đó
NGÔ NGUYÊN NGHIỆM	56	những ngày tháng tuổi ...
HOÀNG XUÂN SƠN	67	tóc sao
CHU THỤY NGUYÊN	68	mùa chim quạ/ ai ngờ ...
CHU VƯƠNG MIỆN & M.Loan	71	nhớ nước/ lại xuân/8 bó ...
NGUYỄN KIẾN THIẾT	74	Ng Vy Khanh và tác phẩm...
NGUYỄN TRUNG GIANG	84	để lại tâm trí xa phía sau
HÀ NGUYÊN DU	91	loạt thơ Hà Nguyên Du
LÊ MỘNG NGUYÊN	107	anh biết, em yêu ... của hnd
ĐỨC PHỔ	116	những chiều / gọi người ...
NGUYỄN MINH NỮ	118	bên bờ kênh tẻ
LÂM HẢO DŨNG	129	tay run ôm nỗi sầu chưa vấ
HUỲNH LIỄU NGẠN	131	bẻ lá về phơi
NGUYỄN KHÔI VIỆT	133	bệnh
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	136	chiều ấy ... / người đi
NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM	145	gia đình nà cá
TRẦN HẠ VI	154	người đàn ông ngồi khóc
SCOTT S NGUYỄN	158	á xẩm
SA CHI LỆ	174	hương vị valentine'/đi ...
VIÊN DUNG	177	mắm ân hạnh/thoi thóp
LÊ HỮU MINH TOÁN	180	nước mắt người vợ lính

PHAN HẠ DU	182	cùng đi lễ chùa/ nắng lang
NP PHAN	185	đoản khúc/gửi lại/khúc
DƯ ĐĂNG DUY	188	thơ /thuở đã lạt vào thu
TÔN NỮ MỸ HẠNH	191	lãng đãng .../niệm khúc
NGỰ THUYẾT	193	mẹ Việt Nam
NGUYỄN LƯƠNG BA	202	vành xe lăn trên đường
PHAN CÔNG QUAN	205	căn nhà/ miệt mài
NG ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN	207	sơn nữ
THUẬN TÌNH	213	tà áo tím
HUỲNH VIỆT TƯ	214	mùa hoa tam giác mạch...
MÃ LAM	219	xuân nhàn mi nghiêng
TIỂU LỤC THẦN PHONG	220	tổng tài bá đạo
LÊ CHIÊU GIANG	225	ly bôi
HỒ XOÀ	226	ngày cho tình yêu
TRẦN DANH THÙY	227	ngày xuân nghe nhạc xuân
LÊ VĂN HIẾU	232	thủy tinh .../anh đã chôn.
LÊ TUYẾT LAN	234	cong /song lang tình
LỜI CẢM TẠ	241	gia đình Dr Trần V Tích
CHIA BUỒN	242	Phu nhân Dr Trần V Tích
CHIA BUỒN	243	nhà văn Huy Phương
GIỚI THIỆU SỐ RA TC VHM	244	12 số vhm đã phát hành
GIỚI THIỆU 4 TÁC PHẨM	245	của hnd
GIỚI THIỆU 2 PHARMACY	246	professional pharmacy
GIỚI THIỆU BÁC SĨ	247	Kelvin Mai
GIỚI THIỆU NXB / VHM	248	sách đã in & phát hành
GIỚI THIỆU CD NHẠC	249	do hnd phổ từ thơ tht

6 * Văn Học Mới số 17 Tháng 4 Năm 2022



THƯ TÒA SOẠN
tạp chí văn học mới

Văn Học Mới số 17 kỳ này là số báo mừng sáng lên từ nỗi niềm lạc quan sau khi cơn mưa đã tạnh, nhường lại ánh bình minh rạng rỡ ban phát cho nhân gian yêu quý ...

Bừng sáng và đứng lên với bước đi vững mạnh hơn vẫn với tiêu chí hệ nhân quả.

Chùm hạnh ngộ vẫn sum sê trên nhánh cành tin yêu thuần tính thiên nhiên không pha trộn với tương tác con người...

Sự đảo lộn trật tự thế giới hiện nay tưởng chừng như trái đất sắp vỡ tung và đạo đức con người cũng tưởng như biến mất, chỉ còn lại nanh vuốt của thế lực toàn cầu. Dĩ nhiên, chúng ta dù có phản biện cách nào cũng phải chấp nhận sự thật là ảnh hưởng đương nhiên khi cùng chung trên con tàu mà bị đắm sóng. Từ đó suy ra, sự ảnh hưởng trên cơ thể người nghệ sĩ, sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tác phẩm họ làm ra .!!

Hỡi này cơn gió chướng
Thối chí cơn cảm mạo.??
Ta không là khỉ, vượn...
Quen chịu đựng cơn đau..
Ta, giống người Yêu Thương.!!
Do ông Trời tác tạo...

Cội nguồn văn hóa của chúng ta được sáng tạo ra từ các bậc tiền nhân, bậc thánh hiền ... Khỗi tinh hoa sáng ngời mà các vị để lại, con cháu chúng ta có quá nhiều kẻ vì không chút thậm thẩu mà gây ảnh hưởng trầm trọng đến xã hội, người chung quanh từ đời này sang đời khác:

Nước càng SÂU càng TĨNH
Người càng HIỂU BIẾT càng KHIÊM NHƯỜNG

Đi ngược lại với căn bản của tinh hoa văn hóa trên, là nguồn gốc của mọi sinh sự. Tạo ra giống người rất nguy hiểm cho xã hội với tính cực đoan, tự cao tự đại, ngông cuồng với thứ văn hóa ngoại lai mang tính đối cực kỳ thị .!!

Tôi thích nhất quan niệm “văn dĩ tải đạo” mặc dù của thời phong kiến, nhưng vẫn sáng ngời đến thời văn chương chữ nghĩa trước thời hiện đại, được thực hiện một cách triệt để và sâu sắc từ Nguyễn Đình Chiểu qua tác phẩm “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”

Nghĩ về thời của chúng ta, khi tôi thật sự không cứng ngắt với quan niệm văn dĩ tải đạo, tuy nhiên khi đọc đâu đó một tác phẩm mà không thấy tác giả chú trọng đến việc “nhổ cỏ cho lúa lên xanh” hay “tĩa ác gieo thiện”, thì tôi hầu như không thấy tác phẩm đó hay ho ở chỗ nào.!?

Dong dài với một chút lý vụn cùng quý thân hữu và bạn đọc ... Trở lại với “Văn Học Mới số 16 Xuân 2022” vừa mới qua, tôi chân thành cảm ơn một số tác giả chỉ ra một vài sơ sót, những sơ sót nếu không xảy ra do tôi bị cơn cảm cúm thường của đất trời đã kéo dài cả tháng trong tôi, thì chắc nó bình thường chứ không đến nỗi như vậy. Tôi cảm ơn vô cùng những cảm thông của quý cộng tác viên và chân thành xin lỗi về một vài sơ sót ấy đã qua!!

Văn Học Mới số 17 rơi vào tháng 2 đến tháng tư thuộc mùa Hạ của thiên nhiên, nhưng là mùa Hạ của đầy tang tóc bi thảm trên quê hương đất nước do ngày bức tử hay đứt phím, hạ màn giữa chừng... Từ bàn tay phi nhân của ngoại bang luôn gieo rắc trên đất nước nhược tiểu của chúng ta hằng bao thế kỷ. Là người Việt Nam không ai mà quên được *ngày 30 tháng tư, ngày của mất mát tài sản, mất người thân, mất quê hương...*

Ôi ... Mất tất cả!!

Đưa đến bao triệu người chết trên rừng trên biển và trôi dạt khắp nơi trên thế giới trong thân phận kẻ lưu vong hay người tị nạn Cộng sản...

Và nay, chúng ta hẳn đã khẳng định một cách mạnh mẽ về dòng Văn Học Hải Ngoại hay dòng Văn Học Ngoài Nước.

Một dòng “*Văn Học Con Người*” cũng được thai nghén “*9 tháng 10 ngày*” và được sinh ra bình thường. Cùng lớn lên và trưởng thành trong môi trường giáo dục nên người tốt, phụng sự cho quốc gia, chủng dân tộc.

Mọi bài bác của những kẻ bát nháo, chỉ là những tên hề của sân khấu ngoại lai phi nhân tính. Chỉ mang lại cho chúng ta mạnh thêm tính khẳng định về niềm tự hào dân tộc sinh ra từ nguồn gốc nhân bản.!!

Kính chúc quý thi văn hữu, quý bạn đọc luôn an vui, mạnh khỏe suốt bốn mùa của trời đất... Nhất là quý vị luôn có được nguồn cảm hứng bất tận để sinh ra những đứa con tinh thần đẹp trai đẹp gái. Sau đó gởi thông tin vui về ấy đến Văn Học Mới làm nhiệm vụ giới thiệu đến bà con làng nước văn học chia sẻ niềm vui ấy của quý vị...

Văn Học Mới
Trân trọng

NGUYỄN VY KHANH

Các nhà văn học sử tiêu biểu

Lịch sử văn học Việt-Nam từ Dương Quảng Hàm với *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* (1941) cho đến cuối thế kỷ XX, thường được viết theo quan điểm **ngôn ngữ văn học**. Phương pháp thứ hai viết lịch sử văn học theo **khuyňh hướng tư tưởng** tức **nội dung của tác phẩm**, từ Kiều Thanh Quế (Cuộc Tiến Hóa Văn Học Việt Nam, 1943), Nghiêm Toàn (*Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, 1949).

Thời văn-học miền Nam 1954-1975 bộ môn biên-khảo văn-học, lý luận và phê bình văn-chương đã nở rộ như chưa từng và có nhiều điểm đáng ghi nhận. Trước hết có hiện diện thật đa dạng của nhiều khuyňh hướng, quan điểm học thuật, triết lý, thẩm mỹ học khác nhau, bên cạnh một số tranh luận tư tưởng, học thuyết. Tinh thần khai phóng sinh động bên cạnh bảo thủ, lý thuyết, ... Thứ nữa, biên khảo, lý luận phê bình văn học và sáng tác thực sự đã có những ảnh hưởng hỗ tương (văn chương hiện sinh, siêu thực nghệ thuật đen, cấu trúc, tiểu thuyết mới, ...). Thời này đã có một số công trình biên-khảo đáng kể, tất cả là do cá nhân biên soạn và xuất-bản; không có chỉ đạo, điều động từ phía chính quyền hay Bộ Văn-hóa hoặc Giáo dục, nếu có là những giải thưởng cuối năm cho các bộ môn biên-khảo, nghị luận cũng như sáng-tác thơ văn! Từ cuối thập niên 1960, Trung tâm Học liệu thuộc Bộ Giáo dục được tổ chức và đã trợ cấp cùng xuất-bản một số tài liệu văn-học và nghiên cứu, hiệu đính văn-chương phần lớn từ các tác-phẩm chữ Hán và

Nôm, bên cạnh việc xuất-bản các dịch phẩm văn-học Âu Mỹ. Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn-hóa có chính sách trợ cấp và hỗ trợ xuất-bản nhưng chú trọng nhiều hơn đến tác-phẩm biên-khảo và dịch-thuật văn triết học, sử địa cổ và thư tịch của Việt-Nam. Thời Việt Nam hải ngoại ngành văn học sử đã có sự tiếp nối và hồi sinh nhưng theo thiên ý vẫn chưa hẳn hoàn toàn nghiêm chỉnh học thuật. Sau đây, chúng tôi ghi lại một số tên tuổi quan-trọng trong số các nhà văn học sử tiêu biểu.

Đặng Tiến

Đặng Tiến sinh ngày 30-3-1940 tại Hòa Vang, Quảng Nam, viết phê-bình văn-học và điểm sách từ đầu thập niên 1960 trên *Tin Sách* rồi *Mai*, *Văn* và *Bách Khoa*, từ 1966 sống ở ngoài nước vẫn tiếp tục viết nhận định và phê-bình văn-học Việt-Nam. Tác-phẩm duy nhất xuất-bản trước 1975 là *Vũ Trụ Thơ* (‘tiểu luận thi ca’, Giao Điểm, 1972) viết về Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng. Phê bình hiện đại, cập nhật, tổng kết hơn là theo trường phái nào rõ rệt, ông đặc-biệt sử-dụng Hiện sinh cho phê-bình văn-học, ngoài ra phần lớn bài viết trên các tạp-chí chưa được xuất-bản, có thể ghi lại một số bài: “Gặp gỡ giữa Ôn Như Hầu và Camus” (*Văn*, số 2, 15-1-1964), “Hạnh phúc trong tác-phẩm Nhất Linh” (*Văn* số 37, 1-7-1965), “Nữ tính trong ngôn-ngữ Nhã Ca” (*Văn*, số 35, 1-6-1965), loạt bài “Thơ là gì?” (*Văn*, 1973) dùng lý thuyết ngôn ngữ thi ca của Jakobson,... [Năm 2008, Thư Ấn Quán ở Hoa-Kỳ xuất-bản *Vũ Trụ Thơ* tập II “Thơ miền Nam trong thời chiến” và năm 2009, nhà Phụ Nữ ở Hà-Nội xuất-bản tập *Thơ – Thi Pháp & Chân Dung* như tổng quan, nhận định lý thuyết và áp dụng về thi-ca của ông].

Trong *Vũ Trụ Thơ*, Đặng Tiến phân tích thơ Đinh Hùng: “Đặc tính của thế giới Đinh Hùng là một thành tố đều được hòa giải; khí hậu tình tự giải tỏa những mâu thuẫn biện chứng, không còn sự khác biệt giữa người-nhìn-vũ-trụ và vũ-trụ-được-nhìn, giữa tâm giới và ngoại giới, giữa bản ngã và vô ngã, giữa thực thể và vô thể, giữa tôi và tha nhân, giữa tình-yêu và tình nhân; trong thế giới đó, tôi là rừng núi, rừng núi là tình yêu, tình yêu là Em,

Em là mùa Thu, mùa Thu là cơn mưa, cơn mưa là một dòng chữ, dòng chữ là tôi. Chữ tôi đã bao hàm cái không phải tôi, nhưng chủ thể không mâu thuẫn với khách thể vì tất cả chưa đạt tới những hình thể đủ cứng rắn để va chạm. Trong hư cấu của Đinh Hùng, sự vật là những nhu hình tương giao với nhau, thu hút vào nhau trong từ trường ngôn ngữ. Một hư cấu nằm ngoài vận chuyển biện chứng...” (Thư Ấn Quán tb 2008, tr. 127-128).

Khi viết về phi lý của cuộc đời qua số phận bi đát của Thúy Kiều, Đặng Tiến cho rằng sự phi lý không bắt đầu từ khi Kiều gặp gia biến, mà đã hiện hữu ngay khi con người là nàng, đã tình cờ, ngẫu nhiên bị ném vào giữa cuộc đời này: “Cuộc sống trước hết là một thực trạng phi lý. Điều đó nhiều người nói rồi, nhưng nhiều người khác của hậu thế cũng sẽ còn nói nữa. Không phải cuộc sống lênh đènh của Thúy Kiều, của Nguyễn Du là phi lý, nhưng tất cả mọi cuộc sống đều phi lý “Không có cuộc sống nào đáng sống cả, lỡ sống thì phải chấp nhận cuộc sống”, nói như một nhân vật kịch Vũ Khắc Khoan. Không phải khi gặp gia biến Thúy Kiều mới sống bi thảm; trước đó lần đầu tiên chọn phím đàn, nàng đã chọn cung bậc mệnh, vì cuộc đời một cách tiên thiên, là một thảm kịch. Sự hiện hữu đã phi lý từ khi hai tinh trùng gặp nhau, và nếu chúng không gặp nhau, thì lại càng phi lý hơn nữa. Nỗi đoạn trường thật sự không chấm dứt sau mười lăm năm lưu lạc, Thúy Kiều ý thức sâu sắc điều đó nên không tái hợp với chàng Kim, vì đổi một phi lý cô đơn lấy một phi lý lứa đôi chỉ làm việc chống một thảm kịch này lên thảm kịch khác. Cuộc đời khi chấm dứt vẫn không chấm dứt được được thảm kịch ý thức: sự phi lý vẫn còn trương phình ra đấy. Nếu xem sự cấu tạo và hình thành cuộc sống như một ngẫu nhiên thì con người là một nô lệ. Nào phải một mình Thúy Kiều nô lệ cho số mệnh đa đoan, con người nói chung đều nô lệ, chỉ khác ở mức độ sáng suốt và can đảm của ý thức. Néron chắc phải chán nản lắm mới đốt thành La-mã để mà chơi! Con người chấp nhận có một Thượng đế, một Thượng đế không toàn chân, toàn thiện và toàn mỹ nhưng lại toàn năng. Thảm khốc là chỗ đó. Con người trước Thượng đế không những không được chọn lựa cuộc sống mà còn không được chọn lựa cái chết. Thúy Kiều hiện thân con người bị bắt buộc phải sống, và phải sống trong

cuộc khổ sai vô vọng. Thà không có Thượng đế còn hơn có một trời xanh ghen với khách má hồng. Kiều tha cho Hoạn Thư không phải vì họ Hoạn khôn ngoan, nhưng đến Trời Đất còn ghen với kẻ tài tình thì trách chi một Hoạn Thư đã kém tài sắc lại bị cướp chồng” (“Nguyễn Du, nghệ thuật như một chiến thắng”. Sđd, tr. 19-20). Ông xem cuộc đời lưu lạc, đốn đau của nàng Kiều là “*vận chuyển biến chứng giữa hiện hữu và hư vô tạo tâm trạng lưu đầy như một hợp đề: ý thức lưu đầy là một ý thức không có tương quan. Giật mình mình lại thương mình xót xa... Khi sao phong gấm... Giờ sao tan tác... Mặt sao dày dạn... Thân sao bướm chán... Phút giật mình là phút bừng tỉnh của ý thức trước một thế giới vô nghĩa. Con người lạc loài, xa lạ, chia lìa khỏi ngoại cảnh, và tự tra tấn, tự đọa đầy để nguy tạo một ý nghĩa cho hiện hữu*” (Sđd, tr. 22). Lưu đầy, phi lý, hiện hữu, chủ thể, biến chứng, ... là những ý niệm thời thượng nhưng được Đặng Tiến sử-dụng để đi sâu vào cái bên trong của nhân-vật và để cắt nghĩa (hoặc chỉ nêu vấn-đề) cho các biến cố, tình cờ từ bên ngoài.

Nhà phê-bình Đặng Tiến sâu sắc một cách đặc-biệt về thơ, tổng quan về thể-loại và các tác-giả, tác-phẩm thi ca. Về phần các tiểu luận về các đề tài và thể-loại khác của ông vào thời văn-học miền Nam được người đọc ưa thích có thể nói đến bài “*Hạnh phúc trong tác-phẩm Nhất Linh*” đăng trên tạp-chí Văn số 37 (1-7-1965, tr. 95-118). Từ khởi điểm “*Hạnh phúc là một cảm giác, là một chiều hướng; trước khi là một quan niệm. Và quan niệm hạnh phúc, trong mỗi người là nguồn gốc của thái độ nhân sinh; nói khác đi, nhân sinh quan không phải là tổng số, mà là hàm số của cảm giác*”, Đặng Tiến đã phân tích: “*Trong tâm hồn Nhất Linh, và giới trí thức tân học thời đó, khuynh hướng vô ngã của Đông phương đã cọ xát với cá nhân chủ nghĩa sôi nổi của Tây phương, cái nhìn viên hoạc hiếu hoà của Lão Trang, phải thử thách với sinh lực hiếu động của Nietzsche. Cuộc hôn phối ngang trái giữa hai nguồn tư tưởng ngược chiều này đã tạo ra hạnh phúc diễm lệ trong tác phẩm Nhất Linh. Hạnh phúc theo Lão Trang là thái độ vô vi; trái lại Gide chủ trương tra tấn cuộc đời mới chiếm đoạt được hạnh phúc, thử hạnh phúc toàn diện, tuyệt đối xây dựng trên một số mệnh được khắc phục. Trực tiếp hay gián tiếp, Nhất*

Linh học được của Gide giá trị của cảm giác, phương pháp khai thác, phát triển ngũ quan để tiếp nhận, để tận hưởng hương vị của trần thế. Nhất Linh học của Tây phương lối hưởng thụ tự do, ngoài sự ràng buộc của hôn nhân, những ràng buộc sẽ làm tê liệt cảm giác, giam hãm tâm trí, đầy đoạ thời gian”. Con người của tác-giả như vậy cho nên “Hạnh phúc của Nhất Linh tạo cảm giác vô cùng trong phạm vi hữu hạn, là trồng một loài hoa đẹp trên một mảnh đất xấu. Nói khác đi, Nhất Linh không sống trong một thời gian, thì dĩ nhiên cũng không sống trong cái giới hạn của thời gian; ông làm sống thời gian trong lòng mình, và lòng Nhất Linh là một vô hạn, ông làm sống thời gian trong sự đợi chờ; và điểm tinh vi trong nghệ thuật sống của nhân vật Nhất Linh là chờ mà không đợi. Nhất Linh chờ một đối tượng, không phải vì cái đối tượng đó, mà vì cái thú đợi chờ”.

Ông phân tích: “Hạnh phúc trong tác phẩm Nhất Linh là những sợ tơ lấp lánh mà trong Đồi Bạ Nhất Linh gọi là những sợi tơ vừa tan đi cùng ánh sáng. Hơi thở của Nhất Linh đã truyền cái khí hậu nồng ấm của Gide vào không gian tê tái của Tolstoi, đã làm tan phần bướm Trang Chu vào cõi chân không tịch mịch. Trên những kinh nghiệm của ý thức và tâm cảm đó, Nhất Linh tạo một thú hạnh phúc vừa với vóc dáng mình, cái vóc dáng trong một không gian không hoàn mỹ, một thời gian không vĩnh cửu và một nhân gian không toàn thiện. Như người thợ may tinh tế kia suốt đời chỉ may có một tấm áo lụa mỏng phong phanh, một chiếc áo cho chính bản thân. Người đời sau đừng nên cho rằng nghệ thuật sống đó chỉ phù hợp với Nhất Linh, với những điều kiện tinh thần và thể chất của riêng một Nhất Linh. Hay của một thời đại. Vì đó cũng chính là điều Nhất Linh muốn truyền đạt.

Những gì siêu việt nhất trong nghệ thuật sống của Nhất Linh nép trong kinh nghiệm tâm thường này: co giãn tự nhiên, hỗn nhiên, và thân nhiên. Thân nhiên, hỗn nhiên, tự nhiên tôi muốn nghe lặp lại ngàn lần lời nói từ đỉnh núi vọi vọi của thời đại vọng đi. Tôi muốn nhắc lại với thâm tâm tôi rằng thâm kịch của cô Loan trong Đoạn Tuyệt không phải ở sự tranh chấp giữa hai xã hội mới và cũ như người ta thường hiểu, mà ở một điểm mâu thuẫn ở nội tâm mà Loan không giải quyết được lúc vào đời. Loan, đối với bản

thân Nhất Linh, là sự đoạn tuyệt các giằng co, Loan là giai đoạn con tằm trở thành bướm trắng bay tự nhiên. Từ Đồi Bạt Loan bay hồn nhiên, bay thản nhiên trong vòm trời hạnh phúc.

Hạnh phúc của một loài bướm không tên bay qua không gian, bay qua thời gian, bay qua nhân gian, hay chính là cái không gian, cái thời gian và cái nhân gian đó. Bao giờ con Bướm Trắng bay đến hư vô thì hư vô sẽ là hạnh phúc. Con bướm trắng một đêm khuya đã bay vào phòng tôi, qua khung cửa sổ bỏ quên. Bên này triển cửa sổ là hạnh phúc nhỏ bé của căn phòng; bên kia là Nhất Linh...”

Các nhận định văn-học của Đặng Tiến đã đưa người đọc từ giữa thập niên 1960 vào một thế-giới phê-bình đặc-biệt đầy tính sáng tạo văn-chương mà cũng đầy tính thuyết phục.

Đỗ Long Vân

Sinh năm 1934 tại Hà-Nội và mất tháng 8-1997 tại Sài-Gòn, du học Pháp về lại Việt-Nam năm 1962 làm giáo-sư đại học Sài-Gòn, Huế và Đà-Lạt, ông là nhà phê-bình đã sử-dụng thuyết Cơ Cấu Luận để phân tích văn-chương và đã xuất-bản 2 tập *Vô Kỵ Giữa Chúng Ta hay là Hiện-Tượng Kim Dung* (Trình Bầy, 1967) và *Nguồn Nước Ấn của Hồ Xuân Hương* (Trình Bầy, 1966; đã đăng *Văn Học* số 108, 1970) cùng một số ít bài viết đăng các tạp-chí:

Nghiên Cứu Văn Học (“Văn-học của những tình thế cực đoan”, số 4, 3-1968); “Thủ phác họa một bản đồ của địa ngục theo Chế Lan Viên” (*Nghiên Cứu Văn Học*, số 6, 7-1968 & 7, 7-1968), đăng (gọn) lại *Văn Học* số 189, 10-8-1974); *Kỹ thuật tả chân của Vũ Trọng Phụng* (số 5, 5-1968);

- Tạp-chí *Trình Bầy* (“Kỹ thuật tả chân của Vũ Trọng Phụng trong *Số Đỏ*”, *Bản Tin Trình Bầy*, 2, 10-1966; “Thảo luận về thực tại trong tiểu-thuyết tả chân- trường hợp Vũ Trọng Phụng, vai trò của tiểu-thuyết hiện thực cái xấu trong hoàn cảnh hiện nay” *Bản Tin Trình Bầy*, số 5, 12-1966; đăng lại trên *Nghiên Cứu Văn Học*, số 1, 11-1967);

- *Đất Nước* (“Vô Kỵ Giữa Chúng Ta”, số 2, 12-1967);

- *Hành Trình “Khuôn Mặt hay tâm sự tiểu tư sản trong Thanh Tâm Tuyền”*, số 5, 2-1965), cùng tuần báo *Nghệ Thuật*, v.v.

“Nhân một kinh-nghệm thơ” là bài viết đầu tiên đăng tạp-chí *Đại Học* (số 31, 2-1963), sau có bài “*Thơ trong cõi người ta*” (*Văn Học* (số 99, 1969), “*Truyện Kiều ABC*”, ...

Đỗ Long Vân dùng phương pháp mới, cấu trúc luận, từ thập niên 1960 khai tử tác giả, chỉ nhắm văn bản, cấu trúc của tác phẩm là cái xuất hiện trí thức của tác giả, của con người. Phương pháp chống nhân bản, có thể đưa đến phong trào sinh viên 1968, chống chiến tranh Việt Nam và đưa đến phong trào “tiểu thuyết mới” chủ trì cái chết của tác giả. Người viết mang mặt nạ, cũng là thời của tiểu thuyết thực nghiệm (experimental novels), tiểu thuyết phá thể - gốc gác, dấu vết triết học Marx đặt nặng vai trò sản xuất và vai trò của nó trong lịch sử.

Đỗ Long Vân đã đi tìm “con đường tơ lụa” trong *Kiều* và tìm dấu ấn ngôn ngữ giúp tìm dấu vết con người trong *Nguồn Nước Ẩn Trong Thơ Hồ Xuân Hương*. Ông mở đầu tiểu luận như sau: “*Người ta có thể nói rằng mọi vật trong thơ nàng đều chảy nước. Quả mít chín cây cũng như những núi đá. Nước có thể nhiều. Khi thì nước tăn teo như sắp cạn. Ngần ấy nước tuy nhiên đều là nước ở trong ta. Có một dòng thông chảy giữa trong và ngoài sự vật. Lượng của nước tùy sự thông nhau ấy. Sự thông nhau càng lớn, nước càng to, cái vui của thi sĩ càng nhiều. Và giữa một vùng nước lộn trời thì cái vui ấy, tới cùng độ, được gọi là cực lạc: Một vũng tang thương nước lộn trời. / Bể ải nghìn trùng khôn tát cạn, / Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi. / Nào nào cực lạc là đâu tá? / Cực lạc là đây chín rõ mười!*”

Nước cực lạc ấy của nguồn ân và bể ái chứa chan, là nước rất nhiệm mầu. Khôn tát cạn và cũng như ái và ân nó ở lòng mọi vật trào ra. Hạnh phúc nó cho là của những tấm lòng son đầy và mở, khi, giữa ngoài và trong, ly gián không còn nữa, tất cả chiều sâu rào rạt lộ ra ngoài. Lẽ dĩ nhiên không phải nước nào cũng cho hạnh phúc. Có nước nhiệm mầu thì cũng có nước mĩa mai. Nó rơi lôm bôm. Nó vỗ tông tông. Ấy là nước hang nghĩa là nước rỗng của những hờ đá rỗng. Khi thì nước chết. Trông nó như vẽ. Và nó trắng

xoá và nó phẳng lặng tờ. Mặt phẳng kín ấy, tẻ nhạt và có màu trắng bạc như vôi, là của một thế giới nghèo lòng đã như khoá trái. Nhưng nước nào thì nước và cả sự thiếu nước nữa cũng nhắc đến một chiều sâu. Và tất cả xảy ra như trong Hồ Xuân Hương mọi vật đều giữ một nguồn nước ẩn. Như tấm lòng son của cái bánh trôi là một kết-tinh-thể của đào nguyên” (1966, tr. 7).

Trong bài phê-bình *Khuôn Mặt* của Thanh Tâm Tuyền, Đỗ Long Vân đặt văn-chương trong hoàn cảnh đất nước mà nhóm Hành Trình của ông cho là bí lối giữa các ý thức hệ đang hoành hành: “Quanh tôi, người ta nhón nhác hỏi nhau sao không ai tìm ra một ý thức hệ để chống Cộng và xây dựng xã-hội mới. Câu hỏi thật ngớ ngẩn. Một ý thức hệ không phải một ngày làm ra như một cách nấu ăn. Nhưng có lẽ giờ đã đến lúc người ta phải nhắc lại rằng cả một lớp người đã từ chối ý thức hệ CS không phải để làm ra một ý thức hệ nguy tạo nào khác thế chân, nhưng để trở về một sự vô nghĩa nguyên ủy lên án tất cả những ý thức hệ. Nhưng sự vô nghĩa ấy lại để họ bất lực trước thực tại mà họ không còn một phương tiện trí thức nào nữa để vượt qua và kết quả là họ chỉ còn biết bó tay ngồi nhận cuộc đời (...) Người ta tự biến mình ra một tĩnh vật (...) thâm kích của thời đại này là người ta phải chọn giữa hai ảnh tượng cực đoan ấy của thế giới. Một, theo ý thức hệ, nghĩa là chỉ nhìn thấy ý nghĩa lịch-sử của mọi vật. Một, có thể gọi là tiền ngôn-ngữ nhằm trả lại mọi vật cho cái yên lặng nguyên ủy của chúng. Ấy là 2 mặt của cùng một thực tại. Và trên một phương diện nào, người ta có thể coi cả hai như một cố gắng gây đôi của lý trí để đạt tới một cái biết toàn diện. Khi ý thức hệ CS xuất hiện như cái lý tuyệt đối thì lẽ dĩ nhiên là có những người để chọn cái phần không có lý, cái phần không có nghĩa, cái phần không biết nói ở trên đời. Lịch-sử chia những vai trò. Và đôi khi nó độc ác. Không có gì đáng ngạc nhiên, nếu, những người đã chọn cái phần không có lý ấy cũng là những người, như Thanh Tâm Tuyền, thuộc một giai cấp đang bị lịch-sử vượt qua.

Thế hệ Thanh Tâm Tuyền xuất hiện trước lịch-sử như một lớp người bị cáo. Nhưng đáng lẽ viện những lý do tự mình chứng, thì anh tự chọn như một người không có lý tuyệt đối. Ít nhất thì anh cũng đã chân thực. Sự chân thực ấy lẽ dĩ nhiên cũng chỉ là một

muốn kể khác để có thể phủ nhận tất cả những lý do và cướp lại, một cách căn bản hơn, sự vô tội mà anh cho là đã bị lịch-sử tước đoạt (...) Cái gì người ta có thể chờ ở nghệ-thuật có lẽ không phải là sự xác định một cái phần muôn thuở lúc nào cũng ở đó, và, dù sao cũng chỉ là một mẫu của thực tại mà là sự trình bày những cơ thức của sự vong thân ấy, của sự bóc lột ấy, của sự oan uổng ấy cho mọi người có thể thấy và tự giải phóng. Ngoài ra thì tội và vô tội, nghĩa là vô nghĩa, lý và phi lý, ngôn-ngữ và thực thể, những bộ đội thù nghịch ấy chỉ là những ảo giác của một thế-giới gây. Thanh Tâm Tuyền đã sống sự gây đó ấy, anh không tìm cách giấu diếm nó sau cái giả tự nhiên, giả lương thiện, giả nhân loại mà số lớn chúng ta vẫn còn nín lấy để ẩn mình, và chính vì thế mà đối với chúng ta, tác-phẩm của anh có ý nghĩa và giá trị” (Bđd, Hành Trình, số 5, tr. 83-86).

Tất cả đã là những tiểu luận văn chương đặc-sắc của giai đoạn văn học miền Nam này, đã khai mở một thể-loại phê-bình tác-phẩm văn-chương vừa *tân kỳ* vừa đầy tính *sáng tạo*.

Lm. Thanh Lăng

Linh mục, tên thật Đinh Xuân Nguyên, sinh ngày 23-12-1924 tại Nga Sơn, Thanh Hoá. Năm 1936 vào chủng viện Ba Làng, năm 1945 đậu Tú tài, năm 1947 vào học Đại chủng viện Xuân Bích Hà-Nội. Đến 1949 giáo phận Thanh Hóa gởi qua Roma học Trường Truyền giáo và được thụ phong linh mục tại đây ngày 20-12-1953. Sau đó ông du học Thụy Sĩ, đậu cử nhân Thần học và Tiến sĩ văn chương Fribourg năm 1956 với luận án *Apport français dans la littérature vietnamienne, 1651-1945* (NXB Xã-Hội, 1961). Năm 1957, hồi hương về miền Nam Việt Nam, làm giáo sư tiểu chủng viện Tân Thanh ở Bảo Lộc rồi giảng dạy các Đại học Văn khoa Sài-Gòn và Văn khoa Huế. Từng giữ nhiều chức vụ về văn hoá, giáo dục như: Trưởng ban Văn Chương Quốc Âm tại đại học Văn khoa Sài Gòn, Chủ tịch Trung tâm Văn bút Việt Nam (PenClub), Hội viên Ủy ban Điện chế văn tự thuộc Bộ Văn Hóa, Hội viên Hội đồng văn hoá giáo dục. Là một nhà nghiên cứu văn-học và ngữ học, trước 1975, ông còn là chủ nhiệm hoặc chủ biên của các tạp chí *Việt Tiến*, *Nghiên Cứu*

Văn Học, Trách Nhiệm,... đồng thời cộng tác thường xuyên với nhiều tạp-chí văn học, nghệ thuật.

Các công trình biên khảo, phê bình và văn-học sử đã xuất bản:

- Bộ Khởi thảo Văn-Học Sử Việt-Nam gồm 2 tập: *Văn-Chương Chữ Nôm Dân* (Hà-Nội, 1953) và *Văn-Chương Bình Dân* (“Văn-học khởi thảo văn chương bình-dân”; Hà-Nội: Phong Trào Văn Hóa, 1954; Văn Hối tái bản, 1957. 222 tr.).

- *Biểu nhất lãm Văn học Cận đại Việt Nam* (2 tập, Tự Do, 1957), với mục-đích “tìm đặt các văn phẩm, các tác-giả vào trong từng “thế hệ sống” tựa vào những sự kiện lịch-sử, xã-hội, kinh tế, chính-trị,..., đã tác động mạnh đến sự phát hiện ra trong một thời-gian cả một đường lối cảm nghĩ chung. Những sự kiện đó thường là “những lực lịch-sử quyết liệt”, là “tìm đặt các nhà văn vào các thế-hệ văn-học để xác định, ở mỗi người, ai là người chỉ đạo, ai là người gieo ảnh-hưởng, và ai chỉ là người a dua, bị cuốn theo trào lưu”. Và phê-bình văn-học là cuộc đi tìm “cái phần chính, cái phần cốt yếu là mớ xẻ ‘con người sinh tồn’ để tìm ra ý nghĩa hiện sống của nó và qua đó, của cả đoàn thể loài người”.

- *Apport francais dans la littérature vietnamienne (1651-1945)*. Sài-Gòn, 1962 (ký Đình-Xuân-Nguyên, Luận án Tiến sĩ Đại học Fribourg Thụy Sĩ; Sài-Gòn: Imprimerie Xã-Hội, 1961).

- *Sách Sổ Sang Chép Các Việc* của Philipphê Bình; Thanh Lăng giới thiệu “tài liệu chữ quốc-ngữ tối cổ chép tay về thế kỷ XVIII” (Viện Đại Học Đà Lạt, 1968).

- *Phê Bình Văn Học Thế Hệ 1932* (2 tập, Phong Trào Văn Hóa, 1972). Theo “*Tại sao xuất-bản?*” như lời mở đầu tập Thượng, LM Thanh Lăng cho biết phải “xuất-bản cấp kỳ 3 trong số 17 tập Lịch-Sử Văn-Học Thế Hệ 1932, do Chúng chỉ Văn-chương Quốc Âm trường Đại Học Văn Khoa cho quay ronéo năm 1966” vì đã bị các ông Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng từng “ăn cắp gần 2 chương đầu tập 1A của Bộ (này) đem xuất-bản thành sách nhan đề là *Việt-Nam Thi Nhân Tiền Chiến*” (tr. 1) (1968) [và *Khuynh Hướng Thi Ca Tiền Chiến*, 1969] dù đã có bản mới cập nhật từ 1966 đến 1972, và vì do quảng cáo của cùng nhà Sống Mới sẽ in “*Biển cổ văn-học Việt-Nam qua 9 cuộc*

bút chiến thời tiền chiến” - cũng là nội-dung văn bản Bộ *Phê Bình Văn Học Thế Hệ 1932* *Phê Bình Văn Học Thế Hệ 1932* này. Ngày 22-9-1972, Tòa Sơ Thẩm Sài-Gòn tuyên án hai ông Phan Canh Và Nguyễn Tấn Long vi phạm tác quyền và bồi thường LM Thanh Lãng ‘một đồng danh dự’ (X. “Bài Bạt ‘Tôi đi hầu Tòa’”, Tập Hạ, tr. 543).

- *Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam* (“trình bày và trích tuyển”) gồm 2 tập do NXB Trình Bầy in năm 1967 trong Tủ sách Đại-học: Quyển thượng: Nền văn học cổ điển (từ thế-kỷ XIII đến 1862); Quyển hạ: Ba thế hệ của nền văn học mới (1862 đến 1945) (“Tài liệu giáo khoa dành cho sinh viên Dự Bị Việt Đại Cương Đại Học Văn khoa Sài-Gòn. Niên khóa 1966-1967”).

- *Lịch Sử Tiểu Thuyết VN (1932-1945)* tài liệu học tập đại học Văn khoa Sài-Gòn in ronéo, 3 tập, 1964.

Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam sử-dụng **phương pháp thế hệ** để phân chặng văn-học sử, như dựa theo cuộc đời, thân phận nàng Thúy Kiều, đã chia văn học Việt Nam thành 7 thời kỳ trôi nổi: 1-Thế hệ những người cùng thời Nguyễn Du (1788-1820); 2-Thế hệ Nguyễn Công Trứ (1820-1862); 3-Thế hệ Chu Mạnh Trinh (1862-1913); 4-Thế hệ Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh (1913-1932) 5-Thế hệ Tự Lực Văn Đoàn (1932-1945); 6-Thế hệ sau 45; 7-Thế hệ sau 54: “*Kiểu đầu thai. Ở miền Bắc nàng bỗng trở thành một cô gái vô sản, là hiện thân của hàng triệu phụ nữ Việt Nam bị các thế lực phong kiến và bọn địa chủ đàn áp bóc lột. Ở Miền Nam, nàng là một cô gái hiện sinh dám dẫn thân, dù suốt mười lăm năm là những tháng ngày buồn nôn. Và hai nàng Nam và Bắc hơn 20 năm gườm gườm nhau, chửi bới nhau không thương tiếc!*”

Khởi đi từ quan điểm văn học Việt Nam là một, qua nhiều thời kỳ và văn tự sử-dụng, LM Thanh Lãng dùng phương pháp phân chia thời kỳ văn học theo **thế hệ văn-chương**, khởi từ năm 1862 và từ miền Nam, và biên khảo của ông đặt nặng việc sử-dụng **văn bản**. Với văn bản, ông chứng minh đã có một nền văn học Thiên Chúa giáo, sự đóng góp này có thật, nhất là với chữ quốc ngữ. Khởi sinh từ Nhà Chung và miền Nam, nền văn học chữ quốc ngữ Việt Nam như khác hướng đi với nền văn học

từ đất văn vật ảnh hưởng nho giáo hình thức và nặng nề.

Ngoài ra, trong quyển Hạ của bộ *Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam* (“ba thế hệ của nền văn-học mới, 1862 đến 1945”; Trình Bầy, 1967), ông khai triển thêm quan niệm “*Ý hướng*” và *phân chia các tác-giả thời trước 1945 theo một số ý hướng như đấu tranh, tình cảm, thi vị, truyền kì, hồi ký, hài biếm, phong tục và tả thực. Bảng Lược Đồ ...* đặt nền tảng cho toàn bộ lý thuyết văn học sử của linh-mục dựa trên quan niệm “văn học là một sinh hoạt, một cuộc sống” và nó cũng “động đậy, thăng trầm hơn cả cuộc sống con người (Tập 1. PTVH, 1967, tr. 21).

Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam có những ấn-bản khác đã được xuất-bản trước bộ mang tên này và phân chia theo thế hệ văn-học, như là sơ-thảo. Đó là bộ *Văn-Học Việt-Nam* gồm nhiều tập, 2 tập đầu đã xuất-bản, các tập sau in ronéo như tài liệu học tập các chứng chỉ Đại học Văn Khoa Sài-Gòn:

- Đối kháng Trung Hoa (“từ đầu đến 1428”; Phong Trào Văn Hóa, 1969; tb, 1971);

- Thế hệ dẫn thân yêu đời (“1428-1505”; Phong Trào Văn Hóa, 1969; ; tb, 1971);

- Thế hệ tố cáo thời thế (“1505-1592”; 1963);

- Thế hệ gặp gỡ Tây-phương (“1592-1729”; 1963);

- Thế hệ thác loạn (“1729-1788”; 1963);

- Thế hệ Nguyễn Du (“1788-1820”; 1963);

- Thế hệ Nguyễn Công Trứ (“1820-1862”; 1963);

- Tẩy chay Pháp (“1862-1900”; 1963);

- Thế hệ hóa dân cường quốc (“1900-1913”; 1963);

- Thế-hệ điều hòa Âu-Á (“1913-1932”; 1964);

- Thế-hệ Đoàn tuyệt (“1932-1945”; 1964).

LM Thanh Lăng cũng đã áp dụng tiêu chuẩn “thế hệ” để phân chia các giai đoạn lịch-sử của **báo-chí** Việt-Nam. Trong bài “Báo-chí Việt-Nam và 100 năm xây dựng văn-hóa” đăng trên tập san *Văn Bút* (1, 1971) của hội Bút Việt, đã chia lịch-sử báo-chí Việt-Nam làm 7 giai đoạn cho đến năm 1971:

- Thế Hệ “Bình Tây Sát Tả” 1862-1900;

- Thế Hệ “Hóa Dân Cường Quốc” 1900-1913;

- Thế Hệ “Dung Hòa Đông-Tây” 1913-1932;

- Thế Hệ “Đoạn Tuyệt Đông Phương” 1932-1945;
- Thế Hệ “Kháng Pháp dành Độc Lập” 1945-1954;
- Thế Hệ “Cộng Hòa I” 1954-1963: Làng báo Việt-Nam dồn mọi nỗ lực cho việc xây dựng chế độ Cộng Hòa Nhân Vị, bỏ quên các mục tiêu khác. Số báo trong thế hệ này lên tới 212 tờ; và
- Thế Hệ “Cách-Mạng” 1963-1971: là “giai đoạn thác loạn của báo-chí nước ta, một cơn lốc khủng khiếp”: Số báo năm 1963 là 25, đầu năm 1964 lên 91 rồi xuống 47 năm 1965 (Hong Hà Nguyễn Việt Chúc. *Lược Sử Báo-Chí Việt-Nam*. Nam Sơn 1974, tr. 16-18).

Sau biến cố năm 1975, LM Thanh Lăng tham gia nghiên cứu về ngôn ngữ và văn học sử Công giáo các thế kỷ vừa qua. Sau khi linh mục mất ngày 17-12-1988 [Đặc san Dòng Việt ở Huntington Beach California đã tưởng niệm linh-mục trong số 6, Hè 1999], một phần công trình nghiên cứu, biên khảo khác đã được xuất bản:

- *Tự Điển Việt-La-Bồ* (1991) phiên dịch chung với Hoàng Xuân Việt và LM Đỗ Quang Chính;

- *Về Sách Báo Của Tác Giả Công Giáo (Thế Kỷ XVII-XIX)* do Khoa Ngữ Văn Trường Đại học tổng hợp Tp HCM in năm 1993 cùng các tác giả Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đình, Võ Long Tê, Nguyễn Nhã, Trần Thanh Đạm, Phạm Đình Khiêm, Đỗ Như Thắng, Cao Xuân Hạo và Hoàng Châu Kỳ;

- *13 Năm Tranh Luận Văn-Học* (1932-1945; 3 tập; Tp HCM: NXB Văn Học, 1995). Nhờ bộ sưu tập này mà người đọc có thể tham khảo những bài báo đã đăng trên Hà Nội Báo, Ích Hữu, Phụ Nữ Diễn Đàn, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy liên hệ đến những cuộc tranh luận thời đó về văn học, ngữ học và cả chính trị, thời sự. Bộ sách này đã được in ronéo tại Đại-học Văn khoa Sài-Gòn năm 1966 với tựa *Những Cuộc Tranh Luận Văn-Học (từ 1932-1945)* gồm 17 tập.

Lê Tuyên

Giáo-sư Đại học Huế cuối thập niên 1950, sau khi du học ở Pháp về. Ông đã sớm đưa triết học vào phê-bình văn-chương, sử-dụng hiện-tượng luận và phân tâm học từ văn bản.

Trước 1975 ông đã xuất-bản tập *Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn của Kẻ Lưu Đày* (Huế: Đại Học, 1961) gồm những bài giảng văn, và là tác-giả nhiều công trình nghiên cứu, phê-bình văn-chương đăng tạp-chí *Đại Học* (Huế) – sau này một số được in lại trong tập *Thế Tánh của Thi Ca* (Huntington Beach, CA: Southeast Asian Culture and Education Foundation, 2000) như “Triết lý cuộc đời trong ca dao Việt Nam”; “Bản thể và hiện tượng trong thi ca Việt Nam” (về “hướng đối thoại” trong Lâm Tuyền Kỳ Ngộ và Bích Câu Kỳ Ngộ); “Thời gian hiện sinh trong “Đoạn Trường Tân Thanh”” (*Đại Học*, số 9, 5-1959, tr. 48-96) và “Vân Muội” (Vũ Hoàng Chương). Các bài khác: “Nguyễn Bình Khiêm và thảm trạng trí thức trong thân phận làm người”; “Cung oán ngâm khúc”, “Thơ ca cận đại và nỗi lòng thành thật của Hàn Mặc Tử”, “Nét đẹp xưa trong thi ca Việt-Nam cận đại” (*ĐH*, 7, 1-1959), về Nguyễn Công Trứ, Tản Đà, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, v.v.

Ông còn là tác-giả truyện dài *Những Ngày Hoang Đại* (ký Nhất Lê, 1960) đậm nét hiện sinh trí thức và một tập thơ. Ngoài ra ông từng là chủ-bút tờ báo tranh đấu *Lập Trường* (1964-) và là một trong những chủ chốt nhóm Phật tử tranh đấu chống chính quyền trung ương gây ra “Biến Động Miền Trung” năm 1966 ở Huế và các tỉnh lân cận.

Giáo-sư Lê Tuyền đã tài tình sử-dụng các phương-pháp hiện-tượng luận hiện sinh và phân tâm để giải mã các văn bản văn-học như Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Đoạn trường tân thanh, Vân Muội, ... và các tác-giả như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Công Trứ, Tản Đà, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, ... - cũng như ca dao của văn-học bình dân.

Để hiểu hiện tượng luận hiện sinh, Lê Tuyền đã nhấn mạnh: “tôi không dám đưa ra một phương-pháp nào, một căn bản gì, vì như nhiều lần tôi đã quan niệm, cái nhìn của chúng ta là một cái nhìn nội giới, và khi ta phóng vào hiện tượng là chỉ để tìm bản thể của ta” (*Thế Tánh Của Thi Ca* (Huntingdon Beach CA: SEACAEF, 2000), tr. 3.). Cái nhìn này là cái nhìn hiện tượng luận, mang đậm tính chất chủ quan của ý thức phóng-chiếu vào vật-giới và kiến tạo nghĩa cho vật giới. Bởi vậy, thế giới thông

qua hệ thống vật giới đã được tôi kiến tạo, cấp cho một quy chế nghĩa là thể giới của tôi và cho tôi, mang dấu ấn chính tôi, nó thiết thân với tôi; còn cái thể giới tồn tại khách quan kia, luôn có đấy, nhưng xa lạ với tôi. Lê Tuyên phê-bình nhận định văn-học với cái nhìn hiện tượng học pha tâm lý cá nhân này. Các tín hiệu trong phân tích, diễn luận được phát đi từ trong văn bản vì nội giới của văn bản là nơi đã kết thu tất cả mọi ý nghĩa bên ngoài chiếu vào. Nên, cứ xuất phát từ *văn bản*, *giảm trừ* (reduction – phương pháp hiện tượng học) các lớp nghĩa khác nhau phủ trùm văn bản thì bản chất văn bản sẽ tỏ lộ, do đó “*Hình ảnh của thi ca nói chung và của ca dao Việt-Nam nói riêng, là tiếng kêu thức tỉnh ấy của con người trước cuộc đời, do chính ý thức thức tỉnh của con người tạo nên, kết nên, tạo nên*” (Sđd, tr. 3). Lê Tuyên đã đi vào thể-giới **Ca dao**, nhập vào vũ trụ ngoại giới của ca dao như “*một lối hiện tượng luận sơ đẳng, nhưng nếu hội ý được với hình-thức sơ đẳng này của hiện-tượng luận trong ca dao là đã khám phá ra được một vũ trụ huyền nhiệm rồi*” (TTcTC Sđd, tr. 14), Lê Tuyên đã phát hiện rằng ca dao là một hình thức “mơ về” cuộc đời đặc thù của người dân quê: “*tôi mơ về vũ trụ, vậy vũ trụ hiện hữu như tôi mơ về*”. “*Ca dao chính là lối mơ về vũ trụ ấy khi con người đặt mình thanh bình trong những khung cảnh của cuộc đời*:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa

Giấc mơ về vũ trụ ấy giúp cho con người thoát được thời-gian, không còn thấy sự lôi cuốn của thời-gian nữa vì đã ngưng mình về trong “trạng thái”. Từ bản thể ta nhìn ra, đấy là một trạng thái của tâm thức và ca dao mở rộng trước mắt ta bằng hiện-tượng, những trạng thái tâm hồn...” (Sđd, tr. 16).

Chính Phụ Ngâm và **Tâm Thức Lãng Mạn của Kẻ Lưu Đày** – chuyện người chinh phụ với tâm thức lãng mạn như ý hướng mơ về người chinh phu; một tâm thức phức-thể với nhiều khía cạnh lãng mạn, lưu đày, cô đơn (vì nhắm hạnh-phúc lứa đôi), đau thương, ước vọng, cộng thông (vì hoàn cảnh bị chia lìa)... Ở đây không có người khác như tha nhân, mà chỉ có một, người chinh phu, kẻ vắng mặt, và rốt cùng chỉ là một khác và chính yếu: người chinh phụ!

Ở Chương Dẫn Đầu, ông đi tìm định nghĩa và nội-dung của “tâm thức lãng mạn”: “... *Tâm thức lãng mạn ... không phải một tâm thức mới có, hay mới đến với cuộc đời, mà chính là một tâm thức luôn có trong mỗi một chúng ta, mà cuộc đời đã làm cạn đi, khô đi, héo đi bằng những giới hạn công lệ, bằng những sự kiện hằng ngày, chỉ cho ta thấy cuộc đời chứ không cho ta thật sống với cuộc đời, vì thấy không có nghĩa là sống. Có tham dự môi sống, mà khi đã nói mình tham dự là đã lãng mạn rồi. Lãng mạn vì vậy là một thực thể ở giữa tâm giới của con người, lãng mạn là một phần sự sống của con người, chứ không phải một biến cố nhất thời, một hành vi hay thái độ cực đoan của con người muốn thoát ra ngoài khuôn phép. Cho nên con người lãng mạn không phải là con người lạ, mà chính là con người thường, chỉ có con người không lãng mạn mới là kẻ lạ mặt giữa cuộc đời này vốn lãng mạn! Vì nếu lãng mạn ở trong cuộc đời này, là cuộc đời, là chúng ta, thì liệu chúng ta có thể định nghĩa được lãng mạn hay không? (...) Nhưng trong cái nhìn của chúng ta, chúng ta có nên chỉ dừng lại ở đấy? Tôi nghĩ rằng không, mà chúng ta nên cố gắng tìm cho chúng ta một lối thoát trong cái nhìn hạn giới về người chinh phụ và về tác phẩm Chinh Phụ Ngâm. Như tôi đã nêu ra ở trên ; vấn đề mà ta muốn đặt ra và tìm đến là vấn đề tâm thức lãng mạn, mà ta đã nhìn qua như một tâm trạng bất mãn, cô đơn, và liên kết, một ý thức tự qui từ một cảnh đời hạn giới và muốn từ tự qui nói ra được hiện hữu của mình, dù là một hiện hữu đau thương của một kẻ lưu đầy ở trong cuộc sống vì cho mình đầy ải cũng đã lãng mạn rồi. Một ý thức tự qui, là một cái nhìn về nội giới, nhìn về tâm thức mình để tự biết mình sau khi đã biết cuộc đời: “Thửa trời đất nổi cơn gió bụi, / Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên”. Câu thơ thứ nhất là cái nhìn vào không gian và rõ hơn, chắc chắn hơn, một cái nhìn vào giữa không gian, và câu thơ thứ hai là một cái nhìn vào trong tâm giới. Cái nhìn vào trong tâm giới để biết hiện hữu mình như một cá thể, và cái đau thương của con người không phải chỉ vì mình làm người mà chính vì mình là cá thể đau thương. Lãng mạn của người chinh phụ vì vậy là một ý thức tự qui về đau thương của nội giới trước một hoàn cảnh của cuộc đời, mà suốt thi phẩm Chinh Phụ Ngâm chúng ta thấy được thể hiện rất sâu xa và*

đầy đủ. Có thể nói rằng Chinh Phụ Ngâm là một tiếng kêu thương của một tâm thức lãng mạn đang tự biết mình và vì quá biết mình cho nên đã để cho lời trào ra thành tiếng nói, ngừng về trong văn chương tất cả một tâm trạng khi đặt mình đầy ải ở trước cuộc đời". Từ đó, giáo-sư cho rằng "... "tâm thức lãng mạn" là một tâm thức bao hàm những đặc tính nhân văn, vì lãng mạn theo như chúng tôi trình bày không phải là quyền sở hữu của một thi phái nào, mà chính là quyền sống của con người khi đã từng nếm chua cay của cuộc đời nhưng cũng đang muốn biết vì đâu mà có chua cay: "Nếm chua cay, tâm lòng mới tỏ / Chua cay này, há có vì ai?" trong một ý thức tự qui của một kẻ mất hết hạnh phúc, đang thấy bị lưu đầy mà cuộc đời chỉ còn có thể mơ về trong giấc mộng: "Duy còn hồn mộng được gần, / Đêm đêm thường đến Giang Tân tìm người".

Đến các chương "cái nhìn về cuộc đời", "cái nhìn vào số phận" với "không gian và hiện hữu lưu đầy" "không gian mơ về từ mộng", "không gian và hiện thực li bôi", "không gian và chủ thể yêu thương", ông đã diễn giải nguyên nhân cái thảm trạng bi kịch lưu đầy trong tâm thức của người chinh phụ thời lịch triều. Theo giáo-sư, 112 câu đầu của CPN cho thấy "... cái nhìn của kẻ lưu đầy đang phóng vào một cảnh đời không phải của mình. Chàng tuổi trẻ của mình, giờ đây đối với mình bỗng trở nên xa lạ. Người chồng yêu thương ngày trước đang biến thể thành một đối tượng của cuộc đời. Người không còn của tôi, mà người đang là con người của thế giới bên ngoài đang diu nhau về chiến sự. Đứng tưởng tiếng kêu ấy chỉ là một tiếng kêu hùng dũng, mà chính một tiếng kêu bao hàm mâu thuẫn ở bên trong, mâu thuẫn giữa con người của tôi và con người mà cuộc đời muốn làm nên, để giữa con người mà tôi muốn và con người của cuộc đời muốn, có một sự tương khắc và chia cách sâu xa! Hình ảnh của người chiến sĩ đối với nàng chinh phụ chỉ là hình ảnh của con người cuộc đời, chứ không phải hình ảnh mà nàng ước muốn. Chàng đang làm con người của cuộc đời, cho nên trong bức tranh dũng tướng: "Chàng tuổi trẻ vốn giồng hào kiệt / Xếp bút nghiên theo việc đao cung" đã hàm chứa đặc tính chia xa, cho ta thấy rằng nàng ý thức về con người này khác với cái nhìn ca tụng anh hùng của người đời khi đọc qua tám câu thơ này của thi phẩm. Tám câu thơ này có thể nói

rằng đã phá vỡ cuộc đời êm đẹp của nàng. Khỏi lửa chưa đủ gây ra ly cách rõ rệt. Sầu tủi chỉ mới là một tâm trạng ở trước một cảnh đời. Tiếng kêu thương chỉ là một nỗi niềm bất mãn chưa ngưng về trong một giới hạn. Đến đây, cuộc đời được nhìn rõ qua một con người, mà đau đớn thay người ấy lại là chồng mình, người ấy đang vì cuộc đời gieo hờn ly biệt cho mình, người ấy đang dày ải mình, người ấy đang trở nên xa lạ với mình. Kẻ thân yêu nhất đang là người xa lạ nhất vì đây là hiện thể của cuộc đời chớ không phải con người yêu thương của mình trước đây, chứ không phải con người yêu thương của mình bao nhiêu năm sau đây:”. Từ đó, giáo-sư cho rằng “... người chinh phụ không nhìn đời bằng đôi mắt của nàng, đôi mắt đã thấy quân, thấy kỵ, thấy cờ, thấy cảnh, mà ở đây nàng nhìn cuộc đời với một tâm thức lãng mạn dự phóng của kẻ lưu đày. Trong con người chúng ta vì vậy như đang có hai hiện hữu, và vì vậy trước đây tôi đã nói có hai giới hạn, một giới hạn của mình và một giới hạn mình dự phóng để rồi giam mình lại trong bi đát của giới hạn này. Hai hiện hữu: một hiện hữu thực hữu của cảnh đời chúng ta đang sống, và một hiện hữu viễn tượng của dự ước ta mơ về (dự ước không có nghĩa là phải tốt đẹp, mà vẫn có thể bi đát như viễn tượng của người chinh phụ ở đây). Hai hiện hữu đó đi về, chuyển biến trong tâm thức ta như đêm với ngày, làm cho ý thức của con người cũng có những bình minh mà cũng có những hoàng hôn, cũng có những ngày đầy ánh sáng và những đêm dày bóng tối”.

Giáo-sư Lê Tuyên cũng sử-dụng hiện-tượng luận **hiện sinh** để giải mã “Thời gian hiện sinh trong Đoạn Trường Tân Thanh” (*Thể Tánh của Thi Ca*). Thời gian ấy cũng chỉ là hư vô và phi lý. Cả quá khứ, hiện tại và tương lai rốt cùng không là gì khác ngoài hư vô. Đợi chờ con người ở cuối hành trình chỉ là cái chết. Cái chết là nỗi ám ảnh ghê gớm của con người: “*Đi về tương lai từ quá khứ và qua hiện hữu, nghĩa là đi về phi lý của nắm 모 (...)* Con người phụ thuộc thời-gian, con người là của thời-gian, như một vật sở hữu thuộc thời-gian, đang hằng ngày bị thời-gian chiếm cứ. Như thế thời-gian chính là kẻ thù số một đối với con người. Con người sống luôn ao ước ngày mai, luôn nghĩ đến ngày mai, một ngày mai mà có lẽ con người không nên nghĩ đến có lẽ nên

phải từ khước, vì ngày mai là Cái Chết, ngày mai là tiếng Đoàn-Trường: Nỗi niềm tưởng đến mà đau / Thấy người nằm đó biết sau thế nào” (sdd, tr. 137). Và giáo-sư kết luận: ““Đoạn Trường Tân Thanh” trong một liên trình biện chứng thứ nhất đã thể hiện quan điểm ấy với tất cả kinh-nghiệm của cuộc đời qua con người hiện hữu đang sống với đời, bao hàm một thời gian hiện sinh cùng ba hạng-từ biện chứng: 1) Thời gian ngoại tại và sự chuyển vận, 2) Thời gian nội tâm và giòng tâm lý, 3) Thời gian xã hội và sự phối hợp giữa người cùng vũ trụ” (Sdd, tr. 138)

Phạm Thế Ngũ

Sinh ngày 12-6-1921 tại Hải Dương và mất ngày 9-5-2000, ông đậu Cử nhân Văn khoa Hà-Nội năm 1953, vào Nam, từ 1954-56 làm giáo-sư Việt văn và Triết học tại các trường Trung học Võ Tánh (Nha Trang), Phan Thanh Giản (Cần Thơ) và Petrus Ký (Sài-Gòn) và từ năm 1957 đến 1972 là thời-gian ông soạn sách giáo khoa và văn-học sử cùng mở nhà xuất-bản Phạm Thế / Tủ Sách Quốc Học Tùng Thư để in sách của ông. Giáo-sư Phạm Thế Ngũ đã là mẫu mực nhà giáo yêu nghề, tận tụy và lâu dài, thân thể, hành trạng và sự nghiệp đã được ghi lại trong câu đối: *“Thế sự bách niên, mọi mối tơ vương bay đi cùng mây gió / Văn chương thiên cổ, một mảnh hồn thơm ở lại với trăng sao”*.

Bộ **Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên** (khi tái-bản đổi tựa là **Lịch-Sử Văn-Học Việt-Nam Tân Biên Giản Ước**, gồm 3 tập: 1- *Lịch-Sử Văn-Học Lịch Triều: Hán Văn* (1961, 267 tr.), 2- *Văn-Học Lịch Triều: Việt Văn* (1963, 460 tr.) và 3- *Văn Học Hiện Đại 1862-1945* (1965, 661 tr.); *Việt-Nam Thi Văn Hợp Tuyển, Kim Văn Tân Tuyển*, tuyển tập thơ văn hiện-đại và *Cổ Văn Tân Tuyển*: thi văn lịch triều tuyển trích (1966). *Văn Thể Lược Giảng* (1965) cùng một số sách luận đề, làm luận văn-chương như *Bình Giảng Văn-Chương*, ... Ông còn là tác-giả *Triết Học* (1973) gồm hai tập sách giáo khoa.

Bộ văn-học sử được biên khảo theo phương pháp giáo khoa và theo sát văn bản, tác phẩm, chuẩn mực, đặc tính lịch-sử văn học. Tập 3 *Văn Học Hiện Đại 1862-1945* từng bị phê-bình đặt sai thời “hiện-đại” (Bằng Giang. *Mảnh Vụn Văn-Học Sử*,

Chân Lưu, 1974, tr. 270), thật ra “hiện-đại” mà giáo-sư họ Phạm dùng là để chỉ thời tiếp nhận ảnh-hưởng Tây phương mà hiện-đại hóa văn-học cũng như văn minh, ... Ông phân biệt 3 thời kỳ văn-học hiện-đại: 1862-1907, 1907-1932 và 1932-1945 – khác với LM Thanh Lãng thời 1 và 2 dùng mốc năm 1913 thay vì 1907. Trong thực tế, Tập 3 này suốt một thời-gian dài đã là nền tảng cho sinh viên và nhiều nhà biên-khảo và nghiên cứu về văn-học Việt-Nam thời mới. Và 1932 được xem là thời điểm văn-chương mới nhưng vẫn trân quý gia-sản cổ điển và tiểu-thuyết hiện-đại ra đời!

Khi soạn Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, giáo-sư cho biết: “Nghiên cứu văn học sử không dừng ở mức “thống kê, mô tả” hay sắp xếp các tác giả tác phẩm, sự kiện văn học để phụng sự một chủ nghĩa chính trị nào đó mà phải mang ý nghĩa “cống hiến những tài liệu về tư tưởng học thuật văn học, hơn thế còn giúp người đọc thưởng thức mỹ văn”. Như vậy, ông xem văn học phần nào có tính độc lập với chính trị, xã hội và ông chủ trương đánh giá văn-học các thời kỳ lịch triều cũng như hiện-đại về hình thức và nghệ thuật, qua ngôn ngữ và thể loại sử-dụng cùng nội-dung chuyển tải.

NGUYỄN VY KHANH

Danh ngôn:

Cơ hội làm điều ác đến một trăm lần một ngày, và cơ hội làm điều thiện chỉ đến một lần trong một năm.

The opportunity for doing mischief is found a hundred times a day, and of doing good once in a year.

Voltaire

(1694–1778) Nhà văn học, tác giả, bình luận gia, nhà thần luận và triết gia người Pháp.

TRẦN VĂN TÍCH

Ởn nghĩa y khoa

Người theo học ngành y ở Việt Nam được các giáo sư, giảng viên trong ban giảng huấn Trường Y Khoa đối xử rất đặc biệt. Nhiều đồng nghiệp của tôi kể rằng thân phụ của họ đã được đích thân Giáo sư Phạm Biểu Tâm đứng ra phụ trách giải phẫu khi các cụ phải mổ. Phần tôi thì chỉ nhờ vả các giáo sư, các giảng viên chữa trị bệnh tật cho bản thân tôi hay cho thân nhân bên vợ và cho vợ con.

Sau 1975, tự dưng tôi phát hiện mình có một cái bướu nhỏ ở mí mắt bên trái. Cái bướu không gây khó chịu gì, không ảnh hưởng gì đến thị giác, nhưng tôi vẫn sợ và tìm cách bàn luận với một đàn anh ra trường trước tôi hai năm chuyên về nhãn khoa. Anh bạn mở sách chuyên môn ra tham khảo rồi cho biết có lẽ đây là loại bướu ác tính, cần phải mổ gấp và có thể phải múc luôn con mắt trái ra khỏi nhãn cầu. Tôi khiếp đảm tìm đến cầu cứu Giáo sư Nhãn khoa Nguyễn Đình Cát. Giáo sư Cát và tôi vốn quen nhau khá thân vì hai chúng tôi đều thuộc tiểu ban biên soạn từ điển chuyên môn y khoa Pháp-Việt do Bộ Y Tế (Việt cộng) chủ trì; chúng tôi gặp nhau hằng tuần hai lần. Tham gia tiểu ban này về phía nhóm trẻ chúng tôi có Ngô Thế Vinh, Đỗ Hồng Ngọc và tôi; về phía cao niên có Giáo sư Nguyễn Đình Cát, Bác sĩ Nguyễn Đức Nguyên và Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp. Một mình Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp là bác sĩ do Pháp đào tạo nhưng tập kết và từ R về. Với kinh nghiệm lâm sàng dồi dào, Giáo sư Nguyễn Đình Cát an ủi tôi, bảo không phải bướu ác tính đâu, cứ hấy hẹn ở Phòng Thư ký Khu Nhân khoa Bệnh viện Bình Dân, vài ngày sau tôi sẽ được mổ. Quả nhiên mọi chuyện xảy ra tốt đẹp và an toàn, vết mổ bướu mí mắt bên trái ngày nay không còn

dấu vết gì hết.

Khi tôi theo học Y khoa năm thứ ba, chúng tôi đi thực tập tại Bệnh viện Chợ Quán, Khu Truyền Nhiễm. Nhóm chúng tôi có chừng mười lăm người và do Giáo sư Auguste Rivoalen phụ trách hướng dẫn. Mỗi ngày, Giáo sư đến Bệnh viện lúc chín giờ để nghe chúng tôi báo cáo về những diễn biến trong phiên trực đêm trước, về những ca bệnh mới nhập viện, về kết quả điều trị những ca bệnh đang nằm điều trị (gồm đủ lứa tuổi và gồm cả nam lẫn nữ). Kể từ mười giờ trở đi là thời gian viếng bệnh. Từ chín đến mười giờ, nếu sinh viên nào có thân nhân cần xin khám bệnh thì Giáo sư sẵn sàng tiếp. Bà thứ mẫu của vợ tôi bị bệnh sạn túi mật, tôi xin Giáo sư khám. Giáo sư khám cẩn thận và giới thiệu đến Bác sĩ Nguyễn Văn Hoàng, có phòng mạch chuyên về quang tuyến ở Đakao, để xin chụp ảnh túi mật sau khi chích thuốc cản quang. Bác sĩ Hoàng kể lại với tôi khi tôi đến Bệnh viện Bình Dân nhận tập ảnh chụp X Quang túi mật là Ông chỉ còn một ống thuốc cản quang, được thư giới thiệu của Giáo sư Rivoalen nên đã mang ra dùng ngay. Kết quả, bà thứ mẫu của vợ tôi có cái túi mật phình to, chứa đầy sạn lớn nhón. Bà không dám đi mổ, chỉ ăn uống giữ gìn cẩn thận hơn. Bà sống đến gần chín mươi và mang túi mật đầy sạn theo mình xuống lòng đất.

Khi bà xã tôi có thai lần thứ nhất, tôi gửi bà đến phòng mạch tư của Bác sĩ Từ thị Mỹ để xin theo dõi. Bà xã tôi người thấp bé và xương hông thuộc loại không chật hẹp nhưng ở mức độ biên giới (bassin limite). Đến ngày sanh, Chị Từ thị Mỹ khuyên tôi đưa vào Từ Dũ cho chắc ăn. Đỡ đẻ cho bà xã tôi là Bác sĩ Trần thị Long. Chị người Nam, cao lớn, tánh tình thuần hậu, vốn vãi. Tôi được phép đứng cạnh bàn sanh xem Chị làm forceps kéo thẳng con trai của tôi ra khỏi cơ thể mẹ nói. Ngày hôm sau khi đi visite Chị kể : “Tui thấy cái đầu nó đầy tóc đen sì, cứ tưởng là con gái, ai dè lại là con trai.” Vì cái kim kẹp vào đầu khá chặt, con trai tôi bị bầm tím một chỗ trên đầu. Nay nó là pathologist ở Bệnh viện Orlando bên Mỹ. Đến lượt con gái tôi thì cũng Chị Long đỡ đẻ. Khi bà xã tôi lên cơn đau đẻ, tôi thuê tắc-xi chở vào Từ Dũ,

lên khu Sản Phụ Khoa thì phòng sanh hết chỗ mà cũng không có phòng tiếp nhận sản phụ nào trống nên các anh chị em sinh viên trực sản khoa được lệnh tạm nhường phòng trực của họ cho bà xã tôi nằm chờ! Lần này vẫn là Chị Trần thị Long phụ trách sanh nhưng không kéo forceps mà làm épisiotomie (xẻ rạch cửa mình cho rộng hơn để trẻ sơ sinh dễ chui ra). Con bé do Chị đỡ đẻ hiện là bác sĩ chuyên khoa ung thư trong một bệnh viện Đức. Thằng con trai thứ của tôi nằm trong bụng mẹ không chịu nằm như mọi đứa trẻ khác nghĩa là quay đầu xuống dưới để dễ chui ra mà nó lại tai quái ngồi trong bụng mẹ, quay đầu trên lên, đặt đít xuống dưới. Tôi phải nhờ Giáo sư Sản Phụ Khoa Nguyễn Văn Hồng làm césarienne tại nhà thương tư Saint Paul để kéo nó ra. Sau khi làm césarienne, nhà thương tiếp “nước biển”, các xơ bảo tôi lên Cộng Hoà xin hai chai nước biển về trả lại cho bệnh viện. Tôi liền vào Bình Dân và gặp Chị Trần Kim Hoàn xin hai chai dung dịch truyền tĩnh mạch. Nghe tôi kể chuyện césarienne, Chị Hoàn bảo thằng bé này lớn lên sẽ làm lớn vì nó không chịu chui ra theo đường dưới. Quả nhiên Chị Hoàn tiên đoán đúng, nó hiện làm đến...nha sĩ có phòng mạch tư ở Đức, gần Bonn và nó hiện ở chung với chúng tôi! Sau khi bà xã tôi về nhà ít lâu, coi như gần hồi phục hoàn toàn, hai vợ chồng chúng tôi mang một chục xoài Long An thứ thật bự đến biếu Giáo sư Nguyễn Văn Hồng. Thành ra bà xã nằm sanh ở nhà thương tư mà chỉ phải trả tiền phòng và tiền công các xơ chăm sóc hậu phẫu mà thôi. Thời tôi học y, nền y tế quốc gia chưa có loại xe y tế cứu cấp, loại xe chỉ cần gọi số 112 là hụ còi inh ỏi chạy tới tức thì, hiện nay nước nào cũng có, có lẽ kể cả nhiều nước Phi châu.

Thằng con trai đầu lòng của chúng tôi thỉnh thoảng lên cơn sốt hay ho. Tôi để bà xã đưa nó đến phòng mạch tư của Giáo sư Phan Đình Tuân xin khám bệnh điều trị. Chúng tôi thanh toán y phí như mọi bệnh nhân khác. Có lần nó ho dai dẳng, tôi bế nó vào Nhi Đồng nhờ Giáo sư Phạm Gia Cẩn khám bệnh, Giáo sư cho chích thuốc ho tan trong nước pha với Vitamin C, mỗi lần một phần ba ống thuốc. Tôi quên tên đặc chế của thuốc rồi. Những dịp tôi mang con vào nhờ các Giáo sư ở Nhi Đồng

khám thì không phải chờ đợi lâu la, các cô y tá hay thư ký để cho tôi ngồi chờ ngay trong phòng làm việc của chủ vị Giáo sư, khi chủ vị tới là con tôi được khám liền. Ngoài ra tôi nhớ mỗi lần các con tôi ốm đau hay nóng sốt là thuở bấy giờ chúng được cho uống euquinine, dưới hình thức thuốc bột trắng. Khó ngủ, khó nhè, hay quấy thì có sirop Phénergan.

Tôi làm thèse hơi chậm và xin Anh Nguyễn Thế Minh cho đầu đề. Đầu đề là “Contribution à l'étude des fièvres typho-paratyphoides en milieu hospitalier vietnamien“. Thật ra thèse của tôi chẳng có gì đặc sắc. Gì chứ contribuer thì contribuer cái gì chả được! Kể thêm vài chục cas thương hàn và phó thương hàn cũng là contribuer vậy! Sau khi tôi trình thèse xong thì Anh Nguyễn Thế Minh có dịp qua Canada dự hội nghị y tế gì đó. Anh nhắn tôi mang thèse đến gấp cho Anh để Anh mang ra nước ngoài trình bày, cùng chung với các dữ kiện khác.

Kinh nghiệm làm thèse với Anh Nguyễn Thế Minh khiến tôi nảy ra ý kiến cần giúp đỡ người khác làm thèse thay vì chỉ ngồi viết những bài nghiên cứu lẻ tẻ bằng Anh hay Pháp ngữ để gửi đăng trên Tập san Quân y. Vốn dĩ tôi vẫn thích viết lách. Dịp may hiếm hoi đến với tôi khi Cục Quân y biệt phái tôi sang làm cố vấn cho các cố vấn Mỹ ở Trung tâm Khai thác Quân dụng Hỗn hợp, Combined Material Exploitation Center, trụ sở bí mật đóng trong phi trường Tân Sơn Nhứt. Làm việc ở Trung tâm này, tôi thường cùng các đồng nghiệp Hoa Kỳ đến cơ sở bệnh viện tư Dung Anh của Giáo sư Trần Đình Đệ, lúc bấy giờ được phái đoàn WRAIR – Walter Reed Army Institute of Research – thuê mượn làm trụ sở. WRAIR cung cấp thường xuyên và đều đặn cho tôi các công trình nghiên cứu y khoa của họ liên quan đến các chứng bệnh nhiễm trùng thuộc vùng đồng bằng miền nhiệt đới như giun chỉ, sốt rét. Tôi yêu cầu họ cho phép tôi tu chỉnh lại và viết thành luận án y khoa bằng Pháp ngữ. Họ rất hoan nghênh. Ngoài ra tôi cũng hướng dẫn hay viết giúp một số sinh viên y khoa Huế soạn luận án về đông y. Luận án về “hồ khẩu tam quan“ khiến Miền Bắc khâm phục nền y học Miền Nam vì

đã biết đề cao khía cạnh tìm hiểu khai thác y học cổ truyền, lại còn giới thiệu nền y học của tiền nhân bằng ngoại ngữ nữa! Luận án đó tôi viết cho một sinh viên y khoa Huế, không còn nhớ là viết giúp cho ai. Luận án về “hồ khẩu tam quan” - cũng còn gọi là “thấu quan sạ giáp” - khiến sau 1975, Miền Bắc khâm phục nền y học Miền Nam vì đã biết đề cao khía cạnh tìm hiểu khai thác y học cổ truyền, lại còn giới thiệu nền y học của tiền nhân bằng ngoại ngữ nữa! Luận án đó tôi viết cho một sinh viên y khoa Huế, không còn nhớ là viết giúp cho ai. Luận án về “hồ khẩu tam quan” khiến Miền Bắc khâm phục nền y học Miền Nam vì đã biết đề cao khía cạnh tìm hiểu khai thác y học cổ truyền, lại còn giới thiệu nền y học của tiền nhân bằng ngoại ngữ nữa! Luận án đó tôi viết cho một sinh viên y khoa Huế, không còn nhớ là viết giúp cho ai.

Không chỉ cho thèse cho ngành Y, tôi còn được bạn Trương Mạnh Khải, corps enseignant Trường Dược – Bạn Khải coi như cùng promotion với tôi – nhờ tôi cho thèse về Dược giúp cô em gái đã tốt nghiệp Dược sĩ. Thèse có nội dung là Dược thảo Đông Y. Bạn Khải đến nhà gặp tôi và hỏi cho thèse thì có références chứ? Tôi bảo đương nhiên. Références ư? Đó là JAPTA, một thứ Physician Desk Book hay Vidal của Nhật; đó là Dược điển Nhật Bản (hồi đó đã được tôi giới thiệu trên Tạp chí Phương Đông); đó là những bộ Materia Medica Nhật ngữ đồ sộ và huy hoàng với hình ảnh cây cỏ làm thuốc của phương đông trình bày bằng màu tuyệt đẹp v.v.. Không may chưa kịp làm gì thì mất Miền Nam. Thực ra có thể viết một luận án bằng tiếng Pháp giới thiệu chi tiết Bộ Dược Điển Nhật Bản ấn bản thứ tám, phát hành năm 1973 gồm hai tập dày khoảng 1.400 trang. Tài liệu tham khảo này được Bộ Y Tế Xã Hội Nhật gửi giếu Bộ Y Tế Việt Nam Cộng Hoà ngay sau khi sách hoàn tất ấn hành vì người Nhật xem đây là một niềm tự hào dân tộc của họ.

Những tài liệu vừa kể là cơ sở khiến tôi có dịp đăng đàn diễn thuyết nhiều lần tại trụ sở Trường Đại học Dược Khoa Sài Gòn hay tại Hội Trí thức Yêu Nước sau khi ra tù cộng sản, tạo được sự ái mộ của những người làm công tác y dược Miền Bắc.

Tôi chú tâm nghiên cứu về dược liệu cổ truyền nên trước 1975, tôi đã biết là ngoài Bắc có Giáo sư Tiến sĩ Đỗ Tất Lợi cũng chuyên về lĩnh vực này. Ngay sau ngày 30.04, khi tư nhân tại hai miền Nam Bắc được phép trao đổi thư từ với nhau, tôi viết thư cho anh Đỗ Tất Lợi, đề địa chỉ Trường Đại học Dược khoa Hà Nội. Anh Lợi nhờ ngay một người bà con ở Sài Gòn tìm mọi cách đến gặp tôi vì theo Anh, tôi dẫu ở Miền Nam nhưng biết rõ những việc làm của anh ấy hơn rất nhiều người ở Miền Bắc. Sau khi tôi đi tù cộng sản về, Anh Lợi đến gặp tôi rất nhiều lần và Anh làm quen với cả gia đình tôi. Thậm chí có hôm Anh tới nhà tôi vào buổi trưa và bảo bà xã tôi : “Hôm nay tôi đến thăm Anh Chị và chủ động xin Anh Chị cho ăn trưa!”. Sau đó Anh xin tôi cho anh ấy mượn cái máy đánh chữ với bộ chữ cái Việt ngữ hiệu Hermes do Tây Đức sản xuất. Qua những lần gặp gỡ tự nhiên, thân thiện đó, tôi đã cung cấp cho Tiến sĩ Dược Khoa Đỗ Tất Lợi nhiều chi tiết về các dược liệu đông y nên khi tái bản lần thứ tư cuốn Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, ngày 15.03.1981, Anh Đỗ Tất Lợi cảm ơn ba “dân nguy” là Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, Giáo sư Lê Văn Thới và cá nhân tôi!

Trong ngành nghề nào cũng có mối thâm tình nghiệp vụ. Môi trường ngành y khiến bản thân tôi và gia đình vợ con cùng tú thân phụ mẫu được đối đãi phần nào đặc biệt mỗi khi chúng tôi cần đến công việc điều trị bệnh tật. Đối lại tôi cố gắng góp phần mình vào sự giúp đỡ tương thân tương ái giữa những người đồng ngành – y và dược – coi như một khía cạnh tự nhiên của bốn phận kẻ ở trong nghề.

NGUYỄN MINH TRIẾT

TƯỚNG NHỚ CỤ PHAN THANH GIẢN – MỘT PHẬN ĐÒI NHIỀU THẮNG TRẦM VÀ BI HẬN

Sau hơn 100 năm nội chiến dai dẳng giữa hai họ Trịnh - Nguyễn, tiếp theo là sự dấy binh của nhà Nguyễn Tây Sơn khống chế được quân chúa Nguyễn ở Đàng Trong, diệt được họ Trịnh và vua Lê ở Đàng Ngoài đồng thời đuổi được quân Thanh ra khỏi biên cương, Việt Nam được hợp nhứt dưới sự lãnh đạo của Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ. Nhưng triều đại Nguyễn Tây Sơn mới trị vì được hơn 10 năm thì do lục đục nội bộ giữa 3 anh em Tây Sơn mà Chúa Nguyễn Phúc Ánh ở phương Nam với sự giúp đỡ của một số giáo sĩ người Pháp phục hồi sinh lực tiến ra Qui Nhơn rồi Phú Xuân tiêu diệt sự thống trị của vua Quang Trung, khôi phục lại cơ nghiệp cho dòng tộc và lên ngôi với vương hiệu Gia Long vào năm 1802, mở đầu cho một Vương triều của dòng họ Nguyễn Phúc kéo dài đến 1945, tổng cộng 143 năm.

Sau khi lên ngôi vua Gia Long chánh thức đổi quốc hiệu từ Đại Việt thành Việt Nam với cương thổ rộng lớn nhứt cho đến thời đó, kéo dài từ biên giới với Trung Hoa tới vịnh Thái Lan, gồm cả quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đặc biệt để trả công cho các người Pháp đã trợ giúp trong việc chống lại quân Tây Sơn nên khi lên ngôi vua Gia Long đã nhờ họ giúp xây dựng các thành trì to lớn, kiên cố, giúp huấn luyện quân đội cũng như cho phép các cố đạo được phép truyền bá đạo Thiên Chúa tại Việt Nam.

Việc điều hành xã hội và chánh sách giáo dục được thay đổi và phát triển dựa trên các giá trị Nho giáo truyền thống từ các triều đại trước nhằm củng cố cũng như xây dựng sự ổn định đất nước lâu dài. Riêng về việc xây dựng đội ngũ quan lại, vua

Gia Long đặc biệt lưu ý về việc học hành thi cử nên cho xây Quốc tử giám ở kinh đô để dạy con các quan và sĩ tử, đặt thêm chức Đốc học ở các doanh, trấn để trông coi việc phát triển giáo dục ở địa phương. Ban đầu thời vua Gia Long chỉ có mở các kỳ thi Hương để lấy Tú Tài và Cử Nhân, đến năm 1822 thời vua Minh Mạng mới mở thêm khoa thi Hội, thi Đình để lấy Tiến sĩ.

Nhờ đó, các sĩ tử khắp trong nước có cơ hội dự thi để được bổ dụng làm quan ở các cơ quan từ cấp huyện, cấp phủ, cấp trấn lên tới cấp trung ương tùy theo học hàm. Tuy nhiên, không phải sĩ tử nào cũng có đủ phương tiện để về các trấn hoặc về kinh đô để dự các kỳ thi tuyển vì các phương tiện giao thông thời đó chưa phát triển, đặc biệt là vùng Nam kỳ Lục tỉnh lúc đó chưa được khai phá nhiều. Do đó, đa số các khoa bảng đều xuất thân từ vùng miền Trung, miền Bắc. Từ miền Nam muốn dự các kỳ thi phải về Kinh đô Huế đường xá xa xôi. Vì vậy, mãi đến năm 1826 dưới thời Minh Mạng mới có một sĩ tử từ miền Nam ra kinh đô dự thi và đậu Tiến sĩ đệ tam giáp. Vị tân khoa Tiến sĩ này có tên là Phan Thanh Giản, lúc đó được 30 tuổi sinh quán trấn Vĩnh Thạnh, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thi đậu, Tiến sĩ Phan Thanh Giản được thăng nạp vào hàng ngũ quan lại của triều đình, mở đầu cho một phận đời nhiều thăng trầm cũng như đầy bi hận.

Sơ Lược Tiểu Sử.

Tiến sĩ Phan Thanh Giản sinh ngày 11 tháng 11 năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Long, nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre từ một gia đình nghèo, gốc người Minh Hương. Phận đời thăng trầm đã báo hiệu rất sớm khi ông mới 7 tuổi thì mẹ qua đời, cha có vợ kế nhưng may mắn được mẹ kế thương và gởi cho đi học với một vị sư ở chùa làng Phú Ngãi. Đến năm ông được 19 tuổi vì sự cáo gian của một kẻ có thù riêng với gia đình, cha ông lúc đó đang làm Thủ hạp, là một viên chức nhỏ, bị kết án 1 năm tù oan uổng. Biết cha là người thanh liêm gặp nạn nên ông Phan Thanh Giản đệ đơn lên quan Hiệp Trấn Vĩnh Long kêu oan và xin ở tù thế cho cha. Dù không thể giúp được gì nhưng vị quan này rất cảm động trước tấm lòng hiếu

thảo và nhân cách thông minh hiếu học của chàng trai trẻ, nên an ủi và giúp ông phương tiện ở lại gần nơi cha bị giam để vừa dễ dàng thăm cha mỗi ngày vừa trao đổi kinh sử.



Sau ngày cha được miễn tù, nghe lời khuyên và được sự giới thiệu của quan Hiệp Trấn ông Phan Thanh Giản ở lại Vĩnh Long để theo học với Đốc học Võ Trường Nhơn chờ khoa thi tới. Ngoài ra, ông cũng được bà quả phụ Nguyễn Thị Ân vì cảm động trước lòng hiếu thảo của ông nên đã nhận ông làm con nuôi và cung cấp cho ông các nhu cầu vật chất như lương thực, quần áo, sách vở, giấy bút để theo đuổi việc học.

Con Đường Làm Quan.

Nhờ đó ông đậu được Cử nhân tại trường thi Gia Định vào năm 1825. Năm sau (1826) ông ra Huế dự thi và là người đầu tiên của miền Nam Kỳ Lục tỉnh đậu Tiến sĩ đệ tam giáp. Với bằng Tiến sĩ ông bước vào con đường làm quan cho triều đình nhà Nguyễn lần lượt giữ nhiều chức vụ trong những lãnh vực khác nhau trải qua 3 đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức cả thảy 41 năm từ năm 1826 đến năm 1867.

Dưới triều Minh Mạng, ngay trong năm đầu tiên tham

chánh, ông đã được vua khen: “*Người Nam Kỳ như Phan Thanh Giản, lòng ngay chí chắc, học rộng tài cao, phải khuyến khích.*” Sau đó, ông lần lượt giữ các chức vụ: Hàn lâm viện biên tu, Lang trung bộ Hình (1827), Tham hiệp tỉnh Quảng Bình (1828), Hiệp trấn tỉnh Quảng Nam (1828), Quyền nhiếp Tham hiệp tỉnh Nghệ An (1829), Lễ bộ tả thị lang và tham gia nội các (1830), Hàn lâm viện kiểm thảo sung Nội các hành tẩu và Hộ bộ viên ngoại lang (1832), Đại lý tự khanh sung Cơ mật viện đại thần (1834), Kinh lược trấn Tây (1835), Tuần phủ Quảng Nam (1836), Thống chánh sứ và Phó sứ rồi Hộ bộ thị lang (1839).

Dưới triều Thiệu Trị, ông làm Phó chủ khảo trường thi Thừa Thiên (1840), rồi Phó đô ngự sử Đô sát viện (1847).

Dưới triều Tự Đức ông phụ trách giảng dạy và điều khiển trường Kinh Diên là nơi giảng sách và bàn luận thơ văn của vua Tự Đức. Năm 1849, ông làm Thượng thư bộ Lại kiêm Cơ Mật viện đại thần. Năm 1850, ông được cử vào trấn nhậm miền Tây Nam Kỳ cùng với tướng Nguyễn Tri Phương. Sau đó làm Kinh Lược sứ Nam Kỳ. Trong thời gian này do sự tận tụy và liêm chính trong công cuộc an dân và khai khẩn vùng đất mới, ông được vua Tự Đức thưởng tẩm kim khánh có khắc 4 chữ “Liêm, Bình, Cần, Cán”. Đến năm 1856, ông được vua Tự Đức giao làm Tổng Tài Quốc sứ quán coi việc biên soạn bộ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*. Bộ Quốc sử đồ sộ giá trị này được hoàn thành trong 3 năm 1856-1859 và được in năm 1884 gồm 53 quyển.

Ngoài ra, ông còn được cử đi sứ sang Pháp, Tây Ban Nha, Trung Hoa và nhiều nước khác.

Nhìn qua các chức quan ông đã đảm nhiệm đều là những chức vụ cao cấp và quan trọng từ trong triều cho đến vùng biên cương. Tuy nhiên, quan lộ của ông cũng không thiếu những giai đoạn gập ghềnh với 7 lần bị khiển trách hay bị giáng chức:

Lần thứ nhất, vào năm 1831 khi đang làm Hiệp trấn Quảng Nam ông bị giáng xuống làm Tiền quân hiệu lực vì bị thua trận khi được phái đi dẹp cuộc nổi loạn của dân tộc thiểu số do Cao Gông cầm đầu ở Chiên đàn, phía bắc tỉnh Quảng Nam.

Lần thứ hai vào năm 1836 ông bị giáng từ hàm tòng nhị

phẩm xuống hàm lục phẩm là một chức quan lo việc quét dọn bàn ghế trong cung đường vì đã can gián vua Minh Mạng trong chuyển ngự giá tuần thú Quảng Nam với lý do dân tình lúc đó đang đói kém.

Lần thứ ba vào năm 1838 ông bị giáng làm Lang trung biện lý hộ sự vì lỗi thuộc viên sơ ý không đóng dấu triện vào một tờ sớ tấu đã được vua bút phê.

Lần thứ tư vào năm 1839 ông bị giáng chức vì vua Minh Mạng cho ông có tư tưởng bè phái vì ông không ký vào bản án Cơ Mật Viện buộc tội Tổng Đốc Bình Định Vương Hữu Quang xin vua bãi bỏ bản tước Lôi Phong Thập với lý do võ tướng có lời lẽ chế nhạo, bôi bác Trời, Đất và Thần linh.

Lần thứ năm ông đang từ Thông chánh phó sứ bị giáng 1 cấp vì tội bất cẩn khi làm Phó Chủ khảo trường thi Thừa Thiên ông để lọt một bài phú mắc lỗi trùng vụn của thí sinh.

Lần thứ sáu vào năm 1862 ông bị giáng chức vì thất bại trong việc điều đình với thực dân Pháp để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông của Nam Kỳ Lục Tỉnh.

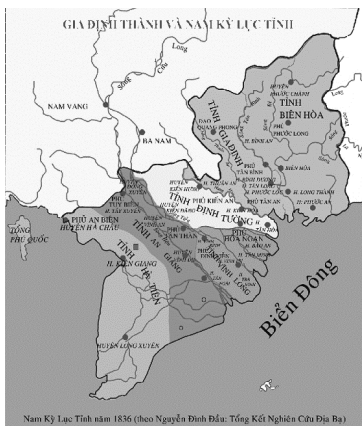
Lần thứ bảy vào năm 1868 tức 1 năm sau ngày ông tự tử vì để mất luôn 3 tỉnh miền Tây cho quân Pháp, vua Tự Đức đã hạ lệnh trăm giam hậu, tước hết mọi chức hàm và cho đục bỏ tên ông trên bia Tiến sĩ.

Ông Phan Thanh Giản trong suốt 41 năm tận trung làm bốn phận của một quân thần cho triều đình nhà Nguyễn đã hưởng nhiều ân sủng của vua cũng như nhiều đắng cay trong hoạn lộ với 7 lần bị giáng chức. Lần bị giáng chức đầu tiên xét ra khá nặng và có phần oan ức cho ông vì để một văn quan cầm quân dẹp loạn và thua trận thì dĩ nhiên để dự đoán nên tội không phải ở người cầm quân mà tội phải ở nơi lãnh đạo cao hơn đã sử dụng không đúng người, đúng chỗ. Bốn lần bị giáng chức tiếp theo sau đó đều do nguyên nhân có tánh cách phong kiến trong đó vua có quyền tuyệt đối có thể xử phạt bất kỳ ai vì bất cứ lý do gì, đôi khi vô lý. Vì vậy, các quan chức hàm nhứt nhị phẩm có thể vì làm phật lòng đấng quân vương bỗng trở thành lính gác hoặc lính quét dọn cung đường như trường hợp của ông Phan Thanh Giản, hoặc như ông Nguyễn Công Trứ và nhiều nữa...

Riêng hai lần bị giáng chức thứ sáu và thứ bảy mới đáng cho ta quan tâm và truy xét cặn kẽ vì tánh chất quan trọng đặc biệt của nó. Thất bại trong việc chuộc 3 tỉnh miền Đông rồi mất thêm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ vào tay thực dân Pháp là một trọng tội với lịch sử. Nhưng sự buộc tội đó của vua Tự Đức cũng như của nhiều người khác sau này có công bình đối với Khâm sai Đại thần Phan Thanh Giản không?

Hoàn cảnh lịch sử của việc mất Nam Kỳ Lục Tỉnh

Để hiểu rõ hơn về nguyên do của việc mất Nam Kỳ ta nên quay về với thuở xa xưa của giai đoạn lịch sử trong đó ông Phan Thanh Giản đã sống. Nam Kỳ dưới thời chúa Nguyễn là vùng đất mới được mở mang khai khẩn và được chia ra làm 3 dinh (dinh là đơn vị hành chánh tương đương với Vùng hay Khu ngày nay) và một trấn. Đó là Biên Dinh (Biên Hòa), Phiên Dinh (Gia Định) và Long Hồ Dinh (Vĩnh Long) và Hà Tiên trấn. Vùng Long Hồ hay Vĩnh Long thời đó rất rộng bao gồm luôn một phần tỉnh Bến Tre và cả tỉnh Trà Vinh và là bộ mặt trung tâm của sinh hoạt văn hóa miền Tây.



Vùng đất miền Tây ban đầu không liền một giải nhưng dần dần được mở rộng một phần do chánh sách xâm thực của chúa Nguyễn, một phần do các vị vua Miên dâng hiến đất sau khi thua trận hoặc nhờ che chở nên đến năm 1787 toàn miền

Nam được nằm dưới quyền kiểm soát của chúa Nguyễn. Từ đó toàn miền Nam chánh thức được mang tên là Gia Định Thành và chia ra làm 4 trấn là Phiên trấn (Gia Định cũ), Biên trấn (Biên Hòa), Vĩnh trấn (Vĩnh Long, Long Hồ), và Định trấn (Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu). Vào năm 1808, vua Gia Long đặt thêm một trấn nữa là Hà Tiên trấn (Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau). Tất cả 5 trấn này bao trùm cả miền Nam và do Tổng Trấn Lê Văn Duyệt cai quản với quyền hạn rộng rãi của một Phó Vương. Nhưng sau khi Tổng Trấn Lê Văn Duyệt qua đời vua Minh Mạng liền bãi bỏ chức Tổng Trấn Gia Định và chia đất miền Nam thành 6 tỉnh gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh gồm 3 tỉnh miền Đông là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 3 tỉnh miền Tây gồm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Đứng đầu mỗi tỉnh là quan Tuần Phủ, hai hay ba tỉnh có một quan cai quản phối hợp gọi là Tổng Đốc.

Dưới thời Tự Đức, nhà vua đặt thêm một chức để cai quản toàn miền Nam là Kinh lược Đại sứ. Năm 1850, Thượng Thư bộ Công Nguyễn Tri Phương được cử làm Kinh lược Đại sứ Nam Kỳ kiêm Tổng đốc Định-Biên (Gia định + Biên hòa) và kiêm Tổng Đốc Long-An (Vĩnh long + An giang). Năm 1851, ông Phan Thanh Giản được cử làm Kinh lược Phó sứ phụ tá cho Kinh lược Đại sứ Nguyễn Tri Phương. Kinh lược Phó sứ đặt tổng hành dinh tại thành Vĩnh Long và chẳng bao lâu sau ông phải đảm trách phần vụ đối phó với ý đồ xâm lấn của thực dân Pháp.

Giữa thế kỷ 19, các nước phương Tây với tham vọng tìm đất thuộc địa để khai thác tài nguyên nên tranh đua cho chiến thuyền đi khắp nơi gây hấn rồi xâm chiếm các quốc gia yếu kém. Nước Đại Nam từ triều vua Minh Mạng nếu so với các nước phương Tây thì yếu kém về mọi mặt vì hầu hết hàng quan lại vẫn còn say ngủ trong nền văn hóa Nho giáo tầm chương trích cú lỗi thời. Họ tự giam mình trong những giáo lý cứng ngắt xưa cũ của thánh hiền để quay lưng lại với mọi trào lưu tiến bộ trên thế giới. Riêng ông Phan Thanh Giản vì nhiều lần được cử đi sứ sang Trung Hoa, Singapore, Pháp, Tây Ban Nha... nên đã tận mắt thấy sự văn minh tiến bộ của các quốc gia này. Do đó, Ông cũng như ông Nguyễn Trường Tộ nhiều lần dâng sớ lên nhà vua xin canh tân đất nước. Nhưng vua và triều thần thủ cựu đều không nghe

và khước từ mọi đề nghị canh tân.

Triều đình chẳng những không nghe theo những đề nghị canh tân của các trí thức cấp tiến mà còn, từ triều Minh Mạng trở về sau vì e ngại chánh sách “cố đạo đi trước quân sĩ theo” sau nên ra lệnh cấm mọi sự truyền bá đạo Chúa và bế môn tỏa cảng không giao thương với các nước phương Tây. Hậu quả của các việc làm này là các chiến thuyền của Pháp do Rigault de Grenouilly cầm đầu vào năm 1847 đã đến nã đại pháo vào thành Đà Nẵng làm triều đình Huế rung động. Từ vua đến các quan đại thần cùng bưng bình thì mọi chuyện đã quá trễ không còn cơ hội để thay đổi được nữa! Trong lúc vua quan nhà Nguyễn còn đang lúng túng chưa biết phải đối phó ra sao thì chiến thuyền Pháp trở lại phá sập hầu hết các đồn lũy ở Đà Nẵng lần thứ hai vào năm 1857 trước khi kéo quân vào đánh chiếm thành Gia Định một cách dễ dàng vào năm 1859, sau đó kéo quân tiến đánh Biên Hòa, Định Tường... Đang trên đường thắng lợi thì tại chánh quốc Pháp đang bị khó khăn về tài chánh và mặt khác vùng lãnh thổ chiếm được quá rộng không đủ quân số để kiểm soát, chỉ huy đoàn quân viễn chinh của Pháp đề nghị muốn dừng binh và thương thuyết với triều đình Huế để xin được tự do truyền đạo và buôn bán với nước Đại Nam.

Triều đình hội họp bàn cách đối phó, các quan chia làm hai nhóm là nhóm chủ hòa trong đó có Phan Thanh Giản, Trương Đăng Quế,... và nhóm chủ chiến trong đó tiêu biểu có Tô Linh, Phạm Hữu Nghị... đang bàn luận cù cửa chưa đi tới đâu thì được tin 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ và Vĩnh Long đã rơi vào tay quân Pháp. Triều đình Huế bèn giao cho 2 ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp nhiệm vụ khó khăn nhứt, là thương lượng với thực dân Pháp để ở trên bàn hội nghị dành lấy lại những cái đã mất trên chiến trường. Triều đình Huế muốn chuộc lại 3 tỉnh miền Đông bị mất, vì miền Nam là quê hương của Từ Dũ Thái Hậu, là đất khai nguyên của nhà Nguyễn, sau nữa nếu không thu hồi được thì miền Tây bị cắt lìa và cô lập với phần còn lại của Việt Nam tạo ra nhiều khó khăn trong việc liên lạc và mất nguồn

cung cấp lương thực cho cả nước.

Vì ở trong tình trạng bất lợi hoàn toàn do nơi sự bất quân bình giữa binh lực của hai bên nên dù hai ông Phan và Lâm đã cố gắng điều đình nhưng cuối cùng phía Việt Nam đành phải bắt buộc ký hòa ước với Pháp ngày 5 tháng 6 năm 1862 trong đó Pháp chịu trả Vĩnh Long lại cho Việt Nam nhưng triều đình Huế phải chánh thức nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn (tức Côn Đảo) và bồi thường chiến phí 4 triệu đồng (tương đương 288 ngàn lượng bạc) trong vòng 10 năm.

Việc chuộc đất bất thành lại còn ký một hòa ước quá thua thiệt đã khiến vua Tự Đức khiển trách hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp là đã làm một việc *“không những là người có tội với triều đình nhà Nguyễn, mà còn mắc tội với muôn đời”*! Tuy khiển trách ông Phan Thanh Giản sau đó vua Tự Đức vẫn bổ nhiệm ông làm Tổng Đốc Vĩnh Long. Rồi vào năm 1863 lại cử ông làm Chánh sứ cùng Phó sứ là Phạm Phú Thứ dẫn đầu một phái đoàn gồm 63 người đi sứ sang Pháp và Tây Ban Nha để trực tiếp diện kiến vua Pháp là Napoleon III xin chuộc 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ.

Sau một tháng điều đình Aubaret đại diện cho chánh phủ Pháp và Phan Thanh Giản ký một bản tạm ước gồm 21 điều khoản sửa đổi hòa ước 1862. Đại cương các điều khoản qui định là Pháp chấp thuận trả lại cho vua Việt Nam 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ nhưng vẫn giữ Saigon, Thủ Dầu Một và Mỹ Tho làm nhượng địa. Ngoài ra, triều đình Huế phải thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ. Các điều khoản về tự do truyền giáo, về thương mại và thông thương v.v... vẫn giữ nguyên như trong Hòa Ước 1862.

Khi hay tin này, bọn thực dân Pháp có ý đồ thôn tính cả nước ta làm thuộc địa trong đó có Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Chasseloup Laubat, Thống sứ Nam Kỳ Bonard, tướng De La Grandière cực lực phản đối nên cuối cùng vua Napoleon III hủy bỏ tạm ước đã ký giữa Aubaret và Phan Thanh Giản và đòi Việt Nam phải thi hành Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862.

Khi trở về nước tường trình mọi việc lên triều đình, vua

Tự Đức phong ông Phan Thanh Giản làm Kinh lược Đại thần có nhiệm vụ vừa trấn giữ 3 tỉnh miền Tây vừa thi hành Hòa ước 1862. Nhờ đã đi Pháp để điều đình và đã thấy được thực lực sức mạnh của quân Pháp cũng như tình trạng vô vọng của tình thế nước nhà, ông Phan Thanh Giản đã từ khước sự bổ nhiệm và xin được về hưu. Nhưng nhà vua không chấp thuận sự cầu xin, do đó ông đành phải nhận trách nhiệm mà trong tâm trí hẳn ông đã biết tương lai của chánh ông và đất nước sẽ như thế nào rồi.

Bị cô lập với triều đình nên 3 tỉnh miền Tây sau đó không lâu cũng bị quân Pháp chiếm đoạt dễ dàng khiến ông phải tự tử để nhận tội với vua với nước nhưng vua Tự Đức vẫn không quên ban cho ông bản án nặng nề trăm giam hậu và đục bỏ tên ông khỏi bia Tiến sĩ.

Luận về công tội của cụ Phan Thanh Giản

Luận về công tội của cụ Phan Thanh Giản là một vấn đề hết sức phức tạp và tinh tế. Để được công bằng ta phải xem xét lại bối cảnh xã hội cụ thể với tất cả mối quan hệ phức tạp của hoàn cảnh gia đình, văn hóa, cũng như các yếu tố lịch sử đã chi phối đời sống cá nhân và quan trường của cụ.

Nhìn lại cuộc đời của cụ, ta phải công nhận cụ Phan Thanh Giản là một con người đa diện. Trước tiên, cụ là một người hiếu học có đầu óc khoáng đạt vì đó là đặc tính chung của những con người sinh ra và trưởng thành ở vùng đất mới Nam Kỳ Lục Tỉnh. Do đất đai phì nhiêu nên lúa gạo dư thừa, và sông rạch đầy cá tôm nên người dân có cuộc sống ung dung, thóai mái và rộng rãi thương người. Ngoài ra, do đất rộng và tài nguyên thiên nhiên đầy đủ, chỗ nào ở không được hay bị áp bức thì họ tìm đến một nơi khác để ở và làm ăn, không có gì ràng buộc họ được. Hoàn cảnh đặc biệt đó đã tạo nên ở người dân Nam Kỳ một tánh khí phóng khoáng, thích tự do, dễ chấp nhận cái mới, không chịu ép mình vào một khuôn phép cũ nào.

Vì có tánh khí như vừa nói nên đa số dân miền Nam ít chú tâm đến việc học hành cao hay tranh đua trong việc thi cử để được làm quan cho triều đình. Trong khi đó tại hai miền Bắc

và Trung Nho giáo được truyền bá sâu rộng từ bao nhiêu đời nên không khí đua tranh trong việc học và thi cử có vẻ sôi động hơn. Đó cũng là lý do vì sao mà mãi đến kỳ thi năm 1826 mới có người từ miền Nam đầu tiên và duy nhất là cụ Phan Thanh Giản có tên trong bảng vàng Tiến sĩ năm đó.

Tiếp theo, cụ rõ ràng là người thấy nhiều hiểu rộng, một ông quan tận tụy, và một quân thần tận trung với vua với nước. Cụ cũng là một người có tánh nhẫn nhục một cách hiếm có vì tuy đang giữ các chức quan quan trọng nhưng khi bị vua phần nộ giáng xuống làm lính thú trong đội quân tiền phong đi dẹp loạn ở Quảng Nam cụ Phan vẫn tuân hành kỷ luật nêu gương dũng cảm làm mọi người cảm phục và khiến nhà vua giác ngộ triệu cụ về và phục chức cho cụ.

Bên cạnh cuộc sống của một công bộc cụ Phan còn là một nhà thơ giàu tình cảm. Thơ văn của cụ Phan cho thấy cụ là một nhà nho an bản lạc đạo, coi trọng gia đình, sống có tình với bạn bè, anh em, thương lo cho dân là những mục đích chân chánh của đời mình. Ngoài ra, thuở thiếu thời cụ đã sống và học hành với một vị sư ở chùa làng Phú Ngãi trong một thời gian dài nên tư tưởng từ bi của Phật không nhiều thì ít đã thấm vào tiềm thức của cụ. Và trước khi được phái vào trấn nhậm miền Nam cụ đã chứng kiến những thảm họa cũng như sức mạnh quân sự của quân Pháp khi họ đánh phá Đà Nẵng với cảnh dân lành bị thương vong, nhà cửa tan hoang, làng xóm điêu tàn. Những trải nghiệm đó chắc chắn đã ảnh hưởng không ít vào cách hành xử của cụ khi làm Khâm Sai Đại thần xứ Nam Kỳ sau này.

Về mặt xã hội vì nhờ được đi sứ nhiều nước cụ đã thấy được trình độ văn minh và tiến bộ của các thế lực thực dân như Pháp, Anh, Tây Ban Nha đang lâm le xâm lăng lãnh thổ Đại Nam. Trong khi đó, vua và triều đình một mặt cưỡng bách dân chúng lao động để xây dựng các thành quách, lăng tẩm khiến dân chúng cơ cực và bất mãn, mặt khác lại đắm mình trong cuộc sống xa hoa, không quan tâm đến việc canh tân đất nước như cụ và nhiều sĩ phu tiến bộ khác đã nhiều lần đề nghị. Trước thế cuộc đau lòng đó cụ Phan chỉ còn đành ngậm ngùi gởi nỗi lòng qua mấy câu thơ:

*Từ ngày đi sứ Tây Kinh
Thấy việc Âu Châu phải giật mình
Kêu rú đồng ban mau thúc dấy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin...*

Cụ “năn nỉ chẳng ai tin” vì đa số các nho sĩ trong triều cũng như ngoài triều đều bảo thủ và lạc hậu. Họ không thể tưởng tượng được rằng Âu châu có các phát minh tân kỳ như đèn điện, tàu hỏa, cầu sắt, đường lát đá.... Và vì cụ là người nhiều tình cảm nên những nghịch lý đó đã khiến cụ thành con người yếm thế. Rồi với não trạng đó cộng thêm tâm tủi ẩn trong tim từ thuở thiếu thời cụ trở thành con người chủ hòa như các đồng liêu đã gán cho cụ là điều dễ hiểu. Bài thơ nôm cuối cùng cụ làm trước khi tự tử nhan đề *Tuyệt cốc* có thể là bài thơ tập hợp đầy đủ mọi khía cạnh bi kịch trong con người cụ Phan:

*Trời thời, đất lợi, lại người hoà,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Lắm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng, ruổi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ,
Vượt biển trèo non, cảm phận già.
Những tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba.*

Tất cả những yếu tố đó đã đan kết lại tạo thành nhân cách của cụ và tác động vào cách hành xử của cụ trong suốt con đường làm quan cho triều đình nhà Nguyễn. Trong cuộc đời làm quan đó cụ Phan đã chịu nhiều thăng trầm, nhiều vinh nhục nhưng nếu so với giai đoạn từ lúc cụ được bổ làm Kinh Lược Phó sứ để cai quản khu vực Nam Kỳ Lục tỉnh trở về sau cuộc đời cụ mới thực sự đã trải qua một giai đoạn nhiều khó khăn và bi hận nhất.

Về việc để mất Nam Kỳ, trước hết trong thực tế cụ Phan không “làm mất” 3 tỉnh miền Đông, cụ chỉ không “chुộc” lại

được 3 tỉnh ấy mà thôi. Sau nữa, trong một hoàn cảnh lịch sử hoàn toàn bất lợi về mọi mặt cho nên ta không thể qui hết trách nhiệm cho cụ được. Trong chánh trị không phải cứ có tội hay không hoàn thành nhiệm vụ là phản quốc. Do đó có thể nói cụ Phan vẫn là một người yêu nước vì cụ đã làm hết sức mình dù kết quả không được như nhà vua kỳ vọng.

Nguyên nguyên của tấn bi kịch lịch sử nơi cụ Phan là ở chỗ cụ đã được uốn nắn trong cái học xưa cũ coi triều đình là xã tắc, là nước nhà. Cho nên lúc vua sợ giặc mà dân chống giặc, cụ Phan Thanh Giản cũng dần dần rơi vào bế tắc trên một lập trường chánh trị chiết trung. Chánh trong cái tâm thể lưỡng phân vừa mong ái dân vừa muốn trung quân đó khi phải điều đình với thực dân Pháp cụ Phan đã bị bó tay trước quá nhiều áp lực. Đầu tiên cụ muốn tránh tai ương cho dân lành và tiết kiệm xương máu cho quân sĩ vì thực tế cho thấy tình thế không thể cứu vãn được nữa vì so với quân Pháp lực lượng của ta yếu kém về mọi phương diện. Lại thêm thực tế phủ phàng là quân ta lúc đó đang bị thảm bại trên khắp các mặt trận thì thử hỏi làm thân chiến bại ai có thể đòi hỏi những điều tốt hơn những điều cụ Phan đã bắt buộc phải chấp nhận trong Hòa Ước Nhâm Tuất 1862.

Sau vụ thất bại trong việc điều đình chuộc 3 tỉnh miền Đông, vua Tự Đức đã kết tội cụ thì đáng lý vua không nên cử cụ cầm đầu phái đoàn đi Pháp để điều đình với vua Napoleon III hay sau đó còn bỏ cụ làm Khâm sai Đại thần phụ trách cai quản toàn miền Nam. Triều đình không có ai tài giỏi và thích hợp hơn cụ chẳng? Đàng này vua Tự Đức lại tiếp tục giao phó cho cụ những trách nhiệm quá nặng nề. Cụ Phan ý thức được sức mình và tình thế nên đã không nhận và xin được về hưu. Nhưng nhà Vua vẫn ép buộc cụ phải nhận, nên vì tận trung với vua tức là với nước cụ đành phải “vượt biển trèo non cam phận già”!. Vậy có phải chăng vua Tự Đức cũng đồng tình với cụ Phan về những gì cụ đã làm? Hay nhà vua đã bất lực không có đối sách nào để giải quyết vấn đề trọng đại của đất nước nên dùng cụ Phan Thanh Giản làm chốt thí lãnh tội trước lịch sử thay cho vua? Còn bi tráng nào hơn phải đóng vai Lê Lai cứu Chúa?

Về việc đi sứ Pháp để chuộc lại đất là một sứ mạng bất

khả thi, nhưng cụ Phan và phái đoàn đã vận dụng mọi khả năng kể cả nước mắt nên đã đạt được một tạm ước. Nếu không bị nhóm thực dân chủ trương cướp đất thuộc địa bằng mọi giá phản đối như có trình bày ở trên thì phái đoàn của cụ đã đạt được một thành quả khá thuận lợi trong hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi. Tiếc thay chuyện không thành và khi trở về nước cụ lại được vua phong làm Khâm Sai Đại thần vào trấn đóng ở Vĩnh Long, vùng biên cương đang bị cô lập, để đương đầu với quân Pháp. Trong bàn cờ chiến lược, cụ chẳng khác nào con xe được sử dụng như một con chốt đơn độc bị đẩy qua sông! Cho nên chuyện phải đến đã đến.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 1867 tướng Pháp De la Grandière lấy cớ triều đình Huế đã dung túng các cuộc nổi dậy chống Pháp của nhiều sĩ phu Nam Kỳ như Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương... đã đem đại quân vây thành Vĩnh Long và trao tối hậu thư buộc cụ Phan Thanh Giản phải lên tàu của Pháp để hội đàm. Trong khi cụ đang điều đình ở trên tàu thì quân Pháp tráo trở cho quân đổ bộ chiếm thành Vĩnh Long. Sau đó, một phần bị ép buộc một phần vì nhận thấy tình thế đã hoàn toàn tuyệt vọng nên để cứu dân lành khỏi cảnh binh đao và quân sĩ khỏi bị tàn sát, cụ miễn cưỡng giao cả 3 tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên cho thực dân Pháp.

Nỗi đau và tánh bi kịch của cụ Phan là một mặt cụ rất mực trung thành với nhà vua, đồng thời cũng là người thực thi đường lối của triều đình, mặt khác cụ lại nặng lòng yêu nước thương dân. Mâu thuẫn đó đã đẩy cụ Phan đến chỗ bế tắc, chỉ còn biết lấy cái chết để kết thúc cuộc đời để bày tỏ nỗi lòng của mình. Cho nên sau khi để Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây, cụ Phan với sự tự trọng của một sĩ phu có tinh thần trách nhiệm và nhứt là không muốn *“thấy lá cờ ba sắc phất phới bay trên thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống”* nên đã bình thản tự kết liễu cuộc đời bằng độc dược với một ý chí quả quyết lạ lùng vào ngày 5 tháng 7 năm 1867, sau khi đã sắp đặt mọi chi tiết cho tang lễ của mình và nhịn đói 17 ngày trong căn nhà tranh nghèo nàn trong đó cụ đã sống suốt thời gian làm quan Kinh Lược sứ cai quản cả vùng đất Nam Kỳ khiến các quan chức thực dân Pháp

thời đó phải kính phục.

Trước việc để mất thêm 3 tỉnh miền Tây, vua Tự Đức và triều đình nổi giận đổ hết tội lỗi một cách lạnh lùng lên cụ Phan Thanh Giản, đúng ra là tội lỗi của chính triều đình nhu nhược và lạc hậu. Trong chiếu chỉ ngày 21 tháng 10 năm 1867 vua Tự Đức đã kết án cụ: “...Đến như *Phan Thanh Giản* thủy chung đều quanh quất, lời nói không xứng với việc làm, đem học vấn danh vọng một đời trút sạch xuống biển Đông, thật là táng tận lương tâm, quá đối phụ ơn.... Đi sứ không có công, giữ chức Kinh lược để mất ba tỉnh, hai tội đều nặng. Mặc dầu đã lấy cái chết tự phạt nhưng cũng không đủ đền bù cho trách nhiệm. Vậy cho truy đoạt chức tước phẩm hàm, đục bia tiến sĩ.”

Quả đây là một bản án quá bi thảm và đau xót cho một sĩ phu thanh liêm cả đời tận tụy quên mình, quên gia đình để báo quốc, báo hoàng ân. Cụ Phan đã tự tử và mang theo xuống tuyến đài nổi bi hận không thể tỏ cùng ai, ngàn năm không nguôi!

Vua Tự Đức kết tội cụ Phan nhưng người dân Miền Tây hiểu rất rõ công tội của cụ Phan rằng thời kỳ đó, triều đình Huế, đầu não của quyền lực quốc gia mới là nguyên nhân chánh để mất Nam Kỳ Lục tỉnh vì đã quá nhu nhược và bất nhất không có sách lược hữu hiệu để bảo vệ tổ quốc. Do đó, hàng vạn dân chúng Vĩnh Long đã tràn ra thương tiếc tiễn đưa linh cữu cụ Phan khi được đưa về mai táng tại làng Bảo Thanh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.



Trong tang lễ nhiều quan chức Việt và Pháp cũng tới phân ưu, trong đó ông Phạm Phú Thứ, một vị quan phụ tá của cụ trong đoàn đi sứ Pháp trong điệu văn đã ca tụng cụ Phan: “Một thân thờ ba triều, làm quan hơn bốn mươi năm, già hơn bảy

mười tuổi, rất từng trải kinh nghiệm, được tôn trọng và tin cậy trong triều cũng như trong dân gian. Học rộng phẩm cách tuyệt vời, dù hoàn cảnh trái ngược đến bao nhiêu, ngài cũng không bao giờ là người hại nước. Dù hoàn cảnh ngang trái thế nào, ngài vẫn giữ trọn tấm lòng cao thượng. “

Cụ Nguyễn Đình Chiểu nổi tiếng với tác phẩm *Lục Vân Tiên* đã làm một bài thơ khóc cụ, coi cụ Phan như một vị trung thần vị quốc vong thân:

*Non nước tan tành hệ bởi đâu
Dầu dầu mây bạc cõi Giao Châu
Ba triều công cán đôi hàng sớ
Sáu tỉnh cương thường một gánh sầu
Trạm bắc ngày trông tin nhận vắng
Thành nam đêm quạnh tiếng chim sầu
Minh tinh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mịt gió thu.*

Và trong bài *Văn tế lục tỉnh sĩ dân trận vong*, nhà thơ Đỗ Chiểu một lần nữa nêu cao sự tiết liệt của Trương Công Định và tấm lòng “Phan học sĩ hết lòng cứu nước”:

“Phải trời cho mượn cán quyền phá lỗ, Trương tướng quân còn cuộc nghĩa binh

“Ý người đang xem tấm bản phong trần, Phan học sĩ hết lòng cứu nước» .

Ngoài ra, nhiều trí thức đương thời cũng tỏ lòng chia sẻ những nỗi niềm bi hận của cụ, trong đó có quan Đốc học Nguyễn Thông đã từng dâng sớ lên vua Tự Đức để giải bày nỗi oan cho cụ Phan Thanh Giản. Nhưng phải đến 10 năm sau tức năm 1886 vua Đồng Khánh mới khai phục nguyên hàm Hiệp tá đại học sĩ cho cụ Phan và cho khắc lại tên cụ ở bia Tiến sĩ.

Dân chúng Vĩnh Long nói riêng và toàn Nam Kỳ nói chung cũng tỏ sự ngưỡng mộ tấm lòng “Minh tinh chín chữ lòng son tạc” của cụ nên ngay sau khi cụ tuấn tiết, đã đưa linh vị của cụ vào thờ ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long, là cơ sở cụ Phan đã góp công tạo dựng khi còn sanh tiền. Ngoài ra, dân ở vùng núi

Ba Thê, thuộc huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang cũng có đền thờ cụ Phan và coi cụ là một vị thần, và tại Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương cũng có một ngôi đình thờ cụ chúng tỏ cụ Phan là một vị quan có nhân cách được dân gian kính trọng qua nhiều đời cho đến ngày nay.



Để tỏ lòng ngưỡng mộ một người hết lòng vì dân vì nước, một quan đại thần thanh liêm và tiết liệt, trước năm 1975 tại nhiều thành phố đã dùng tên Phan Thanh Giản để đặt cho tên Trường học và đường phố cũng như dựng tượng ở nhiều nơi. Từ sau năm 1975, tất cả những trường học, đường phố, kể cả các tượng đều bị dẹp bỏ.

Qua tất cả sự kiện lịch sử và những lý luận vừa trình bày, ta phải thừa nhận cụ Phan Thanh Giản là nhà trí thức nặng lòng yêu nước thương dân đã góp nhiều công lao trên nhiều lãnh vực chánh trị, ngoại giao và văn hóa. Cụ được người đời kính trọng về tính cương trực, khảng khái, hiếu nghĩa, thanh liêm. Cụ Phan Thanh Giản không thể là người bán nước được. Cụ Phan chỉ là nạn nhân của thời đại, bị lâm vào cảnh bế tắc, bị kịch trong một bối cảnh trầm luân và đau thương của đất nước. Tuy vậy với khí tiết của một sĩ phu cụ Phan đã chứng tỏ sự trung dũng bằng hi sinh mạng sống để giữ trọn lòng trung với vua, với nước và sự không chịu hợp tác với Pháp.

Tóm lại, cụ Phan Thanh Giản là người có công hơn là có tội và đáng được ngưỡng mộ như một nhân cách lớn gồm đủ nhân, trí, dũng. Cụ Phan đích thực là một người yêu nước và là một tấm gương sáng xứng đáng cho muôn đời sau noi gương.

NGUYỄN MINH TRIẾT

Tài liệu tham khảo:

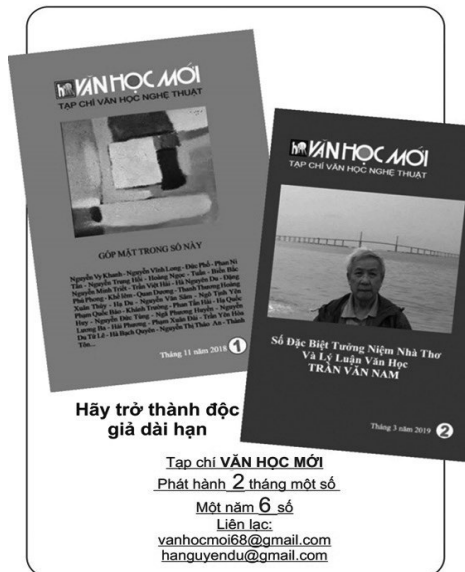
Nhóm Giáo sư, Sinh viên Đại học Sư Phạm Sài-Gòn, Tập San Sử Địa số 7+8, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (1796 – 1867), Nhà Sách Khai Trí xuất bản – 1967.

Phan Thanh Giản hay “Cuộc hòa bình dang dở Pháp Việt 15-07-1864”

<https://sites.google.com/site/namkyluctinhorg/tac-gia-tac-pham/s-t-u-v/van-ba/phan-thanh-gian-hay-cuoc-hoa-binh-dang-do-phap-viet-15-07-1864>

<https://hoamunich.wordpress.com/2012/04/06/loi-long-phan-thanh-gian/>

NGUYỄN MINH TRIẾT



NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC
đà-lạt, nơi đó

1

nặng lòng là bởi
xuân đang tới
và cây đang rộ rã lên mầm
ta đã đi
chưa chào em, đà-lạt!

2

lên mãi, thì mây mây vẫn mây
nửa vòng trái đất xẻ tới ngày
chiêm bao bỗng thấy đêm về chật
tiếng thở ai phào đột cánh bay

đá chẹn chồn treo trướng dậm đuổi
đốt tươi rừng lá phải bao nhiêu?
đèo nhô đường bầy dây giàn liếp
sáng mới đầu thai bụi đã nhiều

cheo leo mỏm nhỏ cây chườm quần
bện tóc ai, rồi, ta nhớ lắm!
kết sim
dấp suối
ngàn thung lặn

3

chỉ đà-lạt có căn nhà đó
đỉnh chon von lẩn bước về mưa
mà trong rắng mật pha màu cỏ
mới hiển hiện em phù thuật xưa

thơ vẫn ca ngời em thiếu nữ
len dây đội mũi nhũ hoa lên
sách tôi mỏng quá ôm mà ngượng
ngập đến va vào lộn dốc quen

kéo quân chỉ gió rối vành khăn
mỗi gối đầu qua kết hội rằm
áo tím mũ thêu ngôi tựa lẳng
nhạc cả nghìn và sắc cả trăm

lật thánh thư thơm thời thượng cổ
sương hồ vắt nửa buổi giông khe
chay tâm lạy hỏi trời trang khó
nguyệt vẽ bùa lem đốm ngủ mê

chim vén màn ngày bên cửa kính
giảng đường vào đến hồn chưa định
mắt ngơ lối bướm hiểu theo vần
triết học tình như gái côi âm

NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC
02-2022

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Những ngày tháng tuổi trẻ lang bạt với Sa Chi Lệ và một chút luận đàm về văn nghệ hy sinh

*T*hất thập cổ lai hy, cổ nhân thường suy gẫm từ tuổi 70 hiếm có trong vòng sinh tử của cuộc đời. Người nhân thế cũng vậy, hầu như trong khoảng sinh thời này đều ít nhiều suy tưởng, như lão nhân gian đang đứng ngoài vòng cương tỏa. Khoảnh khắc này, người hữu trí xem tương lai là hiện tại, chỉ còn một lối mòn sau vách đá của tháng năm qua là những ảnh tượng một thời, cứ trôi nổi lờn vờn chung quanh ký ức. Quả tình, với lão thiên thu thì chỉ còn quá khứ là điều cốt lõi hằng giây hằng phút miên diễn trên sân khấu trí nhớ hiện tại.

Đối với người nặng nghiệp văn chương, hầu như trong tiềm thức cũng chất đầy lớp lang những khúc phim dĩ vãng, thoảng lướt trong những thời khắc trầm ngâm bên cơn gió thu vàng, hay dưới bóng hoàng hôn chợt giăng trước sân nhà, những chiếc ráng chiều lẻ loi rơi trên góc trời tắt nắng thu không.

Sự cô đơn là điều dễ hiểu, với một người làm thơ trước nhân thế trùng khơi, đâu cũng là nhà. Hình như, sự cảm ngộ lẻ loi trong quãng đời hiện hữu đang trôi đi. Sự lãng bạt tâm thức và tài hoa của một thư sinh nhỏ nhoi đang đặt bước chân rụt rè trên lối mòn của khu vườn văn nghệ. Quả thật, những ấn tượng đó cộng thêm nhiều cơn giông gió suốt cuộc hành trình, một là thúc đẩy thế nhân phải bước sâu vào nghiệp chương văn khúc, hai là sự bất biến chứng quả vào hành trang lãng du cho thơ trải rộng theo quan điểm sáng tạo.

Trên đời, kể cả văn nghệ khi những chiếc bóng nhân gian

mặc nhiên quần tụ thành một nhóm tri kỷ, thường là những nhân tố có cùng những điểm thích hợp trong mọi hoàn cảnh như nhau. Chính vậy, kẻ tha phương lưu lạc cùng tâm huyết thường nổi bước chung vai một hướng nhân quả. Người làm thơ cũng ngả nghiêng theo nhân thế như vậy. Chính thế, Sa Chi Lệ của 50 năm trước chiêm nghiệm, mà bây giờ mới thú nhận: *Trời sinh ta đây làm thi sĩ/ Còn em suốt đời làm tình nhân/ Mỗi gổi chùng chân nơi địa ngục/ Tình yêu đây mãi kiếp thi nhân.*

Tôi bắt gặp một nhà thơ trẻ tuổi đó, từ những năm 1966. Sự xuất hiện lang bạt kỳ hồ với sự hoang vắng, gió sương, hình như còn có một chút gì ngơ ngác trên trường đời, và vướng víu chút khinh bạt ngông nghênh của tuổi trẻ. Thời của chúng tôi là thời của chiến tranh, mọi cuộc sống đều hướng ngoại, như thời xuân thu chiến quốc xa xưa. Nhưng với người làm văn nghệ thì những tang tóc trên quê hương đất nước, và sự vô tình của đạn bom, mà hình ảnh người chết hai lần như lời nhạc Trịnh Công Sơn, thật bi thống. Trong khi, với bằng hữu chung hướng thì niềm tin văn nghệ nhiều lúc nói lên tiếng nói tuổi trẻ, còn là bất cần trong kiếp sống trôi dạt giữa quê hương, và giữa tri kỷ:

*Lạ sao thơ chưa tròn mà ý đã bay xa
Thú làm sao uống nguyệt lừng lừng nửa bầu thỏ dốc
Ngất ngưỡng vỗ tay mời gọi tri âm bất đắc
Cổ mỉm cười xô lệch cô đơn bóng bạc đầu*
(Đôi Mắt Phù Sa)

Cuộc gặp gỡ tình cờ với chàng trai nhỏ nhắn đang làm thơ, là vào năm 1966. Tôi chưa hiểu biết gì những khoảnh khắc tiêu dao, trên lối sống lang bạt của người văn nghệ trước mặt. Bên nầy cầu Chữ Y, mọi sự thế thời loạn còn vướng víu 3 nhánh rẽ, như trái tim không bao giờ nguyên khối của một đất nước mà văn sử đã có gần 5000 năm văn hiến. Trên quê hương còn có rất nhiều con đường ngả năm/ ngả sáu /ngả bảy/ thì với những cây cầu Chữ U, Chữ Y... cũng phân đoạn như biểu hiện của tâm hồn ngàn năm lịch sử.

Chàng trai trẻ bước vội qua cầu như cơn gió xiêu lệch sau một cơn mưa nhẹ, đi tìm người tri ngộ (?). Đêm đó với tôi, Sa Chi Lệ vẫn là thêm một người bạn mới trong căn nhà nhỏ, mà thân sinh tôi chết vì mưa cách đây 2 năm, với ngọn đèn mờ tỏ, làm thư trang cho tôi khi từ quê nhà lên đô thị học tập. Thường xuyên như vậy, thư trang bao giờ cũng ấm cúng tiếng thơ, âm nhạc, tranh và ca cổ... của bằng hữu tứ xứ trú ngụ học hành, và sáng tác...

Dù nặng nề khí chất lãng du và hào khí vùng núi biên thùy, nhưng dù sao cũng tuổi trẻ khiến Sa Chi Lệ nhiều lúc cũng trở lại bản thiện, hòa nhã, khiêm cung... và nhất là tài hoa từ thi ca, đàn sáo, ngâm thơ, diễn và viết kịch... Chàng ta rất nhiều năng khiếu tuyệt vời trên phương diện nghệ thuật. Chính vì đa dạng như vậy, sự nghiệp văn chương và sự hy sinh cho nghiệp dĩ như ngày nay là chuyện ắt có và đủ, như những tán tụng của văn hữu. Dù vậy, Sa Chi Lệ vẫn khiêm tốn đứng vững vàng trên sân khấu văn nghiệp, đầy hào nhoáng của suốt một đời người:

*Cả đời ta diễn kịch
Không một tiếng vỗ tay
Em hiện hữu như mây
Bềnh bồng nhưng miên viễn*

.....

*Em có biết nỗi buồn con thuyền điểu
Đôi cánh kia chỉ chực vút lên trời
Ta tốt gươm thể suốt đời thúc ngựa
Dấu chiến trường bôi xóa tuổi tên ai!*
(Đôi Mắt Phù Sa)

Những năm tháng xa xưa không làm lãng quên bao nhiêu ký ức, dù là riêng rẽ từng người anh em bạn hữu. Bằng hữu văn nghệ của 21 tỉnh thành phía Nam xưa trân trọng thân thiết, không khác gì vùng núi đầy sơn lộ biên thùy, linh địa Tây Ninh và Thất Sơn Châu Đốc. Nỗi tâm linh và vùng đất văn chương đã như sợi mắc xích liên thông kỳ bí trói buộc nhau bằng tình người

và nghiệp dĩ văn hóa. Sa Chi Lệ là đầu mối, là người giữ đèn cho văn nghệ Tây Ninh thời ly loạn đó. Những anh em văn nghệ tỉnh nhà, đều qua sự liên kết của nhà thơ. Nên tôi hân hoan biết đến Từ Trầm Lệ, Trường Anh, Mộng Yên Hà (Hà Nguyên Du), Vũ Anh Sương, Điệp Thuyền Ly, Trần Thy Dã Tràng, Nguyễn Quốc Nam... khi các bạn hữu cùng ra sức chủ trương in ấn nhiều tác phẩm. Các nhà thơ cũng nhiều lần đăng thơ chung với tôi trên các báo như Ngàn Khơi, Văn, Tiền Tuyến, Khởi Hành, Phổ Thông, Sống, Đời...

Cuối năm 1966, khi tờ nguyệt san Trình Diện Tuổi Đất ra đời, nối tiếp các tạp san Hoa Xuân (1960), Thế Kỷ Mới (1964), Thể Hiện (1965), Hiện Diện (1966)... được xuất bản tại vùng Thất Sơn Châu Đốc, như tiếng nói của văn nghệ đồng bằng miền Tây, là tiền thân của Tạp chí Khai Phá và Nhà Xuất bản Khai Phá (năm 1969 – 1975). Thì tại vùng địa linh miền Đông Tây Ninh, Sa Chi Lệ và Trần Thy Dã Tràng... cho ra mắt tạp san Trần Gian vào năm 1967. Năm 1970 – 1973, Hồ Chí Bửu, Sa Chi Lệ, Trần Thy Dã Tràng, Vũ Anh Sương, Mộng Yên Hà và các nhà thơ lão thành như Từ Trầm Lệ, Trường Anh... chủ trương tờ Động Đất...

Ông say mê trong quá trình tạo dựng các tạp san văn chương, để chuyển tải cho những tiếng nói thơ văn. Sa Chi Lệ nhiều tâm nguyện phát huy khuynh hướng mới, cho nghệ thuật trên các tạp san Trần Gian, Động Đất. Nhưng thời cuộc bao giờ cũng trăm bước giữa các giấc mơ văn nghệ, nên không phải chỉ một Sa Chi Lệ đành gác lại ước vọng cho một thời.

Ngọn lửa Prométhé truyền thuyết vĩnh cửu mang lại hơi ấm và sinh tồn cho nhân sinh. Người nghệ sĩ cũng không ngoại lệ, như trách nhiệm thiêng liêng phải gánh vác trên vai sứ điệp truyền thống của tâm thức. Sự đày đoạ nghiệp chướng thể xác, ngơ ngẩn trong cõi người, để tiếp thu sáng hóa từ vật thể đến tâm linh, người làm văn nghệ là một kẻ lên đồng, một người giữ vườn... từ đền thiêng. Nói vậy, khác nào đưa nghệ thuật vào con đường vị nghệ thuật, tôn vinh không? Quả tình, tất cả mê cuồng trong ngọn lửa vĩnh hằng của nghệ thuật, thì phải phân trần với

thế sự sao đây? Nhiều khuynh hướng nghệ thuật, nhiều quan điểm sáng hóa (gần nhất như thơ tân hình thức, thơ vũ trụ / vd: *thơ mới Trần Văn Nam*, hội họa sắp đặt, âm nhạc R&P...). Thời gian, không gian không bao giờ vĩnh cửu, thì các khuynh hướng nghệ thuật cũng sẽ biến thiên theo hằng hà sa số ngân hà...

Độc thoại như vậy, để thấy rằng sự hy sinh một cách say mê điên cuồng như sự hy sinh của nhiều văn nghệ sĩ, là một điều tất nhiên trước một không - thời gian vô định. Sa Chi Lệ không phải là một, mà là một trong những đóm sáng trong khu rừng lập lờ đom đóm. Ngọn lửa lân tinh dù nhỏ bé với các vĩ nhân, nhưng cái có cái không không là giá trị to lớn gì cả, nhưng có còn hơn không. Bởi đóm sáng lân tinh trong rừng thẳm nghệ thuật đó, vẫn có thể le lói dẫn dắt khách lạc rừng, tìm chính kiến trên nghệ thuật, bằng cái rất nhỏ nhoi đó thôi, ai làm được?

Băng đi hơn 40 năm, trong buổi hoàng hôn năm 2015 tôi mới gặp lại người văn nghệ ngày nào. Thời gian biến biệt bước đi có bao giờ trở lại? Có chăng, những vết hằn trên khuôn mặt người xưa đã làm xa lạ và ngỡ ngàng của kẻ tìm về. Tất cả thay đổi khắc nghiệt trên mọi hữu thể. Chỉ chừng, là còn lại tấm lòng bao giờ cũng trải rộng trước ngưỡng cửa nhân gian. Sự gặp gỡ vẫn là những ca khúc ân tình cũ, thời thế đổi khác cách nhau gần nửa thế kỷ thì tắc lòng bao giờ cũng tuyệt diệu thiên thu.

Sa Chi Lệ vẫn cung cách hào hớn và lang bạt như ngày nào. Sự im lặng nhìn nhau, sự soi căn về kỷ niệm, sự thăm dò về sinh kế, và cung thỉnh văn chương, là điều không thể thiếu của một văn nghệ sĩ vẫn còn cầm ngọn mộc đăng, soi từng trang mạng chủ trương văn nghệ thuật bao la ở hải ngoại. Tôi đã hiểu, đó là cái nghiệp mà!

Ngày về, tôi mới có dịp đọc thêm những sáng tác mới của Sa Chi Lệ. Cũng như thấy rõ, bằng hữu có một chính kiến và chủ hướng nghệ thuật vì thế hệ mai sau. Sa Chi Lệ có tặng những tài liệu văn chương, sáng tác mới, mà nhà thơ vẫn như ngày nào,

bước vào cõi sống như bước vào giấc mơ lãng bạt:

Nhập giấc chiêm bao nào mơ ước
Bóng mình thấp sáng cuối chân mây
Tiếng hát bỗng vang vườn ẩn hiện

.....

Một túi thơ đầy văn lang bạt
Gian truân đốt cháy lạnh đôi bờ
Hơn nửa đời ta xây nuôi tiếc
Cuồng điên cao ngạo chỉ trong mơ!
(Fall in Love)

Thơ về chiều, nhưng những lá lướt sương khói vẫn tràn lan trong những khúc triều cương? Sa Chi Lệ bước vào thi ca từ 12 tuổi, nên những phong thái u tịch và mơ hoang vẫn phủ cho thơ vương một màu gió sương lãng đãng của hoa niên. Tôi thông thấu những âm hưởng, đượm đầy tư hướng trường giả trong cung cách tình thơ. Người làm thơ của một thời diệu vợi, mà nghe *ran rất phút triều cương*. Thơ bỗng chốc tạo nét thơ ngây của những tia nắng cuối ngày rơi êm đềm trên dĩ vãng, cái dĩ vãng của *ta hái si mê cài lên tóc/ mà nghe hơi thở quy quân vương*. Hoàng hôn, chim bay, hoa nở... mà gió sương ngập tràn trình tiết. Ô hay:

Tung cánh chim bay dật hoàng hôn
Đường xa hun hút thoáng trong hồn
Mà sao hoa nở tràn trình tiết
Ngập cả hồn ta tuổi gió sương
(Fall in Love)

Người ban cổ tri xưa vẫn phong lưu trên những bước thơ bay. Tất cả những tuyệt diệu trên ngôn ngữ chất chồng đầy những kỹ thuật, cho mùa thơ mới. Sa Chi Lệ tỏ ra bản lĩnh huyền biến trên con chữ, nhưng những êm đềm của hình ảnh trong thơ, vẫn là ảnh tượng muôn thuở của một dòng thơ đầy si mê:

*Em chột trong ta rừng nguyệt bạch
Ngọt ngào hơn tuyết đỉnh đam mê
Xòe tay nắm ngón tình chấp cánh
Quyến rũ trời mây lạc lối về
(Fall in Love)*

Chắc lũ khách sẽ nhận thấy trong bước đường lãng bạt, người thơ cũng muốn đưa tình thi vào cảnh tượng huyền linh mà đào mộ kỳ duyên xây trên đỉnh núi oan khiên. Thơ là vậy, mà người thơ là vậy... nét hóa thân cho ngôn ngữ nhập hình hài, người nghệ sĩ lang thang trên bóng đường chiều hôm, mà ông gọi là *thăng hoa tuổi hạc khúc huyền cơ*. Thơ như *sóng vỗ cồn khôn tràn nguyệt tận*, nhà thơ chuyển hướng hải hà cho thơ nặng nét riêng biệt ngắt ngưỡng mê hồn bên triền *huyền cơ*:

*Gật gù mi ngủ trên tay
Hồn ngây dại mọc trên đôi trăm năm
Trăm năm chắc cũng không bằng nửa
Cái mỉm cười em thuở trăng hoan
Ký xưa bỗng chốc biệt ngàn
Em ra tuyết đỉnh cung đàn tình yêu
(Valentines 14-2)*

Sự hóa thân nhiều biến tấu, như trong những vở kịch sân khấu nhiều vai trò cứ thay đổi ẩn hiện một cách hoạt biến. Chính vậy, thơ không nặng về trầm điệu, thơ Sa Chi Lệ càng có một hướng bước tới như những chiếc phong du. Tiếng gió lung linh thì thơ cũng réo rắc reo vang huyền ảo bằng những con chữ sử dụng tự nhiên, nhưng đầy bất ngờ, *bỉ ngạn, đào mộ, ảo vi, đỉnh oan khiên* v...v...

*Ô hay! Chung thủy thời thượng nhi
Ngả mũ chào mi! Thế giới ảo vi*

*Từ cõi nào thuyền uyên nguyên rời bến
Tiễn em đi sao rỉ máu tà dương*

*Bước lưu vong khua niềm đau nghiệt ngã
Em mời ta nhấp nháp rượu bạc tình
Ôi! Tuyệt diệu! Tháng tư mười hai mưa bở ngạn
Đào mộ kỳ duyên xây trên đỉnh oan khiên!*
(Hoàng Hôn Rỉ Máu)

Thật vậy, sáng tạo trên thơ nghĩa là phải sáng tạo trên ngôn từ, kẻ làm thơ có nhiều bản lĩnh để đưa thơ trở về bản lai diện mục của thi ca. Thơ Sa Chi Lệ hỗn nhiều, mà xác cũng nhiều. Phải chăng, *ta cứ ngỡ như thằng điên điên kịch/ hể ngu si trò xiếc điệu nghệ thường*. Nhà thơ nói vậy, như tự phỉ báng hạ thấp bút lực thơ mình. Phải thế không? Kẻ trí thường tỏ âm thầm lặng lẽ, nhưng dưới trăng hào khí tang bồng loang loáng trên nguyệt rỉ máu hoàng hôn.

Thơ hay là vậy.

*Hồn quá khứ ngẫu nhiên vừa tỉnh giấc
Quạt có bên trời mây gió túi ngây thơ
Em xé nát tim người! Ta gom lại
Liệm lá rừng tươi tả mảnh thủy chung*

*Ta gửi khói nguồn thơ tình treo cổ
Cống nổi buồn nặng trĩu tóc mây sương
Bóng đèn đường ngu ngơ soi bờ ngõ
Không còn ai! Còn ai! Chia sẻ nhịp ly hương*

*Người đi tuổi xế hai hàng kẻ
Đuối bất hủ không hạnh phút đây?
Em ơi! Trăng sáng mười hai nhĩ!
Chàng Vũ điên cuồng, sao biết ta cay!*

*Nửa gánh tang bồng vung gương hồ thi
Thì sá gì nguyệt Rỉ Máu Hoàng Hôn!...*
(Hoàng Hôn Rỉ Máu)

***Ghi chú: Bài nhận định tản mạn,
tặng Nhà thơ Sa Chi Lệ.
Sau gần 50 năm, tao ngộ...***

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

Thư trang Quang Hạnh

Tháng 06, năm 2020

SA CHI LỆ



A. TIỂU SỬ VĂN HỌC

Nhà thơ nhà văn Sa Chi Lệ sinh năm 1947 tại Chợ Vàm. Phú Lâm, Long Xuyên (An Giang). Ngoài thơ văn ông còn đa năng trên phương diện diễn ngâm, tổ chức và sáng lập nhiều tạp chí văn nghệ tại địa phương từ trước năm 1975.

Cuối thập niên 40' thế kỷ XX, khi vừa chào đời gia đình chạy lánh giặc Pháp về định cư tại tỉnh Tây Ninh. Chính tại vùng tỉnh biên cương này lại là nơi sống và lớn lên của nhà thơ Sa Chi Lệ. Từ 1955, theo học tiểu học ở trường Hiệp Ninh, Thái Hiệp Thạnh, Quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh.

Năm 1961, có bút hiệu Hà Ngọc và có thơ đăng báo Sài

Gòn lúc 12 tuổi (lớp Đệ lục/ lớp 7)

Năm 1962 với bút hiệu Sa Chi Lệ, đã **đến hẳn nghiệp thi ca**, khi vào ngưỡng cửa Trung học Công Lập Tây Ninh.

Từ năm 1963, nhà thơ Sa Chi Lệ có nhiều tác phẩm giới thiệu trên báo giới Sài Gòn.

Năm lớp đệ tứ, chủ biên tờ báo Xuân của trường cuối năm 1965. **Có thể tiêu biểu quá trình hoạt động văn nghệ của ông, như sau:** Chủ trương tập san *Trần Gian và Động Đất*, tập thơ Viết Ngoài Mặt Trận (bị Sở PHNT cũ cấm xuất bản).

Năm 1983 tại Thái Lan, phổ biến nhiều Băng thơ, nhạc và kịch bản trình diễn tại Sikiew. Viết giới thiệu *Mật Ca* của Trương Công. Hoàn thành hồi ký *Một Đời Cúi Mặt...*

B. TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Tác phẩm đã phát hành

- 1/ Mùa Xuân Trong Tình Yêu Thành Phố (thi phẩm, 1967)
- 2/ Quỳ Xuống (thi phẩm, 1969)
- 3/ Nước Mắt Rong Rêu (thi phẩm, 1970)
- 4/ Tình Khúc Em Trên Đỉnh Cao Sơn (thi phẩm, 1970)
- 5/ Đôi Mắt Phù Sa (thi phẩm, 1973)
- 6/ Thơ Viết Ngoài Mặt Trận & Trong Quân Y Viện (thi phẩm, bị cấm xuất bản năm 1974).

Chủ trương các tạp san văn nghệ:

- 1/ Tạp San Trần Gian (1967) với góp mặt nhiều văn thi sĩ nổi tiếng đương thời.
- 2/ Tạp San Động Đất (năm 1973.).

Viết và sáng tác sau 1975:

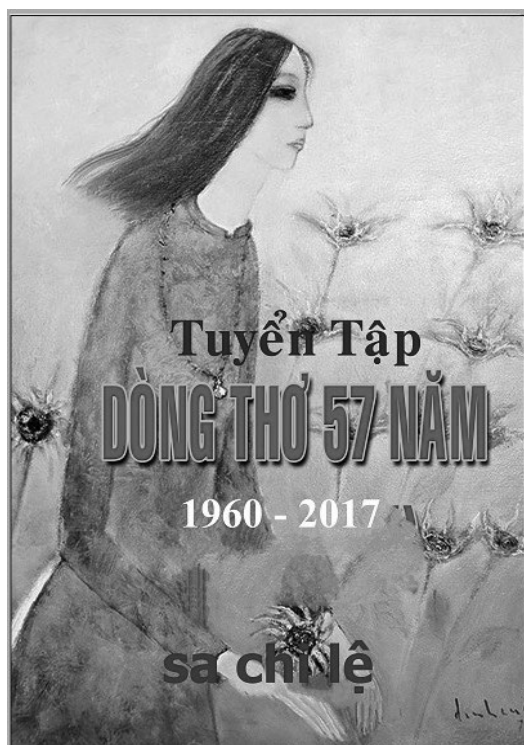
Năm 1988 ông sang Toronto, Canada... Năm 1985: **Ký/ Con Đường Sinh Tử đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong, Cali, USA.**

Từ năm 2008, thành viên của Yahoo.

Năm 2013, Văn Nghệ Tiếng Quê, Toronto.

Năm 2014, Thơ Văn Lạc Việt, Cali, USA.

C. TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN



HOÀNG XUÂN SƠN
tóc sao



Wikiart

Tóc anh rẽ một đường ngôi
sao mọc trên đỉnh
người ngồi dưới sân
người đi qua thấy một lần
người đi lại thấy
hai lần sao xanh

Tóc nào rối sợi
em
anh
nào đâu biết thưở
tập tành nghiêng sao
mùa xưa lạc ở phía nào
ngôi cao đường rẽ câu chào lạnh băng

HOÀNG XUÂN SƠN
9 tháng hai, năm hai hai

CHU THỤY NGUYỄN

Mùa chim quạ bay

1.
cành olive đen
tháng đen đúa
lục đục thất tình
2.
bạch dương nở
trên cánh đồng
môi nàng tím tái
3.
nhang hay nến?
tờ lịch ngày tháng ấy
rụng đầy bông trắng
4.
tôi chưa kịp
mãi rong chơi hết vòng ma trận
đã thọ thương
5.
một vết rạch
ngoằn ngoèo trên da đầu
buổi chiều thật hằm hố
6.
và đàn quạ
những đứa con của thần chết
ngoài biên cương
7.
các phím tơ buông chùng
giữa tầng mây
từng đoàn xe song mã...

Ai ngờ. đời đã mộng du

1.

tâm ngấm tiếng
chuông làm
tin
bước chiều khắp
khỏi
giật mình bóng
ai

nước
qua truông thả
dặm dài
mượn
phôi pha gió
nhặt
bài tụng ca

2.

ngắm mình dung
dị
hóm già
chưa
cười nắc nẻ đã
òà khóc
than

mãi so
đo nợ gian
trần
ngồi câu bóng
nước
mơ gần ấy
thương

3.

chợ

người bán nồn
bán nường
lòng
ta dị hợm vô
thường thú
hoang

cạy năm
non giữa thạch
bàn
khát khô trinh
bạch
chảy tràn mộng
du

4.

hỏi người ai
rõ
ngục tù?
tường khe lạch
mát
tạc thù trắng
hoa

phơi
khuya lạnh thấu
tim già
mới hay tưởng
kịch
diễn mà mắt
chơi

5.

khóc
điên đảo
mới
là đời...

CHU THUY NGUYỄN

**CHU VƯƠNG MIỆN &
M. Loan Hoa Sử
NHỚ NƯỚC**

Đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia “*”

Da diết kêu van ngày tháng hạ
Kiếp ve sầu than khóc buổi can qua

“ 1 chuyện văn chương thôi cũng nhảm
100 năm thân thể có ra gì ? “ **”

Xơ xác thương thay nghề cầm bút ?
Uổng phí 1 thời kiếp cu li
1 năm 4 mùa qua dòng dãi
Bằng bằng trắc trắc mãi cũng nhảm
Loanh quanh cũng 1 bầy nhai sách
Xử xế ù xang mỗi cung đàn

Thời đại ngày nay tiến ào ào
Văn thơ lật vặt chuyện tào lao
Thi đàn cũng 1 bày điệu đóm
Chả khác ao thu ốc với bèo

Tìm mãi trong tro tàn sách nát
Vô tình nhật lại mấy dòng thơ
“ dù cho tha thiết yêu nòi giống ?
Cũng đến đau thương ngấm cõi bờ “ ***”

ồ 100 năm trong cội người ta
thân phận xem xem vệt với gà
con trống thì mang ra đá độ
con mái dẫu chiên rán rôtì

đọc chuyện 3 Giai Tú Xuất thơ Tú Xương
người khoắc xà rồng đưa cỡi chuồng
ôi xác với xơ xương với thịt
vài 3 thế kỷ vườn hoàng hôn ?

“*” thơ Bà Huyện Thanh Quan

“**” thơ Tú Xương

“***” thơ Bùi Khánh Dân

LẠI XUÂN NỮA

Trèo lên cây bửu hái ghóa
Bước xuống vườn cà hai nụ tấm xuân
“ ca dao kéo”

Nụ tấm xuân nở ra tấm bậy
Và sông bài bị gậy đón nhau
Sông Thương rồi lại sông Cầu
Dở trong dở đục dở ngẫu lòng sông
Thảm thương 1 lũ lên đồng
Hồn Cô Xác Cậu hoa hồng hoa mơ
Chập chờn quá chén say sưa
Cay khô mà ngổ gốc dừa xanh tươi
bị nhau bị hết bao đời
lừa nhau lừa trọn 1 thời chưa xong ?
nhìn trời chỉ rệt mùa đông
nhìn đất vẫn vũ 1 dòng tang thương
nhìn nhau đôi chữ vô thường
trời ghôi địa ngục thiên đường phá nhau ?

**CHU VƯƠNG MIỆN &
M. Loan Hoa Sử**

CHU VƯƠNG MIỆN
8 BỐ XUÂN

Gửi Lão hữu Nguyễn Bàng

O nên khóc mà cũng chả nên cười
Xuân đến rồi đi cũng vậy thôi ?
Người khổ người nghèo xuân chả biết ?
Người vui người sướng 1 bên đời

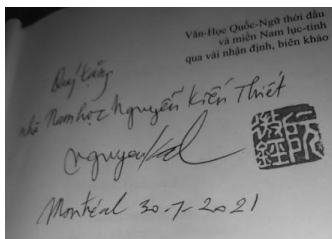
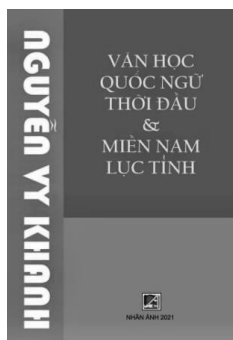
Tứ thời bát tiết là vậy vậy
Đông tàn xuân lại chuyện luân hồi
Cơn gió cuốn theo bao lá cũ
Để cho cây cỏ mọc thêm chồi

Ngày mới cỏ hoa thay áo lạ
Núi cũng xanh lơ với đất trời
Con chim tu hú trên nhành hót
Vườn cúc vàng tươi nở nụ cười
Năm nào rừng núi đầy mai mận
Đến với trần ai ? với kiếp người ?

CHU VƯƠNG MIỆN

NGUYỄN KIẾN THIẾT

**Nguyễn Vy Khanh Và Tác Phẩm
“Văn Học Quốc Ngữ Thời Đầu & Miền Nam
Lục Tỉnh”**



Gần hai thập niên nay cái tên Nguyễn Vy Khanh đã rực sáng trên vòm trời văn học Việt Nam tại hải ngoại về lãnh vực biên khảo và phê bình văn học. Quyển sách mới nhứt của ông là **“Văn Học Quốc Ngữ Thời Đầu & Miền Nam Lục Tỉnh”** do nhà Nhân Ảnh Hoa Kỳ xuất bản năm 2021. Sách dày 598 trang gồm 20 đề mục, không phân chia làm Chương, Phần mà chỉ tập hợp các bài viết đăng rải rác trên các tạp chí từ trước, cộng thêm một số nhận định mới về văn học của tác giả.

Nguyễn Vy Khanh sanh ngày 5-3-1951 tại Vĩnh Phước, Quảng Trạch, Quảng Bình. Cử nhân giáo khoa Triết Tây (1973), hoàn tất học trình Cao học Triết Tây (1975) Đại học Văn khoa Sài Gòn; đặc biệt tốt nghiệp thủ khoa ban Việt-Hán khóa 13 (1971-1974) Đại học Sư phạm Sài Gòn. Sau khi bị nạn chánh trị tại Canada, tốt nghiệp Cao học Thư viện và Khoa học Thông tin (Đại học Montréal, 1978), chuyên viên thư viện ở Quốc hội và chánh phủ Québec từ 1978 ở Québec city và Montréal. Hiện sống hưu ở Toronto, Canada. Về tác phẩm đã xuất bản của ông,

độc giả có thể tham khảo ở các trang mạng Internet cũng như ở Bìa 4 cuốn sách này. Tác phẩm **“Văn Học Quốc Ngữ Thời Đầu & Miền Nam Lục Tỉnh”** là cuốn Biên khảo thứ 10 của Nguyễn Vy Khanh.

Đây là cuốn sách tôi vô cùng tâm đắc bởi Tiểu sử của tác giả, bởi sự đồng điệu ở nội dung, chủ đề của tác phẩm. Nguyễn Vy Khanh chắc sanh ra trong một gia đình khá giả, được may mắn sống chung với cha mẹ ở thủ đô Sài Gòn để xoi kinh nấu sủ, không *nặng nợ áo cơm* nên “đường vân trình” rộng bước thênh thang như đã dẫn trên. Phải là người thông minh xuất chúng, có ý chí cầu tiến, cộng thêm “số đỏ”, sinh viên Nguyễn Vy Khanh mới chiếm được mỗi năm một mảnh bằng danh giá. Chưa hết, ra hải ngoại, sau khi tạm ổn cuộc sống, thừa thắng xông lên, ông tốt nghiệp Cao học Thư viện và Khoa học Thông tin (1978) rồi trở thành chuyên viên thư viện từ năm 1978 cho đến khi về hưu. Ngoại trừ nhiều bài viết đăng rải rác đây đó, trong khoảng thời gian “nở rộ” về văn nghiệp (1997-2021), ông đã trình làng 10 cuốn sách biên khảo, dịch thuật và nhận định văn học có giá trị trong đó có cuốn sách đồ sộ và nặng ký: **“44 Năm Văn Học Việt-Nam Hải Ngoại”** (7 tập, thực hiện chung với Khánh Trường và Luân Hoán; San Jose CA: Mở Nguồn, 2019). Có thể nói trong ba yếu tố quyết định hoặc tác động đến sự thành bại của một đời người: Thiên thời – Địa lợi – Nhân hòa, Nguyễn Vy Khanh chắc được đề bọc điều nên đã chiếm trọn. Và ở lãnh vực nào, ông cũng thành công. Nhiều người cho rằng, ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 1975, Nguyễn Vy Khanh là đệ tử ruột của GS Nguyễn Văn Trung. Điều này hoàn toàn đúng. Bởi lẽ ông đã tắm gội trong dòng suối ngọt ngào của tình nghĩa thầy-trò, tiếp nhận, thừa hưởng trọn vẹn “y bát” của GS Nguyễn Văn Trung, từ trong nước ra tới hải ngoại, như được đỡ đầu để soạn Luận án Cao học Triết Tây, được chuyển giao nhiều tài liệu quý hiếm mà nếu có tiền muôn bạc vạn cũng không thể nào sở hữu được. Trong khoảng thời gian gần 20 năm công tác tại các Thư viện ở Montréal và Québec, với môi trường vô cùng thuận lợi, hằng ngày trong giờ làm việc, Nguyễn Vy Khanh đã hít thở không khí sách, làm bạn với sách nên nghiền ngẫm, nung nấu ý chí trở

thành một nhà biên khảo phê bình văn học. Do vậy, độc giả sẽ không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông đã trình làng một loạt 10 cuốn sách như đã kể.

Trừ *Lời nói đầu*, tập sách gồm 20 đề mục, mỗi đề mục là một *mảnh vụn văn học* được tác giả khéo lồng ghép một cách có dụng ý, tập trung vào trọng tâm của chủ đề. Có người cho rằng nhà phê bình là “kẻ đọc giùm” (Thiếu Sơn), cũng là kẻ “đồng sáng tạo” (GSTS Đỗ Lai Thúy) khi đã bắt mạch cái *đồng điệu*, cái xúc động tốt cùng, như nhận xét của một nhà văn Pháp: “*Văn chương trước hết là sự xúc động*”. Tôi mạo muội làm cả hai việc, khi thì đọc giùm, khi thì đồng sáng tạo bởi cái *đồng điệu* với tác giả. Đọc lướt qua quyển sách do tác giả đích thân mang đến nhà trao tận tay với lời đề tặng: “*Quý tặng nhà Nam học Nguyễn Kiến Thiết. Montréal 30-7-2021*” có cả chữ ký và dấu triện son đỏ để “thêm duyên”, tôi có cảm giác như lạc vào “Vườn Hoa Văn Học” với những kỳ hoa dị thảo, đủ loại sắc màu! Tôi phải mất cả tháng trời để ngắm nghía, tìm hiểu, thưởng thức những loài hoa chưa hoặc đã có tên có tuổi đan xen giữa hương đồng cỏ nội lẫn vương giả đài các. Cho phép tôi được nói lên một vài cảm nghĩ của mình được lần lượt thể hiện dưới đây sau khi khám phá nhiều bông hoa đầy hương sắc.

Trong *Lời mở đầu*, tác giả khiêm tốn cho rằng cuốn sách này “*không phải là một công trình phê bình văn học hay văn học sử đúng nghĩa*” mà chỉ là “*ghi lại một số cảm tưởng về một số hiện tượng văn hóa, văn học, về một số tác giả và tác phẩm, về khuynh hướng của một thời cũng như nhận định, cổ vũ những cố gắng làm mới văn học và dân tộc của một số tác giả, của một vài tập thể*” (tr.9). Để hiểu phần nào nội dung của tác phẩm, ngoài *Lời mở đầu*, độc giả có thể lướt qua Mục lục và tham khảo các đề mục, chẳng hạn như:

-013 Văn-Học chữ quốc-ngữ thời đầu; -061 Miền Nam khai phóng; -107 Miền Nam đạo lý; -141 Văn-học yêu nước; -201 Tiếng Việt qua một số tác-phẩm chữ quốc-ngữ thời đầu; -225 Báo-chí từ thời bình minh văn-học chữ quốc-ngữ đến buổi qua phân 1954; -325 Về Nguyễn Đình Chiểu và lý-luận văn-học; -335 Trương Vĩnh Ký và các tác-phẩm văn xuôi tiền-phong; -381 Huỳnh Tịnh

Paulus Của; -407 Trương Minh Ký; -427 Nguyễn Trọng Quản, Hồ Biểu-Chánh và Ảnh hưởng Âu-Tây trong thể-loại tiểu-thuyết thời đầu (...); -569 Đôi nét về Văn-học Công Giáo Việt-Nam, v.v...

Trong bài nhận định này, tôi chỉ chú trọng đến các đề mục mình lấy làm tâm đắc. Ngay *Lời mở đầu*, tác giả xác định Văn học miền Nam một phần được giới hạn ở tính “miền Nam lục-tỉnh” để từ đó đưa ra một số nhận định như sau (chúng tôi chép nguyên văn các chữ viết hoa, chữ nghiêng và các gạch nối-đôi khi chưa được thống nhất):

- Văn-học chữ quốc-ngữ đã khởi đầu từ *Miền Nam Lục-tỉnh* (Nam kỳ, Cochinchine), từ 1869 với *Gia Định Báo* - là tờ báo chữ Quốc-ngữ đầu tiên ở Việt-Nam, từ ngày 15-4-1865.

- Nền văn-học chữ quốc-ngữ này xuất hành từ *báo chí*: các truyện kể, truyện ngắn, thơ, vè, bút ký, nghị luận đã xuất hiện trên các báo thời đầu này trước khi được xuất bản và được gọi là tác phẩm văn học:

- *Tác phẩm văn xuôi* mang tính văn học đầu tiên được xuất bản là *Chuyện Đời Xưa* của Trương Vĩnh Ký năm 1866, 74 văn bản bằng chữ Quốc-ngữ, sau đó đến tác phẩm của Trương Minh Ký và Huỳnh Tịnh Của;

- *Tiểu-thuyết chữ Quốc-ngữ* đầu tiên được xuất bản là truyện *Thầy Lazaro Phiền* của tác giả tiên phong Nguyễn Trọng Quản vào năm 1887;

- Văn bản *kịch nói* đầu tiên được xuất bản là *Tuồng Joseph* của Trương Minh Ký, vào năm 1887;

- Thể loại *tự truyện* xuất phát với *Chơn Cáo Tự Sự* (1910) của Michel Tinh (tr.10).

Để tránh bị hiểu lầm là phân biệt vùng miền, kỳ thị địa phương, tác giả đã biện minh: “Văn-học là một phần quan trọng của văn-hóa và lịch sử một dân tộc và phê bình, nghiên cứu đặc tính địa lý được nhiều nhà phê bình văn học Âu Mỹ xem trọng”, và “chúng tôi làm công việc văn-học sử, mục-đích phân tích và nhận định, chứ không nhằm kỳ thị địa phương hay đề cao, hạ giá tác-giả nào cả!” (tr.11).

Là dân Nam Kỳ Lục tỉnh *chánh hiệu* đã từng hít thở không khí văn chương miền Nam, tôi lấy làm tâm đắc bởi cái đồng điệu

với tác giả qua biện minh vừa dẫn nhằm lấy “cái riêng”, cái đặc thù ở từng vùng miền để đóng góp vào “cái chung” - tức kho tàng văn hóa chung của dân tộc. Trong quyển *Tánh Cách Đặc Thù Của Ca Dao Miền Nam* in năm 1972, tôi có viết: “*Ca dao miền Nam cũng đã chen vai thích cánh với ông cha miền Trung, miền Bắc trong sứ mạng xây dựng tòa lâu đài văn hóa bình dân Việt Nam*” (tr.279). Và trong bài *Từ Dạ Cổ Hoài Lang Đến Vọng Cổ*, tôi đã nhận định: “*Tìm hiểu những nét độc đáo của âm nhạc miền Nam trong đó có bài Vọng Cổ là tìm hiểu tâm hồn, tánh cách của dân tộc ở một vùng đất mới để làm giàu cho nền văn hóa dân tộc của cả nước Việt Nam thân yêu*” (Thời Báo ngày 23/06/2006). Tôi đã say sưa đọc từng chữ, từng câu mấy trăm trang những đề tài mình thích thú, từng nghiền cứu và không quên ghi vội những cảm xúc nhút thời. Tôi đoán chắc tuyển tập sách thứ 10 của nhà biên khảo họ Nguyễn với cái nhìn mới mẻ, khoa học, sử dụng nhiều nguồn tư liệu quý hiếm để “nói có sách, mách có chứng” sẽ làm hài lòng các độc giả khó tánh và mang nặng đầu óc địa phương.

Nguyễn Vy Khanh đã “nhút quán” trong việc khẳng định “miền Nam đi trước”, mọi lãnh vực đều “khởi sự/khởi xướng ở miền Nam”: Từ báo chí, tác phẩm văn xuôi, tiểu thuyết rồi thơ, thơ mới, dịch thuật (đặc biệt truyện Tàu) đến văn nghệ kháng chiến, tự truyện, kịch nói (còn gọi thoại kịch- NKT), ... nhút nhút đều bắt đầu tại Miền Nam Lục tỉnh bằng dẫn chứng xác đáng của mình với tinh thần nghiêm cẩn khoa học. Xin dẫn vài thí dụ cụ thể:

***Nguyễn Vy Khanh:** “*Miền Nam đã có tờ Gia-Định Báo được xem là tờ báo đầu tiên bằng chữ Quốc-ngữ*” (tr. 63). “*Miền Nam đã tiếp nhận văn hóa Tây-phương sớm hơn miền ngoài*”, “*Nguyễn Hữu Hào viết truyện Song Tinh, là tác phẩm văn học dài hơi đầu tiên của miền đất mới và cũng là tiểu-thuyết văn vần đầu tiên của Việt-Nam*” (tr.62). “*Chính miền Nam là đất nẩy mầm, bắt gốc của báo chí, tiểu thuyết văn xuôi và cả phong trào Thơ Mới mà các sách văn học sử xuất bản từ gần thế kỷ nay thường bỏ qua hoặc đánh giá không đúng mức*” (tr.62-63). “*Phong trào Thơ Mới cũng đã xuất phát từ Sài-Gòn*” (tr.64). “*Kháng chiến chống Pháp*

khởi xướng ở miền Nam-bộ” (tr.54). “Miền Nam kháng chiến trước miền Bắc hơn một năm!” (tr.147). Tiểu thuyết chữ quốc ngữ đầu tiên là truyện *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản xuất bản năm 1887 “không được nhiều nhà văn học sử trước nay nhắc tới và sự đóng góp của tác giả Nguyễn Trọng Quản đã không được đánh giá công bằng” (tr. 69).

Ngoài ra, ông còn trích dẫn một số nhận định của một số nhà văn, nhà biên khảo khác trong tập sách này:

. **Vũ Ngọc Phan** trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại* (1941- tr.37) đã nhìn nhận: “người Nam kỳ là những người Việt-Nam đã dùng chữ Quốc-ngữ trước nhất” (tr.75).

. **LM Thanh Lăng** trong *Bảng Lược Đồ Văn Học Việt Nam*, Quyển Hạ (1967- tr.32) đã xem Trương Vĩnh Ký là “ông tổ văn học mới”, “bậc chỉ đạo của thời này, là linh hồn của thế hệ 1862, ông thấy khai đường mở lối cho thế hệ đến sau tức thế hệ 1913” (tr.77).

. **Nguyễn Văn Xuân** trong tập *Khi Những Lưu Dân Trở Lại* (Thời Mới xuất bản, Sài Gòn 1969) đã nhận ra rằng “miền Nam vốn có một địa vị văn nghệ và có ảnh hưởng sâu rộng trong quảng đại quần chúng lan tràn đến cả miền Trung lẫn miền Bắc” (tr. 78-79). Ông nhận định từ năm 1862 đến 1932 thì miền Nam đã vọt lên vai trò tiền phong của cả hai miền: “Định lại giá trị văn học miền Nam, chính là trở về sự thật, chính là biết tỏ lòng yêu quý và lo lắng cho đời sống tinh thần của dân miền Nam trong hoàn cảnh hiện tại, đó là lực lượng chủ yếu của mọi thắng trận” (tr.79).

. **Phan Khôi** trong “Chữ Quốc-ngữ ở Nam Kỳ với thế lực của phụ nữ”. Phụ-Nữ Tân-Văn, số 28, 7-11-1929, tr.8-10 đã khẳng định: “Tôi muốn nói xứ Nam Kỳ là thầy dạy chữ Quốc-ngữ cho cả và dân Annam cũng không phải là quá đáng” (tr.590).

. **Nguyễn Kiến Thiết** tôi xin mạo muội góp thêm một số nhận định để biểu đồng tình với tác giả:

- Trong bài “Từ Một Tấm Ảnh Cũ Nhớ Về Đông Hồ” đăng trên *Đặc san Giáo chức Xuân Quý Tỵ 2013*, khi đề cập đến *Truyện Song Tinh*, tôi có viết: “*Truyện Song Tinh* được xem là truyện thơ nôm đầu tiên của văn học viết Việt Nam đến nay còn lưu truyền văn bản (...) Đây là tập truyện ra đời trước cả *Truyện Kiều* khoảng 100 năm”.

- Trong Luận án Cao học Văn chương *Tánh Cách Đặc Thù Của Ca Dao Miền Nam* in năm 1972, tr.159, tôi có trích Tô Ngọc- một tác giả miền Bắc đăng trên báo *Chọn Lọc* số 51: “*Đi tiên phong trong phong trào dịch truyện Tàu phải nói tới mấy ông Nam kỳ- Sách của nhà Tĩn Đức Thư Xã*”.

- Tôi cũng từng đề cập đến truyện *Thầy Lazaro Phiền* (xuất bản năm 1887) trong giáo trình giảng dạy Văn chương Việt Nam ở Đại học Cần Thơ và Đại học Hòa Hảo từ năm 1974. Tiếc rằng các bản thảo đã bị thất lạc trong chuyến vượt biển không thành công vào tháng VII.1987.

***Một vài góp ý:**

Để đáp ứng lời mời gọi của tác giả: “*Chúng tôi mong tiếp tục được quý độc giả chỉ giáo những sai lầm và thiếu sót...*” (tr.11), tôi không dám “chỉ giáo” nên có vài góp ý:

- Về *Thơ và phong trào Nói thơ*. Nguyễn Vy Khanh đã nhận xét về truyện *Lục Vân Tiên*: “*Lục Vân Tiên đơn sơ gần gũi người đọc hơn là truyện Kiều phức tạp, bác học*” và cho rằng “*Truyện của Nguyễn Đình Chiểu được viết ra để đọc và có thể nói năng phần trình diễn hơn là để ngâm nga, tra cứu một mình*” (tr.82). Ông có đề cập đến một số chữ dùng rất đặc như: “thơ”, “nói thơ Vân Tiên” (chú thích trang 333) mà chỉ đề cập sơ qua phong trào “nói thơ” rộng khắp Nam kỳ. Đặc biệt đối với các tập thơ có nội dung phản kháng chế độ- như *Thơ Sáu Trọng*, *Thơ Thầy Thông Chánh*, khiến thực dân Pháp phải ra lệnh tịch thu các cuốn thơ đã xuất bản, cấm lưu hành tàng trữ và cấm chỉ triệt để những ai nói thơ. Tôi đã viết trong Luận án dẫn trên: “*Thơ, đối với người bình dân miền Nam, là những bài văn vần, thể lục bát (...). Người bình dân miền Nam rất sành điệu nói thơ Vân Tiên*” (tr.161). Trong Nam không ai nói “ngâm thơ Vân Tiên” mà chỉ nghe “nói thơ Vân Tiên”. Giai điệu Nói thơ cũng nằm trong hệ thống *ngũ cung oán* và ít nhiều chịu ảnh hưởng điệu hát bài chòi ở Bình Định. Trước năm 1975, một số nhà văn, nhà nghiên cứu văn học đã đề cập đến hai tập thơ bình dân này. Chẳng hạn Phạm Long Điền viết “*Hai Tập Thơ Bình Dân Đã Làm Rung Rinh Chế Độ Thực Dân Miền Nam Vào Đầu Thế Kỷ 20*” (*Bách Khoa*, số ra ngày 30/7/1974); Nguyễn Văn Hầu với bài “*Thơ Trong Phong Trào*

Nói Thơ Miền Nam Với Một Số Tác Phẩm Mang Tính Chất Đối Kháng” (*Bách Khoa*, phát hành ngày 19/10/1974). Ngoài ra, học giả Vương Hồng Sển và nhà văn Sơn Nam cũng có nói tới các tập thơ kể trên, nhưng “trích dẫn một cách chắt mót”. Trong những chuyến đi “điền dã” sưu tầm văn hóa dân gian ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tôi có sưu tập vài trăm câu thơ Thầy Thông Chánh với các đoạn rời rạc, chắp vá. Giai phẩm *Văn Học*, số đặc biệt Chế Lan Viên ra ngày 20/8/1974, ông Nguyễn Hữu Hiệp (?) đã giới thiệu gần như trọn vẹn *Thơ Thầy Thông Chánh* (262 câu thơ lục bát). Sau 1975, Huỳnh Ngọc Trảng trong *Về Nam Bộ* (nhà xuất bản TP HCM, 1988) có giới thiệu chưa đầy đủ tập *Thơ Thầy Thông Chánh* này.

- Một nhà văn hóa bị bỏ quên. Về giai đoạn **Văn Học Miền Nam 1954-1975** (tr.91-101), khi phân loại ba dòng văn học tại miền Nam, trong đó có một (dòng) thuần Nam, họ Nguyễn đã liệt kê 10 tác giả “từ Trương Vĩnh Ký qua Hồ Biểu Chánh... Thanh Việt Thanh” (tr.92). Hình như ông quên một nhà văn, nhà sưu khảo nổi tiếng thời bấy giờ. Đó là Nguyễn Bá Thế (1925-1996) bút hiệu Nhất Tâm, Thế Nguyên, Nam Xuân Thọ, người Cần Thơ, đã có gần 20 đầu sách do nhà Tân Việt và Nguồn Sáng xuất bản tại Sài Gòn. Năm 1973, ông còn Chủ biên tạp chí *Miền Tây Thăng Hoa* được 3 số thì đình bản bởi biến cố tháng 4/1975. Chưa hết, nhà sưu khảo Nguyễn Bá Thế còn là tác giả hai bộ sách giá trị: *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* và *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Trung Quốc*. Đây là những công trình tâm huyết được ông bắt tay biên soạn từ lúc ông 30 tuổi (1955), mãi đến 25 năm sau mới hoàn thành (1980). Vì nhà nghèo không đủ phương tiện xuất bản, lại thêm **quá tin người** nên hai bộ sách quý của ông lần lượt bị thiên hạ “đoạt” gần hết. Chỉ nói về bộ *Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam* được nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành lần đầu tiên năm 1991 (1094 trang), sau đó tái bản tới năm lần. Oái oăm thay tác giả lại là Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế (ông Thế đứng sau ông Thắng). Tôi quen ông từ trước năm 1975 lúc về giảng dạy ở Đại học Cần Thơ. Có lần tôi chở ông trên chiếc xe gắn máy đến viếng mộ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Bấy giờ ông đi đứng không vững và lẫm tai nặng. Phải kể miệng sát

lỗ tai và nói lớn tiếng ông mới nghe được. Trải qua bao cuộc bể dâu, chúng tôi mới được dịp tái ngộ trong khoảng thời gian từ 1980 đến 1987. Cứ vài ba tuần tôi đến gặp người bạn văn vong niên để mạn đàm thế sự, bàn luận văn chương. Bấy giờ ông hoàn toàn không còn khả năng nghe được nên chỉ trò chuyện qua *bút đàm*. Có lần ông đem bản thảo hai bộ sách ấy ra “khoe” với tôi và ước ao được xuất bản. Mỗi tập bản thảo dày cả ngàn trang giấy học trò với nét chữ mực tím nhỏ nét nghiêng nghiêng đều đặn, có cả chữ Hán. Lúc ấy tôi và gia đình đã “đăng ký” xuất cảnh nên không dư dả. Để gián tiếp giúp ông trong tinh thần *Lá rách ít đùm lá rách nhiều*, tôi trả chút đỉnh thù lao để học Luận đoán Tử vi và nài nỉ “thỉnh” một số sách. Tôi còn giữ thủ bút và chữ ký của ông qua Luận giải bốn lá số Tử vi của bốn đứa con trai tôi cũng như trên mấy quyển sách (ghi nguyên văn theo thứ tự): “*Trao về **Bạn** Nguyễn Kiến Thiết kỷ niệm đời văn (ký tên) Nhất Tâm Nguyễn Bá Thế 28/10/1980*”. Để đáp lại cái tình tri ngộ, tôi có sáng tác tại chỗ bài thơ thất ngôn ghi trong **Quyển sổ lưu niệm** của riêng ông. Bài thơ này tôi đã đưa vào quyển *Những Trang Văn Đời Tôi* do nhà Văn Học Mới Hoa Kỳ xuất bản năm 2021 tựa đề **Với *Bạn Văn*- Tặng Nhất Tâm Nguyễn Bá Thế** (tr.127). Có dịp tôi sẽ viết tương đối đầy đủ về vấn đề này sau khi liên lạc được cháu Nguyễn Thị Băng Trinh- ái nữ cũng là người gìn giữ sự nghiệp văn học của nhà sưu khảo.

- *Một số nhà xuất bản và tạp chí văn học bị bỏ quên*. Cũng trong giai đoạn văn học 1954-1975 này, nhà biên khảo Nguyễn Vỹ Khanh có nhắc tới một số nhà xuất bản và nhiều tạp chí thuộc dòng văn học “miền Nam cộng hòa”. Nhưng ông quên kể đến các nhà xuất bản Tân Việt (in nhiều đầu sách của Nguyễn Bá Thế, Nhất Tâm, Thế Nguyên, Nam Xuân Thọ), Cánh Bằng (in hàng loạt sách “Xưa và Nay” của Huỳnh Minh- trong đó có nhiều đầu sách do Nguyễn Bá Thế soạn nhưng không được đứng tên soạn giả). Nhà phê bình Nguyễn Vỹ Khanh biết rõ những người điều hành nhưng không hiểu sao không kể đến tạp chí *Nghiên Cứu Văn Học* bộ cũ (1971) do nhà văn Thế Nguyên (nhóm Trình Bày) làm Thư ký Tòa soạn, và bộ mới (1971-1972) do Tổng Thư ký Tòa soạn Nguyễn Kiến Thiết phụ trách. Cả hai bộ đều do LM

Thanh Lăng Chủ nhiệm kiêm Chủ bút.

Văn Học Quốc Ngữ Thời Đầu ở Miền Nam Lục Tỉnh là một tập sách có giá trị, sử dụng nhiều nguồn tư liệu quý, hiếm được soạn thảo công phu- đặc biệt vô số chú thích với tinh thần nghiêm cẩn khoa học “nói có sách, mách có chứng” của chuẩn... học giả Nguyễn Vy Khanh. Một quyển sách nên có trong Tủ Sách Gia Đình của những ai yêu quý sách- đặc biệt là các nhà nghiên cứu phê bình văn học, các nhà viết văn học sử.

Tôi lấy làm sung sướng có trong tay tập sách này. Tôi cũng vô cùng tâm đắc bởi sự đồng điệu với tác giả, mặc dầu họ Nguyễn không phải xuất thân từ Nam Kỳ Lục tỉnh nhưng đã nói lên nỗi đau đáu khôn nguôi của mình: “*Cả một thế hệ văn học bị bỏ quên*” (tr.89).

Tóm, xin mượn nhận định của nhà biên khảo Nguyễn Vy Khanh để kết thúc bài này: “*Chúng tôi viết bài này đưa ra một số sự kiện bị bỏ quên cũng như những thiếu sót, bất công trong quá khứ với hy vọng công việc viết văn học sử Việt-Nam từ nay và về sau sẽ công bằng hơn, “của Cesar trả cho Cesar” và đối với công lao người đi trước, kẻ hậu sinh cần phải biết ơn, ghi nhận. Độc giả đọc bài này, xin vô tư, đừng thiên kiến, đừng kẻ thắng kẻ thua, đừng phe phái, bỏ chiếu trên chiếu dưới, hãy quên mình gốc Bắc hay Nam, hãy rời xa những “quan điểm Tống Nho”, “văn-hóa Bắc Hà”, ... sẽ không thấy chúng tôi lý luận vì mặc cảm hoặc kỳ thị địa phương*” (tr.99).

NGUYỄN KIẾN THIẾT

Montréal, những ngày sau Tết Nhâm Dần 2022

NGUYỄN TRUNG GIANG (dịch từ loạt bài nói tiếng Anh của **Osho**)
ĐỂ LẠI TÂM TRÍ XA PHÍA SAU

Chiều 8 tháng 1 năm 1989 tại Thính phòng Phật
Gautam

Bậc thầy yêu quý của chúng tôi, Bansho Gyoshu đã học thiền đầu tiên với thầy Shomoku. Thầy nói với Bansho, “việc nghiên cứu con đường này giống như tinh luyện vàng. Khi nó không tinh khiết, vàng nguyên chất không hiển thị.

“Khi ta nhìn vào giữa lòng mày của anh, có rất nhiều thứ ở đó. Nếu anh không chọc xuyên qua xương lạnh, một lần, anh sẽ không thể loại bỏ thứ này. Sau này, hãy tự xem mình – việc ta nói nhiều không phải là vấn đề.”

Sau đó, Bansho đã đưa ra câu nói của Chosha, để suy ngẫm: “Hãy biến mình trở lại thành núi, sông và đất.”

Trong sáu tháng, Bansho đã không thành công và Shomoku đã đưa ra nhận xét, “ta chỉ hy vọng sau này bạn sẽ hiểu.”

Cuối cùng, sau một thời gian dài, Bansho đột nhiên có một cái nhìn sâu sắc.

Các bạn của tôi,

Tôi đã nói với người của mình trong gần ba mươi năm, lúc này lúc khác, rằng phân tâm học đã chết, đã chết như Sigmund Freud. Nhưng không có nhà phân tâm học nào trả lời. Thực tế là phân tâm học còn chưa sống bao giờ, nhưng nó lại là một phương pháp khai thác tinh vi với những người bệnh.

Không có ai từng được chữa khỏi bởi phân tâm học. Có những người đã bị nhốt trong phân tâm trong mười năm, mười lăm năm, hai mươi năm, nhưng không có một người nào

có được cái nhìn sâu sắc thông qua phân tâm học, hoặc bất kỳ sự toàn vẹn, bất kỳ chiều sâu, bất kỳ đỉnh cao nào.

Mọi người chấm dứt phân tâm học không phải vì họ đã thành công, mà vì tài khoản ngân hàng của họ đã kết thúc. Các nhà phân tâm học là những người được trả lương cao nhất trên thế giới – không cho điều gì. Điều đó sẽ xảy ra sớm hay muộn, bởi vì không ai có thể bị lừa dối mãi.

Quan điểm của tôi là trừ khi phân tâm học có linh hồn ... Nó đang đào sâu vào những giấc mơ - đó là một nỗ lực hoàn toàn vô ích, vô nghĩa, bởi vì những giấc mơ chỉ ở trên bề mặt của tâm trí. Bạn nhắm đôi mắt của bạn và chúng bắt đầu nổi lên. Phân tích những giấc mơ này, bạn không bao giờ có thể đi đến kết luận; chúng cứ tiếp tục. Phân tâm học chỉ quan tâm đến những giấc mơ và tâm trí. Nó không tin rằng có một cái gì đó vượt lên tâm trí, mà đấy sẽ là tự sát của nó, bởi vì nguồn sống thực sự của bạn vượt lên tâm trí.

Tâm trí chỉ là một cái máy tính. Bạn có thể lập trình nó, bạn có thể lập trình lại nó, gỡ bỏ chương trình với nó, bạn có thể làm bất cứ điều gì với nó; nó là một cơ chế. Nó không phải là bản thể của bạn. Và trừ khi ai đó đạt đến bản thể của mình, anh ta đang lang thang và lãng phí cuộc sống của mình, anh ta chỉ đơn giản là thực vật. Anh ta không có chiều sâu, không có kinh nghiệm đỉnh cao.

Từ những ngày còn học đại học, tôi đã chiến đấu, trước tiên, với các giáo sư tâm lý học và phân tâm học. Sau đó, khi tôi trở thành một giảng viên trong trường đại học, tôi đã chiến đấu với các đồng nghiệp của tôi, những người cùng trường. Nhưng cái mù, điếc, câm của con người dường như là vô hạn

Các nhà duy vật chỉ tin vào cơ thể. Nhà phân tâm học tin vào tâm trí như một sản phẩm phụ của cơ thể: khi cơ thể chết đi, tâm trí cũng biến mất. Vậy bạn đang làm gì? – đang hành hạ mọi người một cách không cần thiết. Tâm trí sẽ không là người bạn vĩnh cửu của bạn, cơ thể cũng không phải. Hãy sử dụng chúng, nhưng đừng quên có một sự chứng kiến trong bạn.

Do đó, tôi đã chiến đấu cho thiên. Tôi đã nói với mọi

người rằng trừ khi phân tâm học dựa vào thiên, trừ khi nó giúp mọi người khám phá ra vô trí, cái bên kia, thì đó là một thực hành hoàn toàn vô ích về khai thác con người. Nhưng không có nhà phân tâm học nào đồng ý với tôi.

Mới hôm nay tôi đã nhận được xác nhận từ một trong những nhà phân tâm học nổi tiếng nhất nước Mỹ: Bác sĩ Brian Weiss, tốt nghiệp trường Y Yale, chuyên gia được công nhận trên toàn quốc về tâm sinh lý, hóa học não, sự lạm dụng được chất, và hội chứng suy giảm trí nhớ và Trường khoa Tâm thần tại Bệnh viện Mount Sinai, San Francisco.

Ông đã nhiều năm suy nghĩ để nói với thế giới rằng phân tâm học đã chết, nhưng không thể thu thập can đảm để đi ngược lại toàn bộ nghề nghiệp. Nhưng cuối cùng ông quyết định tuyên bố những gì đã là kinh nghiệm của mình - kinh nghiệm suốt đời của ông ấy. Trong cuốn sách của mình, *Nhiều kiếp sống, nhiều bậc thầy*, Weiss đã viết rằng phân tâm học là đang trong cái chết của nó, rằng nó không còn thực tế nữa, và lý do là nó không có tâm linh trong đó.

Có lẽ bây giờ các nhà phân tâm học sẽ chú ý.

Tôi không phải là một nhà phân tâm học, nhưng tôi là một sinh viên sau đại học về phân tâm học, về tôn giáo, về triết học. Tôi chưa bao giờ thực hành phân tâm học bởi vì tôi chưa bao giờ tin rằng Sigmund Freud đã tìm thấy được một con đường mới để hướng đến tâm linh nội tại của con người.

Tôi đã nghe nói: một người đàn ông đã bán con lừa của mình cho một nông dân khác, hàng xóm của anh ta và anh ta đã ca ngợi con lừa rằng nó rất khôn ngoan, rất thông minh, rất chăm chỉ. Người hàng xóm đã mua nó đã rất cố gắng, nhưng nó sẽ không di chuyển chút nào. Anh ta nói, “Lạ thật...”

Anh gọi cho người đàn ông đã bán nó. Người này lấy một cây gậy lớn và đánh đúng vào trán con lừa. Con lừa di chuyển.

Người đàn ông đã mua nó nói, “Bạn đã nói với tôi là hãy tử tế và tử bi với con vật này, nó là một loài quý hiếm - và bạn đang đánh nó rất tàn nhẫn.

Anh ấy nói, “Đó không phải là đánh, đó chỉ là làm cho nó chú ý!

Có lẽ Tiến sĩ Brian Weiss sẽ có sự chú ý - nhưng tôi muốn nhắc nhở ông ta rằng cách tiếp cận của ông ta là tiêu cực. Ông ta đã phát hiện ra rằng phân tâm học đang thiếu thứ gì đó, nhưng ông ta không biết thứ gì. Chỉ là từ 'tâm linh', không có nghĩa là gì. Ông vẫn chưa tìm thấy yếu tố tích cực của thiền, đi vào trong và chỉ là một nhân chứng. Phân tâm học có thể chết, có lẽ đã chết; chỉ những người đã đầu tư cả đời vào đó và đang khai thác hàng triệu đô la từ đó, đang che giấu sự thật về cái chết của nó.

Nhưng ngay cả bác sĩ Brian Weiss ... mặc dù ông đã đi đến một kết luận đúng đắn, kết luận của ông vẫn là tiêu cực. Ông ấy không đề cập đến thiền, ông ấy không đề cập đến sự chứng kiến, ông ấy không đề cập đến bất cứ điều gì về vô trí - đó là cánh cửa của tâm linh.

Những lời của ông ta, rằng phân tâm học bị thiếu tâm linh, chắc chắn sẽ bị hiểu lầm. Đó là lý do tại sao tôi nói những lời này. Mọi người sẽ nghĩ tâm linh có nghĩa là tham gia nhà thờ Công giáo, trở thành người theo đạo Hindu, trở thành người theo đạo Phật và bạn đã trở thành người tâm linh. Nó không quá rẻ thế.

Để trở thành tâm linh, bạn phải đi vào chiều sâu của chính mình, để tâm trí bị bỏ lại phía sau. Hãy để nó mơ, để nó nghĩ, bạn chỉ cần quan sát. Và chính việc quan sát là giả kim thuật lớn nhất để biến đổi bản thể của bạn. Bạn càng trở nên bất rề vào quan sát và chứng kiến ... những suy nghĩ sẽ biến mất, những giấc mơ sẽ biến mất, tâm trí sẽ xa hàng dặm và bạn đang ở một mình trong im lặng hoàn toàn, trong yên bình. Mọi căng thẳng, lo lắng, giận dữ, hoàn toàn biến thành phúc lạc, thành cực lạc, thành phúc lành.

Sự nhấn mạnh của tôi ở đây là về các liệu pháp mà *không phải* tiếp tục chúng trong nhiều năm: chỉ vài ngày trị liệu để chuẩn bị cho việc thiền. Chúng ta đang khởi động ở đây gần một trăm nhóm trị liệu, cho mỗi con người có thể. Nhưng trị liệu không phải là mục tiêu; trị liệu là một sự chuẩn bị, giải phóng mặt bằng cho thiền. Đây là nơi duy nhất trên toàn thế giới trị liệu đang được sử dụng như giải phóng mặt bằng cho một sự chuyển đổi to lớn từ tâm trí sang vô trí.

Thiền là điều duy nhất có thể được gọi là tâm linh, bởi vì nó bắt rễ vào chính tinh thần của bạn. Đó là điều duy nhất sẽ không chết. Cơ thể bạn sẽ chết, tâm trí bạn sẽ chết; chỉ có sự chứng kiến của bạn là vĩnh cửu.

Và không có sự vĩnh cửu ... làm sao bạn có thể vui mừng khi cái chết đang đến gần hơn mỗi ngày?

Hãy ngừng việc gọi ngày sinh nhật của bạn là ngày ra đời! Đó là những ngày mà cái chết đã đến gần thêm một năm. Đó là những ngày của cái chết!

Bạn đã chết từ khi bạn được sinh ra! Mỗi khoảnh khắc cái chết đang chiếm lấy lãnh thổ của nó. Có thể mất bảy mươi năm hoặc chín mươi năm - không thành vấn đề; cái chết đang theo bạn như một cái bóng. Bất cứ nơi nào bạn đi, bất cứ hướng nào bạn chọn, bạn sẽ kết thúc trong một ngôi mộ, hãy nhớ!

Điều duy nhất sẽ không kết thúc trong một ngôi mộ là trải nghiệm về việc sống chứng kiến giống như gương của bạn, về chính nguồn sống của bạn. Và chính kinh nghiệm về nguồn sống của bạn sẽ chữa lành bạn ngay lập tức; không có gì khác cần phải được thêm vào.

Tiến sĩ Brian Weiss viết cuốn sách của mình, mang tên *Nhiều kiếp sống, nhiều bậc thầy*. Tôi muốn nhắc nhở ông ta rằng ông ta chưa tìm thấy người thầy nào - nhiều kiếp sống là có thể, nhưng không có một bậc thầy nào!

Những ngày trị liệu cộng với thiền sẽ đến. Khi phân tâm học chết, sẽ có một khoảng trống. Khoảng trống đó chỉ có thể được lấp đầy bằng các liệu pháp không phải là mục tiêu trong chính nó mà chỉ là một sự chuẩn bị, một phương tiện để chỉ cho bạn con người bên trong nhất của bạn.

Những ngày của thiền đang đến.

Tôi muốn Tiến sĩ Brian Weiss biết hoàn toàn rõ rằng ông đã đi đến một kết luận đúng, nhưng kết luận là một nửa. Cái chết của phân tâm học sẽ để lại một khoảng trống, sẽ tạo ra sự lo lắng lớn ở mọi người, bởi vì phân tâm học - mặc dù là một bài thực hành vô ích - sẽ khiến mọi người hy vọng: “Có lẽ thêm một năm phân tích nữa, và tôi sẽ trở lại hoàn toàn không điên, lành mạnh và vui vẻ.”

Phân tâm học đang khai thác hy vọng.

Nhân tiện, tôi phải nhắc nhở bạn rằng tất cả các tôn giáo đã và đang làm như vậy: khai thác hy vọng rằng ngày mai sẽ tốt, hôm nay hãy kiên nhẫn. Kiếp sau sẽ tốt, chỉ cần kiên nhẫn trong kiếp này. Không ai biết về ngày mai. Và chúng ta đã biết nhiều ngày mai biến thành ngày nay; chúng không thực hiện được hy vọng và lời hứa. Khi đó, hy vọng được chuyển sang một kiếp sống khác.

Mọi tôn giáo đều đã làm như vậy.

Phân tâm học là một giáo phái hiện đại; Kitô giáo, Hindu giáo, Phật giáo, Jaina giáo, là những giáo phái cổ xưa. Không cái nào trong số chúng là tôn giáo.

Tôn giáo sẽ mang đến cho bạn tự do.

Tôn giáo sẽ mang đến cho bạn chính mình.

Đối với tôi, trị liệu cộng với thiền là bằng tôn giáo.

Tôi sẽ mời Tiến sĩ Brian Weiss tới xem thử nghiệm tuyệt vời này. Có lẽ, bởi vì bây giờ ông ta hoàn toàn thất vọng với phân tâm học, ông ta có thể thấy một số khả năng trong trị liệu và thiền.

Và đây không chỉ là lời mời với Tiến sĩ Brian Weiss, đây là lời mời với tất cả các nhà phân tâm học, bởi vì bạn sẽ sớm mất đi nghề nghiệp của mình. Trước khi bạn bị chết đuối, chúng tôi đang chuẩn bị ở đây một con thuyền Nô-ê.

Hôm nay bắt đầu một loạt bài nói mới. Tiêu đề của loạt mới là: *Zen: Sự huyền bí và Thi ca của Bên kia*.

Trước khi tôi thảo luận về kinh điển do Maneesha mang đến, thay mặt cho tất cả các bạn, có một vài lời về tiêu đề của loạt bài mới, *Zen: Sự huyền bí và Thi ca của Bên kia*.

Tôi không coi Zen là một triết lý hay một thần học mà là gần hơn với thi ca, âm nhạc, hội họa, nhảy múa, ca hát. Đó không phải là từ bỏ cuộc sống, đó là niềm vui trong cuộc sống bằng cả trái tim của bạn. Và khi bạn trở nên tham gia sâu vào lối sống sáng tạo, thế giới mở ra cánh cửa của nó. Tôi chỉ đơn giản gọi nó là '*cái bên kia*', bởi vì tất cả các từ khác được sử dụng đã bị ô nhiễm bởi các tôn giáo cũ, nhưng '*cái bên kia*' vẫn còn thuần khiết; và bởi vì nó là một bài thơ, một hành động sáng tạo, mà tại

đỉnh cao của nó nó sẽ biến đổi bạn và đưa bạn đến những cánh cửa của sự huyền bí.

Toàn bộ sự tồn tại này là một sự huyền bí; chỉ đối với người mù sự huyền bí mới không có đó. Nếu bạn có đôi mắt, thì mọi thứ đều huyền bí, và không có giải pháp nào cho nó. Càng đi sâu vào nó, nó càng trở nên huyền bí. Và không có đáy với độ sâu, nó là không đáy. Bạn có thể đi tiếp mãi; huyền bí trở nên huyền bí hơn, nhiều màu sắc hơn, thơm hơn, nhưng bạn không đi đến kết thúc nơi bạn có thể tìm thấy lời giải thích cho sự huyền bí.

Trừ khi một người an cư với sự tồn tại như một huyền bí, anh ta sẽ không thể sống cuộc sống của mình như cực lạc.

NGUYỄN TRUNG GIANG

dịch từ loạt bài nói tiếng Anh của **Osho** vào 1/1989, ***Zen: The Mystery and The Poetry of the Beyond***.

Danh Ngôn:

Không có văn hóa và thứ tự do tương đối nó gọi lên, xã hội ngay cả khi hoàn hảo cũng chỉ là rừng rậm. Vì vậy mọi sáng tạo đích thực đều là món quà gửi tới tương lai.

Without culture, and the relative freedom it implies, society, even when perfect, is but a jungle. This is why any authentic creation is a gift to the future.

Albert Camus

(1913 - 1960) Nhà văn đoạt giải Nobel, triết gia, nhà báo người Pháp.

LOẠT THƠ ...

HÀ NGUYỄN DU

1/ TRÊN BỜ ĐỜI SÁNG NAY...

Trên bờ đời sáng nay...
Âm vang vang như sóng...
Lô nhô loài lưỡng cư...
Gọi trong ta khát vọng
Cái hè dài lá khô
Người người không quẩn quít
Em câu gắt giận hờn
Chắc do thời tiết nghịch..?

2/ RÊN RỈ HƯU, NAI

Gục xuống chánh, tà
Mùi ma, hương quỷ
Vang vang vượn. khỉ
Rên rỉ hữu, nai ...
Nhiều màn giũ sỏ
Lắm trận phủi tay.!!

3/ NĂM MÀ...

Khác chi con ếch Năm mà .!!
Gọi trời, nhỏ giọt Mưa sa lại bù...

Gọi tình em Sưởi chân tu
Gọi thơ phún mạch Ta ru kiếp tằm

4/ HỒI MẸ..!!

Trời đất vẫn thay mùa đổi tiết ...
Cớ sao con khánh kiệt với thu vàng ..!?
Cái hạn cùng tất biến nỗi cơ man..!!
Cầu động thấu cao xanh ời hồi Mẹ..!!

5/...GỐC KHẾ

Gốc khế, hiên trưa, Mẹ ngồi nhớ con
Tí tách mồn hao dạ bất an
Hứa hẹn ời..!! ngọn đèn sắp tắt
Nếu Mẹ mất rồi, con sẽ lang thang !!!

6/ DUYÊN

Sài gòn có nhau ...
Sài gòn hoa nở ...
Sài gòn có nhau ...
Em vẫn chờ anh ...
Tao đàn công viên
Em yêu Khánh Hội
Tao đàn công viên
Xưa nao em đứng đợi
Hàng cây trút lá như sẻ chia cùng ...!!
Oan khiên tình ta ngàn năm vẫn tội..!!
Duyên của đời ta, cùng Phật bà Quan Âm ...!!

7/ TẬN CÙNG THƠ

Xưa ... Lý Bạch ôm trăng mà chết đắm!!
Nay ... ta ôm Thơ ta chết cũng cam đành!!
Trăng vàng rực, trần gian người ngây ngất!!
Thơ đầy tình, ta chết tận cùng Thơ ...!

8/ ĐÒ CỐ VƯỢT QUA SÔNG.!!

Con đế mèm ... vẫn hát khúc “Oan Ca” !!
Nghe sỏi đá, chan hòa Thơm Nhân Ái ...
Đà tắt nắng, mà ta Nào ái ngại.!?
Vẫn vai mang, tay vẫn cánh tay bông...!!
Trong muện màng Đò cố vượt Qua Sông.!!

9/ HẠT THƠ ÉP LÊN MEN

THÀNH RƯỢU NHẠC
Bướm vườn hoang Mơ màng đôi cánh Đẹp...
Tơ tưởng hoài Hương nhụy đóa Trà Mi ...
Hạt thơ ép Lên men Thành rượu nhạc...!!
Ngợi ca tình Qua bến Trạm Lưu ly...!!

10/ CHỜ AI AI VUỐT MẮT.!?

Ngọn đôi hồng, còn ướt giọt sương đêm
Ốc đảo em cho, thơm ngát nỗi niềm
Tia nắng hờn ghen, nắng ảo lá ...
Dạt chòng chành ta ơi, con thuyền duyên

Mấy nẻo, bao trường gieo ước nguyện
Em không dung, mặc định chi là ...
Như chuột lắt, tha hạt ta mai một!!
Ô hay! Duyên rơi, hạt rơi ta nẩy mầm!!
Sen côi quĩ ngập bùn, sen biến dạng
Em côi ma, em ngụp lặn, bão bùng!!
Ta côi thơ mặc nhiệm đến lâm chung!!
Hơi thở cuối, chờ ai ai vượt mắt!?

11/...KHÓC CẠN ĐỜI NHAU!!
Giờ giận Ngày Tháng đổi hờn Năm
Đêm không tin Mùa, Thời gian bỏ lầy
Con nước đổi màu, Rừng trút lá thương...
Chim chóc thiên di, Muôn vật quay cuồng
Nhà dột nhiều nơi, Mía sâu gần hết ...
Tình em Thoi thóp, trên đỉnh non bông
Thơ ta con thuyền , tan hoang hồng má
Ta con mắt chột Khóc cạn đời nhau!!

12/ BIẾT AI THƯƠNG MÌNH !!
Nhìn mây, tin chắc rằng mưa ...
Như ta biết được, kẻ vừa sơ giao...
Nhìn trăng đã biết tuổi nào...
Như nhìn em biết, ngọt ngào, đắng cay...
Đọc thơ, tin thơ dở, hay..
Đọc ta đêm trắng, biết ai thương mình !!

13/ ĂN NẰM VỚI THƠ.!?

Đã là một trái tim yêu ...
Sợ chi nhịp đập không đều hơi tim ??
Đã sinh là kiếp làm chim...
Lo chi tiếng hót im lìm lúc nao ??
Đã là lính thuở binh đao
Ngại chi bom đạn thét gào quanh năm...
Đã sinh duyên kết tơ tằm ...
Sầu chi món nợ ăn nằm với Thơ.!?

14/ HÉO ỨA VÔ THƯỜNG .!!

Núi đồi ...
Suối khe ...
Chân e lác bước
Ngộ độc chất trượt
Ngất ngưỡng đời thơ
Bơ phờ tuổi thọ ...
Rẻ rúng một đoá.!!
Héo ứa vô thường .!!

15/ HỒN ĐÓ CÒN THIÊNG.!?

Vũ Đình Liên ...
“ Những người muôn năm cũ ...
Hồn ở đâu bây giờ.??”
Hà Nguyên Du ..
Hồn bao nhiêu năm cũ...

Hồn đó nay đâu bây giờ??
Hồn đó còn thiêng chẳng với Thơ ..??

16/ KẾT HOA

Rừng tôi lăm cây cong cong...
Cong theo ánh sáng, vì mong ruột rà
Rừng tôi , có lăm cây già
Cây già vì bởi kết hoa cho rừng..!!

17/ THÊM TA NGÀY TỬ

Nhân gian luôn Có ngày sinh...
Ơi thêm ta cái Ngày chinh phạt Buồn...!!
Cái ngày nước mắt Dầm tuôn
Cái ngày như thú Lùa chuồng sát sinh...!!
30 tháng tư Điều linh...!!
Là ngày Khai tử chúng mình Trời ơi...!!
Một chín bảy lăm Nhớ đời...!!
Thêm ta ngày tử Khóc cười ngày sinh...!!

18/ CHO NGƯỜI TỊNH TÂM

Được gì cái kiếp bèo mây!?
Chớp nhanh năm tháng Phơi bày Trêu ngươi...!!
Ngàn năm Còn lại một lời :
“ Thiêng đàng Tại thế, Cho người Tịnh Tâm”

19/ NHIỀU NHƯỜNG

Những tôi Đã khảm Khoang tàu...!!

Mà ơi!! Giọt nước chưa vào Đại dương!!
Chạnh Lòng Tủ phận Xuôi buông ...
Con tim bồ tát, Thương tưởng Bụi bay..!!
Nảy mầm không Hạt lúa ai??
Ngàn năm rồi sử, Chi bày ngõ hoa ??
Xoay diên, Khôn đại, Chánh tà...
Cái Board, Con chip Đã là Nhiều nhưong..!!

20/ HOA RÊU

Vui cùng cánh nở Hoa rêu
Vui cùng sỏi cuội Lăn đều truông qua
Nhũ thầm riêng Cõi đời ta
Ơi ơi cõi lắm... Quỷ ma Nhiều Thần..!!
Sờ cây Rễ khóc Vang rân..!!
Cạn nguồn bên ấy Xót phần mạch đây...
Tình ta viên sạn Trong giày..!!
Nghe tim nển lụn Đọa đầy tình tan..
Đời mưa Ta cóc nghiêng răng..!!
Ánh sáng đơm đóm Soi đàng tình phai.
Đứng ngồi Rũ phận Thương vay..
Nhạc ru Mộ khúc Thơ bày điệu tang..!!
Em giờ lạ lắm Lư... Nhang...
Ngày như bật lửa Châm làn khói đau..!!

21/ NGÃU HỮNG

VALENTINE'S DAY

Rình lấy password tim em ...

Để anh vào chiếm Cái duyên lạ kỳ ...

Cái duyên Sắc nước Mê si...

Vua, Tòì, chết đứng Chẳng hề kêu than..!

Nàng rằng, Nếu muốn Yêu nàng...

Hãy đáp cho đúng Rõ ràng hai câu :

Thơ là gì Thơ từ đâu??

Nếu ai đáp đúng ... “Cùng nhau ... Động phòng “

(Làm mấy đoạn thơ vui và để tặng hai thân hữu là Nhà văn Lâm Chương và Nhà thơ Đức Phổ, đăng trên FB cũ với tên Hà Nguyên Du, đã bị hacker lấy mất luôn)

22/... NHƯ NGƯỜI DỪNG

hương thơm nào ngát trong

đêm đầu năm mà đêm

khảo đêm nghe lạnh thể

khí phách hoa mấy đoá

như muốn héo không chia

vui xuân đầu lạch đào

đầu ngõ nguyên vẹn

cổ khói nhang cướp hồn

ta đạo nghĩa xôn xao

ngoài kia rộn rã đầu

đây em bị cuốn hút

bởi lực cám dỗ bởi

tia mặt trời chắc là

hơn anh hẳn là hơn

anh mà!! Ủ! cái mộng
bàn ráp chân ghế sao
củ nhì nhằng không dám
giả biệt để chí chóc
ta thán vang âm thạch
sùng để co bung đều
liệt vị rồi lạnh âm
lạnh dương như sầu lên
núi sông như có hiệp
định biến thành người đứng

23/...NHƯ EMAIL.
Như email Có a vòng(@)
Yêu thương ta phải Có lòng vì nhau
Vì nhau Là bước khởi đầu ...
Vì nhau là những Nhịp cầu qua sông.!!

SOI GƯƠNG
Soi tôi Soi trong gương đời...
Hỏi tôi có chút Rạng ngời nào không ?
Cớ sao đôi mắt Lưng tròng.!?
Da nhăn Lưng sấp Như còng chữ U

ĐẢO ĐIÊN
Tình tôi Ba dấu chấm than (!!!)
Câu yêu đang viết Xuống hàng ngang xương ...
Cho nhiều dấu phẩy Cản đường ...
Dấu ngoặc Dấu hỏi luôn tuồng Đảo điên.!!

24/... EM NHƯ NI CÔ

Đường Đỗ Thành Nhân dù đổi tên gì ...
Ta vẫn cứ yêu Tên con đường cũ ...
Con đường có em Người tôi yêu dấu !
Sài gòn em.! Đến chết cũng mang theo!!
Bước hân hoan Bao con hẻm ngoằn ngoèo
Lòng nôn nả Ta, Em rồi sẽ gặp...
Sẽ nói lời yêu, Tay phiêu lưu ôm ấp...
Em dịu hiền ơi! Em như Ni cô .!!

25/... NĂM MƠ

Năm mơ Ta đứng hôn em.!
Bốn con mắt khát Lim dim chực chờ!
Nghe chừng Dào dạt Suối thơ...
Tưởng như bung mạch Trần bờ Thi ca ...
Khi nào Đất nhụy Trời hoa
Cho con Bướm mộng Đời ta Tìm về

26/... CON RỐI

Cánh lướt gió Rách tả tơi..!
Trông trường ải ải Cuối trời gặp mưa..!
Núi cao đen kịt Mây mùa .!!
Biển sâu động cả Như vừa thất kinh!!
Đất trời Sấm hối chúng sinh.!
Ta , Em sấm hối Chuyện mình Chuyện quê.!
Tích tuồng diễn trận U mê!
Kia con rối múa Múa hề rối ren.!!

27/ HỎI TÔI ...

Hỏi tôi con chim Lạc bầy ...
Nát tương kiếp bạc Còn cay đắng gì .!!!?
Trăm đường Vạn lối Ra chi ??
Bon chen Vinh, Nhục Đã hề chi nao .!!!?

28/ CẦU TRỜI

Bột thơ Anh hãy khuấy đi...
Cho nhau Thấy được Chút chi Nên hồ..!!
Ừ thôi.!! Nếu cái hồn Khô..!!
Cầu Trời tìm được Suối Thơ trầm mình.!!

29/ NHỮNG ĐOẠN

RỜI CHỎI NHỊP ...

A/ KHÍCH LỆ

Đời như một chốc Thoáng qua ...
Đời như một chuỗi Sắt na vô thường...
Về đi Xây nhà yêu thương
Về đi Vun bón khu vườn Tình yêu...!!

B/ TÌNH BAO DUNG

Nắng xuống tóc Hoàng hôn buồn Rũ áo!
Thân gầy trơ Giông bão dạt Xuân thì!
Mưa chí nguyện Tàn đêm Cơn giũ bụi!
Tình bao dung Quảng đại Nán chân về...!!

C/ NẠN KHỔN

Nắng rực trời Lưu vong
Hồn ta Vẫn như bão!
Sông đời mình Đã nông.!
Nạn khổn cả Thực, Ảo.!?

D/ KHI TA

Hãy vút đời ta vào Giỏ rác!!
Khi ta gian dối tận thân mình!!

E/ MÌNH ƠI!

Gọi mình hơn cả gọi Ta
Mình ơi! Mình hỡi Thi ca đời mình!!
Một đời Lụy ,Đắm Chông chênh!
Mình ơi! Mình vớt ta lên Khỏi bờ...!!

F/ DÒNG CHẢY THI CA

Tréo chân ngồi thế Kiệt già
Vẫn nghe dòng chảy Thi ca Ngập tràn!
Tình yêu Sống chết Đa đoan .!
Với mai chung cuộc Sao an Chỗ nằm...!!

G/ RẰNG THÌ LÀ ...

Ừ! Rằng thì là rằng thì...
là thế giới...thế giới dạ...
dày thế giới... thế giới môi...
mép chỉ thế thôi chỉ thế...
thôi đừng quanh quanh co
co chi cho lã lã mệt...
mệt cái thân xác trọ tục phàm tục..!!

H/ DẪN THÂN

Trong thơ Không chỉ mình em...
Có sông Có núi Hiện lên với tình...
Có ngàn thống khổ Điều linh...!!
Có muôn vạn thứ Cần mình Dẫn thân...!!

31/ VỀ ĐÂU THÂN GIÀ

Sáng đi... rồi Sáng lại về ...
Chiều đi Chiều cũng tái tê Xa rồi...!!
Bỏ tôi đêm tối Cuộc người...!!
Bỏ tôi chết đứng Rã rời Cô thân...!!
Thơ ru Thơ khóc Căn phần...!!
Tình ơi Ngã ngiệt Tình gần mà xa...!!
Về đâu hồi Tôi thân già.!?
Một nơi một xó Đâu là chỗ ngơi.!?
Đời thơ ơi.! Con tôi ơi.!
Tay ai vuốt mắt Lệ rơi Có là.??

32/ ĐÃ RẰNG ...

Đã rằng Em có yêu Tôi
Đã rằng phai nhạt Theo thời Trôi đi
Đã rằng biển sóng Sân si
Đã rằng phí cả Xuân thì của nhau...!!

33/ CÁI TÔI

Cái phong Cái tác vờn vai...
Cái chân thích ứng Cái ngày Mới lên...
Cái cầu nối Bớt chông chênh...!!
Cái tôi rõ nét Cái mình mình ơi...!!

34/ CHUYỆN PHẬT...

Phật ngồi dưới cội bồ đề... Tôi ngồi dưới gốc
U mê lụy phiền...!!
Phật ngồi trên bệ tòa sen, Tôi ngồi trên đồng
Vinh hèn nhân gian...!!
Phật ngồi lẩn chuỗi hạt tràng. Tôi ngồi lẩn đếm

muôn ngàn tham, sân..!!
Phật thành Phật vọng chuông ngân. Tôi thành
ma quỷ vang rân hận thù..!!

35/ NẾU...

Hoa hồng em, nếu không gai...Thì thơ tôi chẳng
mấy ai ghé vào..!!
Tình em, nếu không dấy đau...Thì thơ tôi chẳng
Dạt dào thương tâm..!!
Đàn yêu ta, nếu đúng âm. Thì nhạc tôi chẳng
có trăm notes buồn..!!
Lời em, nếu rót mật luôn... Thì tim tôi chẳng
Nhịp tuôn điệu vẫn..!!

36/ CHAN HÒA DẤU YÊU

Lá Thơ chào vẫy gió Văn. Hạt mưa nhạc khúc hân
hoan đón chào...
Một vườn hoa nở mừng nhau... Bầy ong bướm
Lượn ngọt ngào hoan ca...
Sao trời cảm thụ Sao sa... Trăng đêm buông lụa
Chan hòa dấu yêu ..!!

37/ TÔI VỀ...

Tôi về trông gió rung cây. Nghe mưa than thở
Nhìn mây lặng buồn...
Tôi về, e diễn lại tuồng... Dư âm cổ tích
Sóng cồn Ta xưa..!!

38/ ĐỜI TÔI...

Đời tôi trùng trùng...
Dấu than..!!!!!!

Muôn muôn Dấu hỏi..?????
Tràng tràng số không...(000000)
Vấn tình yêu xoáy...
Quay mòng.!

Vấn mưa bão lệ...
Suốt vòng Tử sinh..!!!

39/ CHUỖI THƠ RỜI

A/ MAY RA LỘC MẮM
Đêm nằm nhớ Lục bát tôi...
Hai cây 6/8 hết thời trở hoa...
Vì chưng Đã quá ư già
Đổi phương cấy, ghép May ra lộc mầm.!!

B/ THƠ VUI VỚI PHỤ NỮ
Hôm nay ngày 8/3
Anh liều mổ ngực Lấy quà tặng Em.!!
Quà cho Em Một trái Tim
Trái Tim rướm máu Đậm niềm Yêu Thương
Em yêu là đóa Quỳnh Hương...
Quỳnh Hương thơm cả Đêm trường ngắt cơn
Anh về Anh sẽ Tạ ơn
Khéo gìn giữ ngọc Sợ hờn vuột tay.!!

C/ ÁNH VÀNG
Hạt nào rơi xuống Lá sen.!?
Hạt nào rớt xuống Bùn đen hồ đời.!?
Cái hoa nói được Nên lời...

Cái nhụy nhac tính Ru hời Thế gian..!!

Ta về thả một Trâm nhang.!
Chúng sanh là Phật Ánh vàng rõ soi..!!

D/
Nghĩa ân Túi noãn Vàng Em
Cho ta phao hộ không chìm bể khơi..!!

E/
Nhiên không rớt hạt Xuống đời...
Hắn duyên cơ ấy Do Trời Chiếu ân..!!

F/
Hè về Ta nhớ đến Sen...
Nhớ ta Hệ lụy Nào chen vị Bùn..!?
Cái sinh Cái Tử Khốn cùng .!?
Nguyên trình Khởi thủy Mịt mùng ta đâu .!?

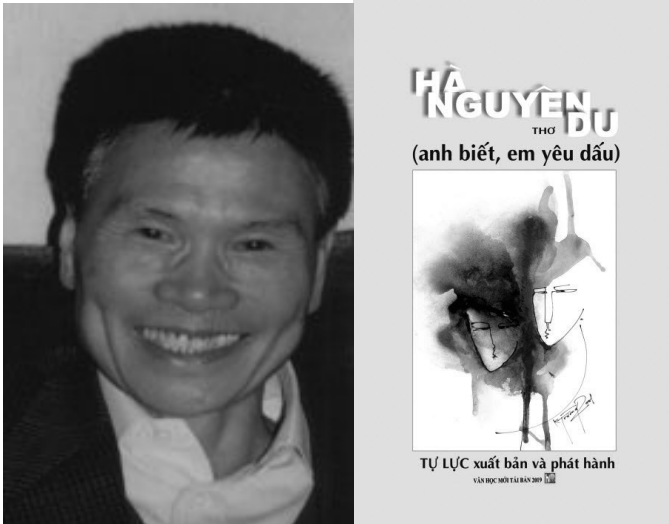
G/
Thế nào Quy với Tham, Ngông..!?
Thế nào ngã Chỉ cơn giông Dựng trò..!?
Ta còn sáng rực Trời mơ...
Ta còn Triệu bước âu lo Cao vời...

H/
Một đời Ấp mộng Trời Tây...
Tiên em ngôi cũ Tình đầy trong tim..!!

HÀ NGUYỄN DU

LÊ MỘNG NGUYỄN (Paris)

“Anh Biết, Em Yêu Dấu ”
của Hà Nguyên Du *hay là Ngày như thế*
tận vì không có em _____



Trong bài “ *Anh Biết, Em Yêu Dấu* ” (được chọn làm nhan đề thi tập thứ hai của Hà Nguyên Du), có mấy câu cuối cùng vừa đẹp vừa ý nghĩa, đáp đúng tâm tình nhà thơ trong cuộc hành trình qua tình yêu đến tận cùng (như thi nhân đã viết trong lời Tựa :

“ Thơ cú như người tình luôn vuốt ve, an ủi trong những toan tính đầy mạo hiểm, khi thơ tuôn ra như những dòng huyết tự. Thơ làm thật nhiều qua biết bao chặng đường, kể cả những

bài thơ làm lên trong những lúc bị gông cùm không có viết, phải dùng những vật bén nhọn hay sỏi cuội mà viết nên chữ ; nhưng tất cả thơ ấy đều theo dòng thác kinh hoàng mà mất hết. Nhưng rồi thơ cũng tiếp tục sinh sôi bởi sức mạnh của tình yêu, bởi sức mạnh của lý tưởng ”) :

*... Một ngày hồn không phiêu bồng
Một ngày hồn ngẩn ngơ
Một ngày ong không lấy mật
Ong quên sinh
Một ngày bướm không có hoa
Bướm tự vẫn
Một ngày em không yêu anh
Một ngày như thế tận*

Trong cuộc hành trình khám phá tìm hiểu tư tưởng sâu đậm của tác giả, tôi xin trích dịch đoạn này ra chữ Pháp để cống hiến độc giả thân mến của Nghệ Thuật và làng văn nghệ sĩ đã từng yêu chuộng thi phẩm đầu tay của Hà Nguyên Du :

*Si un seul jour l'âme ne flottait pas à la dérive,
elle se trouverait engourdie
Si un seul jour l'abeille ne produisait pas la cire et le miel,
elle se tuerait
Si un seul jour le papillon ne trouvait pas de fleurs à sucer,
il se détruirait
Si un seul jour tu ne répondais pas à mon amour,
Ce serait la fin du monde et de mes jours.*

Nếu « Lối Khác » là óc não và xương thịt của một thi nhân « x. Nghệ Thuật số 66, th 09 – 1999), “Anh Biết, Em Yêu Dấu ” là một tán dương ca hùng vĩ của tình yêu bất diệt qua một triết lý rất đặc biệt về linh hồn và xác thể :

*Tôi đã luân hồi tôi, qua em
Tôi đã luân hồi thơ, qua tim*

*Tôi sinh từ đất tanh hơi máu
Tôi chết từ đâu những nỗi chìm ?
Bằng Pháp ngữ, tôi cảm giác như sau :
Par métempsycose je revis une autre vie, dans ton corp
Par métempsycose je revis ma poésie, dans mon coeur
De la terre nauséabonde et dans l'odeur des angénaises et meurs
D'où ma mort vient- elle sinon des vicissitudes du bonheur?*

Cùng theo một ý niệm về cuộc đời thi nhân, HND đã kiếm tìm cho ta thưởng thức bài thơ ngắn của F.W Bourdillon bằng tiếng Anh (The night has a thousand eyes), có bốn câu chót rất diễm lệ :

*The mind has a thousand eyes,
And the heart but one
Yet the light of the whole life dies
When love is done.*

Đã do Thi sĩ Viên Linh dịch ra bằng tiếng Việt (ngắn và sâu sắc) :

*Trí tuệ có nghìn con mắt
Trái tim chỉ có một,
Nhưng ánh sáng của cả cuộc đời sẽ tắt
Khi tình yêu đã hết*

Nhưng tin tưởng trong luân hồi Phật giáo và đặt tất cả niềm hy vọng vào tình yêu vĩnh cửu (mặc dù có đôi lúc chán nản), đối với nhà thơ họ Hà : "... cuộc đời có lẽ không bao giờ tắt, dù tình yêu hoa mộng đã chết, để lại vết thương tang tóc cho tâm hồn ... Rồi tình yêu khác sẽ tái sinh, sẽ đâm chồi nảy lộc và trở về tiếp tục ngự trị trong trái tim thơ, trong trái tim chứa đầy nhân ái. Một trái tim luôn nóng hổi như ánh thái dương trên quê người luôn chói chang. Một trái tim không bao giờ vơi tình yêu tha nhân và đồng loại, không bao giờ mờ phai hình ảnh quê nhà! Nhất là không bao giờ ngưng nhịp đập thơ! " (Tựa HND). Sở dĩ tôi trích đoạn dài này từ bài Tựa HND vì qua nó, tác giả " Anh

Biết, Em Yêu Dấu ” muốn phát ra một bản tuyên ngôn cho đời...

“ Anh Biết, Em Yêu Dấu ”, là một cuộc hành trình đi ngược dòng thời gian trong quá khứ của một mối tình đã qua, tương tự Marcel Proust đã đi tìm thời gian đã mất ...

(“*À la recherche du temps perdu* ” 1913- 1922). Chẳng hạn khi người thi sĩ hồi tưởng xa xưa, qua những kỷ niệm còn ập ủ trên giấy hoen mờ :

*Chồng thư cũ úa vàng bao lớp bụi
Ta vàng theo năm tháng trái oan đời
Em bên ấy có quen hờn quen tủi ?
Có đương nhiên quên quá khứ xôi ?*

*Ngày hai đứa ghé đầu chung nón nhỏ
Vai kề vai tim thánh thót reo mừng
Em tha thiết mãi thêu thùa, mơ mộng
Nói bên nhau cho hết kiếp chia, phân... (Chồng Thư Cũ)*

Bài này được Nhạc sĩ Lê Dinh có biệt tài phổ nhạc (x. Nghệ Thuật số 72, th 03-2000) với cung ré majeur làm nổi bật một quá khứ êm đẹp, nhẹ nhàng trước khi hai đứa trẻ xa nhau. Nhưng có những chia phôi còn để lại thương tiếc vô cùng, mấy vần thơ sau là một tiếng khóc cho một cuộc tình dang dở :

*Thoáng chốc đời phai, mãi buồn canh cánh
Yêu lắm rồi xa, thương tiếc khôn cùng
Mai ta về đâu, nắng tấp mưa giông
Mai đôi mắt dần khô chẳng, tuổi lệ? (Ngày Mai Và Đôi Mắt)*

Trong “ Đã Rồi Một Cánh Chim Bay ”, với âm điệu tuyệt vời, đẹp như ánh sáng ban mai, buồn như dòng suối năm xưa, Hà Nguyên Du đã đạt được một địa vị dưới ánh mặt trời sáng rực. Cứ mỗi danh từ là một nghĩa, cứ mỗi điệu vần là một nhịp trong tim, một nhịp của tạo hóa thiên nhiên :

*Đã rồi một cánh chim bay
Em đi về với cuồng quay ánh đèn
Lạc loài ta giống tên điên
Bơ vơ ca hát, ngang nhiên cột đũa
Đâu rồi suối cũ trăng xưa ?
Ta thêm chúc tước đâu vừa thiên hương
Nguyệt tà, dương xe, á mây buông
Ta, em hát mãi, khúc buồn thiên thu...*

Kỷ niệm ! Kỷ niệm ! ngày “ Thứ ba ” trong “ Tuần Lưu
Hoạt ” đáng lẽ theo phần đông là một ngày thích thú nhất ...đối
với nhà thơ họ Hà trái lại, là ngày đau khổ nhất :

*Con chim nào hót sáng nay ?
Miệng ta bỗng huyết sáo dài như chim
Cơn mơ nào ủ trong tim?
Nỗi xưa niềm cũ luân phiên dày vò!
Đã rồi hóa giải nên thơ?
Cho ta sống thân bên bờ vực đen?*

Tôi xin dịch ra chữ Pháp như sau (để lột trần hơn nữa
tâm hồn của tác giả) :

*De quelle espèce d'oiseau ce chant vient- il ce matin?
Je ne mets soudain à siffler comme l'animal, longguement !
Quel genre de rêve a-t-il pu à fois réchauffer et freiner le
rythme de mon coeur
Des sentiments et ressentiment du passé ont à tour de rôle
embrouillé ma vie
Je les ai pourtant tous transformés en poésie
Afin que puisse vivre tranquille
Au bord du noir profond de l'abîme ?*

Sống thoải mái nơi đất khách thật hảo huyền ! Những
chiều mưa, có lẽ người yêu sẽ về theo “cho cảnh khô chờ tiết giao

mùa”, “cho đàn yêu đẹp với âm thừa”, “cho rừng xanh rộn tiếng chim đùa”, “cho nụ hoa nở sắc khoe mùa”. Than ôi ! hy vọng cùng ước mong làm hi cho khổ não thần kinh :

*Em hãy nhìn hàng cây trút lá
Ta như chim thôi hót bao giờ
Cô liêu nào ghi sâu vết nhớ?
Tim xanh còn gõ nhịp cho thơ!
Sông núi buồn ngày đêm buốt giá
Ta yêu em vương vấn câu thơ
Xa nhau rồi nghìn đêm luyến nhớ
Tabaogìrótátcạncơnmê!?(EmCóVềNhưNhữngCơnMưa)*

Đáng sợ hơn là những : ... Đêm thổ huyết từ cơn mơ cũ / Gương vỡ soi, người đội lốt người / Nỗi thê thiết tim nào chịu đựng / Nẻo về không biết có sông, tôi? (Ẩn, Hiện Một Đời). Hoặc trái lại, trong “ Những Đêm Hạ Huyền ”, nhà thơ cũng tiếc nuối, nhưng nhờ thơ, người đã biến hóa nhẹ nhàng :

*Hạ huyền ơi hỡi! Nắng thêu ngàn cây / Héo khô cảnh ta /
Em lá rơi đầy / Hạ huyền phiêu lãng / Tóc ai dần phai / Tĩnh tang
tĩnh tang / Non nước u hoài / Vọng về đâu nữa? Đám sâu cảnh
khô/ Ái ân ngày xưa / Hóa ra thành thơ. Còn nói gì lúc “ Trái Tim
Học Trò ” của nhà thơ (đầy mơ mộng) mỗi ngày đến trường nữ
học, nhìn trộm nàng ra trường, trên đường về nhà cha mẹ : Áo
em ngày xưa / Áo trắng thiên nga / Bước anh ngày xưa / Bước đi
hào hoa / Tóc em ngày xưa / Tóc chấm ngang vai / Tóc anh ngày
xưa / Tóc phong trần bay . Còn biết bao nhiêu vần thơ tuyệt diệu
của Hà Nguyên Du về mối tình trong kỷ niệm, vừa đau thương
vừa bình dị, dịu dàng như “ Tình Như Cảnh Lá Thu Phong ”:*

*Tình như cảnh lá thu phong
Thôi tàn phai hết mặn nồng ái ân
Anh còn nặng gánh phù vân
Mắt em rơi ướt, xót thân lạc loài
Hay “ Tình Ta Dưới Ánh Mặt Trời ” :*

Ôi! bàn tay trên cung phím lướt
Tờ ngân vang rung trái tim buồn
Nghe không em, lòng ai chùng xuống
Như trần gian thiếu bóng tình thương!
Như đời hoa vời trông cánh bướm
Như ai ca phách nhịp không cùng
Xe đi không về không với bến
Ta yêu em cho núi thành sông...

“Anh Biết, Em Yêu Dấu” cũng là một tán dương ca tình yêu quê hương (Chiều hôm nao đi ngang dòng kinh / Nhớ quê hương tha thiết chân tình / Nhớ ruộng đồng khô ran, thiếu nước / Dẫn thủy nhập điền hư hao nát tanh :Tức Cảnh Sinh Tình), nhớ gia đình quốc nội (Ta ở bên này xứ sở văn minh / Thương chị giếng sâu, gàu con xách nước / Mẹ lả thân cò, tảo tần xuôi ngược / Ôi! lát lây cho đắp đổi qua ngày : Chải Tóc Đi Em!), người cha đã mất năm 1986 (Đột ngột ai ngờ Ba lâm bệnh / Và Ba đi...đi mãi không về / Trời ơi! hiên vắng ai ngồi khóc ? Bão táp mưa sa phận nào nề: Dưới Nắng Xế Ba Ngồi Sàng Gạo), và người mẹ yêu dấu còn sống sót quê nhà :

... Vẫn nhớ lệ mờ nơi bến cảng, sân ga
Mẹ khóc muốt ôm con và xiết chặt
Em, chị tiễn đưa lòng đau như cắt
Người lẻ loi mãi khăn gói lên đường!!
Vẫn nhớ vô vàn kỷ niệm yêu thương
Qua hưng phế chẳng mờ trong ký ức (Vẫn Nhớ).

Thơ Hà Nguyên Du còn rất thấm nhuần triết lý Á Đông. Đã biết đại khái nỗi tâm tình của người qua “ Tội Đã Luân Hồi Tội, Qua Em ”, bây giờ ta hãy lắng nghe “Ta”:

Đến sẽ đến, đi sẽ đi
Ở, về một kiếp lưu ly đất trời
Trái, hạt từ đâu sinh sôi?
Ta, em, hương, lửa, lũng, đôi bụi bay

*Lối nào có một không hai?
U, mình nở đóa phù phai bất thường
Mộng trần em trêu vai thuôn
Ta, lưng quặn hải hồ, sương khói nhà.*

Hoặc đây tư tưởng Phật giáo trong “ Nàng Cốc Sầu Tan”:

*Đời kiêu bạt phế tàn lây!
Nghe tâm huyết lụn phôi bày nghiệt oan ?
Sĩ hể sĩ chẳng hể than !
Sĩ về nâng cốc sầu tan chẳng hể!*

Về đời Hà Nguyên Du, tôi đã nói nhiều trong bài “ *Lối Khác của Hà Nguyên Du hay là óc não và xương thịt của một thi nhân* ” (NTsố 66) . Thơ của họ Hà có đăng trên các báo nổi tiếng ở hải ngoại và Nghệ Thuật (do Nhạc sĩ Lê Dinh chủ trương) đã trình bày những thi bản hay nhất trong những số vừa qua. Tôi là người hân hạnh được đọc lai cảo “ Anh Biết, Em Yêu Dấu ” tác giả gởi tặng (72 bài tất cả!) với sáng kiến tự do của nhà phê bình lấy trách nhiệm viết bài này cho Nghệ Thuật đặc quyền sở hữu đăng ngay trước khi tác phẩm được ra mắt đồng bào :

Tự Lực xuất bản và tổng phát hành, bìa Khánh Trường, phụ bản của các họa sĩ Lê Thánh Thư, Cao Bá Minh, Nguyễn Đình Thuần, Mai Phương (nhà văn Trầm Hương) Huỳnh Ngọc Diệp, Nam Giao (nhà thơ), và Phan Diên. Với sự cộng tác về phần phổ nhạc của các Nhạc sĩ : Phạm Duy (Em là vòng nhật nguyệt, Khúc ly tao, Đêm hạ huyền) Trần Duy Đức (Vương khói thuốc bay, Em có vẻ như những cơn mưa, Người có về ta, Ôi! nhan sắc), Nguyễn Hiền (Cho tôi bài tango, Cho em bài sonnet), Trầm Tử Thiêng : Khi bước tình đi qua (TTT vừa bỏ chúng ta ra đi ngày 25/01/2000 và HND đã viết trong Tựạ :

“...tôi không nén được lòng, lúc “ cánh cửa đã đóng” sau khi đưa thi hài của cố Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng vào lò hỏa thiêu. Với tiếng khóc nức nở của nhà báo Lâm Tường Dũ, của nữ ca sĩ

Ngọc Minh, và...những dòng lệ tiếc thương của Nhạc sĩ Trúc Hồ, cùng một số văn nghệ sĩ khác...”), Nguyễn Đức Đạt (Tình ta dưới ánh mặt trời), Phạm Minh Hùng (Tình như cành lá thu phong), Nhạc sĩ Lê Dinh (Chống thư cũ), Trần Thiện Thanh (..Còn đậu nhánh tình) ,Trường Hải (Ngày mai và đôi mắt, Tiếc như dòng sông, Trái tim học trò) Ngô Mạnh Thu (Biển gọi tên sông), Nguyễn Hữu Hùng (Tình nhớ khôn cùng) v...v...

Hà Nguyên Du là một nhà thơ đã được nhiều nhạc sĩ lòng danh phổ nhạc; đó cũng là một chứng minh sự thành công vẻ vang của một thi sĩ đang lên, và có lẽ – trong tương lai người sẽ đạt được ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ Việt Nam.
(Cho Em Bài Sonnet)

*Ta cho em bài sonnet chan chứa
Con sông dài uốn khúc quanh co
Sonnet mùa đông lên xanh lúa
Sonnet mình đẹp như trang thơ*

*Ta cho em bài sonnet tha thiết
Như trăng rằm hát khúc ca dao
Sonnet đầy tình trao da diết
Sonnet trời ngời ánh trăng sao...*

LÊ MỘNG NGUYỄN (Paris)

*Nhạc sĩ / Tiến sĩ / GS Đại học Sorbornne / Viện hàn Lâm
Khoa Học / Hội nhà văn Pháp ngữ*

ĐỨC PHỔ
những chiều không có em

Chiều không có em. chiều tôi buồn ghê
hồn tôi lê thê. nỗi nhớ lê thê
khung trời xưa. khung trời xưa
bên ấy
vun trồng tôi kỷ niệm bên này.

chiều buồn không mưa
chiều buồn không nắng
bờ môi thèm. rạo rức
điếu tay dài
muốn mượn điều không thể mượn
nơi em.

chiều hứng gió hàng thông
thảm hoa vàng gót lụa
đón em về
đường mơ giăng phấn thông.

chiều đơm bông chưa
chiều chưa đơm bông
hồn tôi mơ. hồn tôi không mơ
bàn tay em ngoan ngón nhỏ
thơm nồng
muốn quên mà vẫn nhớ
tình em.

chiều thông reo vui. phấn giăng vàng tươi
có người không vui bởi lòng nhớ người

tình đơm nhánh tương tư
sầu dâng hoàng hôn
cuối ngày như cuối đời.
chiều thương ngày qua. ngày qua mau
có giữ giùm tôi giọt mộng nào
nhớ cho tôi mượn điều không thể
nhé em!

gởi người châu thổ

tờ lịch cuối đã rơi
mùa tàn trên phiến lá
người mặn nghĩa phù sa
hỏi ai hoài châu thổ.

đầu năm tây ngổi ngóng
chim én chẳng bay về
nhánh sông sầu bến cũ
người còn nhớ hay không!

bao năm rồi phiêu bạt
lòng gởi vẫn hàm lương
những chiều tàu ghé vội
cứu dân lành bi thương.

thuở ấy em còn bé
chưa hiểu gì tình yêu
hồn anh say bốn bể
bến bờ nào riêng nhau!

bao năm rồi biển lặng
ngắm sóng vẫn xô bờ
nhớ chẳng người châu thổ
đã muôn trùng cách ngăn.

ĐỨC PHỔ

NGUYỄN MINH NỮ
bên bờ kênh tẻ

Tôi đang ngồi ở một quán cà phê ven con lộ vắng chạy cong cong theo bờ kênh Tẻ. Đây là quán thứ ba kể từ buổi trưa nay. Tôi loanh quanh trên con lộ mới này, gọi là mới, vì tôi đoán chừng con lộ và cả khu dân cư này được xây dựng chưa tới hai mươi năm. Năm 1995, trước khi tôi rời Saigon, thì nơi đây vẫn còn là cánh đồng mênh mông cỏ lác.

Ngày mai tôi lại xa Saigon rồi. Ba mươi ngày sống với ngòm ngợp bằng hữu, sống tung tăng với bờ cây góc phố xưa, chạy xe gắn máy một mình loanh quanh hết đường này qua ngõ nọ, nơi đâu cũng bắt ngát những kỷ niệm, những ân tình ngày xưa gieo xuống, sống tận cùng mỗi khoảnh khắc khi thức dậy buổi sớm mai, và kể cả khi nằm ngủ để hiểu được rõ rằng mình không đi tìm cái gì hết, mà thực sự là về để được sống với một thời quá khứ. Ngày chót trước khi rời Saigon, tôi không giữ một cuộc hẹn nào với các thân tình, mà muốn một mình tận hưởng được sống với chính mình.

Tôi sinh ra ở Hà Nội, mà lớn lên ở Saigon. Vùng đất sống dài lâu nhất là khu vực giáp ranh quận Năm với quận Nhất - khu vực chân cầu chữ Y - sau đó vượt qua dòng kênh Tàu Hủ, và sống ven dòng kênh Tẻ. Kênh Tàu Hủ và kênh Tẻ là hai dòng kênh song song, chính giữa là quận Tư. Còn bây giờ, tôi ngồi đây là bên kia dòng kênh Tẻ. Cùng bắt nguồn từ sông Saigon, kênh Tàu Hủ chạy dọc theo quận Nhất, cùng với kênh Tẻ chảy song song vào đến ranh giới quận Năm thì gặp nhau tại ngã ba sông có Cầu Chữ Y, hai con kênh nhập lại thành một chạy về phía tây, chạy tuốt xuống Long An và chảy ra sông Vàm Cỏ Đông. Kênh Tẻ lớn hơn kênh Tàu Hủ. Theo Sài Gòn Năm Xưa của cụ Vương Hồng Sển, con kênh này được đào từ năm Kỷ Mão 1819 thời

vua Gia Long, và người chỉ huy việc đào kênh là Huỳnh Công Lý, nhạc phụ của vua Minh Mạng. Khi kênh đào xong được đặt tên là An Thông Hà. Nhân vật Huỳnh Công Lý này khá đặc biệt. Nguyên do là khi vua Gia Long gần mất, có ý muốn lập tự quân là người nối ngôi, triều đình chia thành hai phe, một phe đề nghị lập hoàng tôn là con của hoàng tử Cảnh đã mất, một bên muốn lập một vị vua lớn tuổi hơn để giữ giềng mối. Cuối cùng, Gia Long nghiêng về phía lập con lớn tuổi nối ngôi là Minh Mạng.

Khi Minh Mạng lên ngôi, phe nghiêng về lập hoàng tôn trong đó đứng đầu là Tả Quân Lê Văn Duyệt đang là Tổng Trấn Gia Định Thành. Trước nhất đây là một vị tướng dày công lao, thứ hai là đang cầm đại binh trấn đóng phương xa và thứ ba, uy tín của vị lão thần quá lớn nên không thể ra mặt trị tội, Vua bèn sai nhạc phụ mình là Huỳnh Công Lý vào làm Phó Tổng Trấn, có thể cũng là để kiểm chế bớt uy quyền của Tả Quân. Huỳnh Công Lý có công đào An Thông Hà, và có thể cậy công, cậy là cha vợ của vua nên khi vắng mặt Tả Quân đã làm một số điều vi phạm. Tả quân làm phiếu trình tội lỗi của Huỳnh Công Lý dâng về kinh xin trị tội. Vua Minh Mạng muốn trì hoãn nên ra lệnh giải Huỳnh Công Lý về kinh xét xử. Tả Quân biết ý vua, nhưng cậy mình có Thượng Phương Bảo Kiếm chém trước tâu sau nên ra lệnh chém và gửi thủ cấp về kinh. Hiềm khích vua tôi càng thêm nặng nề nên sau khi Tả Quân từ trần, Án Sát Gia Định Thành là Bạch Xuân Nguyên cùng các quan ở trong kinh thành Huế đồng loạt dâng biểu kết tội. Chuyện này đã làm con nuôi của Tả Quân là Lê Văn Khôi nổi loạn, chiếm đóng thành trì chống trả với triều đình suốt ba năm từ 1833 tới 1835.

Trong nghiên cứu “Lê Văn Khôi và sự biến thành Phiên An (1833-1835), GS. Nguyễn Phan Quang cho hay, cuộc nổi dậy này, lại thêm có Xiêm La, Cao Miên hưởng ứng với Khôi, nên rất mạnh. Vua Minh Mạng bởi việc này, mà nổi trận lôi đình, trách tội Lê Văn Duyệt nuôi mầm tai họa, án hậu tử của Lê Văn Duyệt sau đó hình thành. Sau khi bình định được thành Gia Định, vua cho giết sạch thành rồi, truyền đem hết cả những thầy đồ vào chôn chung một huyệt tại làng Chí Hòa bây giờ, được tục kêu là “Mả Ngụy”. Ấy là việc ghi chép chung về hậu kết cuộc nổi dậy, cả

thành Phiên An tất thủy đều bị giết hết”.

Cũng khu vực giữa hai dòng kênh này, nhất là bờ phía nam kênh Tẻ, vào thời gian từ năm 1945 đến 1960 là mặt khu của quân Bình Xuyên. Theo Wikipedia ghi lại là: “Sau khi quân Anh-Pháp gây hấn ở Saigon (23-9- 1945), nhiều lực lượng quân sự chống Pháp tự phát được thành lập. Người lập bộ đội thường lấy tên của mình đặt cho lực lượng trong vùng, như bộ đội Tân Quy cũng được gọi là bộ đội Dương Văn Dương, hay gọn hơn là bộ đội Ba Dương. Bộ đội Nhà Bè mang tên bộ đội Hai Nhị, Hai Soái... Khi Dương Văn Dương, thủ lĩnh các nhóm giang hồ Nam Bộ, thống nhất các lực lượng quân sự chống Pháp ở Tân Quy, Tân Thuận, Nhà Bè, Thủ Thiêm, ông đã chọn cái tên “Bình Xuyên” để đặt cho lực lượng thống nhất này. Đây là tên chữ trên bản đồ Sài Gòn - Chợ Lớn để chỉ vùng Hồ Bán, còn gọi là Xóm Cỏ, địa bàn hoạt động của lực lượng này. Cái tên “Bình Xuyên” còn hàm chỉ: “Bình” gọi chiến công đánh chiếm và bình định, còn chữ “Xuyên” để chỉ vùng chi chít sông rạch.”

Bình Xuyên là một tổ chức tự phát tập hợp nhiều thành phần là giang hồ tứ chiếng, có nông dân chân lấm tay bùn, có nho sinh, hào kiệt khắp vùng lục tỉnh Nam kỳ, nhiều tay kiệt liệt võ nghệ cùng mình mà cũng nhiều tay du đảng quanh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn về đầu quân lập nghiệp. Sau năm 1955, khi bị đánh tan, số còn lại của lực lượng kéo về Rừng Sác rồi tan biến dần trong dân gian. Khu vực bên kia cầu Kênh Tẻ là nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp với Bình Xuyên, giữa quân đội Ngô Đình Diệm với Bình Xuyên và cả giữa các băng nhóm khác nhau của Bình Xuyên tranh giành quyền lợi đánh lẫn nhau. Tàn chiến cuộc, biết bao nhiêu xương cốt, vũ khí bỏ hoang phế nơi ruộng lầy, nơi đầm nước, nơi kênh rạch mà dân cư lâu lâu lại tìm thấy.

Khi về cư trú vùng xã Tân Quy Tây, huyện Nhà Bè, tôi ngạc nhiên khi gặp chỉ trong một ấp là Ấp 4 nơi tôi ở có tới cả chục người tên Gấu: Ông Tám Gấu sửa xe, ông Hai Gấu bán tiệm tạp hóa, chàng thanh niên Gấu làm nhân viên xã... Hỏi ra mới biết trong vùng có một vị Thầy Ngải thuốc Nam, chuyên bốc thuốc, coi bói, cúng kiếng mà dân rất nể trọng. Gia đình nào có

con sợ khó nuôi đem đến thầy xin cúng thể, thầy cúng rồi cho bùa ngải đeo trên người cùng lúc đặt tên lại, và không rõ thầy thờ gì, nhưng đa số đặt tên là Gấu. Khi tôi tới đó, ông thầy đã mất rồi, chỉ có một nhân vật lạ lùng ở ngay trong xóm tôi là cậu Hai Gấu làm tôi nhớ hoài.

Cậu Hai Gấu khoảng ba mươi tuổi, dáng người thanh mảnh, mặt mũi sáng sủa, thường mặc nguyên bộ bà ba trắng sống trong một khu vườn cây trái rộng, có một căn nhà xây, mái ngói cổ kính khá lớn, nằm lẫn sau những tàn cây um tùm hoa trái.

Thường mỗi buổi chiều, cậu thông thả đi dạo xóm trên xóm dưới, chỗ nào cũng được chào hỏi trân trọng. Có lần đứng trước cửa nhà, thấy cậu ta đi ngang, miệng cười vui vẻ, tôi cũng chào hỏi, cậu ta dừng lại chuyện trò hỏi thăm gốc gác, công chuyện làm ăn và rủ bữa nào rảnh ghé vô em làm vài chung rượu nghe anh Bảy.

Một bữa rảnh rang, tôi đi sâu vô xóm, quẹo trái quẹo phải theo hàng rào cây lá, đi tiếp nữa cho tới khi nhìn trước mặt là ruộng lúa, xa lắm mới có một mái nhà. Mùa này trời mưa nên vùng nước lợ đã ngọt lại, bà con có thể gieo trồng lúa, khác với mùa nắng, nước nhiễm mặn bỏ mặc cho cỏ lác mọc bạt ngàn.

Vui chân đi cho đến khi trời chập choạng mới tìm đường quay về, tới gần xóm thì trời đã tối hẳn. Tôi đi từ phía ruộng lên nên đi vào phía sau nhà cậu Hai Gấu. Từ cuối vườn tôi thấy một cái miếu nhỏ sáng đèn nhang, thấp thoáng có bóng người, rồi cậu Hai Gấu lên tiếng hỏi anh Bảy hả, đi đâu về phía này vậy, ghé vô chơi.

Tôi ghé vô và được mời vào cái bàn có sẵn hai băng ghế đá ngay trước miếu. Trong miếu không có bài vị hay hình thờ, mà trang trọng trên bàn thờ, là một cây mào cụt cán bầy trên giá gỗ, phía sau là một khung hình có chữ Tầm. Quen với cậu Hai Gấu rồi, tôi được mời dự một buổi cúng tổ vào giữa tháng Giêng. Bữa đó tôi mới biết đằng sau cái dáng vẻ thanh mảnh nhẹ nhàng đó, cậu Hai Gấu là một nhân vật có võ công như phim chưởng, cậu bay nhảy từ dưới đất lên đọt cây, từ đọt cây này chuyển qua đọt cây khác hai tay liên tục đưa ra những chiêu thức lạ mắt và nghe gió lộng vù vù một khi cánh tay vung lên. Cũng bữa đó, tôi

được giới thiệu nhiều tay mã thượng giang hồ, tên chỉ là hai chữ Tư Bân, Mười Tổng... khuôn mặt phong trần gân guốc, tuổi tác có khi lên tới 70, râu tóc bạc phơ, ngồi nói chuyện mà luôn tỏ vẻ kính trọng một câu thưa cậu Hai, hai câu thưa cậu Hai. Tối lúc làm lễ họ đồng loạt ra trước miếu múa võ cúng tổ, đường quyền cứng cáp mạnh bạo, khi di chuyển nhẹ nhàng thanh thoát như một vũ công. Tàn cuộc lễ, họ trải hai hàng chiếu giữa sân, mọi người ngồi chung quanh, có hai cây đàn guitar phím lõm, một cây đàn nhị, một cây đàn gáo và nâng ly rượu hát hò xướng họa với nhau.

Tôi đã từng đi coi cải lương, nhưng tưởng tích là chính, chưa bao giờ thường thức thực sự âm điệu kỳ diệu của vọng cổ. Ở đây trong vòng tròn, người ta hát những làn điệu dân ca xưa cổ như Nam Bình, Nam Ai, Tống Biệt, Khóc Hoàng Thiên..., lời ca là nỗi niềm riêng của huynh đệ giang hồ nghe buốt dạ:

- *Mấy khi rỗng gặp mây đây
Để rỗng tâm sự với mây đôi lời
Nữa mai rỗng ngược mây xuôi
Biết bao giờ nổi những lời rỗng mây...*

Đêm đó cậu Hai Gấu mặc bộ bà ba trắng như bình thường, nhưng khác hơn là trên đầu quấn cái khăn nâu, cột sau ót giống như một cái nón, lưng thì cột một khúc vải cũng màu nâu sẫm, thắt lại bên hông thả tua xuống đùi, chân mang giày vải bó chân. Vòng tròn hơn hai mươi người nhưng không ai nói chuyện riêng, chỉ chăm chú nghe từng người hát, rượu không rót ra ly mà đựng trong bầu, họ chuyển tay nhau mỗi khi uống xong, giữa vòng tròn người là khoảng trống không có thức ăn mỗi nhậu gì cả.

Chừng giữa buổi, cậu Hai Gấu đứng dậy, bước ra giữa vòng, cung tay bái về phía miếu, và vòng tròn rồi bắt đầu đi quyền.

- *Nghe hung tín Nhị Ca đà thọ khốn.
Hồng Đào San em quay ngựa trở về đây.
Kìa! Giữa pháp trường cát bụi mù bay,
Quân đao phủ sắp ra tay hành quyết.*

Khoan khoan, hãy để anh cạn phân đừng giết oan một trang hào kiệt, nghe lời anh đình thủ bố La ... Thành.

Một ông lão tóc bạc, tướng mạo hùng vĩ, đột ngột đứng lên hát tiếp...

- Thôi rồi một lưỡi gươm đưa đã dứt mạng anh hùng.

Đơn Nhị Ca ơi còn đâu một đời ngang dọc, quyết vẫy vùng cho rõ mặt núi sông. Nhớ năm xưa cùng nhau thề câu chệ ngã em nâng, dầu tử sanh quyết vẹn nghĩa kim băng. Thế mà hôm nay u hiển đôi phang, giữa pháp trường chia tay vĩnh viễn.

Cả hai quay tròn bên nhau, lúc người này hát, người kia múa võ, thay đổi qua lại.

- Đơn Nhị Ca ơi, ôm thân anh máu thấm nhuộm chinh y.

Lòng tiểu đệ thêm náo nùng chua xót. Nhớ đến câu “Tiền đồng tịch, kim băng cộng lạc, hậu lâm nguy bất kiến đệ huynh”. Đấng anh hùng đầu ngai lẽ tồn vong, nhưng chết tức tử ngàn thu còn di hận.

Giữa lòng đêm và ánh lửa bập bùng trước miếu, giữa không gian vừa trang nghiêm vừa hào hùng, dường như lẫn cả vào đó chất bí ẩn thiêng liêng làm tôi ngỡ ngàng ra khung cảnh của lớp người ngày xưa đi mở đất phương Nam.

Tiệc rượu kéo dài tới giữa đêm mới tàn, một số người leo lên xe gắn máy rời địa điểm, nhưng ấn tượng nhất với tôi là hình ảnh ông già râu tóc bạc phơ, phất tay đứng dậy, chào cậu Hai Gấu, và chào chung quanh bằng câu ngắn gọn, “thôi qua về ghen mấy em”, và lững lững bước ra phía sau, bên bờ rạch đã sẵn một chiếc ghe tam bản, ông bước xuống, lấy mái chèo, khua nước rồi đi xa dần giữa bóng đêm, con trăng ngày rằm soi dòng nước láng đặng, hắt trên lưng áo một vệt như ánh bạc.

Sau này, cậu Hai Gấu mới nói cho tôi biết những lời ca đó là trong trích đoạn bài vọng cổ Tống Tửu Đơn Hùng Tín, đoạn họ hát trao đổi với nhau là lớp Tấn Quỳnh khóc bạn.

(<http://mp3.zing.vn/bai-hat/Tan-Quynh-Khoc-Ban-Thanh-Hai/ZWZA9U0O.html>)

Bây giờ khu xóm cũ không còn nữa. Tôi đã về tìm lại. Nơi đây đã được xây cất thành những tòa chung cư lớn, tân kỳ hiện

đại; ruộng lúa, bờ dừa khi xưa thành những con lộ trắng nhựa rộng rãi. Tìm gặp vài người còn sót lại, họ cũng không biết cậu Hai Gấu tên họ là gì, không biết nguồn gốc miếu thờ đó là thờ ai, không biết nhóm người tụ họp cúng kiếng rồi ngâm vịnh hát hò đó thuộc hội nhóm nào và sau chót là khi khu đất giải tỏa, họ cũng chẳng biết cậu Hai Gấu lưu lạc nơi đâu, hầy còn hay đã mất.

Chỗ ngồi này với tôi hết sức thân tình và cũng thật xa lạ. Thân tình vì ngày xưa, từ căn nhà mái lá của huyện Nhà Bè, bên cạnh dòng kênh Tẻ, tôi đã biết bao lần đưa mắt ngó qua bên kia bờ kênh, chỉ là những rặng dừa nước, những chòm cây sù, cây đước, cây tràm mọc menh mông với những khoảng trống là cỏ lác... Vùng nước lợ không có vườn cây trái và cũng chẳng có chăn nuôi. Và cũng thật xa lạ vì những tòa nhà xây dựng mỹ thuật, rộng rãi với rất nhiều những con đường mới mang tên là số thứ tự 1, 2, 3... đặc biệt là con đường đẹp với hàng cây cao và công viên chạy dài theo dòng kênh Tẻ. Từ bên này bờ kênh nhìn qua, tôi vẫn còn ngỡ ngàng tưởng ra khu xóm cũ, cái hẻm nằm sâu hun hút bên những hàng dừa...

Tôi ghé quán cà phê đầu tiên lúc giữa trưa. Đây là một tòa nhà 4 tầng, trên tầng thượng, tôi có thể nhìn thấy con kênh Tẻ nước xanh ngắt chảy menh mông, xa hơn là những tòa nhà cao tầng của quận Tư và xa hơn nữa, lẫn trong mây mờ là tòa nhà hình búp sen ở quận Nhất, tòa nhà đang được coi như một biểu tượng cho Saigon bây giờ. Sau đó, ngại ngùng vì ngồi quá lâu, tôi rời quán, đi dọc mé kênh tìm một quán khác ghé vào. Quán này nằm sát bờ kênh, tôi nghe được tiếng rì rào sóng vỗ, thấy được khuất sau hàng cây bên kia những mái nhà nhỏ, và rõ ràng còn nhìn thấy cả tuổi thơ tôi xưa hiển hiện khi nhìn đám trẻ con nô đùa dưới dòng nước menh mông.

Về đây và băng khuâng giữa Đi và Về.

Tôi về và yêu thích cái không gian trầm lắng nơi này. Ngay sát cạnh những sầm uất của quận Nhất, quận Năm, là những hàng cây cao, con đường mới mở chạy ven theo bờ kênh thanh vắng ít người, tạo ra một khoảng không gian đặc biệt thanh tĩnh nhẹ nhàng.

Chữ Về và chữ Đi ám ảnh rất nhiều trong các bài thơ

hay của các thi sĩ nổi danh. Nhớ có lần, ngồi với Đinh Cường và Phạm Cao Hoàng ở cà phê Starbucks, tôi bất chợt nhớ đến một câu thơ hay mà không nhớ rõ của ai: “Bao nhiêu huyết lệ trong trời đất, huyết lệ nào không huyết lệ ta...”. Cả ba đều ngần ngừ không biết chắc, cái hơi thơ kiêu bạc và hào hùng đó có lẽ là của Tô Thùy Yên trong bài Ta Về. Đêm đó, Đinh Cường gửi cho tôi một email, nói rằng, về nhà vẫn luẩn quẩn suy nghĩ và đã tìm ra, đó là thơ Mai Thảo trong “Ta thấy hình ta những miếu đền”:

*Ta thấy nhân gian bỗng khóc òa
Nhìn hình ta khuất bóng ta xa
Sao không, huyết lệ trong trời đất
Là phát sinh từ huyết lệ ta.*

Mai Thảo là nhà văn, gần một đời viết văn. Văn của Mai Thảo là những lời trau chuốt, mượt mà. Những câu ông viết trong các tùy bút đã trở thành quen thuộc bởi đó là những câu được các người dẫn chương trình nhà nghề sau này thường sử dụng, và sử dụng thuần thục. Gần cuối đời, ông xuất bản một tập thơ, và cũng là tập thơ duy nhất. Khi tìm đọc lại những trang thơ của Mai Thảo, rồi nhân đó tìm đọc thêm những trang thơ của Tô Thùy Yên bất chợt tôi nhận ra mấy điều kỳ lạ.

Tô Thùy Yên người miền Nam, Mai Thảo người gốc Bắc. Cả hai là bạn thân của nhau và cùng chung một nhóm là nhóm Sáng Tạo. Mai Thảo là nhà văn, Tô Thùy Yên là nhà thơ. Hơi thơ của Tô Thùy Yên bi tráng, thơ của ông là những trò chuyện với tâm linh, với thiên nhiên mà ở đó không phải để nhìn ngắm, chiêm ngưỡng mà như một đối tượng để trầm tư, đối thoại.

Mai Thảo và Tô Thùy Yên cùng trong một thời điểm đưa ra hai bài thơ: bài Ta về của Tô Thùy Yên và bài Ta thấy hình ta những miếu đền của Mai Thảo. Cả hai bài đều là tuyệt tác, đều là những văn thơ rung động tim người, có điều hai bài đi ngược chiều nhau.

Mai Thảo sáng tác khi đang trong khoảng thời gian già yếu, nhiều trọng bệnh, trên đường đi về cõi chết, Tô Thùy Yên viết khi từ cõi chết trở về.

Cũng là Về, Mai Thảo thì thấy:
“Ta thấy hình ta những miếu đền

*Tượng thờ nghìn bề những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyết lãng quên»*

hay là:

*Ta thấy muôn sao đứng kín trời
Chờ ta, Bắc Đẩu trở về ngôi
Sao không, một điểm lân tinh vẫn
Cháy được lên từ đáy thăm khơi...*

Mỗi đoạn thơ chia hai câu trên thành lòng khao khát và hai câu dưới tự hỏi chính mình: Tại sao lại không? Bởi vì ... Nhưng tỏa trong không gian cái lòng độ lượng và thanh thản chịu đựng.

Tô Thùy Yên khi từ cõi chết trở về, cái nhìn cũng mênh mông và trắng khí:

*Ta về khai giải bùa thiêng yếm
Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi*

Nỗi buồn của Tô Thùy Yên không thăm, mà bi trắng, thiết tha.

*Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trải hết được lòng ta.*

Tôi ngồi đây và nghĩ tới Đi và Về. Đi Việt Nam hay Về Việt Nam. Ngay từ lúc ngồi trong phi trường ở Mỹ nghe những đồng hương nói chuyện, dường như không ai dùng chữ Đi mà chỉ nghe chữ Về. - “Về Việt Nam lần này chắc tui ráng đi Sapa một chuyến, nghe nói đẹp lắm”, hay “Lần trước bà về, có ghé Rạch Giá không?”.

Mỗi người về mang một tâm trạng khác nhau, cũng là thăm lại vùng đất khi xưa sinh sống, cũng là tìm gặp gia đình thân hữu, cũng là muốn hít thở lại cái không khí ngày xưa, sống lại cái không gian kỷ niệm, nhưng khi ra đi người nào cũng thấy lòng man mác.

Con ngõ nhỏ ngày xưa quanh co lầy lội, đưa về căn nhà

mái tôn có giàn bông giấy tím, bây giờ con ngõ đã nâng cao, trái bê-tông sạch sẽ, căn nhà xưa đổi chủ, xây cao lên ba bốn tầng, nhưng cái cảm giác đi về vẫn là cái rạo rức như ngày xưa đi nghỉ hè xa về nhà. Dòng kênh xưa nơi mỗi buổi chiều nắng xuống, cùng một nhóm bạn trong xóm chơi u mọi, bắn bi, đánh khăn đánh đáo đã đời, rủ nhau nhảy ùm xuống bơi lội thỏa thích, thì nay dòng kênh đó có bờ bê-tông bao bọc, thiếu đi những cội cây được cây tràm...

Trong nỗi cảm hoài của buổi trở về, chúng ta bắt gặp từ rất nhiều danh tác, từ thơ qua nhạc, cái nào cũng là một nỗi niềm u uất.

Phạm Duy ngâm ngùi: Mẹ có hay chăng con về, chiều nay thời gian đứng im để nghe...

Anh Việt Thu tha thiết: Người về, một mùa thu gió heo may. Về đâu... Có nhớ chăng những vì sao long lanh...

Nghe Trương Vũ kể nhiều đêm nằm bỗng nhớ Nha Trang tới tê người.

Nghe Phạm Cao Hoàng nhớ Đà Lạt. Nghe Đinh Cường nhớ Dran. Cái nhớ mông lung, cái nhớ dịu dàng, nhớ mà không thể hình dung ra cụ thể là nhớ cái gì. Không chắc đã là con đường xưa, ngôi trường cũ, khung cảnh chung quanh, không gian đã sống, cũng không chắc là một bóng hình, một kỷ niệm hay một rung động đã qua. Mà có lẽ nó là một tổng hợp các thứ ấy trộn vào nhau theo một thứ tự vô hình nào đó, vào một thời điểm nào đó đã ghi một dấu ấn khó phai. Có phải đó là cái hồn của nơi mình đã sống vẫn tồn tại trong lòng mình hiện tại?

Mới đây, trên Facebook, đọc được bài thơ đăng lưới tên môi của Hoàng Lộc, bài Anh không về nữa:

Anh không về nữa, quê nhà

Đã quen gió táp mưa sa mất rồi?

Anh không về nữa người ơi

Trái tim vừa cũng hết thời yêu thương?

Phải đi cuối lối cùng đường

Phải đau khắp phố khắp phường người đứng

Để khi ngoảnh lại trông chừng...

Bài thơ làm tôi choáng váng, tê điếng người. Bữa đó, dù

đang bị tiểu đường, cũng ráng pha ly trà đường uống cho đỡ đắng cổ.

Đi là tìm một cái gì mới, khung cảnh mới, đời sống mới, xã hội mới và rung cảm mới. Còn Về là được sống lại với chính mình của một thời đã qua. Về là hồi sinh, là được thoải mái thả mình vào ký ức, là gặp gỡ cảm giác non nớt của mình ngày xưa, và rung động thực của mình bây giờ. Con hẻm nhỏ lấy lợi uốn lượn theo bờ cỏ bụi cây ngày xưa, đưa về căn nhà mái tôn lụp xụp không còn nữa, thay vào đó là đường đổ bê-tông, căn nhà cũ đã đổi chủ xây lên cao đẹp, thế mà cái cảm giác rưng rưng vẫn không thay đổi.

Đến một tuổi nào đó, người ta ngần ngại cho những chuyến đi, nhưng vẫn náo nức thêm mong một cuộc trở về. Tôi cũng vậy. Về lại Saigon lần này, tôi không dám nhảy xuống dòng kênh bơi lội, không cần phải núp vào gốc cây trước cổng trường Nguyễn Bá Tòng nhìn em tan học về, không được đập những vòng xe nửa đêm từ Phú Nhuận về Nhà Bè, đường vắng lặng để vừa đập xe vừa hát um sùm... «đường thênh thang gió lộng một mình ta», cũng chẳng cần ghé cà phê Bình Minh để nhìn đôi mắt sắc như dao, cũng chẳng còn được cái thú vui đêm rằm, chèo ghe theo đường rạch đi lễ chùa Ông. Nhưng kỳ lạ là tôi thấy chẳng mất đi đâu, vẫn nguyên vẹn trong tôi cả một thời nào xa lắc, vẫn quần quanh bên tôi tiếng cười đùa giọng nói đặc trưng Saigon của người xưa cũ.

Nói cho cùng, trở về chính là nhân đôi kỷ niệm, được sống, được thở và được vui buồn một lần nữa cái tuổi thanh xuân đã qua của mình.

Ngày mai tôi lại chia tay với Saigon, tôi không đoán được chuyến sau về tôi sẽ gặp ở Saigon điều gì. Những gì tôi thấy và gặp gỡ trong lần về này sẽ thành kỷ niệm? Hay lần sau khi về tôi lại hoài niệm tới một khoảng xa hơn nữa? Đời sống như một dòng chảy, nhìn thì giống nhau, nhưng có ai được tắm hai lần ở một dòng nước đâu. Thương quá Saigon của mỗi lần trở lại.

NGUYỄN MINH NỮ

tháng 3-2017

LÂM HẢO DŨNG
Tay Run Ôm Nỗi Sầu Chưa Vá

Là lúc ta về chân lống cuống
Thịt da bò sát đã nhăn nheo
Những chấm hoa mỗi đang điểm tuyết
Nỗi buồn lơ lửng với trời cao.

Có khi khập khiễng trên xe đẩy
Lưng mái vòm cong hiệu cánh cung
Khốn thật ! lão già vô tích sự
Quanh co tìm lại tuổi thanh xuân...

Đôi mắt nhập nhòe trông đá sỏi
Ngỡ là hòn cuội nhỏ, viên bi
Bố khỉ, một thằng trông quá thảm
Là ta, trời đất, nhạo ta đi...

Sự thể phải chăng là chính thể ?
Ồ không! lắm lắm chuyện đời thường
Mấy mươi năm trước trên trần thế
Bảo tố kinh hoàng miệt biển Đông...

Lão có ai người, vai vệ sĩ ?
Chỉnh chiếc xe tay đúng lộ trình
(Thời trước nhảy xa mình có hạng
Giờ con tôm luộc giữa bàn ăn...)

Công viên dăm kẻ kháo sự đời
Tai nắn mồn nghe chuyện dở hơi
Ôn dịch, ôn hoàng, ôn chương khí
(Biết đâu màn kịch thử nhau chơi ?)

Nắng vẫn quàng xiên, nắng kín vai
Chiều còn tình nghịch đuổi trên cây
Tay run ôm nỗi sầu chưa vá
Chúa, Phật nhìn xem, lão lệ đầy...

LÂM HẢO DŨNG

March 17-2021 - 11H07' am

HUỲNH LIỄU NGẠN
bẻ lá về phơi

Nghe chiều vàng nắng xuống sân
nhìn em tàn lá cây mân đỏ nhòe
hai tay anh đưa lên che
rụng em trái chín ươm hờ đôi vai

hồn anh gọi gió thổi dài
miên man trên tóc làm phai phớt màu
trắng chiều đỏ máu ngực sâu
vòng lưng em đội ngược màu nâu non

chia tay anh hỏi hết còn
sao che kín cả màu son hương lại
đêm còn sót một bờ vai
cho ai nhìn ngắm tương lai nổi chìm

lỡ đường một bóng trắng im
soi lên đôi mắt cho tim héo gầy
cầu vồng bảy sắc tung bay
làm rơi rụng hết ngàn cây che đầu

không chờ không đợi gì đâu
chỉ thương mái tóc bạc nhàu thời gian
nên em cứ thấy ngỡ ngàng
xa như con suối rộn ràng khó quên

tiếng lòng gọi gió bay lên
nhìn theo anh thấy rồi ren cả đời
đành thôi phải hỏi mặt trời

em che nón dấu đôi lời đầu môi
trời cao nắng cũng tan rồi
anh còn mơ mộng ngàn khơi nỗi gì
nhớ hoài bữa đó em đi
áo bay trắng cả sầu bi vô vàng

con đường chắc đã sang ngang
trống trơn dấu vết hợp tan thuở nào
lá còn xanh ở cành cao
vẫn chờ em để về trao giọt sầu

mười năm băng tuyết qua cầu
mãi bây giờ mới thấy màu nước trong
anh còn đứng ngắm chiều đông
chờ em chài hết long đong mới về

thật là nghìn dặm sơn khê
đã trôi theo những u mê trong đời
áo vàng ong bướm lá rơi
còn in mấy dấu tay nơi sân nhà

tình em hoa bưởi hoa cà
anh xa xăm tuổi nhớ nhà quá thôi
chiều rồi chim lẻ bạn đôi
khói lam đầu ngõ dần trôi phương nào

trăng lên đã mấy ngọn sào
em còn nhìn ngắm vì sao làm gì
khuya nay dòng nước thăm thì
đầu non cuối bãi sá chi cuộc đời
mai về hẹn lại mùa khơi
thấy em bẻ lá về phơi cuộc tình
lá khô rụng xuống mái đình
thế mà mới đó ta mình ngàn dâu.

HUYỀN LIỄU NGẠN 2.2.2022

NGUYỄN KHÔI VIỆT

Bệnh

Tháng 8 năm 1977

Không nhớ rõ bắt đầu ngày nào. Tôi cảm thấy không khoẻ. Đừng để bị bệnh, vì rất nguy hiểm. Bao nhiêu bạn bè đã bệnh và đi đứt dễ dàng. Tôi tự nhủ với mình như vậy. Trong trại tù không có thuốc men gì cả. Mà nếu thấy mình bị bệnh, bất cứ bệnh gì, họ chỉ có một thứ thuốc độc nhất là Sulfamide, thứ thuốc kháng sinh miễn Nam chúng ta dùng để trị mụn nhọt, giờ thì họ dùng như một loại thuốc trị bá bệnh, đau bụng, nhức đầu, nóng lạnh gì cũng Sulfamide. Cũng không dễ dàng xin được thuốc đâu. Phải bệnh nặng ghê lắm mới được. Nhưng tù cũng vẫn khai bệnh không phải để xin thuốc Sulfamide, người miễn Nam chúng ta đều có trình độ học thức tối thiểu để biết công dụng của những loại thuốc thông thường.

Khai bệnh để tùy theo nặng nhẹ mà được ở lại trại, không phải đi làm. Nhiều thằng bạn tôi mới khỏi bệnh cũng phải đi rừng chặt cây. Hai thằng vác một khúc cây 4 mét, đường kính 2 tấc đi qua sân trại. Bình thường không có gì phải nói cả. Chỉ có cái không bình thường là thằng phía trước đi vẫn còn vêu ra phía sau, vì hậu quả của phù thũng, thằng phía sau đi cà nhắc và phải chống gậy mà vác cây. Thật không bút mực nào tả xiết được.

Khai bệnh với y tá của trại rằng bị sốt, trong người lại thấy rất lạnh. Được phát cho bốn viên Sulfamide còn nguyên ba chữ S.F.D của nhà thuốc OPV Sài Gòn. Cầm về nhưng không uống, vì biết chắc chắn nó chẳng có tác dụng gì với bệnh của mình cả. Cố gắng không nằm, khi nằm xuống là thấy người mê man, có lúc thấy mình lơ lửng như máy bay sắp cất cánh. Cảm

tường chân trên giường mà đầu muốn bay lên. Ngồi dựa vào cây cột nhà cạnh giường, vậy mà có lúc mê man lúc nào không biết. Bạn bè sắc cho uống nước một loại rễ cây rừng tên là Mật Nhân. Cũng uống, chẳng thấy bớt. Mà nước nó đắng kinh hồn. Cứ mê mê tỉnh tỉnh như vậy cả tuần lễ.

Sau này mới biết, trong lúc mê sảng mình chửi bới họ kinh khủng. Tội bạn kể: tay quản giáo nói mày không thể cải tạo được. Bệnh như vậy mà mồm mép vẫn sắc mùi phản động.

Có thằng bạn than rằng: tao chắc mày bị sốt rét cấp tính, nên nhờ nguyên cây ớt hiểm cứng của tao sắc nước cho mày uống. Nhờ vậy mà mày còn được cái mạng ngồi đây. Lúc về nhớ gả em gái cho tao.

Lúc đó tôi thấy mình da bọc xương. Vì bình thường chỉ có một chén cơm hơi mốc sảng và chiều. Bây giờ bệnh không ăn uống gì được, cơ thể suy sụp không đi nổi nữa. Tôi nghĩ tới em, tới con. Nghĩ rằng kiếp này sẽ không gặp được em và con nữa rồi.

Buồn ghê lắm, nhưng không sợ hãi. Lúc ấy ai cũng cố gắng sống để về với gia đình. Nhưng tới một lúc nào đó. Cái chết như một sự giải thoát khỏi cảnh khổ trong ngục tù.

Bạn tôi được lãnh chút gạo về nấu cháo cho tôi. Cũng chỉ gần nửa chén gạo hầm thôi. Đúng tiêu chuẩn hàng ngày mà. Thêm vài muống nước muối. Muối được giới hạn đến mức tối đa vì họ biết rằng, thiếu muối con người sẽ rất yếu, không thể đi xa được. Họ sẽ đỡ phải lo chúng tôi trốn trại. Và nếu trốn cũng dễ bị bắt lại.

Trong cơn mê sảng. Tôi thấy tôi đi vào một vùng mênh mông sương khói, tối tăm và lạnh lẽo. Chắc lúc đó cơ thể tôi đang sốt và lạnh. Tôi băng qua một triển đồi đá lởm chởm với những vực sâu. Đây đó những đốm sáng xanh lập loè. Cuối cùng tôi thấy mình bước vào căn nhà tranh lụp xụp. Trên chiếc giường nhỏ tôi thấy con, đứa con trai xinh xắn của tôi đang nằm, nhìn tôi. Và tôi nghe con nói: bố không về với con. Con nằm đây lạnh quá. Bố ôm con đi.

Tôi bật dậy, buồn bã và sợ hãi.

Vì ngay lúc đó, tôi nghĩ rằng, đứa con trai đẹp dễ thương của tôi đã không còn nữa.

Sau đó tôi chìm trong nóng sốt mê sảng, ngồi nói năng lảm nhảm cả ngày. Rồi được họ cho phép bạn tù vồng lên bệnh xá, vồng bệnh có nghĩa là treo một cái vồng vào một cây tre dài khoảng 2 mét rưỡi, người bệnh nằm lên rồi 4 người tù cứ thế thay nhau từng cặp lúc mệt thì đổi phiên. Tôi trước đó cũng có mấy lần vồng bạn tù lên bệnh xá, nhưng vồng đi mà ít có về. Lúc bạn bè vồng tôi đi, tôi biết, và nghĩ, chắc kỳ này mình chết. Và tôi đọc kinh nhẩm trong miệng. Từ lúc mười hai tuổi, cho đến giờ tôi không bao giờ quên đọc kinh tối. Cho dù đi hành quân gay go như thế nào cũng không quên.

Lúc tôi tỉnh dậy, thấy mình nằm trên giường tre trong nhà tranh của bệnh xá, một mũi kim chuyễn vào mạch máu ở cánh tay, đầu kia cắm vào một đầu bọc nylon của một chai xá xị.

Bạn tù nói: ông mê sảng ba ngày liền, chửi bới dữ quá. Chẳng biết lúc về trại họ sẽ có làm gì ông không?

Và tôi nghe ngóng trong cơ thể mình. Thấy khoẻ khoắn hơn, dù rằng mấy ngày kể tiếp đi đứng phải nhờ bạn dìu, sau hỏi người y tá bộ đội, là anh chuyển cho tôi thuốc gì vậy, anh ta cũng thật thà, nói rằng: thuốc gì đâu, chúng tôi lấy đường thủy phân ra rồi dùng thôi.

Cũng một dạng như serum glucose của mình , không ngờ với tấm thân ốm o tàn tạ lúc đó lại hiệu nghiệm như vậy.

Trong đợt thăm chính thức lần thứ nhất tháng 10 năm 77 Khi hỏi. Em nói: lần đầu thăm phải đau vì sợ anh buồn khổ, con đã chết.

* Đầu năm 77 khi nhận được thư tay gửi về. Em và con đã phải lang thang đi bộ, quá giang đủ mọi thứ xe, sau bao nhiêu đường dài xuyên rừng khoảng 70 cây số để lên thăm chồng được chừng 30 phút.

NGUYỄN KHÔI VIỆT

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

Chiều ấy , trời mưa ...

Biển ở trước mặt tôi. Mùi gió, mùi nồng mặn mặn từ bờ vịnh dạt dào lồng lộng, nâng nâng cánh sóng tung bọt trắng xoá. Trong phút chốc, tôi tưởng như mình được bao bọc cả mệnh môn đại dương trước mặt, sau lưng, bàng bạc cả thân thể nhẹ hẫng.

Không khí mang hơi nước bất ngờ làm dịu bớt cơn nóng hầm hập chói chang của ngày hè.

Hơi gió mát lùa trên tóc, trên cổ và thổi phất phất tà áo đầm ép sát vào chân. Tôi hít một hơi thật sâu. Hít chậm, đẩy hơi xuống đầy lồng ngực và vươn tay thở ra từ từ để nghe hơi biển lùa vào từng tế bào, từng chân tóc. Không thể diễn tả cái cảm giác như say sóng, như chơi vơi khi nghe tiếng sóng biển đập vào bờ đá, tựa hồ những đợt sóng dập dềnh kia cuốn trôi những mảng buồn hoà tan ngoài biển rộng. Không hiểu tại sao mỗi lần nghe tiếng sóng biển, tôi lại nhớ câu anh hay hát “ Biển sóng , biển sóng đừng xô tôi . Đừng xô tôi ngã dưới chân người ..” (*) rồi anh kết luận “ phải bị xô ngã một hay nhiều lần trong đời mới thấy được bộ mặt trần trụi của tình yêu “

Những ngọn sóng nối tiếp đùn đẩy nhau với bọt màu xanh lam , màu xanh biển thẳm rồi biến thành màu trắng xoá tung tẩy trên bờ cát .

Biển. Biển kia. Được không nhỉ ? Nếu tôi có thể vắt đôi gấc cột giây, bỏ áo khoác ngay bây giờ, và túm vạt áo đầm quá dài để chân trần lao ra biển. Lang thang đâu đó nghe biển hát và có thể, những đợt sóng nhỏ sẽ cuốn bước chân tôi đi xa hơn, về

phía mỏm đá xám rêu trơn trượt ngoài kia. Ở đó, một bầy hải âu đang rửa cánh.

Biển. Muôn đời như người tình chung thủy luôn chờ đợi, hấp dẫn, luôn mời mọc, đưa đẩy... và những đợt sóng mềm mại kia luôn mang đến trong đời sống chúng ta những chuỗi âm thanh du dương mê hoặc đến bất tận .

Biển. Người tình chung thủy của tôi, như anh, với tình yêu thâm lặng và chân tình, luôn hiện diện trong cuộc sống của tôi, lo âu cùng tôi , và chia xẻ mọi thứ mà không phải ai cũng có thể. Tôi trân trọng tình yêu đó bằng lòng biết ơn sâu sắc.

Tôi háo hức uống từng hơi thở biển. Giá như, lúc này, tôi có thể lao ra cùng biển sóng, thờ theo từng ngọn sóng ngoài kia nhấp nhô. Tuyệt vời. Có thể.

Nhưng...

Tôi phải quay lại chỗ tiệc chia tay .

Chị đang đợi tôi ở băng ghế đá khuất sau bụi Jasmine. Dáng ngồi trong chiếc áo đầm trắng viền đăng ten màu xanh dương tinh xảo cũng không dấu được vẻ bồn chồn rầu rĩ của chị.

Tôi kín đáo ngắm chị. Mái tóc rũ trên bờ vai đang còng xuống như phải đỡ một túi đá vô hình to hơn sức chịu đựng của chị. Ở đó, một vẻ gì gần như chịu đựng lẫn buông xuôi.

Gương mặt nghiêng nghiêng. Một vài lọn tóc che ngang mặt. Tay chị cào nhánh tóc rối khi ngược lên nhìn tôi, một sợi tóc nâu vướng theo vành môi son nhạt u sầu. Khi chị cười, hai khoé miệng kéo theo đường rãnh sâu làm cái cười thêm mệt mỏi héo hon.

Tôi cố tìm những nét trẻ trung trong nụ cười đó nhưng hình như nó đã lẫn trốn theo những nếp nhăn từ đuôi mắt, từ khoé môi khô.

Chị già hơn nhiều so với năm trước.

“ Tối em ở lại giúp chị xếp đồ nghe”

Chị nói “ Trong tuần chị phải dọn ra rồi “

“ Mình kiểm gì ăn một chút đi chị.”

Phòng đãi tiệc rộng rãi và sang trọng . Ở đầu bàn, hai bình hoa hồng tươi với nền và bong bóng xanh đỏ. Các bàn chung quanh trải khăn trắng thêu hoa văn cầu kỳ đẹp mắt. Ở giữa cũng

chúng chậu tươi đủ màu sắc. Anh rủ tôi mang cho hai chị em ly nước trà chanh và nhắc tôi đi lấy thức ăn. Tiệc ở nhà hàng Mỹ thường đựng trong những khay inox sáng bóng trình bày rất mỹ thuật nhưng quanh quẩn chỉ có những món quen thuộc : Tuckey với nước sauce, ham, green bean xào bacon, macaroni cheese, bánh mì nướng với tỏi và cheese. Tôi đang đói nên tấn công bánh mì trước và ái ngại không muốn ăn thêm khi nhìn qua đĩa của chị. Nó hình như cũng mang vẻ ử dật, dửng dưng như chính chủ nhân của nó.

Anh rủ tôi cũng không hào hứng mấy, dễ hiểu là thiếu bia. Bác sĩ dặn anh cử rượu nhưng bia chút chút cũng không hại gì.

“ Chút rượu không, em gái ?”

“ Thôi anh. Không thấy vui”

Tôi, lần nữa, kín đáo ngó sang chị

Tôi tưởng tượng trên con thuyền đầm đẫm nỗi buồn của chúng tôi, mặc ai loay hoay cầm chèo, chị hoàn toàn thờ ơ không hề quan tâm chiếc thuyền đó sẽ đưa mình đi đâu về đâu.

Nỗi buồn ấy, như vết dao của từng rãnh, từng đường sâu lớn nhỏ trong trái tim chị , như khươi lóc dãn da thịt mà nỗi đau để lại không thuốc nào chữa khỏi .

Nếu là tôi, tôi cũng y hệt như vậy. Sẽ héo mòn héo khô mà chết.

Anh chị sắp phải rời bỏ căn nhà mà anh và chị đã gây dựng từ hơn ba mươi năm. Từ hồi tụi nhỏ còn bé, bé lắm, mỗi sáng chị đeo cặp theo từng đứa con ra xe bus. Mỗi chiều chị thấp thỏm ở bảng Stop đợi con về. Ròng rã những ngày mưa ngày nắng. Rồi khi các con của chị lớn lên, chị không được theo chúng nó nữa, và hàng ngày, chị đứng lấp ló sau màn cửa, đợi từng đứa con về sau buổi học, đợi nghe tiếng chân chạy ngoài hành lang..

Hạnh phúc và niềm vui càng ngày càng teo tóp rời khỏi chị khi các con mỗi ngày lớn lên với những đôi cánh chực bay vào bầu trời ngoài kia rộng lớn.

Căn nhà này, anh lo mọ đóng từng cây cột, hàng rào, chị ca cùm tha từ chợ về vườn đủ mọi loại hoa cho bốn mùa. Chị trồng bầu, bí, mướp ăn không xuể phải năn nỉ cho hàng xóm.

Khu vườn không chỉ thơ mộng với từng chậu hoa hồng

chọn lọc, hoa Penseé đủ màu mà ở đó , chứa chan bao kỷ niệm của hai vợ chồng, từ những ngày đầu tiên ký cốp bằng đồng lương dành dụm của mình. Chị yêu từng mầm cây nhú chồi non, yêu cánh hoa bé xíu mầu tím tím như đốt tay mà chị đặt tên hoa móng tay. Từ cánh hoa Thạch thảo run rẩy chồi lên qua kẽ đá.

Mùa xuân tôi và chị thường trầm trở ngắm hoa nở tràn ngập trong khu vườn nhỏ và háo hức đợi chim én bầy đàn kéo về từ khu rừng thông bên kia bờ suối, tiếng chim hót riu rít rộn rã góc vườn.

Mỗi sáng, chị thường pha cà phê sẵn đợi tôi, và tôi, dù chỉ ghé qua mười, mười lăm phút trên đường đi làm, chị và tôi sẫm soi từng bụi hoa nở. Những lúc ấy, đôi mắt chị ngập tràn mầu nắng hạnh phúc . Tôi không biết khi người ta có niềm vui để gửi gắm, có thú vui gần như say mê thì hạnh phúc mang mầu sắc gì ? Mầu nắng ngọt ngào mật ong .Mầu óng ả của rượu chát Cabernet Sauvignon ? Nhưng tôi vẫn đinh ninh rằng. Mầu nắng trong vườn, mầu xanh um cây cối đọng trong mắt chị là hạnh phúc thật sự đến từ trái tim dịu dàng sâu thẳm, từ đôi mắt mơ màng, từ người phụ nữ sớm hôm quanh quẩn trong vườn, rồi tắt bật cơm nước cho chồng con. Hạnh phúc lựa chọn dù đơn sơ, giản dị nhưng không phải ai cũng dễ dàng chịu đựng và chấp nhận.

Hạnh phúc đầm thắm của anh chị đôi khi truyền sang cho tôi. Tôi tìm thấy ở đó, sự bình yên hiếm hoi trong những sáng, những chiều cùng chị tha thần trong vườn hay dọc theo bờ rừng hái những chùm hoa dại.

Chị bị té hồi năm ngoái, đi đứng khó khăn, phải chống nạng, và đó là lý do anh chị phải về sống nương tựa cùng con.

“ hồi dọn về đây, không bao giờ chị nghĩ có ngày chị phải rời bỏ nó, em à . Có nằm mơ chị cũng không bao giờ nghĩ tới điều đó. Căn nhà nầy, khu vườn nầy đã gắn bó với chị như một phần thân thể, là máu, là thịt, là thế giới rất riêng của chị. Thế giới của chị. Thế giới đó là không khí, là hơi thở, là tất cả mọi thứ mà chị có. Làm sao chị có thể sống tiếp nếu cùng lúc chị mất đi mọi thứ. Em có hiểu không ?”

“ rồi chị sẽ có một thế giới khác , rồi cũng phải tập quen

dẫn”

“ mỗi khi nhắm mắt, chị luôn thấy khu vườn xanh mát bóng cây

Rồi từng bụi hoa nở thơm ngát buổi sáng, từng hàng lá khép cánh buổi chiều. Em có thấy lá khép ngủ chưa ? Từng cánh nằm im mơn man trong bàn tay và đôi khi chị có cảm giác như chúng giật mình ..

Em nhìn hàng gạch trên đường ra sân nè . Đó, là rêu, là cỏ, gối đầu nhau hỗn nhiên. Đôi khi chị ước, giá như chị có thể được sống đời vô tư lự như cây cỏ.

Không muộn phiền, không lo âu.

Cái vôi nước bị gấp khúc mà mỗi lần tưới cây, chị muốn nhắc anh thay cho chị dây mới, nhưng bây giờ đâu cần thay nữa. Khi chị rời khỏi nơi này, thế giới này, trái tim chị như khô héo đi một nửa, chết đi một nửa”

Bao giờ, mắt chị cũng ngân ngấn .

“ Đôi khi, chị cũng muốn buông xuôi, thôi đừng nghĩ ngợi, thôi đừng lo lắng, nghĩ cho cùng, anh chị cũng già rồi , đau yếu bệnh tật đếm từng ngày. Cũng đến lúc phải sống nhờ con cái. Với nửa trái tim còn lại, chắc cũng lê lết được vài năm nữa. Mà chị cũng không muốn sống lâu đâu em. Chỉ làm khổ con khổ cháu”

Buổi tối, tôi phụ chị bỏ đồ vào thùng. Nói là dọn nhà nhưng chị chỉ mang theo mấy chậu hoa treo ở cửa sổ và sách vở. Sách thì nhiều vô kể. Chị xếp và cột từng chồng ngay ngắn .

Chị nói “ để mai mốt nằm một chỗ có sách đọc, dù chị không biết mắt chị có thể đọc thêm bao thời gian nữa. Những quyển sách của bạn bè thân thiết, có người đã đi xa, có người bỏ cuộc chơi, dù vậy , nó chính là một phần trong cuộc sống của chị “

Tôi được rất nhiều quà chị để lại . Những vật trang trí xinh xắn , những bức tranh vẽ, toàn bộ đồ dùng cho nhà bếp. Chắc tôi phải mua thêm cái nhà kho mới đủ chỗ chứa những kỷ niệm mà chị bỏ lại sau gần ba mươi năm gom góp .

Dù sao tôi cũng thấy buồn .Nỗi buồn như thể thấm sâu vào từng thớ thịt , không tên gọi nhưng nó mang lại trong tôi nỗi nhức nhối khó tả .

“ trong tủ áo quần còn nhiều lắm , chị muốn em đóng

thùng không ?”

“ thôi em à Chị già rồi, mặc chẳng hợp nữa đâu, cái nào em thích thì giữ, còn không em cho goodwill dùm chị ..”

“ cái lồng chim sau vườn, anh mới sơn lại đó em. Buổi sáng, chim Bluejay thường kéo về, cả cặp chim Cardinal nữa, con trống màu đỏ tươi mà dữ lắm. Con mái hiền hơn mầu nâu nhạt cánh gián. Em mang về vườn bên nhà, thế nào tụi nó cũng theo em. Nhớ bỏ thức ăn cho nó nghe em. Đừng để tụi nó đói, tội nghiệp . Bụi hồng nầy chị chiết từ mùa xuân năm ngoái, hoa thơm và cánh nở đẹp lắm. Em nhớ chăm sóc nó, đừng tưới nhiều, đừng để úng nước. Đừng để nó chết, tội nghiệp”

Những ngày sau, mỗi lần tôi ghé qua, hình như chị chẳng dọn thêm được bao nhiêu. Chị ngồi tỉ mẩn lựa từng quyển sách, bỏ vào thùng rồi lại lấy ra hờ hững lật từng trang .Mỗi quyển sách như ẩn dấu một linh hồn, một sự sống mà chị đã gắn bó từng kỷ niệm vui buồn cùng nó. Thế giới của chị bây giờ là những trang sách khép kín một nỗi niềm không thể diễn tả bằng lời ..như quyển sách kia , khi gấp lại cũng là lúc, đóng lại những ước mơ, những niềm vui hạnh phúc mà chị gom góp dấu kín cả một đời người .

Tuần lễ cuối, chị không thường ra vườn như thói quen, không đắm đắm nhìn hàng cây trở bông với đôi mắt rưng rưng chờ đợi nuối tiếc. Mùa nầy hoa nở tím đỏ tê tái .

Nỗi buồn luôn thấp trong đôi mắt của chị. Sâu thẳm không hứa hẹn tàn rụi.. Nếp nhăn xuất hiện nhiều hơn làm mắt chị dường như nhỏ lại.

Nó như phủ một màn mây xám và dù chị nói, chị không còn khóc nữa nhưng tôi biết, mỗi đêm , khi anh ngủ, chị lén ra vườn nhìn cây cối , bằng quơ nhìn mảnh trăng non vắt lạng lẽ qua ngọn thông, chị vẫn âm thầm bước qua hàng gạch rêu, từng bụi hoa thì thầm lời từ giã .

Điều đau khổ nhất một đời người là mất đi thế giới riêng tư đầy kỷ niệm mà linh hồn thế giới đó đã bám chặt vào cơ thể, vào tim ,vào hơi thở mỗi ngày mỗi giờ .. Ở mỗi bụi cỏ dại, mỗi bông hoa mùa bé xiu, mỗi viên gạch đều có một linh hồn quẩn quít theo mỗi bước chân nhịp thở . Nó không những bám chặt

mà đã hoà tan vào chị mất rồi !!

Hôm anh chị đi, trời mưa lớn.

Tôi giữ chìa khoá chờ người đến coi nhà .

Chị bỏ lại sau lưng mọi thứ. Những thùng sách. Những chậu hoa. Những ký ức của một thời kỳ niệm đã đâm chồi, rẽ nhánh bén rễ trong tim chị . Chị sẽ tàn tạ chết dần theo nỗi đau không tên vô cùng vô tận.

Tôi không biết bao giờ có thể gặp lại chị nhưng chắc tôi không thể quên hình ảnh thất thiếu khi chị bước ra khỏi nhà.

Sao cái buồn có thể đậm rõ ràng trên áo quần, trên mỗi bước đi ?

Trên tay chị chỉ xách quần áo và cái nón tôi mua cho chị hơn mười năm trước.

Chị ôm tôi vai run run .

Hình như vai áo tôi lạnh lạnh những giọt nước mắt.

“ gọi cho chị hàng ngày nghe em. Chị nhớ em “

Rồi chậm chậm, chị nhắm mắt, quay lưng và không lần ngó lại ngôi nhà cũ .

Tôi ngồi bệt nơi thềm cửa .

Và hình như khe khẽ đâu đó , căn nhà nấy, thế giới nấy đang khóc cùng tôi.

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

** Sóng về đâu- Trịnh Công Sơn*

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Người đi

Người đi, bước có ngập ngừng ?
Tay níu như thế, đã từng chia xa
Đành sao, quên thuở mặn mà
Tình khua giấc mộng như là chiêm bao
Người đi ngày chợt hư hao
Bỏ tôi đứng giữa trời bao la buồn
Sông tôi nghìn giọt mưa tuôn
Đất trời hiu quạnh trở nguồn cơn đau
Người đi chẳng nhớ gì nhau
Bỏ ngày quên tháng nỗi đau vật vờ
Bỏ cô quạnh, bỏ thờ ơ
Bỏ câu hát cũ, đêm hò hững hờ
Người đi trăng vỡ bên thềm
Hồn tôi cỏ úa ngọn mềm tương tư
Nguyễn thị Hồng Hải

Em và phố biển

Em. Khi về thăm lại
Phố biển những ngày mưa
Gửi dùm tôi cọng nhớ
Yêu dấu mấy cho vừa

Gửi theo hàng vòng nhỏ
Xôn xao giọt nắng vàng
Gửi chỗ ngồi bữa nọ
Tình lắm lúc hoang mang

Giở lần trang sách cũ
Khêu kỉ niệm buồn vui
Hương thời gian phai vợi
Lòng sao khỏi ngậm ngùi

Em không là giọt nắng
Tôi ướt dạt đời mưa
Xa trường từ thuở ấy
Phôi pha tình sớm trưa

Em không là biển vắng
Tôi lạc giữa mênh mông
Có giọt buồn vừa ghé
Trôi giữa đời hư không

Tôi. Ghép từng kỉ niệm
Em. Cơn mộng rất hiền
Che lòng. Tay biển rộng
Có lúc nào bình yên ?

Em. Khi về thăm lại
Còn đôi chút vấn vương ?
Giữ dùm tôi cọng nhớ
Chắc đã gãy trơ xương.

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM
Gia Đình Nà Cá

Vào một buổi chiều, ở vùng rừng Nà Cá hoang sơ nằm ven tả ngạn Nậm giang, có người đàn ông gánh cặp thùng năm và một người đàn bà ẵm đứa bé trai chừng vài tuổi, bước thấp bước cao, nhọc nhằn đi men theo lối mòn dọc bờ sông, nhắm hướng mạn ngược mà lên. Thành linh có ông già chặn đường, hỏi:

“ Hai người muốn đi đâu, vào giờ này?”

Người đàn ông đặt đôi gánh xuống đất rồi trả lời:

“Trận lụt Bất Quá vừa rồi, nhà cửa của cải vợ chồng tôi bị nước lớn cuốn trôi sạch ra biển, đất đai vườn tược ông bà để lại sạt lở biến thành cửa sông. Hết chỗ ở, nên đành dắt dìu nhau đi tìm nơi khác sinh sống.”

Nghe vậy, ông già nói:

“Nhà người may mắn rồi đó, mới gặp được già này...”

Im lặng một lúc, ông già xoay người chỉ tay quanh quất vùng thủy thổ họ đang đứng, tiếp lời:

“Ta là người địa phương này nên mách cho hai người biết, đây là chốn hiền hoà và đắc địa lắm. Các người ở lại nơi này mà lập nghiệp sinh sống.”

Người vợ quay sang nhìn chồng, khẽ lắc đầu. Thấy vậy,

ông già đôi mắt nhìn chăm cặp vợ chồng, nói tiếp:

“Ở mé rừng Nà Cá, nơi ấy có một nhà nhỏ của mấy người chài lưới, nay không còn ở nữa, đang bỏ hoang; vợ chồng cứ lên đó ở tạm. Còn thức ăn thì khoai củ, rau cải, cây trái... mọc hoang đầy rẫy; cá tôm nơi khúc sông Nà Cá không thiếu...”

Vừa nói xong, ông già nhóm bước. Nhưng đi được một đoạn thì quay lại, dặn dò thêm:

“Nhà các người cứ yên tâm sống ở đây. Nếu có gì khó khăn, ta sẽ biết, đến giúp ý cho.”

Nghe vậy, mà nhìn cảnh núi rừng sông nước thâm u hiu quạnh, hai vợ chồng vẫn thấy áy náy trong lòng. Nhưng gặp lúc đêm hôm, gia đình đang lơ độ đường, nghe nói có nhà bỏ hoang, nên họ cứ dừng chân nghỉ lại ít hôm, tiện thể dò xem, có phải nơi đây là vùng đặc địa hay không.

Cả hai đang miên man nghĩ ngợi, đắn đo. Bỗng nghe mấy tiếng tăng hắng đầu đây gần bên tai, hai vợ chồng sức tĩnh, ngược lên, thấy ông già đang ở trước mặt, vừa nói chậm rãi từng tiếng một như một lời chỉ dạy:

“Nhà các người hãy ghi nhớ rằng vùng rừng rẫy, sông nước Nà Cá là nơi trù phú an lành. Trái lại về hướng đi lên mạn ngược, qua khỏi dãy Đá Dựng, không xa phía trước ta đây là địa cuộc huyền bí, con người không nên lai vãng đến đó.”

Nói vừa dứt câu, ông già đã vội đi mất dạng, hai vợ chồng chẳng kịp tỏ lời cảm ơn đáp tạ.

Khi vừa đến chân đồi, hai người quả thấy một cái nhà mái lợp bằng tranh, phen vách trét đất sét, trong nhà có hai cái chõng tre... Sau bốn ngày tạm trú, họ nhứt quyết ở lại đất Nà Cá định cư.

Không họ hàng bà con thân thuộc gần gũi, sống nơi thanh vắng hoang sơ, hai vợ chồng càng gần bó thương yêu nhau hơn, thêm phần cả hai siêng năng làm lụng nên mấy năm sau, họ làm ăn khấm khá, có của ăn của để. Nông sản mỗi mùa thu hoạch dôi ra bề bộn. Hai vợ chồng bèn thuê thợ cùng lên núi đốn những súc cây lưu niên rắn chắc, vào rừng rút mây, lấy mù cây dầu rái, xuống bờ sông chặt tre làng đem về đóng một chiếc ghe bầu tầm tầm, để chở nông sản dư thừa xuôi dòng sông Nậm về chợ tỉnh bán buôn đổi chác.

Năm thằng Phước, đứa con trai họ lên bốn tuổi, vợ ông sinh hạ được một bé gái bụ bẫm. Vợ chồng mừng hơn được đồng vàng. Lúc con bé vừa đầy một tuổi, vợ chồng tổ chức một lễ cúng thôi nôi thật lớn, xin đặt tên cho con gái là Thiên Thịnh, sau đó mở tiệc ăn mừng linh đình.

Nhờ địa lợi nhân hòa, làm ăn thuận buồm xuôi gió, độ chừng mười năm sau, họ mở rộng vườn đồi trở thành nông trại qui mô, thuê nhân công canh tác, và đóng thêm được mấy thương thuyền tầm cỡ, chạy bằng những cỗ máy đi-ơ-dên hiện đại.

Đến lúc Phước lên mười tám tuổi, đã là một chàng trai sức vóc lạnh lợi, còn con Thịnh lên mười bốn, chớm tuổi dậy thì, xinh xắn sồn sồn tựa đóa lan rừng vừa hé nụ. Tuy là con cưng của gia đình giàu sang, nhưng chúng chăm chỉ làm lụng, chú tâm học hỏi, nhất là có lòng thương người, biết kính trên nhường dưới, hết mực vâng lời cha mẹ.

Vì cả hai con nay vừa lớn khôn, gia đình thuận tho, nên một hôm hai vợ chồng bàn luận và nhất trí, mọi phương cách canh tác, điều động nhân công, thu hoạch vụ mùa... ở nông trại đều giao hẳn cho người quản gia trung tín đảm trách. Anh em thằng Phước con Thịnh được cho xuống tỉnh thành ở trọ ăn học tại một trường dạy nghề danh tiếng. Hai vợ chồng Nhà Cá nay chuyển hẳn sang lãnh vực thương hồ, mở rộng kinh doanh.

Ngoài việc bán những sản phẩm của gia đình sản xuất, họ còn chuyên chở thêm những lâm sản quý hiếm như quế rừng, dầu rái, mật ong, các loại gỗ quý như trắc, gụ, cẩm lai... thỉnh thoảng còn có trầm hương. Nhờ sự khôn lanh và tài giao tiếp rộng rãi nên hầu như những chuyến thương thuyền chở hàng hóa của họ về xuôi đều suông sẻ trót lọt. Mỗi khi bán xong nông lâm sản, họ dẫn nhân công đổ vào phố chợ, mua hàng hóa chở ngược về, ghé các làng người kinh và buôn người thượng ở ven hai bên bờ sông Nậm để đổi bán cho bà con địa phương.

Nghề thương hồ phát đạt nhanh chóng. Chẳng mấy năm sau, hai vợ chồng Nà Cá kiến tạo được một cơ nghiệp giàu sang bề thế, họ xây biệt thự tráng lệ, tậu riêng cho gia đình một du thuyền nhỏ, lại mua thêm cho hai đứa con cùng một giang thuyền máy có trang bị buồm gió, mái chèo... để chúng rong chơi trên dòng sông Nậm. Bây giờ gia đình Nà Cá hết sức sang cả, tiền của nhiều ê hê, sống đến mãn đời con đời cháu cũng không tiêu xài hết.

Năm ấy sắp đến ngày tết, thằng Phước con Thịnh được nghỉ học một tháng. Vợ chồng Nà Cá sai gia nhân đánh du thuyền xuống phố, đón hai con về lại dinh cơ vui hưởng tết nhất.

Một ngày vào giữa tháng chạp, trời đất nắng ráo, khí hậu bắt đầu ấm áp báo hiệu tiết lập xuân sớm. Thằng Phước con Thịnh ăn mặc tươm tất sang trọng, dong thuyền xuôi ngược, rong chơi trên khúc sông Nà Cá thuộc con sông Nậm. Mãi vui ngấm cảnh mà quên cả thời khắc. Đến khi gần tối, trời đất chạng vạng lúc nào không hay. Bỗng đâu, từ phía thượng nguồn Nậm Giang đèn đuốc sáng trưng. Hai anh em vội neo thuyền vào chân một dãy ghềnh đá để ẩn nấp. Chúng ngồi sát vào nhau, nín thở, châu mắt chăm chăm nhìn, thấy một chiếc ghe bầu thật lớn đang lướt nhẹ nhàng đến giữa Vực Bà ở ngay phía trên vực Nà Cá, neo đậu lại. Súc ghe to lớn đến nỗi nằm choán gần khắp mặt nước vực sông, giống như một ngôi nhà đồ sộ. Trên ghe, bày ra mọi sinh hoạt đời thường của một gia đình nông thôn khá giả: Nào là chỗ nấy gia nhân giã gạo, chỗ kia mấy người nhóm bếp nấu ăn.

Nơi gần cửa sổ mũi thuyền, đặt hai khung cửi, có hai người đàn bà dệt vải, tay đưa thoi qua lại thoăn thoắt. Lại có mấy người đàn ông vác rìu cầm rựa rời thuyền, men theo lối mòn đi vào rừng. Ở một đầu ghe bầu có hai người đàn ông và hai thanh nữ đang chơi đánh đàn và thổi sáo trúc... Tiếng người nói cười, tiếng âm nhạc, tiếng hát hò, tiếng chim ăn đêm, tiếng gà 'cục tát', heo kêu, vịt 'quạc'...; mọi âm thanh quyện vào nhau, nghe sao mà vui tai, rộn rã, đầm ấm quá chừng. Thế là anh em Phước hết cả lo sợ mà say sưa chú tâm nghe ngóng mọi cảnh trí sinh hoạt trên ghe. Mãi đến lúc, nghe tiếng gà ở nông trại Nà Cá gáy rộn lên, trời sắp rạng đông; súc ghe bầu đồ sộ chầm chậm chạy lên cổ sông Vực Bà rồi khuất dạng. Thằng Phước con Thịnh nôn nã chèo thuyền, vội vã cập bến Nà Cá. Về đến nhà, anh em bỏ cả ăn cơm sáng, liền vào phòng riêng ngủ thẳng một giấc đến tận trưa trệt. Buổi chiều, cả hai lại xuống thuyền, căng buồm xuôi ngược trên mặt vực sông Nà Cá, có ý chờ đến đêm...

Lúc trăng vừa mọc, mặt nước sông lấp lánh, hai đứa lại neo thuyền như đêm qua rồi ngồi im, mắt chăm chăm nhìn lên hướng thượng nguồn. Lúc bóng trăng vừa đứng đầu, chợt thấy từ cổ sông xa xa một chiếc thuyền lướt êm ru, tới giữa Vực Bà đậu lại. Một nam nhân mặc áo dài trắng, tóc búi cao sau ót, từ trong khoang bước ra sàn thuyền ngồi trên chiếc ghế đầu. Không bao lâu sau, có một chiếc thuyền nhỏ hơn căng buồm lướt nhanh tới đậu sát thuyền trước. Nam nhân vừa tới mặc áo dài huyết dụ, đầu tóc thả dài phủ ngang lưng, anh ta thông thả bước qua thuyền bạn. Người tóc búi liền vào lại khoang thuyền, lấy thêm một ghế đầu ra, đặt trên sàn, rồi một tay chìa tới mời bạn cùng ngồi. Hai người chuyện trò một hồi, đoạn, người búi tóc vào khoang thuyền lấy ra một chiếc bàn nhỏ, một bộ ấm tách, một bình rượu...Cả hai ngồi uống rượu, vừa ngắm cảnh vừa nói cười, trao đổi. Mãi đến lúc bóng trăng chếch về hướng Tây, thêm một lần nữa, anh ta lại vào khoang thuyền đem ra một cây sáo trúc và một cây đàn nguyệt. Hai người thay phiên nhau, kẻ thổi sáo người đánh đàn. Mãi đến lúc trời đất rạng rỡ sắp sửa hùng đông, mới ngưng cuộc hòa nhạc; rồi cùng nhau đem tất cả, nhạc

cụ, bình tách, ghế bàn vào cát trong khoan thuyền. Cuối cùng, thuyền trước thuyền sau nhổ neo, chạy ngược dòng sông Vực Bà, qua khỏi cổ sông thì mất dạng. Trong lúc dong thuyền về nhà, anh em thằng Phước con Thịnh vẫn như còn nghe bên tai tiếng sáo tiếng đàn diu dặt, trầm bổng, lắng đọng hòa quyện vào nhau khiến chúng vui thú yêu đời khôn tả.

Hai anh em thằng Phước cứ đinh ninh rằng đất thượng nguồn Nậm giang phải có làng xóm khác thường, dân cư sống hiền hòa thanh bình lắm. Một hôm hai đứa cùng nhau du ngoạn, mong muốn thấy tận mắt những vùng cư dân ấy. Cả hai cứ theo đường mòn dọc bờ sông, ngược nước Nậm giang mà đi. Đi mãi miết, qua khỏi Vực Bà lại cứ tiếp tục đi...chỉ nhìn thấy toàn những nơi trời xanh nước biếc, hoa thơm cỏ lạ, bao cảnh sơn lâm hữu tình tựa chốn thiên đàng trần thế, mà chẳng thấy một bóng người lai vãng. Anh em đang lúc mãi mê ngắm cảnh, tự nhiên giật mình dừng lại, trước mặt, núi đứng sừng sững cao vút dựng mây xanh, chắn hết lối đi, làm hai đứa lo sợ, vội vã quay đầu, nắm chặt tay nhau chạy thục mạng, về đến nhà thì trời đất đã tối mịt.

Kể từ khi gia đình vợ chồng Nà Cá giàu sang phú quý, ngày qua tháng lại, họ thường tổ chức yến tiệc, thằng Phước con Thịnh thôi học nghề về sống luôn với gia đình.

Lần ấy, sau bữa tiệc linh đình no say kéo dài đến tận quá nửa đêm, mấy gia nhân mới dìu đỡ hai vợ chồng Nà Cá vào phòng ngủ. Sáng ra, bà vợ thức dậy, hốt hoảng thấy chồng mình nằm chết lạnh tanh trên giường.

Vì đau buồn quá, bà đổ bệnh, chạy chữa đủ khắp thầy tây, thấy ta danh tiếng vẫn không thuyên giảm. Biết mình không còn sống được bao lâu nữa, bà cho gọi thằng Phước con Thịnh đến, nói giọng thều thào yếu ớt:

“Này hai con! Chắc bệnh tình mẹ không thể qua khỏi. Trước khi mẹ nhắm mắt, mẹ có đôi lời cần thiết nói với mấy

con...”

Nói chưa dứt câu, bà đã hụt hơi, há miệng thở dốc rồi bất tỉnh. Hai đứa con hoảng hốt, vội vàng cuối xuống ôm chăm lấy mẹ, than khóc tằm tức. Một lúc lâu, bà tỉnh lại, nói giọng thều thào:

“...Cha và mẹ muốn hai con trở nên vợ chồng, tạo dựng gia thất...”

Hai đứa như bị sét đánh ngang tai, chết điếng. Một đổi sau, thằng Phước quỳ sụp xuống đất, run rẩy chấp tay vái, thưa:

“Sao lạ đời như thế. Con Thịnh là em ruột của con, nõ nào làm chuyện vậy được. Thưa mẹ!”

Bà ráng sức nhích cao mấy đầu ngón tay mềm oạch yếu ớt chuyển qua chuyễn lại ra dấu khoát khoát, giọng nói xa vắng như hơi gió thoảng:

“Không. Hai con không cùng huyết thống, không phải anh em ruột. Sớm thành vợ chồng sinh con có cháu nối dõi, hòng giữ gìn sản nghiệp cha mẹ để lại...”

Nói đến đây, miệng bà chỉ còn mấp máy yếu ớt như muốn nói tiếp, nhưng chẳng thốt thành lời. Đột nhiên thân mình bà uốn triển, từ trong cổ họng, bà nấc lên mấy tiếng rồi nằm im, tắt thở. Thằng Phước con Thịnh đổ xuống, nằm vật vã dưới nền nhà, khóc lóc than van thảm thiết...

Bấy lâu nay Phước và Thịnh theo nếp sống tình nghĩa anh em ruột thịt đã quen thuộc. Nay theo lời mẹ trăng trối, bảo phải ăn ở theo phép vợ chồng, cả hai tự thấy xấu hổ quá. Ban đầu, đêm nằm anh em hầu như thức trắng, trần trọc khổ sở. Nhiều khi con Thịnh hết gát tay lên trán, lại ôm đầu khóc rầm rức, nước mắt đầm đìa. Còn thằng Phước môi mím chặt, đầu hai tay dấm thình thịch lên ngực, đôi mắt mở thao láo cứ nhìn chăm chăm lên trần nhà. Sáng ra, mặt mày bơ phờ, khi người

nhà dọn cơm lên, chúng ăn ít miếng lấy lệ để cầm hơi. Mỗi khi chuyện trò trao đổi, lúc ăn uống, khi làm lụng hoặc cùng đi đây đi đó hai đứa không dám nhìn thẳng mặt nhau... Trước tình cảnh oái ăm này, cả hai chẳng biết sống làm sao cho phải lẽ, hợp đạo lý làm người. Nhưng cho dù xử sự thế nào đi nữa mà cải lại lời trăng trối của cha mẹ là không thể nào làm được.

Mãi sau nhiều năm, vợ chồng Phước-Thịnh mới sinh được một mụn con trai, mặt mày sáng sủa bụ bẫm.

Từ đó, tin đồn anh em phú gia Nà Cá lây nhau. Mặc dù hai vợ chồng giải phân, bày tỏ cặn lời rằng họ không phải anh em ruột cùng huyết thống, nhưng chẳng một ai tin.

Vì trước nay, hai người chính danh là con nhà bề thế, con chủ nông trại và doanh gia thương nghiệp giàu có. Thêm phần phú gia có gia nhân, người làm công, giúp việc đông đúc nên chỉ lời ong tiếng ve dư luận, anh em Phước Thịnh ăn ở với nhau như vợ chồng càng lúc càng lan xa, từ tỉnh thành đến vùng nông thôn, từ xóm làng người kinh đến buôn làng người thượng ven bờ sông Nậm, nhiều người đều tỏ rõ và tin chắc rằng anh em phú gia Nà Cá mắc tội loạn luân là có thật.

Hôm ấy, vợ chồng Phước cho gọi hai vợ chồng người quản gia thân tín tới gặp. Phước nói:

“Nay vợ chồng tôi có việc cần phải đi xa một thời gian. Ngặt nổi thằng bé Dối còn nhỏ quá, không thể đem theo được, phải để lại nhà, nhờ chú thiêm chăm sóc chu đáo cho; mo... ọi mọ...”

Nói chưa hết câu, Phước muốn nói tiếp nhưng nghẹn lời, đầu cuối gằm, mắt rưng rưng. Vợ Phước nổi lên khóc tức tưởi, nước mắt trào ra ướt cả hai má. Nghe thấy vậy, người quản gia liền nói:

“Dạ thưa! Cậu mợ cứ yên tâm mà đi công việc. Còn chuyện chăm sóc cậu bé Dối, chúng tôi hứa lo liệu chu toàn đến

khi nào cậu vợ trở về, xin tin tưởng nơi chúng tôi.”

Nghe vậy, vợ Phước liền nói lời phân bua:

“Không phải vợ chồng tôi không tin tưởng ở chú thiếm. Mà tôi khóc là vì chúng tôi mới có một mụn con đầu lòng lại còn nhỏ quá, nay phải xa nó một thời gian, thấy xót xa trong lòng nên tôi mới khóc là vậy...”

Đến đây, Phước vội nói xen vào:

“Thế này chú thiếm ạ! Khi vợ chồng tôi vắng nhà, mọi sự việc từ trong nhà đến ngoài nông trại, diền thổ...chú thiếm thay mặt chúng tôi mà đảm trách.”

Nói xong, Phước đưa cho người quản gia một số tiền và một bì thư dán kín rồi nói:

“Đây là số tiền mặt để chú thiếm đủ tiêu dùng trong thời gian đầu vợ chồng tôi vắng nhà. Và đây là lá thư, nếu đến ba bốn ngày hay cùng lắm là một tuần mà chưa thấy vợ chồng tôi về kịp, thì cứ mở thư ra xem để chú thiếm tiện làm theo những gì chúng tôi nhờ chú thiếm giúp đỡ.”

Khi Phước nói vừa dứt câu, không biết ý nghĩ mỗi người thế nào mà ai nấy đều nổi lên khóc òa. Cả bốn người nước mắt cứ dàn dụa mãi đến khi già nửa buổi mai, hai vợ chồng Phước cùng vợ chồng người quản gia đi thăm khắp nhà cửa diền trang... Lúc trời đất sắp mãn buổi chiều, vợ chồng quản gia tiễn đưa hai người xuống bến sông Nà Cá để dong thuyền ra đi.

Sau khi vợ chồng Phước rời diền trang, đúng bốn ngày, có người chèo ghe đánh cá, thấy xác chết của Phước và Thịnh, từ hướng Vực Bà trôi xuống tấp vào bến thương thuyền Nà Cá ./.

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM

TRẦN HẠ VI

NGƯỜI ĐÀN ÔNG NGỒI KHÓC

Vào một buổi chiều nào đó như hôm nay
Anh tắt di động và laptop
Lặng yên ngồi khóc
Đến hết nước mắt

Những đường gân hằn xanh cổ tay
Bao nhiêu ngày
Bao nhiêu đêm
Bao nhiêu triệu người đã ngã xuống
Mười sáu, mười bảy hay mười tám
Những đôi chân trần lam lũ
Đôi môi khô khát chưa biết nụ hôn

Tổ Quốc gọi tên
Những chàng trẻ trai cầm súng
Từ hai mặt trận
Bắn vào nhau
Vào trái tim đau
Việt Nam
Những mùa hè đỏ lửa
Kinh hoàng

Những đứa giỏi nhất đều đã chết
Những đứa không giỏi đều đã chết
Những đứa nghịch nhất đều đã chết
Những đứa ngoan nhất đều đã chết
Mười đứa bạn học cùng
Giờ còn lại hai, ba

Người anh trong gia đình
Đẹp trai hơn, giỏi hơn anh
Đã chết
Hai bên bờ vĩ tuyến mười bảy
Những họng súng trẻ măng
Những khẩu pháo lên nòng
Bà mẹ già đầu chít khăn tang
Đứa đi lính quốc gia
Đứa vào bưng biển Việt Cộng
Đứa nào không phải là con

Trong một không gian nào đó
Họ đều còn sống bá vai cười giòn
Nháy mắt đùa nghịch với anh
Tuổi thanh xuân căng tràn nhựa sống
Rọi hắt đôi mắt dấu chân chim

Trong một không gian nào đó
Đất nước thanh bình
Cây trái nở hoa
Sự sống hồi sinh sau mùa đông giá
Đồng vàng chiêm trũng lúa đơm bông nặng hạt
Cô thôn nữ cười nhoẻn miệng làm duyên
Hương bưởi thơm phảng phất ba miền
Suối tóc em đen nhưng nhức sau thềm

Đất nước đứng yên
Thời gian đứng yên
Những mảnh bom bay lên rồi biến mất
Những viên đạn bay ngược vào nòng
Những khẩu súng xoay vòng
Và biến mất

Mảnh vườn sau cây nhãn trở bông
Anh bước lần lối cỏ
Tụ họp những đứa bạn tiểu học hồi nhỏ

Dãi dầu kham khổ gương mặt sạn chai
Đầu hai thứ tóc phôi phai

Tất cả chúng ta
Chúng ta nợ gì người đã khuất
Tất cả những người đã khuất
Nợ gì chúng ta

Tại sao không thể bắt tay nhau
Trong hòa bình
Bức tường Đông Đức tự nát tan
Người Việt Nam phải trò chuyện bằng súng đạn
Đất nước tươi đẹp hình chữ S
Mấy mươi năm sang chấn đau thương
Chưa lành

Chợ Tết ngày hai chín ngập tràn hoa
Cội mai vàng, bông đào đỏ nụ
Anh ngồi bên lò canh bánh tét
Bữa cơm canh mít non ngọt miệng
Chiếc chén kiểu mẻ viền
Ngày xưa

Những đứa con anh đùa nghịch cơn mưa
Chúng không cời truông tắm gội
Làm sao anh có thể nói
Làm sao anh có thể dạy
Chúng về chiến tranh
Chúng về ông cha mình
Chúng về mảnh đất này
Ngập tràn máu
Nước mắt
Bom đạn
Khổ đau

Những đứa trẻ sinh trong hòa bình
Chưa một ngày đau khổ
Mất mẹ mất cha mưa bom đạn nổ
Làm sao chúng có thể hiểu
Làm sao chúng có thể biết
Nỗi lòng người chôn dấu vượt biển Đông
Nỗi sợ hãi hùng đêm leo lét đèn chong
Con thuyền hy vọng mong manh
Giữa lòng đại dương sóng dữ

Đất nước đứng yên
Bốn mươi lăm năm hoa đào nở
Vết đạn trượt dài hầm chông dang dở
Anh tỉnh dậy trong căn nhà màu trắng
Chiếc giường ra gối trắng
Sang trọng
Tóc em búi cao chiếc gáy trắng ngần
Làm sao anh có thể nói
Làm sao anh có thể khóc
Trong một buổi chiều như buổi chiều nay

Ở một không gian nào đó
Trong một căn phòng nào đó
Không ánh sáng
Không tiếng động
Một người đàn ông ngồi khóc
Đến hết nước mắt

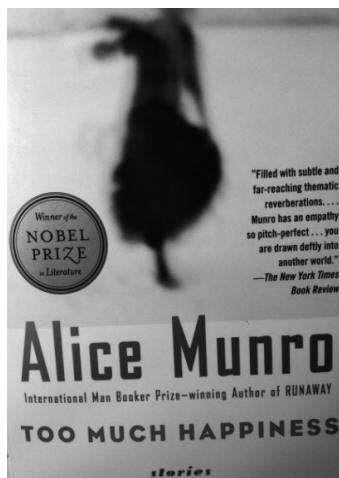
TRẦN HẠ VI
16.05.2020/Trần Hạ Vi

SCOTT S NGUYỄN (DỊCH)

ALICE MUNRO, (*Nữ Hoàng Truyện ngắn, Nobel Văn Chương 2013*)

á xẩm

CỨ MỖI mùa hè người anh họ cùng dì Nell Botts lại đến nông trại thăm chúng tôi, anh tên Ernie Botts, người khá cao hào phóng và bảnh trai, mặt vuông, tóc gợn sóng cong vòng ra trước trán, đôi tay dài với những móng sạch bóng như vừa rửa xà-bong và đôi móng ‘bụ bẫm’ nên sau lưng anh chúng tôi thường gọi đùa là ‘Earnest vệt bầu’.



Chỉ đùa vui, tôi không thấy có gì làm méch lòng nhưng khi dì tôi qua đời thì anh không còn đến chơi nữa, hàng năm tôi chỉ nhận được thiệp Giáng sinh.

Đến khi tôi lên học tại trường Cao đẳng London -London ở Ontario nơi anh ở, và như một thói quen cứ mỗi Chúa

nhật anh đưa tôi đi ăn tối, với tôi đó chỉ việc bình thường vì chúng tôi là bà con. Có điều lúc nào anh cũng đưa tôi đến cùng một nhà hàng Old Chelsea, cùng lên lầu, cùng ngồi bàn nhìn xuống đường Dundas xuyên qua tấm màn nhung, bàn trải khăn trắng trên bàn có một chân đèn sơn giống như đóa hoa hồng. Giá hơi đắt nhưng tôi không quan tâm vì những gái quê như tôi muốn được hưởng những văn minh của thành thị. Còn anh, ăn mặc khá sang trọng giống như một nhà khá giả.

Tôi hay chọn những món ăn Tây như gà nấu nấm với rượu chát hay vịt nấu cam trong khi anh chỉ ăn món bò nướng. Còn tráng miệng thì nhiều vô kể nào bánh ngọt nhân dừa, bánh dâu bốn mùa, bánh chocolate... đủ thứ tôi tha hồ lựa chọn và như đứa trẻ tôi chỉ thích ăn kem.

Ernie chỉ nhỏ hơn Pa tôi ít tuổi nên tôi không ngại tại bạn học tưởng chúng tôi là cặp tình nhân.

Anh muốn biết về việc học hành nên tôi không ngại cho hay tôi thường được điểm danh dự về môn Anh văn và Triết học, dẫu không trọn mắt như nhiều người nhưng anh tỏ vẻ khâm phục mà tiếc rằng mình không đủ khả năng tiếp tục việc học. Sau trung học anh xin việc tại Công ty hỏa xa Canada, lúc đầu chỉ bán vé nhưng bây giờ anh đã lên Quản đốc. Anh rất ham đọc sách nhưng việc ấy không đền bù với việc học tại trường.

Tôi cho anh hay qua về chỗ tôi ở- vì lúc đó chưa có phòng cho sinh viên nội trú tại trường, chúng tôi thuê ở trong những căn nhà chia thành nhiều phòng nhỏ, trong các chung cư rẻ tiền hay trong các nhà của hội sinh viên, của hội từ thiện. Tôi ở trên gác cao nhất gần mái có phòng rất lớn mà phòng tắm rất nhỏ. Tầng nhì dưới tôi là hai sinh viên nhận học bổng theo năm cuối chương trình Ngôn ngữ hiện đại tên Kay và Beverly. Tầng trệt là một sinh viên Y khoa, hẳn ít ở nhà nhưng vợ hắn, Beth, thì ở nhà thường xuyên để chăm nuôi hai con nhỏ, kiêm chức Giám đốc thu tiền, và thường xuyên gây xích mích với những cô gái ở lầu hai về việc giặt đồ và dành chỗ phơi. Đôi khi chàng sinh viên Y khoa lại tắm nhờ phòng trên vì phòng ở dưới đầy những đồ dơ của em bé, thì hai nhà lại có màn cãi nhau.

Đại khái tôi nói với anh những việc như vậy thì được anh đề nghị nên viết thành tiểu thuyết?

Tôi thấy có chút không ổn vì Kay và Beverly rất khó khăn để tốt nghiệp khoa Ngôn ngữ hiện đại mà họ lại tính làm việc tại ngân hàng hay tại một văn phòng? Họ không đủ thì giờ chải tóc hay sơn móng tay nhưng họ có thì giờ để hò hẹn với kếp. Cứ mỗi Chúa nhật họ sẵn sàng khuôn mặt bằng ít nước hoa chỉ vì bạn trai hay vượt ve nơi đó. Tôi chưa có bạn trai nên tôi không biết họ làm những gì.

Họ hy vọng khi tốt nghiệp sẽ làm thông dịch viên cho Liên hiệp quốc, nhưng bây giờ chỉ mong được dạy trung học hay may mắn lắm thì được lấy chồng.

Thật, ở họ tôi không học được chút kinh nghiệm nào.

Tôi làm tại quán café của trường, việc tôi làm là đẩy một xe nhỏ đi thu gom những đĩa muỗng dơ, lau bàn và mang thức ăn từ quầy đến bàn cho khách. Nhiều bạn gái cho là việc làm không tốt vì không có cậu trai nào muốn hẹn hò với cô gái làm việc này.

Tôi học lại với Ernie thì anh lại hỏi: *“VẬY, em trả lời sao?”*

Trả lời rằng tôi cũng không muốn có những bạn trai có quan niệm hẹp hòi như vậy. Việc đó có sao đâu?

Như gã đứng chỗ ngựa, Ernie khoa chân múa tay đồng dục:

“ĐÚNG, CHÍNH XÁC... một thái độ trung thực. Đừng lưu tâm đến những người xem thường công việc lương thiện này, em nên hãnh diện vì nó, nếu ai đó nói gì thì em cứ nói là không phải việc của các người.”

THẤY MỘT lời nhắn dán trước cửa Beth muốn nói chuyện với tôi. Phải chăng tôi phơi đồ đầy trên tay vịn cầu thang, hay tôi làm ồn khi con họ hoặc chồng, Blake, ngủ giữa ban ngày? Cánh cửa mở cho tôi bước vào cảnh hỗn độn và bừa bãi. Những quần áo con nít cùng những tấm tả ướt nặng mùi được trên tòn teng ở cái giá treo trên trần nhà, nồi nấu bình sữa đang sôi trên bếp, cửa kiếng đọng toàn hơi nước, vài cái quần ướt và những đồ chơi lẫn lóc đầy ghế. Đứa lớn đang trườn lên xe đẩy đang gào thét, đứa nhỏ ngồi trên ghế cao đang ăn nhưng trên má trên cằm dính đầy thức ăn. Với Beth đây là cảnh sống hàng ngày mà mọi người phải chấp nhận.

“Cô nhớ, khi cô dọn...” nàng to giọng như tranh đua với đứa lớn: *“khi cô dọn đến tôi nói phòng đó chứa đến hai người.”* Và nàng cho hay sẽ có thêm một sinh viên nữa đến ở từ thứ Ba đến thứ Sáu mỗi tuần.

“Tối nay Blake sẽ kê thêm một giường nhỏ, cô ta không mang nhiều đồ vì cô ở đâu đó trong thành phố này, cô chỉ ở mấy ngày trong tuần thôi...”

Tiền thuê cùng mọi sinh hoạt vẫn y như cũ.

THẬT TINA không choán nhiều chỗ, người cô nhỏ và thấp, đôi khi tôi bị vướng trần nhà nhưng cô thì không. Cô thường ngồi tréo hai chân trên giường, tóc màu nâu lợt xoa xuống trán, thường mặc áo xắm nhiều màu. Cô có những bộ đồ rất đẹp áo khoát bằng lông lạc đà, áo len dài tay, những cái váy xếp nếp ca-rô bên những hột nút bằng bạc khá lớn... giống quần áo ta thường thấy trên quảng cáo, của những người mẫu. Nhưng ở nhà cô mặc chiếc áo Tàu truyền thống: áo xắm Thượng hải. Tôi thường ăn tối tại chỗ làm, mà không biết Tina ăn ở đâu? Có thể cô ăn trái cây và đậu và chocolate gói trong những giấy bạc màu vàng màu tím.

Tôi hỏi mặc áo xắm quá mỏng và ngắn không thấy lạnh sao.

“Unh-unh,” cô cầm tay tôi đưa lên cổ mình nói: “Người tôi lúc nào cũng ấm.”

Người cô hình như luôn tỏa ra hơi ấm đượm đà và quyến rũ không phải từ kem không phải mùi xà-bong mà như từ mùi da mùi thịt.

Tôi thường đọc sách đến rất khuya, thường thì tôi thấy khó chịu khi tôi đọc có người ngồi bên nhưng với Tina tôi lại không. Cô ngồi bóc vỏ quả cam hoặc kẹo chocolate trong khi kiên nhẫn đặt những con bài nhiều khi cô lẩm bẩm hay cần nhẫn... rất nhỏ, hoặc cô xoay người theo vài động tác nhẹ cho khoan khoái. Nếu không thì cô cuộn tròn nằm ngủ khi đèn còn sáng.

Bấy giờ Tina đã hai mươi hai, nhưng ở tuổi mười lăm cô đã mang thai với cậu trai có vợ nhưng tuổi không lớn hơn bao nhiêu tại thị trấn Laneyville, Chica-go. Cậu là thợ sửa thang máy và cô đang theo học nghề làm tóc. Tại Laney-ville cô ở với ngoại vì ba mất sớm và mẹ lấy người chồng sau không ưa nên tống cô ra ngoài.

Cô lại sanh thêm bé trai thứ hai khi người chồng đi làm tại một thành phố khác, cậu hứa về đón cô nhưng rồi biệt tăm nên cô gọi hai cháu cho ngoại và đón xe bus đến Chicago.

Trên chuyến xe cô gặp Marcy cùng đi, cô ta có người bạn

là chủ nhà hàng nên cùng nhau đến xin việc tại đó. Đến nơi mới biết người nầy chỉ làm công và nghỉ việc lâu rồi nhưng người chủ lại cho hai cô ở tạm trên lầu nhưng mỗi đêm phải dọn dẹp nhà hàng, được xài cầu tiêu đàn bà nhưng chỉ tắm giặt khi nhà hàng đóng cửa.

Họ làm quen với người pha rượu cho quán bên kia đường- tuy hơi nghiêm khắc nhưng hân hậu dễ chịu, thường đãi các cô uống nước ngọt. Từ đó các cô quen và dự tiệc tùng với nhiều người trong đó có Purvis. Tina sống với Purvis tại Chicago và tự đó đổi tên thành Tina thay vì June.

Cô định vào dịp thuận tiện sẽ xin Purvis mang hai con về sống chung vì nhà ông rất rộng. Nhưng khi cô đề cập đến thì Purvis lại không muốn có con nít, ngay đến cô mang thai họ sẽ dẫn nhau qua Nhật, qua Tàu để phá. Nhưng đến phút cuối cô đổi ý và lại muốn sanh con. Ông đưa cô trở lại Chicago và từ đó cô phải tự lo lấy.

Cô tự biết đời mình đang khốn khổ nên cô tìm nơi chịu giúp cho đến khi cô sanh xong thì họ sẽ nhận con nuôi, cô sanh đứa bé gái đặt tên Gemma; nhưng đến bấy giờ thì cô lại đổi ý.

Tại nơi nầy cô quen với cô gái khác cũng sanh con và giữ lại nên họ thỏa thuận với nhau sẽ tìm việc ở chung và thay phiên nhau giữ con.

Tina làm việc cho quán rượu- tất cả mọi việc bình thường cũng kiểm tiền cũng hẹn hò nhậu nhẹt lúc tỉnh lúc say, cho đến lễ Giáng sinh ngày con lên tám tháng Tina về nhà khi con nhỏ ốm rất nặng. Gói trong tấm mền nhỏ bằng taxi Tina ẵm con đến bệnh viện, vì ngày lễ bị kẹt xe nhưng cuối cùng họ cũng đến nhưng khổ nỗi không đúng nên được gọi đến một bệnh viện khác; trên đường đi Gemma co giật và chết.

Cô lại muốn chôn cất con theo nghi lễ đạo hoàng không muốn đơn giản theo thủ tục y tế xã hội nên cô tìm gặp Purvis. Bây giờ ông xử sự tốt hơn cô tưởng mua đất mua hòm chôn cất đúng nghi lễ với tấm bia cẩm thạch để tên Gemma, xong ông lại rứt cô về. Họ cùng vui vẻ trong những chuyến du lịch qua London, Paris, và nhiều xứ khác bên Âu châu, khi trở về thì họ bỏ Chicago để dọn lên Canada. Ông có nhà ở đây và cơ sở nuôi

ngựa đua. Ông muốn cô trở lại trường và cô xin sống riêng vài ngày trong tuần giống y như những sinh viên khác về sinh hoạt, về ăn mặc...

Nghe qua đời cô, mà tôi thấy chán!!

TINA KHÔNG được đi đêm trừ những lễ hội của trường như hòa nhạc như diễn thuyết, cô ăn trưa ăn tối tại trường ăn sáng tại nhà với Nestcafé lạnh và bánh mua ngày hôm qua tại quán. Tuy không muốn nhưng ông chịu nên cô phải khai tất cả những món ăn có bán trong trường để ông chọn.

“Như vậy, ông sẽ kiểm soát được gì?”

Tina bước đến bên cửa sổ nhẹ như con mèo.

“Lại đây, đứng sau tấm màn... và nhìn.”

Một chiếc xe đen đậu cách một đoạn, nhờ ánh đèn nên thấy một tài xế đầu bạc. Tina nói:

“Đó là bà Winner, bà sẽ cạnh đến tối, hay có thể trễ hơn... ai biết, nếu tôi ra ngoài thì bà sẽ đi theo, theo đến lúc tôi trở lại về phòng.”

“Bà ta không ngủ à?”

“Không chắc. Nếu tôi làm điều gì là bà biết ngay.”

TINA NÓI hãy thử bà ta xem sao. Một buổi chiều chúng tôi đi xe bus đến thư viện từ cửa sổ tôi thấy chiếc xe đen theo sau khi xe bus đến trạm thì xe chậm lại rồi đi nhanh để kịp theo xe bus. Xuống xe, chúng tôi bước đến thư viện thì chiếc xe chạy trước và bà theo dõi bằng kính chiếu hậu.

Tina tìm mua sách bài tập cây bút máy và những cây bút chì, tôi không biết cô mua để làm gì vì cô không bao giờ có dịp dùng đến, cô không hiểu Victorian, Romantic, hay hậu Columbian là cái gì là thời nào? Cô chỉ nghe Nhật bản, các hoang đảo, hay xứ nào bên Âu châu nhưng cô không thấy không biết cách tìm trên bản đồ, cô cũng không biết cách mạng bên Pháp xảy ra trước thế chiến?

Tôi không biết ai đã chọn chương trình học cho cô. Purvis chẳng? Có thể ông nghĩ cô theo nổi hoặc ông muốn loè thiên hạ?

Thấy cô tôi nhớ đến Ernie Botts, anh có nhiều bí mật không biết ảnh hưởng của di tôi hay của những người bạn nổi khổ, mà tôi chỉ biết anh lê lếch bên nhiều bàn cờ tướng với nhiều

ông già trong hội cựu chiến binh.

Tôi giới thiệu Tina cho anh nhưng không nói gì về cuộc sống hiện tại cuộc sống trước kia.

Anh bắt tay Tina và rất vui sướng đưa chúng tôi về nhà. Tina hỏi xe anh đậu ở đâu?

“Ở đằng sau.”

“Ở cửa sau à?”

“Phải, phải... nó là chiếc bốn cửa.”

“Không, tôi không nghĩ vậy,” Tina dịu dàng: “tôi muốn biết ở sau thư viện phải không?”

“Đúng, Đúng,” Ernie bối rối: “Xin lỗi, tôi tưởng cô nói về chiếc xe. Đúng xe đậu sau thư viện, vì tôi thường đi theo lối đó.”

“Được. Vậy chúng ta đi ra cửa sau. Cảm ơn”

Ernie đưa chúng tôi về nhà, anh cũng ngờ ý mời chúng tôi ly chocolate nóng hay ly café.

“Rất tiếc chúng tôi đang bận,” Tina: “nhưng cảm ơn anh nhiều.”

“Tôi nghĩ, cô có nhiều bài tập?”

“Phải. Làm bài tập... chúng tôi bận lắm.”

Không có chiếc xe đen khi chúng tôi nói lời từ giả, không thấy chiếc xe đen khi chúng tôi nhìn qua cửa sổ từ mái nhà. Lúc sau tôi nghe điện thoại reng và Tina trả lời: “Ồ, không, chúng tôi đến thư viện mua vài quyển sách và trở về nhà ngay bằng xe bus. Không có gì, tất cả đều tốt. Em khỏe. Em khỏe—Tối—tối...” Chúng tôi cùng cười, cùng vui đùa, chắc bà Winner sẽ bị ‘nạo’ đêm nay.

Rồi một buổi sáng thứ Sáu Tina không thể ngồi dậy cô bị ho và sốt nặng.

“Rờ dùm tôi.”

“Với tôi, cô lúc nào cũng nóng.”

“Nhưng hôm nay-- nóng nhiều hơn.”

Cô nhờ tôi gọi Purvis, nói cô bị bệnh nên muốn ở lại đây cuối tuần này.

“Ông ta sẽ đồng ý, vì ông không muốn gần một người bệnh nào. Thật quái đản.”

Ông hỏi có cần đến đưa đi bác sĩ không. Tina nói chưa cần chỉ muốn nghỉ một thời nếu trở nặng sẽ gọi ông sau. Ông

bảo cô cẩn thận và cảm ơn tôi cho hay, cảm ơn người bạn tốt. Trước khi giả tử ông hỏi tôi có muốn ăn tối với ông vào chiều thứ Bảy không? Vì ông không muốn ăn tối một mình. Tina hình như biết trước nên dặn tôi:

“Nếu ông mời thì nên đi ăn tối, vì tối thứ Bảy ông thường ăn những món rất ngon. Và, đặc biệt...”

Vì mỗi cuối tuần quán café của trường đóng cửa nên tôi nhận lời.

BÀ WINNER lại đón tôi, tóc bà chưa trắng mà màu hung hung, màu của cương nghị và cứng rắn nhưng không chánh trực. Bà lệ làng ra đứng mở cửa sau nhưng tôi lại mở cửa để lên ngổi phía trước cùng bà.

Tôi nghĩ ông Purvis ở trong lâu đài ở phía bắc với nhiều mẫu đất trồng chung quanh để thả ngựa. Nhưng xe lại rẽ qua hướng đông đi qua khu giàu có nhưng đường xá không mấy rộng, qua khu nhà gạch kiểu quý phái với những dây đèn và tuyết chờ lễ Giáng sinh trên những bụi cây. Xe chạy vào một đường nhỏ mà hai bên là những dây tường cao và đậu trước căn nhà trệt kiểu mới có mái bằng với bức tường chạy thật dài với nhiều cửa sổ, không có những dây đèn xanh đỏ tím vàng để mừng Giáng sinh, không có ánh sáng.

Và không thấy ông Purvis. Xe chạy xuống hang ở tầng hầm, chúng tôi bước lên cầu thang đến phòng có ánh sáng lơ mờ như phòng khách, trải thảm, ghế thấp bên chiếc bàn kiếng bóng loáng. Bà ra dấu tôi theo bà bước đến một phòng nhỏ không thấy cửa sổ, chung quanh để ghế và có rất nhiều móc treo trên tường; giống như phòng thử quần áo nhưng sang trọng hơn.

“*Chỗ này cô có thể để hết quần áo.*” Bà nói.

Tôi cởi đôi giày, tôi tháo đôi găng tay cho vào túi và treo chiếc áo khoát ngoài, bà Winner vẫn còn ở đó để hướng dẫn. Với cái lược trong túi tôi tính chải tóc nhưng không có kiếng.

“*Còn quần áo?*”

Bà nhìn tôi ra chiều dò xét và thêm: “*Cô đừng lo, ở đây không lạnh vì có lò sưởi cho cả nhà.*”

Thấy tôi chần chừ, bà tiếp:

“*Tôi nghĩ, cô không còn bé?*”

Ở tình cảnh này tôi lại muốn trở lại nhà, hy vọng của không khoá, dẫu trời lạnh nhưng tôi có thể tốn vài tiếng để đi bộ về; tôi còn nhớ đường...

“*Oh, không,*” bà nói khi thấy tôi không hề nhúc nhích: “*Tôi thấy cô đang làm phiền chúng tôi. Cô thấy tôi đang đợi...*”

Một chút xúc phạm, chỉ một chút cũng làm tôi nổi nóng.

Tôi ngồi xuống. Cởi giày. Cởi hai chiếc vớ dài. Tôi đứng lên tay tháo nút quần và cởi áo. Chỉ còn áo mỏng bên trong tôi tháo nịt vú. Tháo cái nịt, tôi cởi cái quần. Tôi cuộn tròn tất cả và để dưới nịt vú. Bây giờ tôi xỏ chân vào giày.

“*Không mang giày.*” Miệng nói lớn mắt bà lườm tôi. Kéo chiếc áo lót qua đầu, bà đưa tôi chai dầu thơm để thoa đầy người.

Tôi thấy mình có mùi giống như Tina. Chúng tôi đi qua một hành lang, đến bây giờ tôi lại sợ có một tấm kiếng, bà mở cửa phòng khác và đẩy tôi bước vào một mình.

Tôi ngỡ ông Purvis cũng trần truồng, nhưng không. Ông mặc sơ-mi trắng, cổ choàng khăn, và quần dài màu xám tro, người cao, ốm, và già, đầu hói, và khi cười trên trán có những vết nhăn.

Tôi thật không hiểu tại sao ông bày ra trò này? Để ngon miệng hơn chăng? Để thơm hơn chăng? Để tôi suy nghĩ? Để tôi sợ hãi hơn chăng? Thật tôi không hiểu nổi ông già này!!! Tôi không nghĩ họ thiếu khả năng để dương một cái bầy, và tôi cũng không ngu để tin rằng sự trần truồng như thế này là không khiêu gợi đến dục tính, đây chỉ là bước đầu để họ tiến đến xa hơn và tôi không thể chết vì tội ngu của mình, mất thận trọng là điều nguy hiểm chết người.

Tôi không nghĩ với cơ thể trần truồng của tôi sẽ không gây sự thèm muốn cho người khác, dầu người đó là bậc thần thánh.

Purvis bắt tay tôi mà như không để ý gì đến hiện trạng này, ông nói rất hân hạnh được gặp bạn của Tina, giống như Tina vậy.

Đâu là sự thật?

“*Tina phục cô lắm. Bây giờ, chắc cô đói rồi, chúng ta hãy xem họ dọn cho ăn những gì?*”

Trên bàn những thức ăn dành cho tôi: Gà Cornish; lựa con nhỏ nhút, cơm nấu với nhụy bông nghệ vàng, safron, trộn nho khô, nhiều loại rau cải cắt nhuyễn trộn dầu olive và cheese, đĩa đồ chua ngâm trong dấm đỏ.

Ông đưa tôi đến đầu bàn và ông ngồi bên kia với đĩa thức ăn thanh đạm, và ông ngồi xuống.

Có một bình nước và chai rượu đỏ trên bàn, tôi chọn bình nước còn ông uống rượu. Tôi thấy mình ít có cơ hội để uống thử loại rượu chất nầy, với Ernie trong những bữa tối Chúa nhật tại Old Chelsea anh không bao giờ uống rượu và hình như anh cũng chẳng uống bao giờ.

“Tina nói...” ông bắt đầu gọi chuyện: *“Tina nói với ta cô đang học Triết-học-Anh quốc, nhưng ta nghĩ là Triết học và tiếng Anh vì không có môn học nào là Triết gia người Anh cả?”*

Tôi nuốt xong miếng đồ chua và nuốt thêm ngụm nước và trả lời:

“Tôi đang học thêm tiếng Hy Lạp để đọc thêm sách.”

“Oh, đúng. Nếu cô biết nhiều về Hy Lạp, cô sẽ thích nó. Và bây giờ cô đã học đến đâu?”

“Plato và thời tiền Socratics—“

“Cô thích Plato chứ, cô nên đào sâu vì Plato có rất nhiều cái hay, nó giống như sự ly khai?”

“Đúng. Một sự ly khai hoàn mỹ.”

Tôi thấy như người mình đang tỏa mùi hương và đôi ngực trần và nhỏ là một công trình nghệ thuật, để trang hoàng, không giống như Tina với cái bầu và cái núm quá lớn chỉ để... xử dụng. Tôi thấy giọng ông thay đổi đôi chút dịu dàng hơn lịch sự hơn như đang gặp thứ gì mình vừa ý. Ông khôn khéo chuyển qua chuyện đi du lịch Hy Lạp, nào Delphi, nào Acropolis, hay những thôn nữ vùng Minoan...

Tôi nhìn thẳng vào mặt, vào mắt ông thấy có chút lúng túng và hơi buồn trong ấy.

Tráng miệng gồm món sữa trứng với kem mùi va-ni, một ít bánh và rasp-berries. Ông chỉ ăn vài miếng bánh, còn tôi- dầu thường thức các món ăn ngon nhưng tôi không từ chối những món vừa thơm vừa ngọt nầy, đưa vào miệng bằng những muống thật đầy.

Ông cho café vào hai ly nhỏ và dẫn tôi đến phòng đọc sách.

Ông chỉ tôi ngồi xuống ghế và đưa ly café. Thật khó khăn khi ngồi trần trên ghế trống không có gì che như bàn ăn. Ghế được phủ tấm lụa sọc trên vải bọc có lông màu đậm như chàm chích người tôi. Có chút bối hồi và chút ngứa ngáy.

Đèn trong phòng sáng hơn ở bàn ăn, sách được chất trên kệ quanh tường điểm vài bức tranh sơn thủy và những ngọn đèn rọi vào đó.

Hoàng cảnh nầy nhắc tôi nhớ đến từ phòng đọc sách sẽ thông qua phòng ngủ có đèn sáng mờ mờ, trên giường nệm được phủ một cái mền lông tơ rất mịn. Tôi không biết phải làm gì với trường hợp nầy? Chỉ hy vọng phòng nầy không có cửa nào thông qua. Đèn sáng, nào kệ nào sách nào mùi café rất đậm, Ông rút quyển sách và lật từng trang xong đưa qua tôi và nói:

“Cô làm ơn đọc giúp, cứ đến chiều thì mắt ta như không thấy rõ. Cô biết quyển A Shropshire Lad nầy chứ?”

Tôi biết, và tôi còn thuộc vài bài thơ trong ấy.

“Làm ơn. Làm ơn. Ngồi đừng tréo chân lại.”

Tay run run nhận quyển sách và tôi bắt đầu đọc. Những vần điệu quen thuộc làm người tôi lắng xuống, như nó chiếm hết tâm hồn tôi. Và tôi từ từ cảm thấy mình được bình yên, tôi như quên mình đang ở đâu? Hiện ngồi với ai trong hoàng cảnh nào? Với tình trạng nầy. Một suy nghĩ lại đến với tôi, tôi nhận ra rằng cả thế gian nầy đang trần trỗng, trần như tôi, trần như ông. Chúng ta đều buồn đều xơ xác đều lùi lại nguyên thủy. Tôi say mê lật hết trang nầy qua trang kia đọc say sưa đọc đều đặn. Bỗng, ông ngắt lời. Ông đứng dậy và thở dài:

“Thôi. Được rồi, được rồi. Cô đọc rất hay, với giọng đồng quê thật là thích hợp. Nhưng, bây giờ ta phải đi ngủ—”

“Và bây giờ, ta đưa cô về nhà.”

Ông đẩy cánh cửa, tôi bước trở lại hành lang rất dài khi cánh cửa sau tôi cũng vừa khép lại, khi tôi chưa kịp nói lời từ giả, nói lời cảm ơn về bữa ăn, về những gì ông nói và cảm ơn nhứt là ông không sờ mó đến người tôi.

Cũng ánh đèn mờ của phòng thay đồ, nào áo quần giày giép và đồ lót. Bà Winner bước vào khi tôi mang giày và chỉ nhắc gọn một câu:

“Cô quên cái khăn choàng.”

Cái khăn tôi thường dùng và yêu quý nhứt, nếu không may nó sót lại chốn nầy?

KHI TÔI bước ra xe bà Winner nhắn: *“Ông Purvis muốn nói chuyện với Tina trước khi đi ngủ, nhờ cô nói lại.”*

NHƯNG, KHÔNG còn ai để tôi nói lại, trên giường thu xếp rất gọn, áo khoác và giày cũng bay theo chỉ còn sót lại vài đồ lặt vặt tồn teng trong tủ.

Beverly và Kay thì không ở nhà trong ngày cuối tuần. Tôi đành chạy xuống gặp Beth hỏi thăm.

“Rất tiếc. Tôi không biết, vì tôi không để ý những người ra, vô.” Với bao nhiêu thắc mắc khi gặp Tina tôi sẽ hỏi về việc trần truồng trong nhà? Nếu cô biết rõ như vậy tại sao lại khuyên tôi nhận lời? Tại sao không cho tôi biết trước? Hay chờ cô hỏi thì tôi sẽ trả lời ở đó tôi ăn gà Cornish với cơm màu vàng rất ngon và đọc *A Sphoishire Lad*? Tôi sẽ làm cô ta ngạc nhiên.

Bây giờ cô đã đi, tôi lại lo lắng vì bà Winner sẽ điện thoại lại sau mười giờ, tôi sẽ bị Beth phàn nàn vì làm mất giấc ngủ của em bé. Khi tôi trả lời Tina không còn ở đây thì bà sẽ hỏi vòng vo đủ thứ vì đây là việc quan trọng.

Sáng hôm sau khi tôi thức dậy thì chiếc xe đen đã đậu bên kia đường, bà rung chuông và hỏi Beth lên kiểm soát phòng Tina, dầu cản trở thế nào bà cũng cứ lên. Nhìn chung quanh xong bà sẽ tìm trong buồng tắm trong tủ áo, hay lục lạo cái mền đã xếp gọn dưới sàn. Trong khi tôi còn bận đồ ngủ ngồi viết bài tiểu luận về quyển sách *Sir Gawain and the Green Knight* bên ly Nestcafé lạnh.

Bà đã điện thoại đến các bệnh viện và ông Purvis đã đi vòng những chỗ quen mà họ thường đến, bà nói.

“Nếu cô có tin tức gì gọi ngay cho chúng tôi biết. Biết mọi thứ,”

Xong bà bước thình thịch xuống lầu và quay đầu như ra lệnh: *“hay người nó biết trong trường, tất cả mọi người cô biết.”*

Tôi không nghĩ vậy vì tôi gặp Tina chỉ vài lần: một lần cô chạy đến lớp, một lần cô ngồi tại quán café chỉ một mình. Chạy để kịp giờ vô lớp thì một mình nhưng ngồi tại quán café vắng khoảng bốn giờ chiều thì hơi lạ. Ngồi với nụ cười trên môi, nụ cười sung sướng và tự mãn; ôi thích thú được ngồi ở đây: như đã trả gánh nặng lại cho đời, một khi lòng cô hiểu được.

BUỔI CHIỀU trời bắt đầu có tuyết.
CHUÔNG ĐIỆN thoại reng khi tôi vừa trở về nhà sau giờ học

đầu tiên của sáng thứ Hai:

“*Là tôi đây,*” giọng Tina có chút lo lắng trong đặc thẳng:

“*Làm ơn. Làm ơn giúp tôi việc này?*”

“*Hiện cô ở đâu? Họ đang tìm cô đó.*”

“*Ai?*”

“*Ông Purvis, bà Winner.*”

“*Đừng nói với họ. Đừng cho họ biết gì hết. Tôi ở đây.*”

“*Ở đâu?*”

“*Ernest—*”

“*Ernest? Nhà Ernie?*”

“*—Có ai nghe không?*”

“*Không.*”

“*Hãy nghe kỹ. Làm ơn. Làm ơn đi xe bus, mang tất cả những đồ tôi bỏ quên, tôi rất cần xà-bong tắm. Tôi cần áo xăm. Tôi đang trốn trong tủ áo của Ernie cuộn tròn trong cái mền lên như con chó nhỏ. Xe đen còn ngoài không?*”

Tôi nhìn qua cửa sổ.

“*Còn.*”

“*Okay. Hãy dùng xe bus đến trường như đi học bình thường, chuyển qua xe hướng về trung tâm thành phố. Xuống trạm Campbell và Howe, xong đi bộ đến đường Carlisle, số ba trăm sáu ba. Nhớ đó, nhớ đó.*”

“*Ernie có ở nhà không?*”

“*Không, anh đi làm. Không biết anh ta có thật lòng giúp tôi không? Làm ơn, vì tôi chỉ có thể nhờ ở cô thôi.*”

Tôi theo cách hướng dẫn đến Carlisle, đầu bão tuyết vừa qua mà trời rất lạnh, rất trong và rất sáng, có nhiều tia sáng làm chói mắt và những tuyết rơi đóng cứng làm tôi đi không vững. Khoảng nửa chặng đường Carlisle là căn nhà Ernie anh ở với Ba và Má, rồi với Má, rồi một mình và... bây giờ với—Tina? Căn nhà vẫn như xưa giống lần tôi cùng Má ghé thăm, nhà gạch một tầng có sân rất nhỏ phía trước, cũng khung cửa tò vò phía trên có tấm kiếng màu. Gò bó và phong lưu.

Tina co cụm trong chiếc mền lên toàn mùi đàn ông- mùi của Ernie của nước cạo râu và của xà-phòng Lifebuoy.

Trời rất lạnh. Tôi đưa những vật dụng cho Tina và cùng xuống nhà bếp và Tina kể: Tối thứ Bảy Ernie mang đến cho tôi tạp chí và nhiều hình ảnh cũ nên Tina phải chạy xuống lấy; vì nguyên tắc họ không cho đàn ông lên phòng, thấy cô bệnh nặng nên Ernie khuyên nên lại nhà để anh lo liệu; anh thật khéo léo

nên bệnh cảm đã hết mà đau cổ cũng chẳng còn. Nên cô quyết định sẽ ở lại đây, sẽ ở lại và không bao giờ trở về.

Cô không còn muốn nhắc đến tên Purvis nữa, nhưng dặn:

“Đây là điều tối mật, vì cô là bạn thân của chúng tôi nên xin cô giữ im lặng.”

Trong khi pha café cô khoe: *“Hãy nhìn đây, nhìn cách anh sắp xếp: đây là ly, kia là đĩa, những ly trà thì anh treo lên. Rất gọn gàng, và cả nhà gọn như vậy. Tôi rất thích.”*

“Cô là bạn thân chúng tôi tin tưởng, nếu có con và con gái chúng tôi sẽ đặt tên giống của cô.”

Tay cầm ly café mà tôi đang run. Những cây huệ tím Phi châu do dì tôi mua trồng và săn sóc mỗi ngày, và những cây dương xỉ thẳng đứng bên hông nhà, và những khăn màu lót trên ghế dựa... mà cô nhận là của mình và Ernie thì thật là trắng trợn và ghê tởm.

“Các người tính làm đám cưới?”

“A--?”

“Cô vừa nói, nếu có con.”

“Ồ—chúng tôi tính ở vậy không đám cưới,” Tina nói với vẻ ngượng ngùng.

“Với Ernie?”

“Đúng. Sao không? Ernie rất tốt. Và tôi sẽ gọi anh là Ernest.”

“Còn ông Purvis thì sao?”

“Ông ra sao?”

“Nếu xảy ra quá gấp. Tôi nghĩ là của ông ta?”

Tôi thấy mặt Tina bỗng tái và lạnh lùng và cô nói với vẻ ngạo mạn: *“Cô đừng nhắc tên ông ấy nữa. Anh ta không biết việc này.”*

Tôi muốn hỏi thêm nhưng cô cắt ngang:

“Xin cô đừng nói gì đến quá khứ, làm đau buồn. Tất cả đã chết, nó không liên quan gì đến tôi và Ernest. Chúng tôi ở với nhau. Chúng tôi yêu nhau.”

“Okay!”

“Xin lỗi tôi đã lớn tiếng. Chúng ta là bạn, cô là em họ của Ernest nên chúng ta là bà con?”

Nói xong cô ôm lưng tôi và thọc lét, tôi cố tránh nhưng không kịp, chúng tôi cùng phá lên cười và vụn vụn... xong rồi

cùng nhau ngồi thờ.

TÔI CHỜ xe bus rất lâu, đôi chân như bị dính lại nơi này nên khi tôi đến trường thì giờ học đã trễ và việc làm tại quán cũng trễ luôn.

Tôi thay đồng phục và vội vàng đội gọn cái lược trên tóc. Không lưu ý đến ai tôi vội đẩy chiếc xe nhỏ vòng các bàn để thu gom những đĩa muống. Có nhiều người ăn xong ngồi tán dóc và đang nhìn tôi.

Làm xong thay đồ tôi trở lại thư viện và tiếp tục viết bài khảo luận còn dang dở, chiều hôm nay tôi không có lớp. Và tôi nghĩ đến Ernie đến Tina, bây giờ họ như đã đi vào đời tôi?

THƯ VIỆN nhà trường rộng đẹp và trang nghiêm có những dãy bàn dài và những ghế ngồi thoải mái, trần rất cao và một không gian rất rộng, có những tấm gỗ bóng láng và những cửa sổ bằng kính có hoa văn nhưng nhìn thấy được bầu trời, nơi này dành cho những thầy giáo tương lai, những nhà kinh doanh, hay những viên chức... và bây giờ tôi ngồi đây để làm bài tiểu luận về *Sir Gawain and the Green Knight*.

TINA KHÔNG ở với Ernie đến một tuần. Rồi một ngày anh về nhà thấy trống vắng, chiếc áo khoát và đôi giày không còn, quần áo cô thích và chiếc áo xăm tôi mang qua cũng biến mất, mất mái tóc cứng, mất làn da mềm và ẩm, mất tiếng lép xẹp khi cô đi. Mất tất cả mà không lời giải thích, không một câu nhắn, không một chữ viết...

Dẫu Ernie không là người đầu tiên than van và khóc lóc. Anh gọi báo tin và mời tôi ăn tối. Cũng chiều Chúa nhật cũng leo lên lầu Old Chelsea nhưng trước dịp lễ Giáng sinh. Khi anh giúp tôi treo áo khoát tôi lại nghe mùi của Tina, phải chăng mùi này đã dính vào thịt vào da anh?

Nhưng không, anh nhét vào túi tôi một chiếc khăn, vải cứng lợm cộm như chiếc quần lót và nói:

“*Anh không muốn thấy nó,*” nghe giọng anh tôi biết nó là vật của Tina, mùi của Tina.

Anh gọi bò nướng và cắt và nhai một cách uể oải chưa từng thấy. Tôi cho anh hay về những tin tức ở quê nhà nào tuyệt vời quá nhiều, nào những con đường phải đóng, và sự tàn phá trong mùa đông này.

Sau một lúc anh nói: “*Anh đến nhà ông ấy nhưng không thấy ai.*”

Ông nào?

Nhà cậu cô ta. Anh biết vì họ có lái xe qua nơi ấy nhiều đêm tối. Bây giờ thì không còn người nào. Họ đã dọn. Và cô đã ra đi. Cuối cùng thì đó cũng là việc cô chọn.

“Là người đàn bà. Người đàn bà khó hiểu. Vì khó hiểu nên hay thay đổi?”

Mất anh; bây giờ tôi mới nhìn rõ, khô khan, ngơ ngác và mất thần, thâm đen với nhiều vết nhăn. Anh mím môi kèm cơn xúc động, cố gắng nói, nói không nên lời.

“Cô không thể bỏ ông ta. Cô không lòng nào xa người cậu đó. Anh có nói hãy đem về sống với chúng ta, anh thấy hình như cô không quan tâm đến.”

“Đừng hy vọng nhiều, những thứ mình chưa nắm trong tay.”

Khi vào phòng rửa tay rờ trong túi tôi mới biết nó là cái khăn lông.

NGÀY HÔM đó ngồi tại thư viện nhưng tôi không viết được chữ nào. Tôi xé tờ giấy cầm cây viết bước ra ngoài. Ngoài cửa thư viện cái điện thoại công cộng có treo quyển niên giám một bên. Tôi tra trong niên giám tìm hai địa chỉ có ghi sẵn, không thấy số điện thoại nhưng có địa chỉ, một:

1648 đường Henfryn và số kia 363 Carlisle có in sẵn trên thiệp Giáng sinh.

Tôi bước trở lại mua một bì thư và con tem bốn xu. Tôi xé địa chỉ Carlisle bỏ vào phong bì có tem, dán lại gửi đến đường Henfryn. Ngoài kia có thùng thư tôi mở nắp nhét gọn vào đó.
lasAug03

ALICE MUNRO, Nobel Văn Chương 2013 –

SCOTT S NGUYỄN dịch

*(Trong tập TOO MUCH HAPPINESS, Nhà xuất bản Vintage
Internatinal 10/2010)*

SA CHI LỆ

(viết cho ngày valentine 14 -2-2022)

hương vị valentine' day

Em là giòng sông hay chiêm bao
Vuốt ve kỳ diệu làn da cỏ may
Neo bóng tà dương ảo giác huyền hoặc
trên đồi trăm năm

Ngất ngây giọt sữa u mê bồng sương khói
Chợt thấy em thoáng hiện
quấn chặt tháng ngày
mền mại kiều sa, bước vào đời ta

thơm rừng nguyệt bạch
Cuồng nhiệt đốt cháy oan khiên
Đi tìm ý niệm hạnh phúc thông reo
Chấp cánh cho thơ ta như cánh dơi đeo bám

Nhảy nhót như chim trên môi em
Trốn vào tóc mây lả lơi
Quấn chặt miên man đêm mộng寐
Lấp lánh giòng suối tuyết sương

Giam ta trong nguồn mắt biếc
rủ rê sao rụng ngợp đường
phổ công kỷ niệm thấp sáng giấc mơ
một gã điên nghêu ngao hát tình ca

vô nghĩa mà dễ thương
ngạo mạn sao ngây ngất
chết lịm hoàng hôn
liếm láp ngây thơ khờ dại

hái si mê cài quanh mi trốn tìm
Hơi hờ chìm sâu đất trời tan vỡ
Ngọt hương cau bịn rịn đêm hoang
Ai bảo tình luôn chua cay ngọt

Nhưng ta chưa nếm đã ngà say
Cát bụi nhân gian trở thành dị nghĩa
Khi tình yêu từng phút giây lên ngôi
Nếu không có em

Con đường rêu biển mặn
Hồn ta thành cây khô
mục rữa
Cảm ơn đời rót cho ta ly rượu
Hương vị tình thiêu rụi vạn tinh cầu...

đi tìm

Đêm vẫn thức khi bao người mê ngủ
Nắng có chờ khi gió mãi cuốn đi
Lời thao thức nhỏ thêm từng giọt sữa
Trăng vỗ về hỏi thở mẹ ầu ơ...

Thoáng ký ức đông đưa ngoài phố nhớ
Rủ dư âm soi lại bóng đèn quê
Giòng sông Hậu nâng niu Cù-Lao-Kết
Nguồn phù sa khua nhẹ tiếng ru Hời...

Quần gánh vô tình đời chen gối hạc
Đề gian truân quanh quẩn bước chân ai
Nuôi giấc ngủ chập chờn quen ác mộng
Xô côi mơ mãi vượt khỏi tầm tay

Từ khi nào giật mình trong khóe mắt
Nghe mưa rơi văng vẳng gọi bên sông
Nuốt nuốt tiếc nghẹn ngào trên dấu cát
Tiếng thở dài cầu nguyện mẹ hư không

Nhom nhén lửa đốt đi tìm ngơ ngác
Tâm mơ hồ in bóng dáng phù du
Làm sao biết thiền cơ đang ươm mộng
Nở đầy hoa hối hận giữa mùa thu

Ta lầm lũi cúi nhặt hoài ảo giác
Mãi bên ba tìm thiên sứ hồi sinh...

SA CHI LỆ

VIÊN DUNG

MÂM ÂN HẠNH NỞ

lạnh hây hây trời trở
khuya lơ, mẹ trăng trở tết đến nơi
gió thì thâm âu lo tới

bồi hồi theo cánh gió
vó tim con rạo rực
ức dậy chật yếm đào
nở nhẹ phía sau, giấu mẹ
con gói cái phồng phao
dè, trốn ánh nhìn háo sắc phanh phui

mùa đổi rõ ấm lạnh, trời khiến
mâm ân hạnh nở kín tiếng, trời ban
không ngân như chuông xuân
khi đôi gò ngọc nở vênh sừng
chùng đau lưng lửng

trước gương con chùng hững
bùng đỏ má đào
nhục thể tự diễn biến không loan báo
con xấu hổ mà mẹ
mẹ bảo đẹp là sao

xưa mẹ có khác nào

Viên Dung
23102021

THOI THÓP HOÀI NIỆM

hoài niệm ngoắt ngoải, về
biến cố nổ từ sắp đặt
một thể chế tan vào nhân thế
nằm đau dĩ vãng

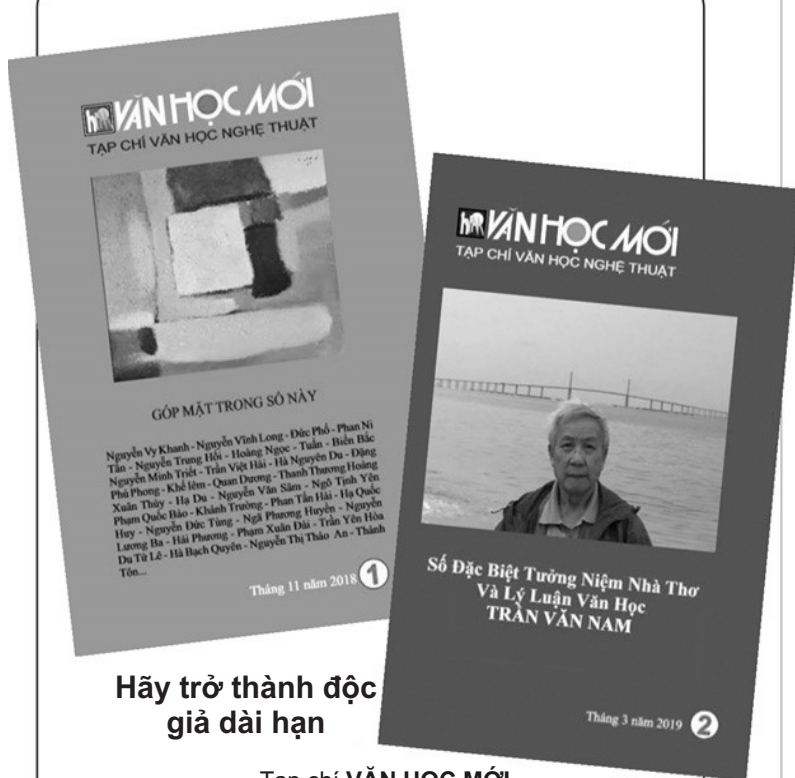
bàng hoàng mối hiểm nghi
ngày mỗi lớn
trở mặt thành thù
qua rồi biến cố, nhưng

chúng hừng phụ tình huyết mạch
phân thư, ly tán
tạc vào gổi sử
nhớ về nhấp nhủ từng chữ rượu già

giá như lòng tịnh lặng
gặp biến cố vô lễ thiên đường
đương ngộ độc
ngộ lý vô thường mọc vô cương

VIÊN DUNG

29012022



**Hãy trở thành độc
giả dài hạn**

Tap chí **VĂN HỌC MỚI**
Phát hành **2** tháng một số
Một năm **6** số
Liên lạc:
vanhocmoi68@gmail.com
hanquyendu@gmail.com

LÊ HỮU MINH TOÁN
nước mắt người vợ lính

Hong cho khô dòng máu đen da vàng nhược tiểu
Anh nằm đó mắt trợn trừng nhìn đời anh gãy đổ
Còn gì nữa đâu anh
Hận thù mang theo làm hành trang chôn kín đời mình
Từ đêm anh chối bỏ sinh phận làm người
Từ đêm anh làm kẻ mộng du nửa khuya tìm về đánh
thức tôi dậy
Nhìn dòng máu khô nhuộm đen khuôn mặt anh ma
quái dị hình
Tôi tỉnh cơn mê và biết rằng anh đã bỏ tôi
Đã vĩnh viễn ra đi chưa nguôi muộn phiền ngày dài
chính chiến

Niềm xúc động sóng thần không diễn tả nên câu
Tôi van xin ngày , van xin đêm cho thời gian trì cữu
Cho tôi mở nắp quan tài vuốt ve anh lần cuối
Trong cơn mê cảm khao khát vòng tay anh đi động
Tôi thức thức anh không còn là của tôi nữa
Tôi òa khóc , hét gào , điên loạn
Giọt nước mắt bức từng sợi nhục cảm khóc tiễn anh đi

Hết thật rồi nghe anh
Xin vo tròn những đê mê tuyệt thể vào poncho này
Xin liệm chôn những tác động ân ái ngày qua trong
niềm cảm hoài thánh thiện
Yêu thương giờ còn là huyền thoại đậu vào đỉnh khổ đời
tôi
Những dự phóng tương lai giờ xám đen tang chế
Những khao khát đông đưa ru anh ru tôi vào mộng giờ
gãy cánh nửa đời

Ôi ! Chiến tranh hao gầy tuổi trẻ
Ôi ! Hận thù cướp mất quyền sống đời anh
Ngày xanh chưa kịp nhìn bóng dáng mình anh đã phải
ra đi chưa nguôi thèm khát
Xin nhỏ giọt nước mắt cuối cùng trên quan tài anh
trùng khơi vĩnh biệt
Xin thu nhiếp niềm đau này bằng một lần thăng hoa
thần thánh
Xin dung nhập hồn mình giao thoa trong khơi vơi ảo
tưởng
Xin hoài hoài gọi mãi tên anh

@ LÊ HỮU MINH TOÁN

PHAN HẠ DU
cùng đi lễ chùa

Tháng tư anh nhớ... tìm về
Lặng trong mùa phượng bên hè tím thương
Linh Sơn ẩn giữa khói sương
Cao nguyên ... đã quần khói hương một miền

Hiển linh Đức Phật thật hiền
Dắt em về chốn cửa thiền nghe kinh
Dịu xoa nhẹ bớt lòng mình
Dấu qua muôn nẻo ... không đành chia xa

Chúng con núp bóng Phật Bà
Nghe bao nhiêu chuyện thật thà vây quanh
Một mình nhớ lúc vắng anh
Khuya thao thức dưới trăng lành càng thương...

Đài sen thoảng ngát trầm hương
Đức tin dẫn lối trên đường anh đi
Phật đài giữa chốn từ bi
Từ tâm - nhớ thuở hàn vi ... tìm về...

nắng lang biang

Hôm nay ủa về thương nhớ
Phượng đang nở tím hết lòng
Đỉnh Lang biang bỏ ngõ
Mây chiều chìm dưới đáy thung

Dường như cơn mưa đã vơi
Dòng người đi ngược về xuôi
Dalat mùa hoa tím nở
Mà như chín nẫu nỗi người

LangBiang nắng và gió
Lặng im anh tạc dáng ngồi
Lại nhớ về mùa phượng đỏ
Hay !Trường sơn thuở xa xôi...

Hiện lên tuổi vàng, tuổi bạc
Ngổn ngang bóng núi đứng, ngồi
“”Cù LẦN “” chìm trong sương khói
Như đang níu giữ hồn tôi Oi !..

.Người K ho thân thiện
Quanh năm du mục, xa rồi
Mời gọi anh về quá khứ
Mơ màng dưới bóng mây trôi

Núi rừng vừa như bưng tỉnh
Bên anh rạng rỡ nét cười
Thiên thiếp, tiếng chim thánh thót
Em về hát trọn niềm vui

PHAN HẠ DU

NP PHAN

ĐOÀN KHÚC THÁNG TƯ

cảnh lau huyễn mộng

có một cảnh lau huyễn mộng
giữa một bầu trời tháng Tư
dòng sông thuở nào đi biệt
bỏ lại nỗi buồn chân như

biển vắng

những ngày biển vắng thênh thang
trời xanh lơ đãng, nắng vàng hồ nghi
đã tràng nhớ bước chân đi
nằm nghe con sóng thầm thì với nhau

cung mi thứ xanh

có - không khoảng lặng yên
ngủ cư trong lòng phố thị
có một nốt trầm ma mị
giã từ cung mi thứ xanh

tháng tư gầy

em khóc những ngày nắng lửa chưa xa
cơn gió lạc loài bỗng dừng thối lại
lòng đắng ngắt: những mùa vàng tê tái
ai đã hoài mong một tháng tư gầy?

gửi lại tháng tư

xin gửi lại một chút buồn trong mắt
biển chẳng vui từ thuở vắng chân người
trắng son rồi nằm nghe đời tắt bật
tiếng hát ai xanh mướt điệu u hoài

xin gửi lại một hoàng hôn thắm mệt
chút lòng đau dẫu bể vô thường
tháng tư vội và bông hoa nở vội
lời hẹn hò đã thấp thoáng mù sương

xin gửi lại một mùa vàng đã lỡ
cho trăm năm vẫn nước chảy qua cầu
đường dầu vắng, xin em đừng ngả nón
cho ta đợi chờ một chút mưa mau

xin gửi lại một dòng sông hiền hậu
chẳng còn đâu bên lở với bên bồi
không hiểu nữa, chút nắng vàng da diết
đã về đâu hay khi tóc đã phai rồi

xin gửi lại tháng tư mùa hoa nắng
đừng nhắc làm chi lời trách muộn màng
xin gửi lại những buồn vui rất thật
cho tháng tư về trời đất thênh thang

NP phan

khúc tháng tư

một ngày ta đứng bên sườn dốc
ngắm lối đi gầy theo tháng năm
cơn gió đã ưu tư từ độ
ta chưa hò hẹn, nguyệt chưa rằm

bỗng dưng ta nhớ mùa hoa trắng
trắng mãi cùng ta một nỗi niềm
bước chân lơ đãng, dòng sông trắng
cành lau trắng một giấc cô miên

bỗng dưng đau đau từng cơn sóng
biển đã trào lên bọt đỏ ngầu
ngọn gió kinh thiên đùa số mệnh
trên tầng cao và dưới tầng sâu

có không một giấc mơ bong bóng
thả về trời một ngọn hư vô
sẽ về đâu cánh bèo trôi nổi
vết thương căm đau chút mơ hồ

mở ra ô cửa màu xanh lá
không biết có còn ai nhớ không
chỉ biết tháng tư ta từng gặp
dấu chân em trên đồi cỏ hồng

NP PHAN

DƯ ĐĂNG DUY

thơ

Đầu con chim bay thẳng vào rừng cây
hay con chim uống dòng sông đang chảy
đôi cánh chim phản chiếu như tờ giấy gấp
đôi chân chim nhảy nhót trên từ ngữ của một rừng sự
thật
treo trên đầu cây sậy những giọt thơ nhú mầm
sao chim cất đầu nghe tiếng hót dưới ngón tay tôi
trong lặng thinh
tiếng xào xạc của giấy
nổi lên chữ chồm chồm muốn nhảy
vang ra thanh âm tru tréo của nàng thơ
giọt mực rơi từ cây viết đứng hình
có một từ nào đó trong bóng tối hiện ra tia sáng loang
qua cửa sổ
giấc mơ tan ra từng mảnh ẩn nấp trên cây
trên giọt sương lấp lánh ánh trăng
câu chữ đen trắng chia thành li ti của cội tận cùng
mở một định mệnh không biết mình làm chủ
kéo dẫn thời gian bằng xiềng xích những ký hiệu
đời sống của thơ là qui luật của chiếc lá rơi
bài thơ viết xong cho vạn vật hẳn học còn ở lại
để cảm râm với bàn tay tạo ra nó.

người đàn bà khóc

người đàn bà khóc
những giọt lệ bốc hơi thành những vì sao
lấp lánh bầu trời đen thẫm gió

người đàn bà khóc
vết son mờ nhòe nhoẹt vào đại dương mặn đắng
đắm chết con dã tràng đang xây lâu đài cát

người đàn bà khóc
nước mắt cô đọng trong buốt giá mùa đông
bọt bóng trôi theo ký ức
vỡ tan bên chiếc cầu mộng du

ánh trăng soi bóng cội nguồn rơi lên gối chiếc
cháy sáng vết sao băng giữa bầu trời vãn vi
đầy vết nhăn quá khứ

người đàn bà ngồi khóc
trong cơn mưa
suốt chiều

con rắn nằm lặng thinh
nhả ra trái táo
gục đầu chết ăn năn.

DƯ ĐĂNG DUY

THUỞ ĐÀ LẠT VÀO THU

Về lại Đà Lạt mưa lênh bênh bóng nước
Mờ mịt hồ than thở với mùa thu
Đường đất lầy chôn lấp bước như mơ
Cao nguyên lạnh gió bạt ngàn ký ức

Rặng thông nồng mùi nhựa sôi ảo giác
Lững đỗi xa thăm thẳm cuối chân sương
Mimo chứa vàng thuở Đà Lạt chứa xuân
Thuở mùa thu bỏ đi trong nắng muộn

Trôi lạc loài phố duỗi nằm quên lãng
Một ánh nhìn treo vơi vợi lũng triền
Giấc mơ nào tan tác gió thảo nguyên
Mây bạc béo che kiếp đời vàng lá

Hình dung cũ theo chân đỗi thác đổ
Rừng núi xưa mất hút cốc tuyệt tình
Hàng thông rũ trút màu lá rừng rưng
Trời đất đành bỏ ta không dấu vết.

DƯ ĐẰNG DUY

TÔN NỮ MỸ HẠNH
LÃNG ĐĂNG MƯA XUÂN

Xôn xao nắng
Sáng nay theo em xuống phố
Tung tăng dấu hài xanh vui hoa cỏ ven đường
Môi em chín hồng thơm mùi táo đỏ
Chiếc nơ vàng lẳng đặng chút mùi hương
Ngực thanh tân phập phồng chạm ngõ
Uớp men nồng cho vị ngọt thêm say.

Cho em yêu hàng cây xanh lá biếc
Cho em yêu màu ngói xám rêu phong
Cho em yêu mùi rạ rơm cỏ nội hoa đồng
Dấu thời gian chạm vào lòng dâu bể
Vẫn trong veo xanh thắm sắc mây trời.

Lãng đăng giọt mưa xuân bay qua hè phố
Nhẹ như sương cài mềm trên tóc mượt
Em thềm có ai bắt chợt đến gần
Rồi ghẹo khẽ “Anh về yêu hoa cúc”*
Niềm hạnh phúc chắc ngời lên ánh mắt
Em thấy mình lạ quá phải không anh?

Lời tình si muôn đời là mật ngọt
Như lời ong cánh bướm thoảng bên tai
Ai sẽ cùng em đi hái lộc đêm nay
Trong hương trầm lất phất mưa ngày tết.

**ý thơ Nguyên Sa*

NIỆM KHÚC HOA VÀNG

Đêm qua trên đôi cỏ
Mơ thấy chuyện chúng mình
Mùa xuân về qua ngõ
Sắc hoa vàng lung linh.

Ký ức xanh thâm lặng
Tan trong sương ban mai
Ráng chiều bày nghi lễ
Nhật nỗi buồn tàn phai.

Sóng chòng chành đáy mắt
Ráng chiều đầy hân hoan
Chối non reo tí tách
Nở trên bờ môi ngoan

Muôn sắc màu lấp lánh
Giấu mình trong lá sen
Mềm môi ly rượu ngọt
Hương cốm tình lên men.

Ngày lang thang trong gió
Hát trên đôi cỏ non
Hoa vàng bay qua ngõ
Ai nhớ thời xuân xanh?

TÔN NỮ MỸ HẠNH

NGỰ THUYẾT MẸ VIỆT NAM

Những cuối tuần, hầu hết các lễ đường của thành phố náo nhiệt này đều đông nghẹt người đi như những đám rước lớn. Tôi đi theo cái dòng người đó. Không chủ đích, không mệt mỏi.

Như lá tre khô rụng nhiều vào mùa thu theo nhau trôi thành dòng trên trên con suối nhỏ. Lá tre khô hẹp bằng và dài trông như những con thuyền tí hon. Hay như một đàn bò rừng, đàn trâu rừng bỗng dừng, vì một kích động vu vơ nào đó, chạy loạn xuống một triền dốc dài trong một khoảnh rừng hoang. ào ào như thác đổ.

Hay như đám thường dân hoảng hốt chạy giặc, không một tắc sắt trong tay, sau lưng là chân trời đỏ lẩn tới dần, là tiếng gầm của đại pháo truy đuổi, trước mặt là con đường vô định. Ô hay, cái ám ảnh chiến tranh tưởng đã nằm yên thảnh thơi lại trỗi dậy.

Không, tất cả những cái lối ví von trên này đều lệch lạc, tôi nghĩ lại. Trên lễ đường còn có biết bao người đi ngược chiều, mỗi người mỗi dáng điệu, cho dù có khi đó là cái lễ của con đường một chiều dành cho xe chạy bên dưới.

Tôi tiếp tục đi. Và tiếp tục suy nghĩ vẩn vơ.

Hay như một đàn kiến nhé. Không phải đám kiến bu quanh con ruồi, con bọ nằm chết, hoặc miếng thịt, miếng cá vung vãi. Mà là dòng kiến dài ngoằn ngoèo, có con tha mồi về tổ, có con từ tổ ra đi tìm mồi. Nghĩa là đều có mục đích nhất định. Cho nên con nào cũng chăm chỉ, hăm hở, vội vàng. Và chạy cùng một tốc độ để khỏi cản trở nhau, chạy miên man. Thỉnh thoảng có những con chạy ngược chiều nhau bỗng đứng lại dùng cặp râu “hỏi han” nhau trong một khoảnh khắc rất ngắn, rồi lập tức ai đi đường nấy. Dường như chúng không biết mệt, không bao

giờ dừng chân nghỉ ngơi, cũng không tách khỏi đàn một mình bỏ đi nơi khác.

Thế thì đoàn người đông nghẹt trên đây cũng khác những đàn kiến. Người đi xuôi, kẻ đi ngược, người thông thả đứng lại nghỉ chân, kẻ rào bước bỏ lại sau lưng những đồng hành không quen biết. Lại có những người đi lẻ loi trong đám đông, hoặc những cặp tình nhân quàng tay vào nhau vừa đi vừa chuyện trò. Xã hội loài người vốn không đồng nhất, và lắm chuyện.

Ngang qua một chiếc hồ nhân tạo ngay bên lối đi, tôi quay mặt nhìn. Tiện thể xem đồng hồ tay. Còn sớm chán. Sớm cả hơn một tiếng đồng hồ trước giờ hẹn gặp nhóm bà con và vài người bạn cùng tham gia chuyến đi này.

Tôi tách đám đông, đứng lại. Hồ nước trong veo, cá kiểng nhiều loại, đỏ, vàng, xanh, tím, lội tung tăng. Giữa hồ không phải là hòn non bộ mà tôi từng thấy khi còn ở quê nhà với mấy cây tùng, cây bách bé nhỏ cảnh khảm khiu, lá xanh biếc, với hình cụ già làm bằng sành, bằng sứ, ngồi buông câu ngoảnh nhìn con thuyền con sắp về tới bến. Tĩnh lặng, nhàn nhã, và buồn buồn. Tây phương không có cái kiểu non bộ như thế. Giữa hồ, một tượng đài -- bức tượng chiến sĩ Hy Lạp thời cổ ngồi trên lưng con chiến mã cao lớn, áo giáp chên ôm lấy thân hình lực lưỡng, khuôn mặt cương nghị, quả cảm, thanh kiếm tuốt trần trong tay chìa ra đằng trước.

Chiếc hồ được bao quanh bằng dãy hàng rào thấp xây bằng bê tông kiên cố và đẹp mắt. Dăm ba ghế đá bên ngoài hàng rào.

Tôi đến ngồi xuống một ghế đá. Không phải vì đi mỏi chân, mà vì chợt nhận ra rằng tại sao phải mãi miết đi theo dòng người đó. Ngồi khá lâu, đầu óc trống rỗng. Tôi lại xem đồng hồ, rồi đứng dậy. Vừa quay người định lại nhập vào đám đông, bỗng một anh chàng đi “ván lướt” (skateboard) không biết từ đâu nghiêng mình chạy xẹt qua sát cạnh tôi nhanh như chớp. Tôi giật mình đánh thót nhảy tránh. Tên đó không thèm ngó ngang gì đến tôi, xẹt qua xẹt lại thêm mấy cái và nghiêng mình biến mất trong đám người đi đằng trước.

Tôi chỉ thoáng thấy cái dáng cao cao, mặc quần chên dài

quá gối, và mớ tóc vàng bay loà xoà. Nếu tôi không tránh kịp, tai nạn sẽ xảy ra chẳng? Tôi sẽ bị thương qua loa, cùng lắm là bị trầy trụa, còn cái tên bạt mạng đó chắc chắn sẽ té “loại giò”. Loại giò. Đáng đời. Tôi lẩm bẩm nói một mình như cái máy. Thật ra tôi không có ý xấu cầu yếu cho nó bị tai nạn. Trái lại mới đúng. Nó vụt đến, vụt đi, hai chân gấn trên cái ván lướt trông như một lưỡi gươm chém ngang vùng ký ức xa xôi của tôi và vô tình để lại một cái gì như một vết thương không đau đớn. Nó khuấy động nhẹ. Nó dẫn dắt tôi lần mò trở về với tôi ngày xưa.

“Loại giò”, hai tiếng ấy hiện lên trong trí tôi hết sức bất ngờ. Từ lâu tôi không hề nghe hoặc nói hai cái chữ đó. “Loại giò” theo phương ngữ xứ Huế có nghĩa là “cái cẳng bị gãy, nhưng không tách rời ra hẳn, vẫn dính vào phần còn lại nhờ lớp da bọc ngoài hay sợi gân bên trong. Nếu rời hẳn, sẽ gọi là đứt. Hai tiếng đó lại đưa cái liên tưởng của tôi đến một câu hát tôi tưởng đã quên hẳn: *Đi pa-tanh té loại một giò*.

Hồi đó tại quê nhà chưa thấy ai đi ván lướt. Một số thanh niên, thiếu nữ dân thành phố bắt đầu du nhập lối chơi đi pa-tanh (patin tiếng Pháp, hay *roller-skate* tiếng Anh). Đây cũng là lúc nhiều trận đánh lớn nhỏ bùng nổ tại nhiều vùng “xôi đậu” ở Miền Nam. Chiến tranh Việt Nam vốn dai dẳng, khi âm ỉ, lúc dữ dội, kéo dài như không bao giờ dứt.

Trước đây gần 20 năm, rồi 10 năm, binh lửa vẫn khi tắt khi cháy. Miền Bắc không muốn Miền Nam yên ổn. Ngay sau khi đất nước chia đôi theo Hiệp Định Genève ký ngày 21 tháng 7 năm 1954, Cộng Sản Miền Bắc không rút hết khỏi Miền Nam như đã ký kết, lén để lại nhiều cán binh chờ ngày cùng bộ đội Miền Bắc “tái ngộ”, rồi “tái chiến”, để cuối cùng “tái chiếm”.

Sau khi nền Đệ Nhất Cộng Hoà sụp đổ vào tháng 11/1963, Miền Nam lâm vào tình cảnh vô cùng rối loạn. Biểu tình liên miên. Lật đổ, đảo chính, chính lý. Cộng sản không bỏ lỡ cơ hội tốt. Ngọn lửa chiến tranh lại bùng cháy nhiều nơi từ vĩ tuyến 17 chia đôi đất nước cho đến những vùng xôi đậu xa xôi ở rừng núi Cao Nguyên hay tại đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Miền Nam rung chuyển.

Khoảng giữa năm 1964, *Trường Ca Mẹ Việt Nam* của

Phạm Duy ra đời:

Mẹ Việt Nam không son không phấn
Mẹ Việt Nam chân lấm tay bùn
Mẹ Việt Nam không mang nhung gấm
Mẹ Việt Nam mang tấm nâu sống

Mẹ suốt đời gian khổ nuôi đàn con mong chúng nên người. Nhưng chúng nổi cơn sân si, không vâng lời Mẹ. Chúng không thương nhau, rồi ghét nhau, rồi hung hăng lao vào cuộc chém giết huynh đệ tương tàn. Tất nhiên chúng phải xa lìa nhau như những dòng sông ngăn cách. Cuối cùng mẹ làm biến cả đón được tất cả các con cùng về.

Mẹ Việt Nam quả là tiếng nói tha thiết, nào nùng. Nó có giá trị như một liều thuốc an thần cho một số người. Nó khiến cho những người ấy, tất nhiên người Miền Nam vì bài hát không được phổ biến tại Miền Bắc, xúc động và tin tưởng rằng đàn con sẽ một ngày nào đó hồi tâm lại, thương lấy nhau. Không bị lôi cuốn bởi những thế lực ngoại lai hăm he tàn phá quê hương mình. Không làm đau lòng mẹ nữa. Sẽ cùng nhau xây dựng tổ quốc thành một “*đất nước sáng ngời*”, một ngọn “*lửa thiêng soi toàn thế giới*” như được diễn tả trong phần Chung Khúc của bản trường ca.

Vàng chiến tranh vẫn leo thang. Người ta say máu ngà giết nhau. Và mỗi phe đều có cường quốc Đồng Minh yểm trợ khí tài, đạn dược. Và giết đây. Ngoài những cuộc đụng độ tại những vùng xôi đậu, là những trận đánh lớn: Trận Ấp Bắc, Mỹ Tho đầu năm 1963; trận Đồng Xoài, Phước Long giữa năm 1965; trận Hạ Lào đầu năm 1971.

Càng về sau, đánh nhau càng dữ dội. Năm 1972. Chiến tranh ác liệt bùng nổ trong suốt một mùa hè: Mùa Hè Đỏ Lửa. Tháng Ba tại Đất Tò - Tân Cảnh, Kontum; Tháng Tư tại An Lộc, Bình Long; Tháng Bảy Miền Nam tái chiếm Cổ Thành, Quảng Trị.

Số thương vong của chiến tranh Việt Nam tổng kết đã lên đến cả hàng triệu người, chưa kể đến thường dân nằm giữa

các lần đạn. Có những tiểu đoàn thiện chiến Miền Nam với quân số khoảng 500 người trong một tiểu đoàn, sau nhiều trận đánh, chỉ còn lại mười người cũ. Tuyệt đại đa số đã hy sinh vì tổ quốc. Số tử trận của bộ đội Miền Bắc càng ghê rợn. Nội trong chiến dịch Tết Mậu Thân, có đơn vị tung ra 2000 người, sau một đêm, còn sống sót có 30¹.

Máu đã đổ quá nhiều, đánh nhau quá lâu, gia đình nào cũng có người nằm xuống. Cho nên khi Hiệp Định Paris ra đời đầu năm 1973 với mục đích khép lại những trang sử đẫm máu, và mang lại hoà bình thật sự, có người đã vô cùng hân hoan, vui mừng, sung sướng. Bài ca *Hoa Cài Mái Tóc* của Thông Đạt (Văn Giảng) liền góp mặt ngay sau khi có tin tức về Hiệp Định. Dưới đây là bốn câu đầu của khúc hoan ca:

Mẹ Việt Nam mắt ngời sáng quắc
Nghe đâu đây tiếng vọng hoà bình
Lệ mừng nhòa đôi mắt long lanh
Nghe tin con vẫn còn ngày xanh

Lời ca nghe mà cảm động đến tận lòng, nếu không muốn nói là náo nức. Tại sao? Hoà bình đến rồi. Mẹ vui. Con còn sống. Vậy tại sao náo nức? Còn sợ sệt cái gì, buồn khổ về chuyện gì, nghi ngại điều gì? Trong sâu xa, người ta, số này rất đông, đã mất lòng tin, vì đã “mừng hụt” nhiều lần rồi. “Nghe đâu đây tiếng vọng” từ Paris rằng kết thúc của mọi cuộc chiến luôn luôn phải là một giải pháp chính trị. Liệu câu phát ngôn đó có thích ứng với trường hợp chiến tranh Việt Nam hay không? Không, không phải như vậy đâu. Có những kết thúc đau đớn.

Quả nhiên hai bên lâm chiến không cần chờ Hiệp Định ráo mực, lại nổ súng, “giành sân lẫn đất”. Ai nổ súng trước? Ai vi phạm hiệp ước? Người ta đổ lỗi cho nhau. Máu lại đổ. Xương lại rơi. Đồng Minh của Miền Nam, vì sốt ruột, mệt mỏi, hay vì một lý do nào đó, bỏ rơi người bạn cùng chiến đấu hơn mười năm. Không được Đồng Minh viện trợ, không được tiếp tế vũ khí, đạn dược như đã hứa, Miền Nam mất máu dần và gục ngã. Ôi! Tháng Tư, 1975!

Khi Miền Nam thất thủ, đất nước gom về một mối, bài hát *Mùa Xuân Đầu Tiên* của Văn Cao ra đời đầu năm 1976. Đây là một ngạc nhiên lớn đối với người thưởng ngoạn, không những vì bài hát cũng là một tác phẩm tuyệt vời như những bài hát trước đây của thiên tài âm nhạc đó, mà còn vì nó được ra đời sau một thời gian rất dài tác giả im hơi lặng tiếng. Hơn nữa, đó là bài hát cuối cùng của Văn Cao. Muốn bày tỏ nỗi vui mừng lễ ra nó phải hồn nhiên, phơi phới trong lời ca, trong giai điệu, trái lại nó toát ra một cái gì nghe ngậm ngùi, hiu hắt :

Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về
Người mẹ nhìn đàn con nay đã về
Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên
Nước mắt trên vai anh, giọt sương ẩm đôi vai anh
Niềm vui phút giây đang long lạnh ...

Lòng mẹ đang khắc khoải. Tại sao "*mùa xuân đầu tiên*" như nhan đề bài hát? Tại sao "*Mùa xuân mơ ước ấy xưa có về đâu*" như trong đoạn thứ hai? Tác giả nhắc lại điều đó - trước kia không hề có mùa xuân. Bài ca này đã bị nhà cầm quyền cấm phổ biến trên 20 năm. Mãi đến năm 2000, cái lệnh cấm buồn cười đó mới được giải toả. Lúc ấy Văn Cao đã qua đời.

Hãy trở lại với thời gian trước 1975. Hiệp Định Paris 1973 ký kết vừa xong thì con quái vật chiến tranh lại lù lù tiến tới và hung tợn hơn bao giờ hết. Người ta tuyệt vọng. Trong tuyệt vọng, người ta đâm ra lì lợm, mĩa mai, chua chát, cay đắng. Những câu hát nhại bài Hoa Cài Mái Tóc được lớp người trẻ tuổi hát vang lên trên những đường phố Sài Gòn dạo đó. Nghe sao mà xốn xang!

Hát nhại thường có tính cách bông đùa, cười cợt, hài hước, vô tư. Nó diễn tả một hoàn cảnh khác hẳn, và thường chỉ lấy điệu nhạc và vài ba chữ có thể dùng được của bản gốc. Tóm lại, nó vô thưởng vô phạt. Chẳng hạn mấy câu trong bài hát Tình Nhớ của Trịnh Công Sơn:

Tình ngỡ đã quên đi
Như lòng cố lạnh lùng
Người ngỡ đã xa xăm
Bỗng về quá thênh thang

được nhại thành:

Mình ngỡ nó đôi J
Ai ngỡ nó đôi xì
Mình ngỡ nó hai đôi
Ai ngỡ nó ba cây²

Cũng vậy, hai câu trong bài *Gạo Trắng Trăng Thanh* của Hoàng Thi Thơ:

Ai đang đi trên bờ đê tai lắng nghe muôn câu hò đê mê
Vô đây em dù trời khuya anh nhớ đưa em về.

được đổi thành:

Ai đang đi trên cầu Bông rơi xuống sông ướt cái quần
ny-lông
Vô đây em chờ quần khô anh sẽ đưa em về.

Bốn câu nhại bài hát *Hoa Cài Mái Tóc* thoát nghe cũng mang tính cười cợt, bông đùa. Chữ dùng ngộ nghĩnh, bình dân, hình ảnh rời rạc không ăn nhập đầu vào đầu, và dường như không muốn nói lên điều gì cả. Mẹ thì mắt lồi mắt lé, lại ham chơi pa-tanh đến té loại một giò. Còn lại một giò tất nhiên phải chống gậy mà đi. Đi đâu? Đi buôn bánh ú. Và cuối cùng nghe tin con tử trận.

Nếu Mẹ Việt Nam là những đấng anh thư uy nghi lắm liệt như Bà Trưng, Bà Triệu, cuời đầu voi dữ, cầm quân chống giặc Tàu xâm lăng, thì cũng có những người mẹ lam lũ “không son, không phấn, chân lấm tay bùn” quanh năm lo việc đồng áng để nuôi đàn con. Hay khốn khổ hơn nữa, có người mẹ phải cùng

cha bơi thuyền ra giữa dòng nước lũ vớt cây cối từ rừng núi trôi về trong mùa lụt làm củi mang đi bán kiếm thêm chút tiền vì nhà nghèo, ba đứa con còn bé bỏng sống trong thiếu thốn cùng cực. Không may thuyền bị lật, mẹ phải vịn vào cha cố bơi vào bờ. Cha đuối sức dần. Mẹ nghĩ đến đàn con, buông tay ra không vịn nữa và chìm sâu dưới làn nước oan nghiệt, để cha còn có sức một mình bơi vào bờ có mấy đứa con đang chờ. Ai mà không xúc động trước cái gương hy sinh ấy.

Vậy so với những hình ảnh cao quý của Mẹ Việt Nam đã in sâu vào tâm hồn chúng ta từ trước đến giờ, bà mẹ “mất lời mất lẽ” hẳn là loại người thấp hèn nhất.

Và cái chi tiết “đi pa-tanh té loại một giò” càng khiến cho có người nghĩ đến hạng “me Tây”, “me Mỹ” lơ lửng. Thật ra, người miền Nam, trong đó có phái nữ, rất thoải mái trong việc du nhập một nếp sinh hoạt nào đó từ nước ngoài. Từ đó liệu có thể bảo rằng họ dễ bị mất gốc, lai căng? Nhưng bình tâm mà xét, bất cứ một sinh hoạt ngoại lai nào mà thích hợp với số đông dân chúng và chịu đựng được thử thách của thời gian, thì dần dần nó sẽ trở thành nếp sống quen thuộc đáng được trân trọng. Nếu không, nó sẽ bị đào thải không chóng thì chầy.

Thử nhìn lại chính mình với mái tóc ngắn, chiếc áo sơ-mi, cái quần *jeans*. Hay trong những dịp lễ nghi long trọng, bộ đồ com-lê, cà-vạt, và giày bóng loáng. Tất cả đều từ Âu, Mỹ tràn sang nước ta. Và cả thế giới nữa.

Cho nên trong một thời điểm nào đó, phụ nữ ta thích đi pa-tanh. Cũng là điều dễ hiểu và dễ thông cảm. Nhưng nay đường phố Sài Gòn đông nghẹt, không thể đi pa-tanh được nữa. Thì thôi, không đi pa-tanh nữa, tìm thú vui khác.

Đầu thế kỷ trước, môn bóng đá chỉ dành cho phái Nam kể cả tại những nước phương Tây. Thế nhưng đội bóng đá nữ đầu tiên của Việt Nam, và của cả Châu Á, là đội Cái Vồn, thuộc tỉnh Vĩnh Long, ra đời vào năm 1933. Nay, năm 2022, vừa có tin đội bóng đá nữ của Việt Nam được lọt vào vòng chung kết giải Bóng Đá Nữ Thế Giới. Vậy cũng không nên trách cứ việc mẹ đi pa-tanh hồi đó.

Ta còn biết gì thêm về bà mẹ này?

Không thấy nhắc nhở đến Cha. Chiến tranh kéo dài và ác liệt, cho nên chắc hẳn Cha đã tử trận. Và có lẽ Mẹ còn có mấy đứa con còn nhỏ cần được nuôi nấng trù trưởng con trai lớn đi lính. Vì vậy Mẹ dù tật nguyên vì bom đạn khiến “mắt lồi mắt lé”, lại “đi pa-tanh té loại một giò”, cũng phải rán sức chống gậy đi buôn bán lật vật nuôi con. Thì được tin thằng con trai chết trận.

Nỗi thống khổ ấy đã lên đến cùng cực. Đây là người Mẹ Việt Nam rất điển hình của mấy năm trước khi Miền Nam thất trận.

Nào, đây là tiếng hát nhại tưởng như tiếng cười gằn, hằn học, mỉa mai. Nhưng hãy lắng nghe. Đây là tiếng đau thương, bi thiết, tuyệt vọng:

Mẹ Việt Nam mắt lồi mắt lé
Đi pa-tanh té loại một giò
Còn một giò đi buôn bánh ú
Nghe tin con chết trận miền Đông.

NGŨ THUYẾT

22022022

¹ Ai? Tôi! của Chế Lan Viên
Mậu Thân 2000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống sót có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2000 người đó?

² Trong bài xì phé, đôi xì thắng đôi J, ba cây thắng hai đôi.

³ Trong trường ca Mẹ Việt Nam của Phạm Duy, một trong những hình ảnh Mẹ lấy từ truyện ngắn Anh Phải Sống của Khải Hưng.

NGUYỄN LƯƠNG BA
vành xe lăn trên đường

La conscience est toujours conscience de quelque chose
(Edmund Husserl)
(Ý thức bao giờ cũng là ý thức cái gì)

Mùa đông dừng lại cho mùa
xuân đếm những tờ lịch ngày
tháng về những ngày chợt bùng
nắng trút dần của những ngày

lại nhớ vết thương đợi một
người hẹn đến không sửa soạn
một sớm kẻ ở thành phố
những người bước xuống nước nở

như thương lấy nhau không hẹn
chưa một lần nào viết trọn
bài thơ của những thừa hẹn
hò chớm đau tim tháng ngày

rực cháy ước ao một mình
như thương lấy nhau thôi còn
chi vành xe lăn đèn khuya
lạnh lẽo thăm thăm bộ hành

có đi có về ôi tiếng
nấc tiếng ôm tiếng trao chiếc
xe hụ còi réo dài về
đâu tối đen hồn lịm ngắt

nghe buồn vành xe lăn đèn
khuya xin nhắc nhớ mà thấy
trắng đêm nhớ nhung từ biệt
thành phố chở đầy phiền muộn

lắc lư giọt lệ lắc lư
những giọt lệ gấp gáp ngày
tháng dịch bệnh hơi thở tìm
nhau xa cách nhau chẳng còn

hay chẳng còn bao giờ gặp
hēm cụt lim dim đêm giới
nghiêm “ *ôi saigon saigon*
giờ giới nghiêm “ mà tình yêu

có bao giờ ai hỏi vì nói
không hết tình yêu chưa bao
giờ dài xa tận cùng ước
hẹn những tháng ngày ly biệt

nếu có đi về anh sẽ gửi
bình an sẽ gửi trên đường
tháng năm những mầm vui những
mầm vui cuộc đời vẫn gọi .

NGUYỄN LƯƠNG BA
02.22.2022

PHAN CÔNG QUAN
CĂN NHÀ

Tôi hỏi đàn chim non
Nhà của con là gì
Những đôi cánh yếu ớt rù rì
Là những cộng rơm mẹ tha đi xây tổ

Vậy đàn ong, nhà là gì hở
Chúng đậu vào bông hoa đang nở vo ve
Hút mật xong lặng lẽ quay về
Xây chỗ ở bằng những be nhựa phấn

Lại hỏi con bướm trắng
Nhà em dựng thế nào
Đôi cánh chập chờn bay thấp, bay cao
Quanh cái kén nhỏ dấu sau cộng lá

Tôi cũng hỏi đàn cá,
Nhà chúng nó ở đâu?
Chúng nổi đuôi kẻ trước người sau
Rồi im im cùng nhau lặn mất

Chúng ta cùng chung nơi duy nhất
Trong vũ trụ bao la, mỗi quả đất tròn này
Hãy giữ gìn và đừng để mất
Căn nhà chung, chẳng thật riêng ai

Sydney ngày 05.05.2021
Phan Công Quan

Miệt Mai

Miệt mài có giống như gai nhọn?
Cứng sắc riêng mình chẳng chịu ai
Không thể uốn cong theo lựa chọn
Dù biết rằng tình sẽ lạt phai

Miệt mài có phải như dòng suối?
Chảy trường thiên đến đá cũng mòn
Chỉ cho đi không hề tiếc nuối
Ngàn năm vẫn vậy, tấm lòng son

Miệt mài có tròn như mặt nguyệt
Giữa trời treo tuyệt tác thiên nhiên
Mấy độ trăng rằm xong lại khuyết
Giữa đêm một nguồn sáng dịu hiền

Miệt mài là chút duyên thâm lặng
Của đất trời riêng tặng thi nhân
Đời lúc ngọt ngào, khi mật đắng
Thơ mãi là hoa giữa phong trần

Sydney 07.03.2021

PHAN CÔNG QUAN

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYỂN

sơn nữ

Nhờ Covid, phải tránh chỗ đông người, phi trường Tây, phi trường Ta đóng cửa suốt lượt, tôi có dịp khám phá núi sông gần nơi mình ở.

Rì mọ máy tính máy téo mới hay rằng cách mình chừng một hai giờ lái xe lại có những nông trại, những khu rừng hoang bạt ngàn.

Nói hoang cũng không hẳn. Đất này, rừng này của các cụ đã về hưu, muốn chia sẻ với mọi người đời sống thiên nhiên.

Thích lắm nha. Xe vừa trờ đến đã thấy mấy chú Kangaroo thẳng lưng, mở mắt to, lỗ tai dựng đứng nghe ngóng, mồm nhồm nhoàm miếng cỏ xanh ngắt. Chủ đất bảo xung quanh có chừng năm mươi con Chuột Túi, thỉnh thoảng Nai đến chơi, toàn những loài thú hiền lành. Đặc biệt, Vắt sinh sôi nảy nở ở trại khá nhiều “ Nếu nó bám vào chân, quý vị chỉ cần gỡ ra, dùng hai ngón tay se se rồi vứt đi.” Bà chủ trại dặn.

Trong hai ngày lang thang, phu quân của tôi bị Vắt cắn ba lần. Ngài se se con Vắt như lời dặn rồi ném ra xa. Nó mà bám lên người tôi chắc tôi hét thủng tám tầng mây, rồi thôi, không đến nỗi bỏ cuộc vui giữa chừng. Mấy bà bạn, bị Vắt làm thịt, thể độc, không bao giờ đi bụi nữa. Khả khả.

SƠN NỮ THỨ NHẤT

Sáng tinh mơ. Chim kêu bầy lích chích. Gió rì rào đầu ngọn cây. Cỏ non lú rú xanh, ướt đầm sương mai. Sáu bảy chú Wallaby thản nhiên cúi đầu ăn uống, chuyện trò, chú khác nhảy tưng tưng tập thể dục, hai con nữa châu mõm thì thảo, mắt hướng về phía vợ chồng tôi “ Ông bà ngoại không thích ở nhà gạch, về quê cắm lều vải chơi chung với tụi mình từ hôm qua đó.”

Ăn uống no say xong, chúng tôi xỏ giày, đội nón, bôi kem chống nắng và bắt đầu chuyến thám hiểm. Đường vòng vèo, lồi lõm, dẫn vào một căn nhà tuềnh toàng, xác chiếc xe hơi cũ rích, rỉ sét, nằm chổng trơ một góc vườn. Năm sáu con gà chạy quanh vòng rào rộng, kêu cục cục.

Chả có gì đặc biệt. Chúng tôi lon ton quay ra thì thấy một bà cụ từ trong nhà bước tới, mắt đăm đăm, dọ hỏi.

Mình đã ngắm cảnh xong, chỉ muốn về nên đưa tay vẫy từ biệt. Bà cụ tiến đến, vẻ như chặn chúng tôi lại, lên tiếng:

Đây là tư gia của tôi. Sao anh chị vào mà không xin phép?

Má ơi, nhà không hàng rào, không cửa nẻo, đường mòn dẫn đi tới đâu thì mình đi đến đó, rừng núi mà, cho ba lạng vàng cũng không dám xâm nhập gia cư bất hợp pháp... Chúng tôi xin lỗi rồi rít, bảo mới đến lần đầu, không biết ất giáp, chúng tôi cắm trại đằng kia, đang tìm hiểu núi non sông nước...

Tôi ở đây một mình. Người lạ vào nhà làm tôi e ngại – Bà nghiêm giọng.

Chúng tôi vô ý thật mà. Sao bà không treo bảng “ Private property” hay làm một cái cổng để mọi người biết mà né? “Xã” hỏi.

Tại sao tôi phải làm? Tôi tám mươi bảy tuổi, sống ở đây lâu lắm rồi.

Trời hè, bà đội nón rộng vành, mặc đầm vải, dài quá gối, chân mang đôi ủng cao su đen, tay xách xô nước to.

Vợ chồng tôi há hốc mồm. Cụ bà tám mươi bảy tuổi, sao mạnh khỏe, nhanh nhẹn đến thế? Thấy chúng tôi đi từ ngạc nhiên đến khâm phục sức vóc và sự minh mẫn của cụ, cụ vui vẻ, cười mở hơn.

Tôi vẫn đi làm ngày tám tiếng, sáu ngày trong tuần, chỉ nghỉ Chủ Nhật. Được sĩ, Essential worker nên suốt thời kỳ Covid đến giờ tôi vẫn làm việc đều đặn.

Bà đi làm bằng gì?

Lái xe. Một tiếng đồng hồ.

Trời đất ! Mình đây còn tính nghỉ hưu, gối mỏi, lưng đau, rút quân, bãi chiến cho rồi. Nghe cụ nói, mắt sáng bùng, nụ cười hiền hòa, xấu hổ cho mình quá.

Anh chị xem, bụi Tre này tôi trồng, mấy con Công này tôi nuôi...

Bà nuôi Công?

Ừ, anh chị có muốn cho Công ăn không?

Chuyện, có mơ cũng không thấy nổi. Vợ chồng hí hửng chạy theo bà. Dùng chữ chạy là chính xác. Bà đi nhanh thoăn thoắt, miệng í ới:

Gorgeous ! Gorgeous!

Tay bà thọc vào xô đựng thức ăn. Bốn con Công từ xa nghe tiếng, “ót ót” trả lời, tranh nhau chạy đến mổ vào tay bà. Nó nghe được tiếng người thân. Nó nhận ra tên mình là “Gorgeous”. Nó biết đã đến giờ ăn....Kỳ diệu !

Tôi vốc một nắm hạt kê, nhẹ nhẹ đi sau lưng cụ nhưng mấy chú Công thấy người lạ, lảng ra xa làm tôi chụp hụt mấy bô hình. Quê!

Công bà nuôi từ lúc chúng còn nhỏ. Vườn tược mênh mông hà địa, bà tự tay dọn dẹp, trồng trọt. Bà cắt cỏ bằng máy cầm tay, không phải chiếc xe đẩy vì bà không giật dây cho máy nổ được. Bà thường men theo đường mòn leo núi cho chân căng dẻo dai. Nhìn lại mình sao nhũn như con chi chi thế.

Sáng hôm sau, bà gọi điện thoại cho chủ trại nơi tôi tá túc, nhắc chúng tôi tới xem vị khách đặc biệt không mời mà đến.

Chúng tôi hăm hở sửa soạn bị gây, lòng mừng rỡ khi bà đã coi chúng tôi như những người bạn.

Con Trần bò vào chuồng Gà của tôi. Muốn xem hông?

Tôi vừa hào hứng, vừa sợ. Bà trấn an “Trần hiền lắm, chả tấn công ai đâu. Nó viếng nhà tôi mấy lần, tôi bắt nó bỏ vào thùng rác, chớ ra xa xa rồi thả đi. Vậy mà nó quay lại hoài.”

Bà mở cửa chuồng, dẫn chúng tôi vào trong. Trần dài chừng hai thước cuộn quanh ổ Gà mái, đầu ngóc cao, thè lưỡi. Ai bảo Trần không tấn công? Nó từng xiết gãy xương con mồi đấy thôi, lại còn nuốt chửng Chuột Bọ, Gà què....Vậy mà người đàn bà nhỏ bé ấy dám sờ đầu và thân con vật loang lổ màu vàng đen.

Bà đã là bạn của núi rừng, muông thú.

SƠN NỮ THỨ HAI

Quanh co mấy ngõ, đường dốc, ổ Voi ổ gà lỗ chỗ, xe chạy

thiếu điều giáng lốc máy xuống đất. Đi một đôi, chắn ngang đầu xe là cái cổng sắt trắng, dày cui, rỉ sét, dây xích móc ổ khóa to bằng cườm tay. Xung quanh vắng lặng, không nhà, không người để hỏi han.

Đọc kỹ hướng dẫn trong email, tôi cuốc bộ vòng qua cổng, sâu vào trong, thấy hộp First Aid gắn đằng sau gốc cây. Mở hộp, ở ngăn phía trên, sát góc có để chiếc chìa khóa bạc.

Tôi và phu quân hí hửng mở khóa, kéo cái cổng nặng trịch sang một bên, cho xe lù ù tiến vào.

Giữa đám cây cối um tùm, xuất hiện một phụ nữ trung niên, mảnh mai, tóc dợn vàng, dài quá vai, quần lính kaki xanh, áo thun cộc tay, nón vải. Chủ đất đó. Bà nở nụ cười thân thiện, dẫn dắt lều chỗ này hay chỗ khác cũng được, hôm nay chỉ có mình anh chị đến thăm rừng, toilet chỗ kia, vòi nước chỗ nọ... Cứ lần theo con dốc đó... đó...chừng bốn cây số là tới chỗ tôi ở, nếu quý vị muốn ghé chơi...

Bà chỉ một hơi đầu là suối, đầu có đập nước, sông...Mình nghe ba sồn bốn sức rồi tập trung dựng lều, nấu ăn, nghỉ ngơi lấy sức.

Hôm sau, vợ chồng leo núi thám hiểm. Đường quanh khúc co, nơi hẹp té vẫn có dấu bánh xe lăn qua. Ngoài bà chủ rừng, còn ai lái xe đến đây nhỉ? Vết bánh xe lún sâu hoắm, nếu xe kẹt trong bùn, ai cứu ? Gai, cỏ chắn lối rậm rịt, thỉnh thoảng lại thấy mấy thân cây đổ ngang, một phần nằm bên vách núi, phần còn lại có vết cưa, được kéo qua bên kia đường. Ai cưa, ai kéo ? Sau, nhận được câu trả lời “Còn ai trồng khoai đất này”.

Chúng tôi lợi bộ xuống dốc mà thở hồng hộc, mồ hôi thánh thót, tay bấu chặt cây gậy dò đường khi giẫm trên đá cục đá hòn, qua những khúc trơn trượt.

Lùng sục gần ba tiếng đồng hồ thì chủ mới nhìn thấy một cái chòi, hy vọng đã đến nhà bà.

Nghe tiếng gọi, chủ trại ló đầu chào hỏi, giới thiệu cho xem mảnh vườn độ 5m X 7m X 2m mái vòm, xà sắt, lợp miếng nhựa kiểu như nhà kính, trồng hoa lá, trà, rau...Khách ngạc nhiên, sao mình bà có thể dựng căn nhà kính này, bà bảo một người bạn đã đến phụ. Hai người, bà là một, có thể lắp ráp, co

kéo mấy cây đà sắt ? Tôi thè lưới, mắt tròn vo. Chòi là cái kho, bà để mấy móc, dụng cụ.

Xếp dài theo sân là những thùng nước 1m X 1m X 1m tức là nặng cả tấn. Hỏi làm cách nào bà lôi mấy thùng nước về? Bà khoát tay, mua nước miễn đồng bằng, dùng máy cầu kéo lên, hai chỗ khách khứa thường đến cắm lều, dựng trại, bà sẽ điều khiển cho máy cầu hạ thùng nước ngay ngắn trên bệ gỗ.

Giữa sân có một núi sắt vụn, cong queo, khách nhếch mày thắc mắc, bà gật gù, mắt xa xăm :

Nhà tôi đó, bị lửa thiêu hồi cháy rừng ba năm trước. Đi xa thêm chút nữa, quý vị sẽ thấy xác mấy cái xe hơi của tôi trong trận cháy, cả cái studio làm phim năm ấy cũng thành tro. Xe bus sống sót, tôi cải tạo thành nhà ở đến giờ.

Bà mời chúng tôi vô xem “nhà bus” : bếp, chỗ làm việc, giường ngủ, vài cái tủ...Đơn giản đến mức không thể đơn giản hơn.

Bà là người Tân Tây Lan, nhận được việc làm ở Úc, từng học Triết, thuốc Nam và hiện đang theo lớp Kiến Trúc. Bà đơn thân độc mã giữa bốn trăm hai mươi hecta núi đồi, sông suối. Tôi hỏi bà có buồn không, internet nối kết tôi với bạn bè nên ok, bà nói, thỉnh thoảng con gái cũng ghé chơi. Với lại tôi có con mèo sống chung đã hai mươi hai năm làm người thân. Bữa trước tưởng nó chết. Bác sĩ bảo nó già quá rồi, phải chuẩn bị tinh thần, tôi khóc suốt, đem thuốc phiện cho nó uống, thế là nó sống đến giờ. Tôi còn nuôi bảy Ong lấy mật. Khi bà Hỏa hoành hành, nhà, xe cháy hết vậy mà tổ Ong vẫn còn, lạ chưa? Đúng là Trời định nên tôi quý nó lắm. Tan cơn, về nhà, ngày nào tôi cũng để chậu nước và rau cỏ ngoài sân cho mấy con thú sống sót đến ăn. Chúng tôi đông lắm: Nhím, Kangaroo, Nai, Wombat...

Theo ngón tay bà chỉ, chúng tôi men theo đường mòn xuống suối chơi. Đáy nước rong rêu phủ kín, trơn trượt, cá con lặn tẩn nhảy nhót. Suối reo vui trong nắng ấm, dòng cạn ướt, mát rượi làm tôi nhớ đến bài hát của ông cụ:

“ Ta vui chơi một ngày bên dòng suối tiên”

“ Khi sương mai vẫn còn trên cành lưu luyến”

“ Em như hoa tươi mềm cười trong nắng lên”

“ Suối rách rách tuôn nhạc mừng em soi mình”

Hơn ba mươi năm trước bố đã nhìn thấy hình ảnh con gái bơi đùa trong suối mát, ngộ chưa?

Suối hôm ấy dành riêng cho ta và chàng, không ai khuấy động, không ai dòm ngó để mình phải e dè. Có gì đó rất lạ khi được sở hữu một vùng thiên nhiên hoang sơ, trong chốc lát. Dòng suối ấy thuộc về bà mãi mãi. Bà cảm thấy thế nào khi một mình đắm người trong rong rêu, nước lạnh với núi rừng hùng vĩ bao quanh?

Bà mất đúng mười bảy phút để leo đèo từ suối về nhà. Còn chúng tôi, vừa đi vừa nghỉ (không nghỉ thì nghèo) mất gần hai tiếng, phục năng thật !

Nhóm tôi và phu quân thở phì phò, đứt hơi, bà đề nghị sẽ lấy xe chở cả hai về trại, chúng tôi mừng hết lớn. Chiều xuống chạng vạng, trèo bốn cây số núi non nữa chắc vợ chồng chỉ còn bộ xương.

Bà xài loại xe cam nhông nhỏ, cũ kỹ, rỉ sét, không cửa kiếng chắn, chắc đã được độ lại để chạy cho hợp với địa hình. Tôi ngồi cạnh tay lái, nắm chắc thanh vịn phía trước để mỗi lần xe phóng qua ổ gà hay đâm vào hầm hố, mình không đập đầu vào vật cứng, khỏi té nhào. Ông xã ngồi thùng mui trần phía sau, ôm cứng xà ngang. Thỉnh thoảng bà ngừng xe để tôi kiểm tra xem phu quân còn sống không. Hi hi. Máy nổ phành phạch, gầm gừ, xe lạng bên này, đổ bên kia. Bà cố ý để bánh xe lọt vào dấu vết cũ dù sâu hoắm – có lẽ đó là phần dễ đi nhất - mô đất giữa hai bánh xe nhô cao, cỏ cây bùm xum cạ vào bụng máy kêu rào rào. Thấy tôi căng thẳng, bà kể đã từng chạy 300km/h (đương nhiên không phải đường rừng) mấy hẻm hóc như vậy, ăn thua gì, ớn!

Điều gì đã khiến người phụ nữ mới ngoài năm mươi này bỏ hết đời sống văn minh, giường êm đệm ấm, bỏ cả tiếng nói, lặng lẽ cuộc cuộc, đào đào từ năm này qua tháng nọ, lủi thủi một mình giữa rừng già im vắng, gánh gồng chuyện cửa xẻ, cầu vật nặng hàng tấn như đàn ông?

Dường như trong đáy mắt sơn nữ có chút sương mù...

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN

THUẬN TÌNH tà áo tím

Tà áo thuốt tha lỏng lộng trong chiều hoang
Nhộm tím hoàng hôn và nhộm tím tôi
Em qua miền gió cát cửa Đại biển Hội An
Bước chân tôi đồng lõa với lòng níu lại

Dạ bốn chồn nao nao đến lạ...
Em quyến rũ điệu đàn đến kiêu sa
Hồn tôi la đà theo mây trắng bay bay
Muốn được làm ngọn gió đưa em về miền cổ tích

Tiếng vi vu hàng dương sóng biển bỗng trầm
Con chim sơn ca cất tiếng gọi bình minh
Cám ơn đời cho tôi giấc mộng đẹp trong đời thực
Cám ơn em tôi bỗng hóa đại khờ

Ngày xưa bắt chuồng chuồng cắn rồn
Vì tôi thích bơi ra biển lộng tặn mù khơi
Nay muốn làm chú bướm đậu vào mái tóc
Để em duyên dáng điệu đàn kiêu sa!

Tà áo tung bay chập chờn hư thực theo gót hài ngàn dặm
Đốn trái tim tôi loạn nhịp đến điên khùng
Cầu cửa Đại bỗng thành nhịp Ô Thước
Quê nghèo Nổi Rang, Bàn Thạch phút chốc hóa thiên đường
Quê hương là em và em là quê hương
Hòa quyện nhau hình bóng một con người
Thực hư huyền ảo giao thoa màu tím tím biếc
Tôi khư khư ôm chặt vào lòng đến khi nào hết thở...

Hội An ngày tôi về
23 tháng chạp âm lịch 2022

THUẬN TÌNH

HUỲNH VIẾT TƯ

Mùa hoa tam giác mạch ở xã Đại Hưng



Như là một duyên lành đầu năm, mồng Sáu tết Nhâm Dần này, tôi đến các xã vùng cao huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, để thăm lại những người bạn xưa cũ, nơi trước đây, sau những trận lũ lớn, chúng tôi đến để cứu trợ đồng bào và các em học sinh gặp khó khăn hay tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ cùng bà con ăn tết vui vẻ. Thường thì hay kết hợp với thầy Đồng Nhân ở chùa Hà Tân xã Đại Lãnh. Những người bạn giáo viên đưa tôi đến thôn Thái Chấn Sơn, xã Đại Hưng thăm nhà vườn anh Trà Quang Độ, một thầy giáo đã nghỉ hưu. Bất chợt, chúng tôi nhìn vào khoảng đất rộng phía trước, nơi chọn làm khu văn hóa xã, có những vật hoa tam giác mạch, rộm vàng, lung linh màu nắng sớm mai đầu xuân.

Anh Độ kể: Cách nay đã qua ba mùa xuân, có người chị bà con đi du lịch ở Hà Giang về, vì thấy loài hoa này rất đẹp nên mang một ít hạt, bằng nửa ly cà phê về, biết anh là người yêu thích chăm trồng các loài hoa cây cảnh nên tặng anh. Năm đầu tiên, anh gieo chừng một luống nhỏ trước nhà, bạn bè đến chơi thấy đẹp check-in, chụp nhiều ảnh đăng feabook làm kỷ niệm.

Đến năm thứ hai, anh lấy giống và mở rộng thành hai luống. Đến năm thứ ba, thấy khu văn hóa phía trước nhà có đất bỏ trống, anh cho xe xúc ủi, san bằng chỉ để phát triển loài hoa anh yêu thích, thay vì trồng đậu phộng lợi hơn. Hoa tam giác mạch có nhiều màu, trắng, hồng, tím... Người dân ở đây cho biết. Hoa tam giác mạch xuất hiện từ lâu, có hai loại: một để trồng lấy hoa thì năng suất hạt mạch thấp; loại hai có màu xanh chỉ để lấy hạt nên năng suất rất cao. Ngày ấy, tại đây có tổ chức một đám cưới của đôi nam nữ thanh niên. Nhiều người đến dự, thấy đẹp, thi nhau chụp ảnh và phát tán lên mạng xã hội. Thế là loài hoa tam giác mạch này có cơ hội được quảng bá đi khắp nơi trong và ngoài vùng Đại Lộc quê anh.

Trong điều kiện dịch covid-19 lan rộng, tuy số người tránh dịch hạn chế đi lại nhưng nhà anh bỗng dưng đông khách từ các nơi đổ về. Nhiều người bạn đã xa nhau từ lâu, nay lại đi cùng bạn bè, gia đình ghé thăm anh hay là thăm vườn hoa tam giác mạch anh gieo trồng? Có vì lý do nào đi chăng nữa cũng tốt, anh làm một cái hộp để ở đầu vạt hoa tam giác mạch, người đến thăm vườn hoa và chụp hình, rồi tự giác bỏ vào hộp ít tiền, như là trả công cho người trồng và chăm sóc vườn hoa. Sau ba ngày tết, anh mở hộp ra kiểm đếm được gần 4.127.000đ. Với cuộc sống quen đạm bạc của một thầy giáo đã có lương hưu, nên số tiền này anh dự định sẽ lì xì cho người dân khó khăn tại đây, tùy theo mức độ sẽ được nhận 200.000 đ hay 300.000 đ.

Chuyện xưa kể, nàng tiên Gạo và nàng tiên Bắp đi gieo hạt nơi hạ giới, mây trấu, mây bắp chẳng biết làm gì bèn đổ vào khe núi. Cây bắp, cây lúa lớn lên cho hạt, con người lấy hạt về ăn. Khi hạt bắp, hạt lúa trong nhà đã cạn mà vụ sau vẫn chưa chịu tới, cái đói xuất hiện và bản làng trở nên u ám. Lúc ông mặt trời đã di chuyển về đằng Tây, ánh tà dương buông xuống, bóng rừng cây đã ngả dài về phía xóm thôn mà vẫn chưa có ngọn khói lam nào bốc lên trên bầu trời. Mọi người cũng không thể để cho cái bụng đói meo, đói mồm được hơn nữa. Họ chia nhau đi khắp suối, khe, núi rừng,... Nhiều ngày trôi qua, các hang cùng, hốc

núi đã lục tìm mà vẫn chưa thấy gì, nhiều người đã gục ngã nơi đèo heo, gió hút mà vẫn chưa tìm thấy cái để ăn. Cho đến một hôm, trong con gió thoảng, có mùi hương lạ... Theo hướng đó, họ tìm đến một khe núi. Như có một phép thần, ai nấy đều ngỡ ngàng, một rừng hoa nhỏ li ti trải dài suốt từ núi bên này sang núi bên kia. Nhìn kỹ, họ thấy những cái lá có hình tam giác, ẩn nấp khá kín ở dưới những cánh hoa. Khi đến kỳ kết hạt, mọi người bứt đem về nấu ăn thử, thấy ngon không kém gì bắp và gạo. Lúc đó, khói bếp của bản làng lại bốc lên trời, người dân đã có cái ăn trong những ngày giáp hạt. Được nảy lên từ mây lúa, mây bắp, nên gọi là mạch, lá có hình tam giác nên loài hoa có tên: tam giác mạch. Câu chuyện này, được người dân vùng cao truyền từ đời này sang đời khác về sự tích loài hoa đặc trưng của vùng núi rừng Tây Bắc.

Ở Tây Bắc, mùa hoa tam giác mạch bắt đầu vào khoảng tháng 10 và kết thúc vào cuối tháng 12 hàng năm, khi những ruộng lúa bậc thang đã thu hoạch hết chỉ còn trơ lại những gốc rạ trên những nẻo cao. Nhưng ở xã Đại Hưng, huyện Đại Lộc, do thời tiết có khác, anh Độ cho biết, từ cuối tháng Mười, anh gieo hạt đến tháng hết tháng 12 hoa nở, hoa rộ nở từ tháng chạp cho đến mùa xuân năm sau, làm cho đất trời vào xuân càng tươi tắn, càng huyền diệu hơn... Người người đổ xô về đây để ngắm cái đẹp tuyệt vời trên mảnh đất có con sông Côn chảy qua, nơi luôn đối đầu với thiên tai, dịch bệnh. Phải chăng, trời đất cũng bù lại một phần những gian khó mà người dân Đại Lộc vốn dĩ đã chịu thương, chịu khó vượt qua.

Ở Tây Bắc, vào mùa hoa tam giác mạch, đến bất cứ đâu, chúng ta cũng có thể bắt gặp những bông hoa tam giác mạch li ti màu trắng hay tím hồng nở ảp bên những khe đá, trên ruộng bậc thang hay ngay ở hai bên đường đi. Nhưng nếu muốn ngắm hoa đẹp nhất, chúng ta phải tìm đến những cánh đồng hoa ở các huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần, Lũng Táo, Phố Cáo, Sủng Là, Đồng Văn, Lũng Cú,... Nếu muộn hơn, vào độ tháng 3, tháng 4 dương lịch, thì đến Cao Bằng sẽ còn được ngắm vẻ đẹp của loài

hoa này.

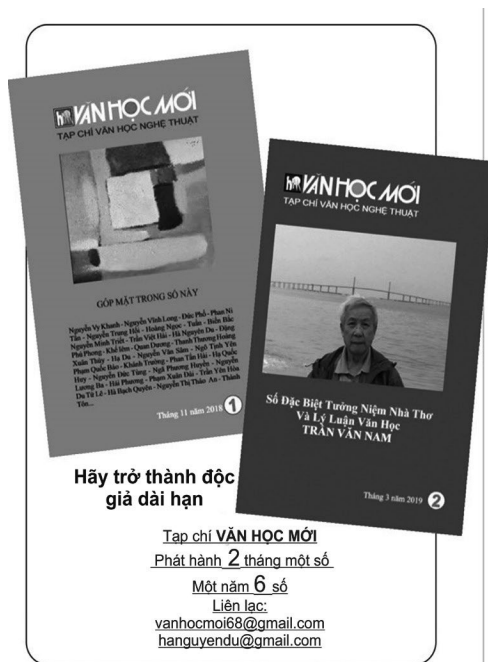
Ngoài vẻ đẹp của những cánh đồng hoa lung linh, rạng rỡ nhưng đậm thắm... Theo dân gian, cây tam giác mạch còn được sử dụng vào rất nhiều công dụng khác, như: Cây non được người dân hái về và sử dụng như một loại rau ăn, có vị hơi ngai ngái, nhưng ăn xong thì lại ngọt, có hương vị thơm đặc biệt. Thân và lá tam giác mạch, được sắc lên sẽ trở thành vị thuốc chữa bệnh đường tiêu hóa như đi ngoài thường xuyên, đầy bụng, viêm, đau dạ dày, táo bón... Nó còn có tác dụng hạ huyết áp, hạ mỡ máu và đường máu, nhờ nhiều thành phần được tính có tác dụng. Hạt được sử dụng làm thực phẩm, phổ biến là món bánh tam giác mạch. Bánh có bề ngoài giống chiếc bánh dày cỡ lớn của người miền xuôi nhưng mang màu nâu đặc trưng của hạt tam giác mạch. Khi ăn, bánh có vị ngọt đậm đà, dẻo và bùi đi cùng mùi thơm đặc trưng. Hạt được xay ra để nấu cháo, trong những ngày đông giá lạnh, một bát cháo tam giác mạch thơm ngon, nóng hổi làm ấm lòng. Người ta còn rang hạt tam giác mạch trên bếp lửa hồng, rồi ngồi bên cạnh bếp thưởng thức, thú vị như rang hạt bắp để ăn khi mùa đông lạnh.

Hạt còn dùng để nấu rượu, là một loại rượu quý rất thơm ngon. Người ta làm rượu tam giác mạch khi pha trộn với bắp theo tỉ lệ 1:2, sau đó, ủ với một loại men đặc biệt do người dân địa phương tự làm ra, rồi đem nấu để cho ra loại rượu. Khi uống không cay nồng như rượu gạo, ngọt đậm như rượu cần, mà là sự hòa trộn hương vị hai loại rượu ấy, khiến người uống có cảm giác ngây ngây. Ngoài ra, hạt tam giác mạch còn để làm đẹp, công dụng này đã được nhiều chị em ứng dụng, bằng cách xay mịn hạt, trộn với sữa chua hay sữa tươi không đường thành một hỗn hợp sền sệt, bôi một lớp mỏng lên mặt trong khoảng 15 phút và rửa sạch. Nếu làm nhiều ngày, làn da sẽ trắng sáng và mịn màng...

Từ lễ hội hoa tam giác mạch được tổ chức hàng năm đúng vào mùa hoa nở ở vùng núi Tây Bắc, chúng ta có thể phát

triển loài hoa này tại các xã vùng cao huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Về điều kiện thổ nhưỡng tại xã Đại Hưng, các lớp vườn do anh Độ gieo trồng và chăm sóc, đã cho kết quả rất khả quan, chúng tỏ đất tại đây phù hợp. Loài hoa này cũng không “kén” đất, “kén” công chăm sóc nhiều. Những mảnh đất hoang hóa, không thể trồng các loại cây hoa màu khác ở đây còn nhiều, chúng ta có thể phát triển rộng, có thể ứng dụng những cách đồng bào Tây Bắc đã làm, để cho ra đời các sản phẩm từ loài hoa này tại quê nhà, để tổ chức Lễ hội hoa tam giác mạch vào mùa hoa, nhằm tôn vinh các giá trị di sản văn hóa dân tộc và quảng bá hình ảnh du lịch vùng đất này đến các du khách ở trong và ngoài nước, góp phần vào việc xóa đói, giảm nghèo của người dân vùng cao.

HUỲNH VIẾT TU



MÃ LAM
xuân nhàn mi nghiêng

Tiếng nhạc rót vào sương sớm
Gió xuân vô tình mang đi
Nắng mai gọi ai trước ngõ
Sưởi lòng hoa nhỏ vãn vi

Dương cầm vắt trong sương nhạt
Tươi vô nụ cười hoa ngoan
Tiếng chim véo von múa hát
Mái nhà tranh mùa dừng dừng

Bồ đề sẵn sùi gân guốc
Lá cành vui màu hân hoan
Nắng đan xoắn xao tổ ấm
Én ruồi đi về cánh chao

Thỉnh chuông ban mai vọng trái
Ngân nga reo mồn thỉnh không
Thiền am sườn mây đương độ
Mai vàng luyện màu hương xuân

Ni cô dáng gầy nghiêng hái
Xuân nhàn ướp trà xào thơm
Mi nghiêng kiếm tìm búp lộc
Nam mô chánh niệm nâu song./.

MÃ LAM

TIỂU LỤC THẦN PHONG tổng tài bá đạo

Hồng cung trang hoàng rực rỡ, cờ xí đỏ lòm, khẩu hiệu toàn lời lẽ đao to búa lớn bùng bùng khí thế cứ như thể sắp nhuộm đỏ cả thế gian này. Tập xênh xáng bước lên đài, vẻ mặt hí hửng đầy vẻ dương dương tự đắc, đôi mắt ti hí lóe lên tia sáng thép lạnh gáy bất cứ kẻ nào vô tình nhìn thấy, đôi má chảy xệ, môi mỏng mím lại. Y mặc bộ đồ đại cán, cài kín nút cổ, kiểu cách điệu bộ y hết mấy xênh xáng tiền bối. Y đảo mắt một lượt rồi xia hai tay nắm chặt ra phía trước để chào quan khách:

- Nhiệt liệt chào mừng các hạ, tại hạ vô cùng cảm kích khi các hạ cùng về phó hội. Mặc dù Chú Sam và bọn thù địch tấy chay phá rối nhưng đại hội võ lâm mùa đông nhất định thành công, đại thành công. Tại hạ thiết quốc yến ở hồng cung này chiêu đãi các hạ để tỏ tình quý mến.

Y đọc diễn văn dài lòng thông, nghe vuốt mặt không kịp, quan khách bên dưới nghiêm trang lắng nghe, sự im lặng tuyệt đối đến độ có thể nghe được nhịp tim thì thục của kẻ kế bên. Khi Tập dứt lời thì toàn bộ người trong cung vỗ tay rầm rộ như thác đổ triều dâng. Tập lim dim mắt quan sát và khoái trá với sự phục tùng tuyệt đối. Y rời bục diễn, bước đến bên tổng đàn chủ Nga La Tư nắm lấy tay hân hạ ta giờ cao:

- Ngộ muốn giới thiệu với các hạ, đây là người bạn chí cốt, là đồng chí của ngộ. Chúng tôi tâm đầu ý hợp, đồng chí đồng lòng, đồng tịch đồng sàng, đồng mâm đồng chiếu...

Tay đàn chủ cũng bắt chước Tập xênh xáng cung tay theo kiểu con nhà võ để chào quan khách, mặt hân lạnh như băng Bắc Cực, đôi mắt sắc lẹm. Hân vốn là sát thủ máu lạnh, thời thế đưa đẩy hân ta lên ngôi tổng đàn chủ. Hân cùng với Tập tổng tài có chung mộng lớn làm bang chủ suốt đời, cả hai cùng sai xử bọn đàn em sửa luật để được danh chánh ngôn thuận mà ở ngôi, xem ra cả hai còn nhiều thứ đồng nhau lắm, thiên hạ vẫn bảo:” Ngừu

tầm ngưu mã tầm mã “là vậy..

Đàn chủ Nga La Tư phó hội để ủng hộ Tập xénh xáng, phá thể tẩy chay của đối thủ của hắn là chú Sam, ngoài ra trong lòng hắn còn có toan tính riêng, tuy nhiên khi thấy quyền lực tuyệt đối của tổng tài thì hắn ta lấy làm khó chịu, bề ngoài thì vẫn lạnh như băng. Đại hội võ lâm mùa đông năm nay bị tẩy chay quá mạnh. Chú Sam, ngài tổng thủ xứ Kangaroo, shogun võ sĩ đạo... đều vắng mặt cả. Thế giới tẩy chay vì tổng tài bá đạo quá tàn độc. Nga đàn chủ thấy thiên hạ tẩy chay trong lòng y vui lắm, y đâu có muốn tổng tài thành công. Y khoái trá thì thầm với tay cận vệ:

- Chuyến này Tập xénh xáng lỗ sặc máu, lỗ là cái chắc!

Tổng đàn chủ Nga La Tư sơ sót quên tắt nút microphone, bởi vậy Tập xénh xáng nghe lọt. Y cười mím chặt môi, đôi mắt như một khe hẹp:

- Ấy da, Nga đàn chủ chớ có lo lắng, một cái đại hội chứ mười cái ngộ cũng chơi tới bến! Nhảm nhò gì mấy cái chuyện lỗ lỗ. Dân ngộ đóng thuế nhiều lắm, tha hồ mà xài, đứa nào có mở môn là ngộ đập chết mẹ nó liền. Dân đen là cái nghĩa địa gì, ngộ đã hổ diệt ruồi dữ lắm mà có đứa nào dám hó hé đâu!

Đàn chủ biết mình hơi, tuy nhiên với bản lãnh sát thủ máu lạnh nên hắn chẳng lúng túng tí nào, thậm chí còn bỏ nhỏ:

- Thật không hổ danh đệ nhất tổng tài!

Được khen là sường, làn sóng rần rạt chạy suốt châu thân tổng tài, tuy nhiên y làm bộ khiêm tốn:

- Ấy da, ngộ hồng dấm, hồng dấm! đàn chủ mới là đệ nhất!

Cả hai đùa đẩy nhau, làm ra vẻ nhường nhau nhưng thật tâm thì kẻ nào cũng ngấm ngấm tự cho mình là đệ nhất tổng tài.

Đại hội võ lâm mùa đông năm nay thiên hạ tẩy chay quá trời, người ta coi khinh tổng tài, cho y là tay bá đạo, tàn sát diệt chủng người Tây tạng, người Duy Ngô Nhĩ, bóp chết dân chủ Hương Cảng, cướp biển, cướp đảo, gài bẫy cho vay khắp nơi... đã thế người của y say máu chiến lang, gây sự khắp chốn giang hồ, ra tay cuỗm mọi thứ từ vật chất đến sản phẩm tinh thần của thế gian về làm của riêng. Thiên hạ tẩy chay kiểu này thì lỗ sặc

gạch, lỗ trào máu hòng. Biết chắc là lỗ nhưng Tập xénh xáng đầu có tè, tung tiền ra chơi trội để lấy le với thiên hạ.

Quan khách trong hồng cung hỉ hả nâng ly chúc mừng Tập xénh xáng, ngoài bọn thủ hạ tay chân trong nước còn có mấy mươi vị tổng thủ các xứ khác về phó hội. Bọn ấy vác mặt đến phó hội chẳng phải vì yếu mển Tập, chẳng qua là tệt Tàu thơm quá, chúng sợ tẩy chay thì Tập giận sẽ mất mối làm ăn. Xưa nay ruồi kiến có chê mặt mỡ bao giờ?

Tập xénh xáng lại nâng ly mời đàn chủ Nga La Tư:

- Ngộ cảm ơn nị chẳng ngại đường xa về phó hội, cảm ơn cái tình của nị ủng hộ ngộ cùng đầu bọn dân chủ Hương Cảng, cảm ơn nị đứng về phía ngộ khi ngộ le lưỡi bò liến biển đông... Nhưng nị cũng đừng quên à nha, Ngộ ủng hộ nị xâm chiếm bán đảo Crime, tấn công Ukraine, vậy là huề đấy nhé!

Đàn chủ Nga La Tư cười không hé mấp, ánh mắt lạnh hơn thần âm phủ. Hẩn giả là:

- Chúng ta là đồng chí mà! Hà tất phải đa lễ, duy có điều ta muốn hỏi tổng tài, có sao người của Tập cứ xà xẻo đất biên giới của ta, xâm nhập sông Tùng Hoa, cài cảm gián điệp khắp nơi, hàng hóa của Tập tổng tài tràn ngập đất ta mà hàng ta thì bị ngăn chặn cho vào đất nị chỉ nhỏ giọt.

Tập Xénh xáng nghe thế, y cười ruồi, mắt híp tít lít:

- Ấy da, nị đừng có nói vậy được không chứ! Chúng ta là đồng chí mà! Phải bỏ tiểu tiết để giữ đại cục. Nước nị lớn nhất thế giới, dẫu mất tí ti đất biên thù thì có sao đâu. Nị còn có thể lấy đất của Ukraine hay mấy nước nhỏ hơn bù vô. Nị hồng biết đó thôi, thằng con hoang của ngộ nó còn dám dâng cho ngộ bao nhiêu là đất liền, biển, đảo... trong khi nó bé không bằng cái móng tay của nị. Còn cái vụ gián điệp hả? Ấy da, Ở đâu mà hồng có, Ngộ cắm ở đất thằng con hoang cả lũ, bởi vậy bọn nó nói gì, làm gì, nghĩ gì...ngộ biết hết trơn hết trội.

Tập dứt lời thì có một gã ma cô cò ke lục chốt làm đầu lĩnh xứ chùa tháp Angkor rón rén đến bên, y khúm núm khom lưng:

- Dạ, em xin được phép mời nhị vị đại ca một ly, đội ơn nhị đại ca che chở bảo hộ em bấy lâu nay.

Tập xính xáng đưa mắt cho đàn chủ, cả hai nhếch mép cười khinh bỉ. Tập vỗ vai xoa đầu tay đầu lĩnh tép riu ấy:

- Chú em này ngoan lắm, chú ấy theo phò ta chửi chú sam và bọn đàn em của lão ấy quá trời luôn, hủy bỏ căn cứ và vũ khí của chú Sam, công nhận lưỡi bò liếm biển đông của ngô.

Đoạn tổng tài cầm ly rượu bước xuống đàn, đi cùng ly với một số chư hầu thần phục. Y thấy thị uy tuy đã đủ nhưng cũng cần phải ban ơn để bọn ấy thêm phần trung thành. Gắp tay chư hầu nào y cũng hứa hẹn đầu tư, xây dựng, mua bán... mà không cần điều kiện như bọn Uncle Sam, nếu bọn chư hầu ấy không trả nợ nổi thì y chỉ mượn tạm tạm cảng biển, đặc khu, lãnh thổ... trong vòng trăm năm thôi! Y cũng lệnh cho bọn thủ hạ dúm vào túi của mấy gã chư hầu một nắm bạc, thế là bọn chúng rầm rập nghe lời y.

Nhân lúc tổng tài đi chuốc rượu, tay thủ hạ thân tín của Nga đàn chủ xì xẩm vào tai chủ:

- Đâu có được đại ca, Tập xính xáng độc chiếm biển đông, đề ra ngoại giao chiến lang, nhất đối nhất lộ. Y lắm le bá chủ thế giới, vậy thì y có coi tổng đàn chủ ra gì!

Nga đàn chủ cười nhẹ, y liếc nửa con mắt nhìn thẳng đàn em:

- Chú mày khéo lo, có đời nào ta chấp nhận cho lão ấy làm bá chủ, chẳng qua là bề ngoài ta phải ủng hộ y để y không cản trở việc của ta. Ta với y hợp tác để đối phó chú Sam, tuy nhiên y đang dòm ngó xứ tuyết Bắc Cực của ta, con rồng đỏ mưu mô lẩn sâu gấu trắng, sao ta có thể ngồi yên. Ta có kế sách cả rồi!

Tay đàn em cười cầu tài:

- Tổng đàn chủ anh minh, nhìn xa trông rộng, em khâm phục!

Tập xính xáng rào một vòng rồi quay lại ngai của y. Y lớn tiếng phủ dụ:

- Ngô đãi các hạ những món cường dương bổ thận, ích khí tráng kiện toàn những món ăn gia truyền cộng với rượu thượng hảo hạng của bọn tây dương. Giờ thì các hạ hãy thưởng lãm cái đẹp của Hán tộc.

Nói xong y vỗ tay ba phát, một đàn xẩm Tàu mặc xường

xám xẻ tới hông túa ra, phải công nhận tổng tài cho tuyển những em xấp đẹp nhất của Hán tộc. Mấy em xấp Tàu uốn éo uốn ẹo vờn quanh quan khách phó hội. Cả bọn đực mặt đờ đẫn nhìn. Khi mấy em xấp ca eo éo thì các vị vỗ tay rào rào như bọn robot đã được lập trình. Hồng cung từng bùng tiệc, ngoài sân bọn võ sĩ, vận động viên dốc hết sức trong giá rét để tranh tấm mẽ đây, khán đài thì lạnh tanh không một bóng người.

TIỂU LỤC THẦN PHONG Ất Lăng thành, 11/22

đất trời vào mùa xuân mới

Mùa xuân sang chưa?

Sao lòng rộn ràng đến thế

Ký ức tuổi thơ

Ký ức cung trời quê hương

Trẻ náo nức, già cười vui và bao cô em trắng hội

Em là hoa hay hoa hóa thành người?

Dù gì cũng ba ngày tết

Sống sum vầy, chết hương khói vọng tiền nhân

Xuân khai hội thanh tân

Em tha thướt áo quần khoe sắc

Xác pháo hồng gieo rắc niềm vui

Mồng một tết mừng tuổi ông bà cha mẹ

Hồ lô tô, bầu cua cá cộ... là niềm vui con trẻ

Ngày đầu xuân lên chùa lễ Phật

Phước đức cho người và trời đất bình yên

Sống yêu thương hài hòa với vạn vật thiên nhiên

Xuân sang chưa mà sao luôn hiển hiện?

Trong lòng ta vốn vĩnh viễn em ơi!

Mùa xuân cao tiếng hát yêu đời

Dáng xuân bát ngát núi đồi

Hương xuân nồng nàn phố thị

Chốn làng quê thủ thả muôn đời

Trong vô ngôn có đến vạn lời

Khúc âm hưởng đất trời vào mùa xuân mới

TIỂU LỤC THẦN PHONG

LÊ CHIỀU GIANG
ly bôi

Ta uống.
Rượu phạt hay
Rượu mời?
Uống.
Cách nào cũng... chết queo thôi.

Làm sao nhả hết
Nhả ra hết
Một tỷ chung
Và cả.
Ly bôi

Mặt cú đỏ
Ta say lần cuối
Chẳng gương soi cũng thấy mặt trời.
Thôi.
Nói chi thêm
Lời đã nhạt.
Chẳng thấm gì đâu
Một chút
Hơi

Thì hơi, cũng có khi hết thở
Ta bỏ đi rồi
Mời.
Phạt. Với ai?

LÊ CHIỀU GIANG

HỒ XOA

ngày cho tình yêu

Trong cuốn lịch bây giờ
Anh không có ngày Valentine
Còn phảng phất những giấc mơ xa lắc
Em buồn như cảnh hoa hồng
Lạnh lạnh chiều gió Xuân

Những cánh cửa phòng đóng chặt
Những cơn gió gọi đàn chim di cư
Mùa Xuân không về
Bến xưa con đò chở một dòng sông
Những bờ ngực trẻ nải mùa thiếu phụ
Những bàn tay buông
Không biết vậy phương nào

Mái tóc rối ghi quá nhiều năm tháng
Không ghi màu Valentine
Hương những cơn say thơm lừng mùi cồn
Thánh Valentine không bao giờ uống rượu
Một số loài thi sĩ bây giờ
Không có ngày Tình yêu

Từng cơn chiêm bao
Anh xé ngực mình hôn chiếc xương sườn
Ngày khai trương địa đàng
Mai quỷ rập rình quanh lỗ thủng
Valentine còn đâu đó
Trên trời....

HỒ XOA

TRẦN DANH THÙY
ngày xuân nghe nhạc xuân ...

Khi Xuân về, Tết đến trong tiết trời tươi mát, trong lành khởi đầu một năm mới, chúng ta thường không chỉ có hoa mai, hoa đào, thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ; không chỉ có những tập tục văn hóa để đón Xuân, nghinh Xuân, du Xuân... trong những ngày đầu năm âm lịch mới như chúc Tết, mừng tuổi người lớn, trẻ nhỏ; liên hoan, tiệc tùng lớn nhỏ để vui Xuân, mừng Xuân, mà còn du hồn vào những bản nhạc Xuân muôn màu sắc.

Thật vậy, từ khi chúng ta có tân nhạc đến nay, bộ phận những nhạc phẩm gọi tên bốn mùa Xuân, Hạ, Thu và Đông đã có số lượng đáng kể trong gia sản kếch xù của những dòng nhạc Việt. Và, nhạc Xuân, từ lâu, là một trong những món ăn tinh thần không thể thiếu trong tâm thức thưởng Xuân của người Việt chúng ta.

Nhạc Xuân, tuy thế, khá đa dạng về nội dung. Tùy theo từng nhạc phẩm mà chúng ta có thể thưởng thức những sắc thái khác nhau của mùa Xuân của đất nước. Chẳng hạn, như khi nghe “Hoa Xuân” của Phạm Duy:

*“Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn...”*

Chúng ta như nghe thấy một toàn cảnh mùa Xuân vừa đến trên đất nước với những hình ảnh, màu sắc... biểu trưng,

sinh động như bãi cỏ non xanh mơn mớn, những chiếc lá vàng thắm màu, với muôn hoa khoe sắc thắm trong nắng Xuân tươi rực rỡ cùng những đàn ong hớn hờ đón chào mùa Xuân mới... trong làn gió Xuân mơn man khiến âm hồn chúng ta phấn khởi những cảm xúc tươi mới, trẻ trung...

Hay khi nghe “Đón Xuân” của Phạm Đình Chương, ta như thấy tâm hồn mình reo vui khi đón mùa Xuân đến:

*“Xuân đã đến rồi,
gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời
Vui trong bình minh,
muôn loài chim hót vang mọi nơi
Đẹp trong tiếng cười,
cho kiếp người tình thương đắm đuối
Ánh Xuân đem vui với đời...”*

Xuân đến, mang đến cho chúng ta muôn “hồn hoa”, những đóa hoa như biết nói với chúng ta những lời yêu thương trong một buổi sáng tinh khôi trong một không gian bao la. Xuân đến mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc trong tiếng hót của chim chóc cũng là tiếng reo vang của muôn loài, khiến cho mọi người yêu thương nhau hơn. Đó là niềm hạnh phúc tuyệt vời.

“Mùa xuân đầu tiên” của Tuấn Khanh cũng vậy. Nghe bài hát, ta có cảm nhận về hình ảnh một chiến sĩ – cũng là một nghệ sĩ - nào đấy, nhân dịp Xuân về, có cảm hứng gom góp tất cả tình yêu của mình về thăm người yêu. Trên đường đi, chàng ‘trải nghiệm’ những cảm xúc về mùa Xuân, về nỗi nhớ người yêu xen lẫn nỗi buồn không tên nào đó trên dặm đường thiên lý ..., về hình ảnh người yêu nhỏ bé-xinh đẹp, về mùa Xuân thấu hiểu lòng chàng, về ngày mai của tình yêu của chàng và nàng...

Và, trong niềm say sưa với niềm hạnh phúc hoan lạc ấy, tình yêu đối với bà mẹ già, với đàn em bé bỗng dung chan hòa trong tình yêu của người đi xa về và chiếm lĩnh tâm hồn người

nghe nhạc một cách nhẹ nhàng, tự nhiên...

*“Xuân nay ta chúc cho mẹ già
vui vườn cà thêm hoa
Vui ruộng đồng bao la
tóc bạc phơ đẹp quá
Xin yêu thương đến với hận thù
để tiếng hát hôm nay
người chiến sĩ mê say
bên đàn trẻ bé thơ ngây”*

“Mùa Xuân Sao Chưa Về Hối Em” của nhạc sĩ-chiến sĩ Trường Sa như một trăng trở khi mùa Xuân đang về và ngự trị muôn phương. Tuy nhiên, trăng trở hay câu hỏi này có vẻ chỉ như là cái cớ để người nghệ sĩ bộc lộ tình yêu của mình đối với người yêu dấu: tình yêu của chàng dành cho nàng như mùa Xuân vĩnh cửu vì khi mùa Xuân về là lúc tình yêu lên ngôi, khiến cho mắt nàng thêm xanh, má nàng thêm hồng, lòng nàng thêm rục rỡ, thiết tha ...

*“Mùa xuân sao chưa về hồi em?
Xua mây tan cho những ngày nắng êm
Lũ chim non gửi gắm khúc tự tình
Gọi xuân cho xanh màu mắt em
Và mơ ước thắm thiết mãi lên, cho ta nói yêu em!”*

Nhạc phẩm “Nếu Xuân Này Vắng Anh” như một mệnh đề giả định của một câu điều kiện cũng là một bản nhạc hay của ảo-thuật-gia Bảo Thu:

*“Nếu xuân về vắng anh,
Ong bướm thôi dệt duyên lành,
Dây tơ trùng cung lỗ phỉm,
Cho khúc hát ái ân từ nay lỗ tơ duyên...”*

Trong lòng những kẻ yêu nhau khi Xuân đến mà vắng nhau, thì mùa Xuân chẳng còn nghĩa lý gì như hết duyên lành, như lỡ tơ duyên...

Trong tâm thức của chúng ta, mùa Xuân có khi lại là một nỗi nhớ:

*“Chiều Xuân có một người ngơ ngác đi tìm
Một tình thương nơi . . . phương trời cũ
Chiều nay hoa Xuân bay nhiều quá
Chiều tàn dần phai trên ngàn lá
Tìm đâu bóng . . . hình ai ?”*

Nhớ và tìm hình bóng người yêu vào một chiều Xuân nhưng tìm đâu thấy người yêu mà chàng đã gặp ở một phương trời xa xôi, giờ chỉ còn là một “tình thương”, một “bóng hình”.
(Nhớ Một Chiều Xuân – Nguyễn Văn Đồng)

Và, trong nhạc Xuân, không hề thiếu hình ảnh của bà mẹ hiền của con người Việt Nam. Và có khi đó chính là hình ảnh của mùa Xuân vĩnh cửu:

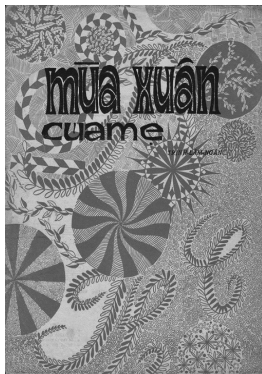
*“Khi xưa, những ngày bình lửa chưa sang
Bếp hồng quây quần bên nhau
Nghe Mẹ kể chuyện đời xưa*

...

Mẹ ơi con hứa con sẽ trở về

*Dù cho, dù cho xuân đã đi qua
Dù cho én từng bầy bay về ngàn
Dẫu gì rồi con cũng về
Chỉ bên Mẹ là mùa xuân thôi.”*

Có thể nói bà mẹ hiền là hình tượng cao đẹp nhất của văn học nghệ thuật nói chung. Và trong âm nhạc, hình tượng ấy cũng là niềm thăng hoa của những ca từ và giai điệu đẹp nhất, trong lòng những người yêu nhạc, đặc biệt là nhạc Xuân của dân tộc Việt...



Ngày Xuân, nghe nhạc Xuân như một liệu pháp có hiệu lực đa dạng. Không chỉ thưởng Xuân, tâm tưởng chúng ta sẽ chìm đắm trong một tâm thức điệu vơi những cảm xúc, trạng thái, tâm tư... của một tâm hồn yêu đời, yêu người trong những dạng thức phong phú...

TRẦN DANH THÙY

Danh ngôn:

Thật đáng tiếc rằng để trở thành một người yêu nước tốt, anh phải trở thành kẻ thù của tất cả phần còn lại của nhân loại.

It is lamentable, that to be a good patriot one must become the enemy of the rest of mankind.

Voltaire

(1694–1778) Nhà văn học, tác giả, bình luận gia, nhà thần luận và triết gia người Pháp.

LÊ VĂN HIẾU
thủy tinh buồn

Vì em dối mà vỡ
Những mảnh thủy tinh buồn
Ly không còn là ly
Ly đã chết

Chết không kịp trời
Không rõ duyên do gì ?
Ta vá lành cho ly - ly nhé
Ly lắc đầu rồi buông

Ta mai táng cho ly - ly nhé
Hình như ly đã hồn
Những mảnh vỡ tức tưởi
Em tức tưởi
Ta đào huyết thật sâu
Rồi chôn
Chôn những điều ta lỗi

anh đã chôn em

Anh đã chôn em trên đỉnh đồi gió hú
Như chôn một giấc mộng
Như chôn một phận đời

Và anh đã khóc
Khóc không kèn trống
Khóc chôn chiếc lá vừa rụng
Chiếc lá đó là anh

*

Nhớ em con Dế thì thắm vào tai lá
Những bài ca du dương

Những bài thơ từng nhớ em anh viết
Rồi đem chôn
Anh không nhờ gió thổi ngang lưng trời
Anh không mong em biết

*

Đôi gió hú hôm nay mưa buồn
Anh đã moi em lên
Anh thấy em chưa mọc rễ
Đủ chứng minh em yêu đôi chỉ là lời nói dối
Hạt giống không nảy mầm
Anh đã chôn em –
Không - Anh đã gieo em -
Khi có thể...

LÊ VĂN HIẾU

LÊ TUYẾT LAN

cong

1.

Hơn 23g, vừa tắt đèn và nằm xuống chuẩn bị ngủ, điện thoại nhấp nháy số của Quyên, Lam ngồi dậy bắt máy.

- chị ơi, chị có thể ra đây không ? - tiếng Quyên nhòe nhòe, có vẻ đang say.

- em ở đâu? Sau giờ chưa về nhà? - Lam ngạc nhiên hỏi lại

- em không muốn về, em muốn có ai đó lúc này. Em đang ở gần chỗ gần công ty mình đấy.

- em ở yên đó đi, chị chạy qua ngay.

Cúp máy, vội lấy miếng khăn ướt lau vội lớp kem trên mặt, trong bộ đồ ngủ thùng thình cũng kín đáo, Lam phóng xe đi trong đêm. Đây là lần đầu tiên cô đi khuya như vậy và cũng chẳng biết vì sao lại lo lắng nhiều cho Quyên trong khi cả hai mới quen biết thời gian ngắn ở công ty khi Quyên được điều phối đến bộ phận của Lam làm. Quyên ngồi trước con hẻm nhỏ đón Lam, đôi chân đã không còn vững. Chiếc đèn đường nhợt nhạt không thể rọi rõ gương mặt Quyên nhưng có lẽ trên đôi mắt đã ướt đầm mà trong lời nói trở nên mù mịt, yếu đuối hơn hàng ngày của Quyên. Khi Lam tới, cả hai đi vào quán bên đường và gọi thêm bia. Hai cô gái cụng li với nhau, Quyên đưa li uống ừng ực rồi khóc, hai hàng nước mắt lúc này làm sao gương mặt cô thêm nữ tính và thu hút, chẳng biết sao, nó không chảy xuống đất mà chảy vào lòng của Lam.

- anh ta ích kỷ, luôn làm tổn thương em. Chẳng bao giờ nghĩ cho em.

Quyên bắt đầu lên tiếng, trong lời nói có cả sự uất nghẹn. Lam im lặng nhắm nháp từng ngụm bia đắng nghét. Rồi Quyên lấy trong túi ra bao thuốc, mua bao diêm từ quán, cô ấy đốt và rít những đường dài. Cái hơi thuốc phả ra lan vào mặt, lúc này tự dưng Lam thấy Quyên trở nên huyền ảo, vừa gần vừa xa.

- em hút thuốc nữa sao?

- chính anh ta bắt em bỏ và bây giờ chính vì anh ta mà em hút lại.

- em có thấy vui hơn không?

- không, nhưng sau khi nói ra được em sẽ bớt đau hơn chị ạ.

Lam im lặng cứ uống và nghe Quyên nói, có lẽ bây giờ điều đó tốt hơn hết. Lam nghe đau trong lòng như chính mình đang nấc. Muốn ôm vào lòng nhưng Lam biết trong Quyên sâu nặng nhiều lắm với mối tình này.

Đến hơn 1g sáng, cả hai mới tính tiền và rời khỏi, sẵn tiện đường đưa Quyên về gần đó. Lúc trở về căn trọ, đi qua những con đường vắng, tuy có sợ hãi nhưng lòng Lam lúc này lại miên man mãi gương mặt của Quyên.

Sau hôm đó cứ mỗi tuần sau giờ làm, cả hai mua bia ra khu dân cư có những đường vắng ngồi uống. Quyên kể nhiều hơn về cuộc đời của cô. Cô không có được sự yêu thương triu mến của cha mẹ, đơn độc và buồn chán nên rời quê lên thành phố làm việc. Cô gặp người yêu hiện tại khi làm chung một công ty. Người đó từng bị cưỡng hiếp và có một đứa con gái xinh xắn, nhưng sau này chỉ thấy người đó hớt tóc cao, mặc đồ nam, bó ngực và quen với nữ. Quyên dọn đến sống cùng và chăm sóc đứa bé nhỏ.

Còn Lam, Lam cũng có gia đình, có chồng, tuổi thơ thiếu tình cảm, đã từng lụy vào tình yêu của những người đàn ông nhưng suy cho cùng, họ đều luôn có lý do bỏ rơi cô lại từ hoàn cảnh đến cả việc cô quá mạnh mẽ trong cuộc sống. Cô luôn nghĩ mình là người phụ nữ cho đến khi có những lung lay vô định trong lòng.

Sau đó Quyên chuyển chỗ làm và ít khi liên lạc với Lam.

2. Trở lại công việc hàng ngày của công ty, hình ảnh về cô gái say khướt trong đêm cứ ẩn hiện trong tâm trí. Ở đó, cô thân thiết nhiều với một chị bạn làm việc chung, cô luôn được quan tâm, giúp đỡ từ người đó. Chị ấy ly hôn, có hai đứa con xinh đẹp và hiện tại đã ở cùng người phụ nữ. Càng gần chị Trâm, Lam càng vẫn vơ nhiều cảm xúc. Cô đang không biết mình nghĩ gì, điều đó có sai trái hay chỉ là cảm xúc sau sự bơ vơ của một người được bàn tay cứu cánh. Mọi thứ cứ quay quẩn, siết chặt, cô gặp Trâm nhiều hơn, đôi khi lại muốn nắm tay thân mật. Lam muốn cắt những điều cô cho rằng thật điên rồ trong suy nghĩ, cô chấp nhận quen với người đàn ông khác. Nằm trên giường ở khách sạn, cô vẫn hưng phấn và đầy cảm xúc khi bàn tay người đàn ông chạm vào. Từng ngón tay sờ lên da thịt để lại những cái rung mình nhưng rồi sớm trở lại với cảm giác đê mê khi hai đôi môi ướm át gặp nhau, triu mến và quấn nhau. Phải rồi, cô vẫn muốn nằm trong tay người đàn ông. Khi rời khỏi đó, khi gặp Trâm, lòng Lam lại lâng lâng, xuyến xao. Cô bắt đầu nghi hoặc và ghét chính mình.

Giữa lúc chênh vênh bao dòng nghĩ, Lam nhận được tin nhắn của người bạn cũ, đó là Son.

- tao đôi khi không biết làm đúng hay sai nữa, nhưng lúc này nhìn thấy con tao cười, tao biết sẽ cố gắng vì nó.

- tao mong mày sẽ bình yên. Nhất định nhé. - Lam trả lời.

Cả hai đã từng là đôi bạn cấp sách vượt khó của nhau và luôn dành cho nhau nhiều sự quý mến. Từ khi ra trường chỉ khi thi thoảng gặp lại. Sau đó Son nói với Lam là yêu một chị làm chung nhưng đã bị người ta phụ. Ngay lúc đó Lam đã bất ngờ lắm và chưa trải qua nên không biết an ủi bạn thế nào. Mấy tháng sau, Son bất ngờ báo tin mình đám cưới với một người đàn ông và cái bầu. Thật sự, đã có lúc Lam đã thật sự lo lắng và hoang mang cho bạn, sợ bạn sẽ khổ về sau. Nhưng rồi khi đứa trẻ ra đời, sự khao khát của người mẹ làm Son muốn gắn bó thật nhiều với gia đình. Và Lam biết có những điều Son giữ cho riêng mình nhưng chắc chắn Son sẽ làm tròn đúng bốn phận thôi. Nhưng nó

luôn là nhiều dấu chấm lửng trong lòng cả hai.

3. Đêm đó trong vòng tay người đàn ông kia, anh ta đã hỏi Lam:

- vì sao em biết anh không thể cho em một danh phận mà muốn bên anh.

- em muốn có con. - Lam trả lời dứt khoát.

Quả nhiên, mấy tháng sau Lam xin nghỉ ở công ty. Không ai biết vì sao, chỉ nghe rằng cô bỏ về quê rồi. Một thời gian sau khi thấy cô thay đổi hình đại diện trong một tài khoản cá nhân có đứa trẻ vừa sinh vài tháng với nụ cười hạnh phúc của cô và tình trạng cập nhật là độc thân thì mọi người mới biết rõ sự lựa chọn của Lam và chúc mừng cho cô.

Vào một buổi tối điện thoại Lam nhận được tin nhắn đến:

- tao đã hạnh phúc . - Son nhắn.

- tao cũng đã bình yên. - Lam gửi tin trả lời.

Cả hai đã có thể an tâm đặt dấu chấm cho những suy tư riêng mình, mà rất lâu cứ quẩn quanh từng giấc ngủ. Và họ đã thềm những đêm ngủ một giấc thẳng thớm để chờ ngày mai.

LÊ TUYẾT LAN

Danh ngôn:

Có dòng suối của tuổi trẻ: nó ở trong tâm trí bạn, tài năng của bạn, sự sáng tạo bạn mang đến cho đời và cuộc sống của những người bạn yêu. Khi bạn học được cách lấy nước từ nguồn này, bạn sẽ thực sự đánh bại tuổi tác.

There is a fountain of youth: it is your mind, your talents, the creativity you bring to your life and the lives of people you love. When you learn to tap this source, you will truly have defeated age.

Sophia Loren

LÊ TUYẾT LAN
song lang tình

Ở xóm Văng này chỉ có khoảng hơn chục phòng trọ và đa số các phòng đều là gia đình, họ hàng hoặc đồng hương với nhau. Ban đầu chỉ có bốn phòng của gia đình bà Cúc, sau này có thêm họ hàng rồi người tới trước lại rủ thêm đồng hương lại sống chung. Duy chỉ có hai phòng là lạ ở đây, một phòng của một cụ già neo đơn và phòng kia của cô gái tên Thủy. Thủy thường xuyên qua thăm cụ và gặp Giang. Giang là con trai bà Cúc vừa về ở đây cũng hơn nửa năm. Vậy là như duyên nợ se bao giờ, chừng một năm sau với sự mai mối của người họ hàng khu trọ đã tổ chức đám cưới đầm ấm cho cả hai. Mọi chuyện vẫn tốt đẹp nhưng trông bà Cúc không hài lòng vì thành kiến khi Thủy đã dang dở một đời chồng và có đứa con gái đang ở cùng ngoại.

Còn Giang, con trai độc nhất của gia đình, suốt hơn năm năm nay đã đi theo đoàn lô tô. Anh luôn nhớ lại ngày anh hai mươi một tuổi, rong ruổi làm công việc tự do rồi vô tình quen những người trong hội chợ từ đó thấy mình đam mê vô cùng, anh bỏ gia đình đi hai năm bắt tăm tích, ban đầu thì bán vé, phụ lật vật rồi một thời gian anh được kêu lô tô. Đó là khoảng thời gian anh thấy mình được sống với chính mình, thật đẹp đẽ và đầy niềm vui trong lòng. Sau này anh có tìm về thăm, gia đình bà Cúc cũng dần dần nguôi lời trách móc nặng nề, bà dùng lời khuyên cũng như nỗi khổ của gia đình chỉ có một đứa con nối dòng dõi mà lay động Giang.

- con yêu thích thì mẹ ủng hộ thôi. Nhưng con nghĩ coi đó nhà mình có một con trai là con thì cha mẹ biết làm sao để ăn nói ông bà sau này khi không có người nối nghiệp và nhang

khỏi mai sau.

- cha mẹ già rồi chỉ mong được ẵm bồng đứa cháu.
- biết con khó xử, nhưng thật tâm cha mẹ không muốn nhà cửa quạnh hiu trước sau...

...

Những câu nói ấy cứ lặp lại suốt mấy năm dần dà cũng đọng lại trong Giang nhiều suy nghĩ, đến cùng anh cũng không thể vì bản thân mà mặc kệ gia đình, dòng họ và khi trách nhiệm này thuộc về anh. Anh rời hội chợ trở về xóm trọ và nên duyên với Thủy. Bà Cúc dù phần lớn phản đối nhưng chỉ giữ trong lòng nhiều vì bà sợ vô tình lại đẩy con bà rời xa và hơn hết là Giang thay đổi ý định sẽ không còn gì nữa với bà. Đôi vợ chồng trẻ về với nhau sống cuộc đời bình dị, chỉ một năm sau Thủy sinh đứa con trai cho gia đình thì ai nấy cũng vui sướng nhưng lúc này Giang lại tỏ ra không mấy nhiều cảm xúc. Suốt hai năm về an phận bên gia đình, anh không thể quên những đêm sân khấu sáng đèn, những bộ đồ lộng lẫy cùng âm thanh sống động. Anh đã biết bao lần ngăn chặn những suy tư đó để có thể làm tròn trách nhiệm của người con, người chồng và bây giờ là người cha. Anh đi làm rồi về, ít nói thính thoảng uống vài lon cùng hàng xóm, anh vẫn hay ở phòng bắt dàn karaoke và hát một mình với từng bài hát đã quen thuộc với anh một thời gian sâu đậm, lồng ngực dâng trào cảm xúc và da diết nhớ ngày qua. Giang vẫn lén Thủy thường đặt mua nước hoa, son, keo vuốt tóc và anh vẫn giấu đi. Nếu Thủy có vô tình thấy thì anh đem ra như một món quà chuẩn bị sẵn cho vợ mình.

Thủy hiểu anh, cũng không trách khi anh lạnh nhạt với vợ con và cũng có lẽ cô muốn mình chấp nhận để không phải dang dở thêm một lần nào nên không ngăn cấm cảm xúc của anh. Trong sâu thẳm cô biết anh đã hi sinh vì gia đình thì cô cũng sẽ cố gắng thêm vì điều đó.

- anh ơi, anh nói chuyện con đi, con kêu anh nè - Thủy luôn muốn gắn kết tình cảm phụ tử của Giang và con.

- ừa, ừa, cũng được... - Giang đôi khi cũng miễn cưỡng nhưng vẫn dành thời gian cho con.

...

- anh ơi, anh thích ăn gà kho, em nấu rồi chiều anh về ăn nhé, em đi làm ca khác với anh.

- anh ơi, anh thích ăn đồ ngọt thì bảo em nấu cho khỏi đặt mua bên ngoài nha.

...

Cứ như thế, Thủy dịu dàng, dịu dặt cảm xúc của Giang, trong cô cũng có đôi lần hoảng sợ nếu một ngày anh quyết định từ bỏ tất cả để ra đi, không phải theo một người phụ nữ khác, không phải đam mê vật chất phù du, mà anh chỉ khát khao được sống là mình, không che giấu, không ngụy biện thì cô cũng không đành lòng để trách giận anh. Ở nhà cô dành thời gian nghe cổ nhạc cùng anh mặc dù cô không thích thể loại đó. Cô thường mua những bộ đồ ngủ thật đẹp, thật thu hút và luôn cố gắng để giúp anh có cảm xúc nhiều hơn khi ở bên cạnh cô. Giang ít nói nhưng anh hiểu tấm lòng và những gì vợ dành cho mình, anh mỗi lần muốn rời đi thì đôi mắt đứa con nhỏ như muốn níu giữ. Giang cứ vậy mà day dứt, đau đớn trong từng giấc ngủ.

Hôm ấy khi về nhà nghe tin vợ anh bị tai nạn lao động ở chỗ làm, anh tức tốc vào bệnh viện ngay. Bàn tay cô được khâu và băng kín. Anh gửi con cho bên nội rồi ở lại chăm sóc cô. Đêm ấy, lần đầu tiên anh có cơ hội cầm bàn tay ấy thật kỹ, cái bàn tay không mịn màng, nhỏ nhắn và lúc này yếu đuối trong tay anh. Có những vết sẹo đã để lại từ lâu vậy mà anh không hay, không dành thời gian để biết nhiều về nó, có phải nó có khi nấu nướng, may vá, khi làm việc hay từ khi nào,... bất giác lúc này anh muốn mình nắm thật lâu, giữ thật chặt để ấm từng ngón tay của người đàn bà đã đi với anh thời gian qua. Niềm khát khao nào đó dâng lên trong lòng, một điều gì đó xa xót và buồn bã.

Gần tuần sau Thủy xuất viện về nhà. Hôm ấy anh nấu cơm cho vợ ăn và đêm hôm ấy, anh nhẹ nhàng khẽ ôm nhẹ cánh tay Thủy. Cô ấy giả vờ ngủ nhưng trên môi có một nụ cười rất thật, rất tươi khi những ngón tay Giang thỉnh thoảng gõ gõ vào tay Thủy, cô dường như nghe tiếng nhịp của chiếc song lang mà thường nghe chồng nhịp. Lúc này sao nó thật hay.

LÊ TUYẾT LAN



Lời Cảm Tạ

Chúng tôi xin hết lòng cảm ơn bà con và bạn bè đã
đăng cáo phó trên mạng lưới và trên báo chí,
gửi lời chia buồn,
tham gia viếng thăm và đưa tiễn,
gửi tặng hoa và vòng hoa
vào dịp Vợ, Chị, Mẹ, Mẹ Chồng bà Bà Nội chúng tôi là
Bà Nguyễn Thị Thục
cựu Học sinh Trưng Vương và Chu Văn An
cựu Giáo sư Anh văn các Trường Gia Long, Petrus Ký,
Hùng Vương và Hội Việt Mỹ Chợ Lớn
đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 02.02.2022
và được an táng tại nghĩa địa Nordfriedhof, Bonn, ngày
11.02.2022

Chồng Trần Văn Tích
Em Nguyễn Viêm
Con trai Trần Nguyễn Tiến Anh
Con dâu Trần Thị Kiều Nghi
Con gái Trần Nguyễn Vân Anh
Con trai Trần Nguyễn Tuấn Anh
Cháu nội Trần Hạ Vi và Trần Quang
Bonn, CHLB Đức ngày 22.02.2022

Toàn BBT và quý cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :

Vô cùng thương tiếc Phu nhân Dr TRẦN VĂN TÍCH

là Bà NGUYỄN THỊ THỤC

Nguyên cựu Giáo sư Anh văn dạy các trường trung học Gia Long, Pétrus Ký, Hùng Vương, Hội Việt Mỹ Chợ Lớn. Bà đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 02.02.2022 và được an táng tại nghĩa địa Nordfriedhof, Bonn, ngày 11.02.2022. Hưởng thọ 86 tuổi



Chúng tôi Cầu hương hồn người quá cố an lạc nơi cõi vĩnh hằng

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Châm, Hà Nguyễn Du, Quyền Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Hoài Ziang Duy, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyễn Lạc, Nguyễn Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Linh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Trầm Cà Mau, Nguyễn Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyễn Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngự, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phương, Phan Tường Niệm, Bạch Xuân Phê, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tồn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyền, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viêt Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vỹ, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phương Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

Toàn BBT và quý cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :

Vô cùng thương tiếc Nhà văn HUY PHƯƠNG

tên thật là Lê Nghiêm Kính, sinh năm 1937, tại Huế, vừa qua đời lúc 4 giờ chiều Thứ Sáu, 25 Tháng Hai, tại nhà riêng ở thành phố Anaheim. Orange county, Hoa Kỳ.

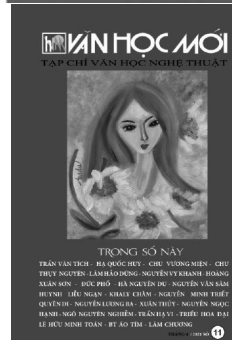
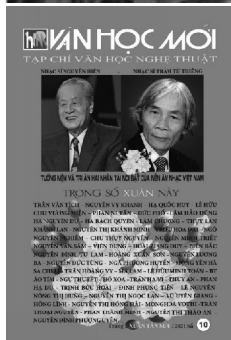
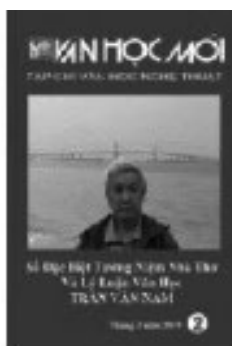
Hưởng thọ 86 tuổi.

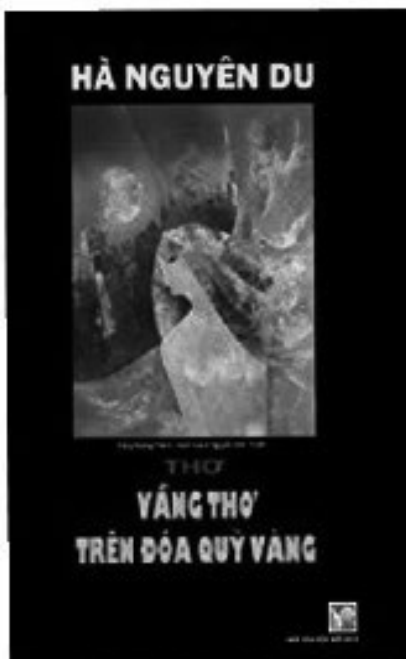
Trong những ngày cuối đời, phóng viên nhật báo Người Việt đã có cuộc trò chuyện với nhà văn Huy Phương. Ông với tay lấy tập thơ **“Chúc Thư Của Một Người Lĩnh Chết Già”** của chính mình, lật ra bài **“Chúc Thư,”** chỉ vào đoạn: *“Khi tôi chết ván hòm xin đặt nắp/ Có vui chỉ nhìn người lính chết già/ Hồ thẹn đã không tròn ơn nước/ Tiễn tôi đi, thêm phí một vòng hoa/ Hãy quên tôi, người lính già lưu lạc...”*



Chúng tôi Cầu hương hồn người quá cố an lạc nơi cõi vĩnh hằng

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Châm, Hà Nguyên Du, Quỳnh Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Hoài Ziang Duy, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyễn Lạc, Nguyễn Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Linh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Trâm Cà Mau, Nguyễn Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyễn Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phương, Phan Tường Niệm, Bạch Xuân Phê, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thu, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyền, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Huỳnh Võ, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phương Uyên, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...





Nhà Thuốc Tây

PROFESSIONAL PHARMACY WESTMINTER

7631 Westminster Blvd., Suite D, Westminster, CA 92683
P: (714) 893-2464 | F: (714) 893-4255
T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 2pm



Được sĩ Denise Lê và toàn thể nhân viên chân thành cảm ơn quý vị đã cho chúng tôi cơ hội được phục vụ trong nhiều năm qua, và mong tiếp tục được sự ủng hộ của quý vị trong nhiều năm tới.

Đến với nhà thuốc, quý khách sẽ được giúp đỡ tận tình.

Chúng tôi:

- Nhận mọi bảo hiểm
- Chích ngừa các loại
- Giao thuốc miễn phí đến tận nhà.

Được sĩ Denise Lê trân trọng kính mời

PROFESSIONAL PHARMACY

FAIRVIEW ST.

1002 N. Fairview St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 881-0012 | F: (714) 881-4321
T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 1pm



PROFESSIONAL PHARMACY

FIRST ST.

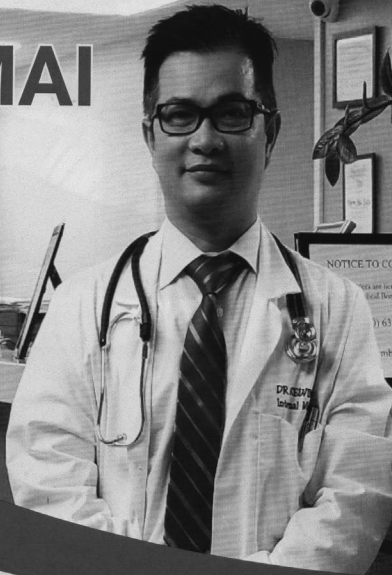
2339 W. First St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 278-4800 | F: (714) 278-4769
T2-T6: 9am - 6pm | T7: Đóng Cửa

DOCTOR OFFICE
KELVIN MAI
INTERNAL
MEDICINE



(714) 332-1069

Uy tín - Tận tâm



CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhồi máu, nám da...
- Trị theo dõi, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các loại...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu quả bằng bấm huyệt, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các loại siêu âm khác tại phòng mạch.

Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng

Địa Chỉ 1:

1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel: (714) 332-1069
Fax: (714) 709-4205

Giờ làm việc:

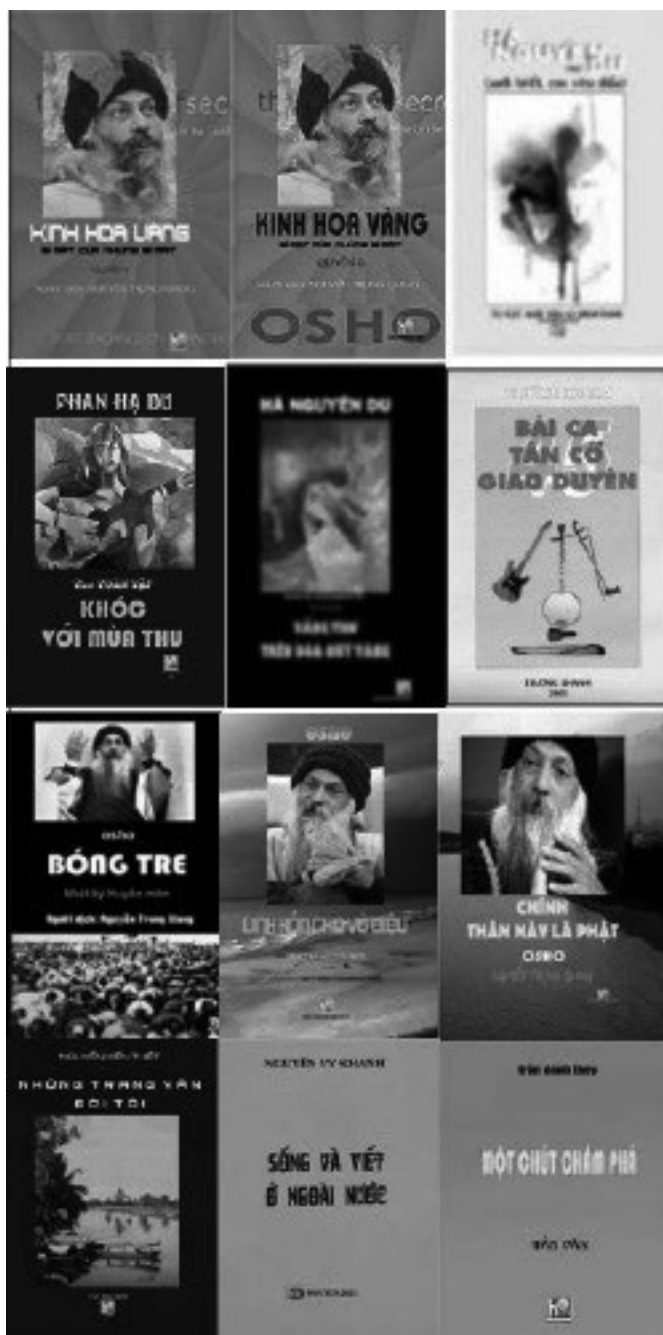
Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

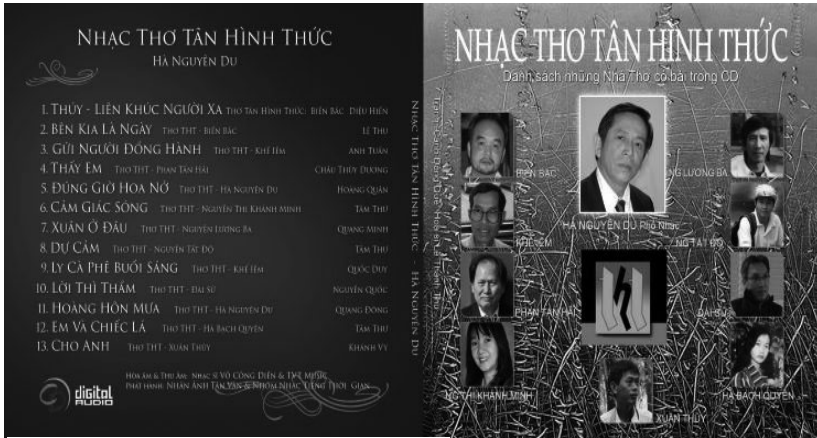
Địa Chỉ 2:

12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 332-1069
Fax: (714) 709-4205

Giờ làm việc:

Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM





Với những người ưa chuộng thi ca, thi thơ Tân Hình Thức, hầu như ai cũng biết, cũng nghe qua, đọc qua. Những “nhạc Tân Hình Thức” thì đây là lần đầu tiên tôi mới được Nhà thơ Hà Nguyễn Du cho nghe.

Hà Nguyễn Du là một trong những người tham gia sớm và cũng đầy mạnh phong trào thơ Tân Hình Thức, sau khi Nhà thơ Khế Iêm là người khởi xướng. Những phổ nhạc từ thể thơ này thì được biết, hẳn anh là người tiên phong. Thơ Tân Hình Thức vốn không dễ làm, nên nhạc Tân Hình Thức càng không dễ phổ thành ca khúc.

Vì thơ Tân Hình Thức như là một loại văn xuôi được cấu trúc dưới hình thức vắt dòng, phá cách, không vần điệu, theo ngũ ngôn, thất ngôn hay lục bát... mà thành. Cho nên khởi xướng thành nhạc từ thể loại này rất dễ bị ảnh hưởng vào cung cách của văn xuôi.

Tuy nhiên, thơ Tân Hình Thức cũng có nhạc tính nên khi phổ nhạc Hà Nguyễn Du đã cố gắng thoát ra khuôn sáo trường quy mà tạo được một hình thức tương đối mới là trong âm nhạc và lời ca. Đặc biệt, khi phổ nhạc, Hà Nguyễn Du chấp nhận để nguyên gốc, đã không sửa đổi hay thêm thắt chữ nào, ý nào từ bài thơ của các nhà thơ Tân Hình Thức.

Âm nhạc khởi lên từ thơ hình thức, ngôn ngữ và hình ảnh nghệ thuật của văn xuôi, nên lời ca được Hà Nguyễn Du khéo léo thấp cánh nâng lên, bay bổng bằng nhạc thuật. Đó gần đi nhưng đi thẳng vào tâm tưởng người nghe... **Nhạc sĩ Phan Ní Tấn**

Hà Nguyễn Du là một trong những người làm thơ nổi tiếng ngay từ trước 1975 và khi ra hải ngoại, với nhiều thi tập đã được xuất bản và được giới yêu thơ dành cho nhiều hảo cảm đặc biệt...

Thi sĩ còn ở trong cương vị của một người làm thơ Tân Hình Thức, với cung cách tích cực đầy mạnh phong trào, ngay từ khởi đầu tham gia.

Thơ THT vốn là một thể loại thơ mới lạ, khó đọc, khó làm vì phá bỏ phá luật, vì thế không phải ai cũng có thể tác tạo được một bài thơ – giống như một ma thuật huyền hoặc những tượng hình trong ngôn ngữ – nếu người làm thơ không phải là người có kỹ năng sáng tạo cao độ cả về thi ngôn lẫn bề dày kinh nghiệm sống sâu sắc trong cuộc đời.

Hà Nguyễn Du, gần như là người viết nhạc duy nhất đã thổi hồn nhạc thêu dệt nên những bài thơ nhạc qua thể loại Tân Hình Thức, mà không cần sửa chữa hay thêm bớt một chữ. Đó là biệt tài ngoại hạng mà không phải ai cũng có thể hoàn tất được.

Để chứng minh điểm son này, tôi nghĩ, những người yêu thơ, nhất là đối với thể loại thơ Tân Hình Thức do Hà Nguyễn Du phổ nhạc, rất nên tìm nghe CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức do ông miệt mài thiết kế suốt hơn 3 năm qua với nhiều thử thách cả về vật chất, kỹ thuật, lẫn tinh thần.

Nguyễn Hà - Nhạc sĩ / Kỹ giả / TB Sóng & Saigon Mới Magazine.

Viết về CD “Nhạc Thơ Tân Hình Thức” của Hà Nguyễn Du

Như mới đây tôi đã viết như sau về tập thơ anh sắp xuất bản: Xin trích:

Và cứ như thế, tôi lại kinh ngạc, khi khám phá ra thêm một phương diện nào khác về Hà Nguyễn Du. Thí dụ, khi biết rằng anh sáng tác nhạc, và cả ca khúc lại rất mực xuất sắc... Và, xin trích:

Có một điều tôi biết chắc rằng, đối với Hà Nguyễn Du, thơ là cơm hàng ngày để ăn, là nước hàng buổi để uống, và là khi trời trong từng khoảng khắc anh hít thở.

Thì nay, việc sáng tác nhạc của anh hòa nhập vào đời thơ làm thăng hoa cuộc sống khôn khó. Đây cũng là “khi trời trong từng khoảng khắc anh hít thở”.

Tôi chỉ là người nghe nhạc lâu năm, nên thấm ám trở thành thói quen... Vì thế tôi dễ nhận ra hay dở của một ca khúc...

Về thơ Tân Hình Thức là loại thơ không vần điệu, vô ngôn ngữ đời thường. Dù chỉ để đọc, nhưng Hà Nguyễn Du khám phá ra tính nhạc của nó không kém, so với thơ truyền thống. Từ đó, cách đây 3 năm cho tới nay, anh vẫn là người đầu tiên phỏng mình với nỗ lực để hoàn thành sứ mệnh “phổ nhạc thơ Tân Hình Thức” Với tâm niệm: Một khi đã được sự ủng hộ nhiệt liệt chưa từng có, của quí anh em là những Nhà thơ trẻ ở hải ngoại cũng như trong nước...

Thì dù khó khăn nào, anh cũng đi đến hoàn thành tốt đẹp, như hôm nay tôi có trong tay và đã nghe đi nghe lại nhiều lần. Tôi không ngại để nói lời khen như trích dẫn ở trên là “các ca khúc rất mực xuất sắc”. Tôi nghĩ, khi quý vị nghe thì sẽ có đồng nhận định như tôi.

Bởi, thơ THT là loại thơ khó làm khó hay, mà phổ nhạc lại càng khó hơn gấp bội.

Tuy nhiên, Hà Nguyễn Du vẫn không ngại, mà vẫn nỗ lực như người khởi đầu cùng mục đích với người khởi đầu xướng phong trào là Nhà thơ Khế Iêm. Quyết tâm đầu tư mạnh mẽ vào lưu lịch sử, thật mới mẻ, chưa từng có của thơ Việt là thơ Tân Hình Thức.

Và kỳ diệu thay, anh đã thành công, nổi bật nhất là anh “không sửa một chữ nào” Anh vẫn giữ nguyên bản gốc của các Nhà thơ, mà nhạc anh phổ, khi nghe qua vẫn hay như những ca khúc hiện hành... **Nguyễn Giác Phan Tấn Hải**

NXB VĂN HỌC MỚI
TRẦN TRỌNG
GIỚI THIỆU SÁCH ĐÃ ẤN HÀNH VÀ
GIÁ SÁCH BÁN TRÊN CỬA HÀNG AMAZON

oOo

1. Lối Khác - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$ 18.00
2. Anh Biết Em Yêu Dấu - Thơ Hà nguyên Du
Giá \$ 20.00
3. Gene Đại Dương - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$12.00
4. Vầng Thơ Trên Đóa Quỳ Vàng - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$20.00
- 5., Văn Học Mới số 1
Giá \$ 15.00
6. Văn Học Mới số 2
Giá \$ 18.00
7. Văn Học Mới số 3
Bìa mềm giá \$ 18.00 - Bìa cứng giá \$ 35.00
8. Văn Học Mới số 4
Giá \$ 18.00
9. Văn Học Mới số
Giá \$ 20.00
10. Văn Học Mới số 6
Giá \$ 20.00
11. Văn Học Mới số 7
Giá \$ 20.00
12. Văn Học Mới số 8
Giá \$ 20.00
13. Truyện thơ Thạch Sanh Lý Thông
- Nguyễn Văn Sâm
Giá \$ 15.00
14. Thơ Quỳnh- Hoàng Xuân Sơn
Giá \$ 18.00
15. Văn Chương Nobel - Scott Nguyen
Giá \$ 18.00

16. Con Đường Tâm Linh - Tập 1
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
17. Con Đường Tâm Linh - Tập 2
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
18. Bóng Tre
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
19. Chính Thân Đây Là Phật
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 17.00
20. Linh Hồn Cho Vũ Diệu
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 28.00
21. Nhịp Đập Trong Nhau -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$20. 32
22. Thôn Thức Nhau Từ Ấy -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$22.00
23. Thương Nhớ Người Dưng-Thơ Phan Hạ Du
Giá \$ 12.00
24. Dấu Mốc - Nguyễn Lương Ba
Bìa mềm giá \$ 12. 00- Bìa cứng \$ 25.00
25. Có Một Thời Ở Quê Hương Tôi - Phan Ni Tấn
Giá \$ 18.00
26. Ngòi Viết Lang Thang- Phan Ni Tấn
Giá \$ 30.00
27. Người Tôi Yêu- Phan Ni Tấn
Giá \$ 20.00
28. Tuyển Tập Thơ Đức Phổ
Bìa mềm giá \$ 20.00 - bìa cứng \$ 40.00
- 29 . CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức Giá \$10.00
30. Kinh Hoa Vàng tập 2 - bìa mềm - giá \$ 23.00
31. Khóc Với Mùa Thu - thơ toàn tập - bìa mềm giá \$25.00
32. Thơ Toàn Tập 1 Hà Nguyên Du - bìa mềm \$ 40.00 - cứng \$65.00



TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quý thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quý vị đã vì yêu mến VHNT nên không chút lo ngại khi nhiệt tình mua báo dài hạn.

Một niềm hạnh phúc nồng nàn đầy chất khích lệ là gia hạn sự ủng hộ cũng như tiếp tục đóng góp bài vở thường xuyên ... của quý tác giả, quý mạnh thường quân...

Tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quý vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách ...

1/ Những dự trù, những phương án cho tương lai VHM trong lúc này vẫn không thực hiện được, như thêm vào những tiểu mục cần thiết cho tờ báo có đầy đủ sắc màu ... Dù sự thật... vẫn chính là nội dung bài vở đóng góp có tầm cỡ hay giá trị đúng của một tạp chí VHNT hay không...

2/ Ngày càng có nhiều tác giả trong nước yêu cầu VHM phát hành xuyên địa lý, nhưng BBT chúng tôi tiếp tục vẫn một mực giữ giới hạn, vì những sự tế nhị và lòng tự trọng mang tính nhân bản đúng nghĩa ...

3/ Mỗi số phát hành của tạp chí Văn Học Mới đều dư bài vở, nhất là luôn có quý vị chiều cố gia hạn báo hoặc có thêm độc giả mới mua báo....

4/ Tác giả mới, trẻ, từ trong nước ngày càng có thêm người tha thiết với văn chương chữ nghĩa, nên họ gởi nhiều ... Tạo sự khó khăn cho tờ báo về phân chọn lựa bài tương đối, dù vẫn không có chi mới lạ. (Báo vẫn chủ trương tìm tòi, khám phá, nhưng vẫn chú trọng phần nâng đỡ những cây bút mới ...



Thể lệ gửi bài về



Gởi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email. Gởi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gởi báo khác. Nếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quý vị nên cho bốn báo hay biết. Nhất là **không nhận đăng bài đã đăng trên Facebook và không nhận bài vở viết tay...**

oOo

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quý vị có quyền gởi báo khác..

TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI:

PHÁT HÀNH 6 SỐ / NĂM

(Tức 2 tháng ra 1 số)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 30 của tháng thứ nhất

Gởi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 Email :

1/ hanguyendu@gmail.com

2/ vanhocmoi68@gmail.com

Ngân phiếu / chi phiếu xin đề:

HA NGUYEN

10291 Arundel Ave

Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn



Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.

Sẽ giao đến tận nhà quý vị. Trên
tinh thần ủng hộ quý Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com

hanguyendu@gmail.com



Hình bìa Tranh “đội chờ” của HS Lương Trường Thọ
Bìa & Nội dung: HÀ NGUYỄN DU

Copyright © 2021 vanhocmoi magazine.
All rights reserved

